N° 169 Février 1932

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CHÍNH-TRỊ NƯỚC PHÁP (1)

Chính-trị tuy chỉ là một cái trạng-thái của sự sinh-hoạt nước Pháp, nhưng cũng là cái hình ảnh linh-lợi và chân-chính của nước Pháp, bày ra một cái cảnh-tượng rất thú-vị cho khách bàng-quan, thú-vị mà một đôi khi cũng khiến cho mơ-màng không hiểu rõ là thế nào.

Nào là đảng nọ phái kia, tranh-đánh nhau ở nơi nghị-trường, ở trên các báo, lấy tài biện-thuyết mà phân thắng-phụ, giọng hùng-hồn của người Nam-phương — người phương Nam nước Pháp vẫn có tiếng nói giỏi, — làm cho cuộc tranh-biện thường có vẻ nồng-nàn: quang-cảnh ấy, dù náo-nhiệt cũng hứng-thú thay. Khách bàng-quan để ý xem xét, có cái cảm-giác hoạt động vô-cùng, dường như những người sống ở trong trường chính-trị đó thời mối thất-tình, lòng yêu-ghét đem đến cực-điểm mãnh liệt; thấy vậy mà tự mình cũng cồ-võ, như bị lôi bị cuốn vào trong cái phong-trào đó vậy.

Nhưng qua cái cảm-giác lãng-mạn lúc đầu đó rồi, bình-tâm tĩnh-trí lại, thời thấy phân-vân không hiểu cái ý-nghĩa của sự hoạt-động ấy thế nào, tự hỏi không biết cái bề ngoài hỗn-tạp những chính-kiến sai-biệt, đảng-phái phản-đối nhau đó, thời bề trong có phương-châm gì là nhất-định không, tiêu biểu được cho cái đời chính-trị vĩnh-viễn bất-dịch của nước Pháp không.

Như ở Anh, ở Mĩ, thời việc chính-trị xem ra giản-dị hơn nhiều; chỉ có hai đảng lớn, chia tay nhau ra cầm quyền, đảng nọ ra làm việc thì đảng kia đứng phản đối, dường như chế lại lẫn nhau, để giữ lấy cái thế quân-bình: ở Mĩ thời có đảng cộng-hòa (*républicains*) và đảng dân-chủ (*démocrates*), ở Anh thì có đảng lao-động (*travaillistes*) và đảng bảo-thủ (*conservateurs*), còn một đảng thứ ba là đảng tự-do (*libéraux*) thì nay không có thế lực gì nữa, chỉ là một đảng phụ để làm cái trợ-lực ở ngoài mà thôi.

Còn ở Pháp thì không giống thế: ngoài đảng cộng-sản (*communistes*) và đảng xã-hội thống-nhất (*socialistes unifiés*) ra, kể không có đảng nào gọi được là chánh-đảng lớn, có kỷ-cương, có thống-hệ, có phương-châm nhất-định, có tổ-chức phân-minh. Ngay như đảng cấp-tiến (*radicaux*) cũng không có kỷ-luật nghiêm gì; trong đảng vẫn có một phe tả một phe hữu, giới-hạn không rõ, tùy cơ-hội mà nay thiên về bên nọ, mai thiên về bên kia, không nhất-định. Trong các phái về bên hữu, phái lớn nhất là phái « Dân-chủ cộng-hòa liên-đảng » (*Union républicaine démocratique*) kể cũng không cho là một chánh-đảng chân chính được. Lại còn những phe những phái vụn-vặt phiền-phức, như là: « Xã-hội cộng-hòa » (*Républicains socialistes*), « Tả-đảng cộng-hòa » (*Républiques de gauche*), « Tả-đảng độc-lập »

(1) Xem bài Pháp-văn *La France politique* ở phần Phụ-trương.

(*Indépendants de gauche*), « Cấp-tiến tả-đảng » (*Gauche radicale*), « Dân-chủ xã-hội hành-động » (*Action démocratique et sociale*), « Cấp-tiến xã-hội tả-đảng » (*Gauche sociale et radicale*), v. v.., thì thật không hiểu rõ tôn chỉ chính-kiến khác nhau những thế nào. Những danh-hiệu đó phiền quá, chỉ đủ làm cho rối trí, không biết đường lối nào mà dò.

Tuy-nhiên cái đời chính-trị của nước Pháp vẫn bình-thường như các nước khác, không có gì là lạ-lùng cả. Nội-các đổ luôn, cứ vùn-vụt kế-tiếp nhau hoài, — có cái Nội-các chỉ đứng được mấy ngày, mấy tuần, — vậy mà cái đời chính-trị kia vẫn bằng-phẳng, tuần-tự, không có đụng-chạm, vấp-váp gì, như theo một cái điệu ngầm, nó không lộ ra ngoài, mà nó thâm-trầm, mầu-nhiệm, đúng nhịp với cái tâm-lý cố-hữu của người Pháp.

Vậy thời cái tâm-lý ấy thế nào? Cái điệu ngầm kia nó làm nhịp cho cái đời chính-trị của nước Pháp là thế nào? Đời chính-trị này sánh với đời chính-trị của các nước khác, có vẻ phiền-phức hỗn-độn, thời lý-do nó là thế nào? Sự hỗn-tạp bề ngoài đó, tựu-trung có phép-tắc gì chủ-trương không?

Văn-hào nước Đức GŒTHE đã có câu nói rằng: « Dù lộn-xộn như chốn địa-ngục, cũng còn có luật-pháp nữa là. . » Chính-trị nước Pháp, dù bề ngoài xem ra phiền-phức thế nào mặc lòng, tựu-trung cũng vẫn có phép-tắc chủ-trương.

Mới đây có xuất-bản một quyển sách bày tỏ các phép-tắc chủ-trương việc chính-trị nước Pháp, giảng giải thật là rõ-ràng gẫy-gọn lắm. Sách đề là « Biểu-đồ các chính-đảng nước Pháp » (*Tableau des partis en France*), tác-giả là ANDRÉ SIEGFRIED, và nhà xuất-bản là GRASSET.

Ông SIEGFRIED trước đã làm sách về nước Anh nước Mĩ, được thiên-hạ phục lắm, lâu nay chuyên-trị về chính-trị hiện-thời ở các nước *Anglo-saxons* cũng cả nước Pháp nữa, thật là một tay hướng-đạo thông-tỏ và chắc-chắn, để chỉ-dẫn cho ta biết mành-mối của chính-trị nước Pháp thế nào; những sự mâu-thuẫn, những điều bí-quyết trong trường chính-trị đó, ông đều khám-phá cho ta rõ, như cầm cái thìa-khóa mà mở rộng ra vậy.

Điều mâu-thuẫn thứ nhất là điều sau này, chính ông giải-thích bằng một câu rằng: « Nước Pháp là một nước dân-chủ, về lý-tưởng thì rất bạo mà về thực-sự thì lại ôn-hòa. Người Pháp là người đã được bằng-lòng mãn-nguyện cả rồi, về chính-trị thì thiên về bên tả mà về xã-hội thì vẫn bảo-thủ. » (*La France est une démocratie idéologiquement audacieuse et pratiquement tempérée. Les Français sont des gens satisfaits, politiquement à gauche, mais socialement conservateurs.*)

Tác-giả mấy lần nhắc đi nhắc lại về sự mâu-thuẫn đó, như nói rằng: « Trong tâm-lý người Pháp có một sự mâu-thuẫn thâm-trầm, ta nên chú-ý, là: về chính-trị thì quả tim họ để bên tả mà túi tiền vẫn bên hữu (*politiquement son cœur est à gauche, mais sa poche est à droite*). . . Mà thực ra thì người Pháp nào cũng có cái túi tiền cả. Thành ra vốn ưa thích những cái lý-tưởng cực-đoan, nhưng sớm trưa rồi cái tính cẩn-thủ, tức là cái bụng tư lợi nó cũng ngăn-cản lại. Ví như chàng Đông-ki-sốt mà bao giờ cũng có San-sô Ban-xa (1) theo sau, không dời một gót vậy. »

(1) Tên người trong bộ tiểu-thuyết trứ-danh của Tây-ban-nha đời xưa. Đông-ki-sốt, chủ-động trong truyện, là một chàng hiệp-sĩ dở hơi, chỉ mơ-màng những chuyện hão-huyền, nhờ có tên nghĩa-bộc là San-sô Ban-xa có tính vụ-thực thường ngăn-cản cho khỏi làm những sự cuồng-dại.

Còn cái thái-độ của đại-đa số quốc-dân Pháp thời tác-giả tả ra như sau này :

« Quốc-dân Pháp thì vững-vàng chắc-chắn vô-cùng, không có chuyển-động bao giờ. Bên hữu thì ông cố-đạo, bên tả thì chàng cách-mệnh, không để cho ông cố đạo chuyên-chế cũng không để cho chàng cách-mệnh lung-lạc được, vì một đảng thì không ưa cho ai chuyên-chế được mình, một đảng thì cái tính cẩn-thủ cũng không hứng những sự bạo-động, còn như cái chủ-nghĩa quốc-tế (*internationalisme*) mơ-màng thời cũng là trái với những thói thường tục cũ của mình, thành ra bấy nhiêu thứ đều không dung cả, mà tự đứng vào cái địa-vị quân-bình trung-lập... Thế cũng đủ làm một cái đảng dân-chủ lớn, đảng không có tổ-chức, mà vẫn tiềm-tàng vĩnh-viễn vậy. »

Cái đảng dân-chủ lớn đó,— vì dân Pháp vốn có tính tự-chủ, — là gồm cả toàn-thể quốc-dân, khôn-ngoan biết điều lắm, không có thiên về phái cực-đoan nào cả, dù bên tả hay bên hữu mặc lòng. Phái cách mệnh (*révolution*) hay phái phản-động (*réaction*), đều không dung cả. Nhưng cứ tâm-lý mà xét thì vẫn có hai cái khuynh-hướng nó lôi kéo về hai đàng, khi thì nánh về bên tả, khi thì thiên về bên hữu toại-thành gây ra một cái tình-trạng mâu-thuẫn như vừa nói trên kia.

Mâu-thuẫn là chính-trị-thượng thì khuynh-hướng về tả, mà xã-hội-thượng thì lại khuynh-hướng về hữu, nguyên-do nó là bởi cái cách thành-lập của quốc-dân Pháp : « Nước Pháp vốn là một nước gồm ba hạng dân mà thành ra : nhà quê, thuyền-thợ và kẻ chợ » (*la nation française est essentiellement une nation de paysans, d'artisans, de bourgeois.*) Một nhà làm sách, ông JOHANNET, đã giải-thích nước Pháp là một cái kho lớn để tạo-thành ra hạng người trung-sản, tức tiếng tây gọi là *bourgeois*, mà ta dịch là « kẻ chợ » (*La France est une immense virtualité bourgeosie*). Nhà quê, thuyền-thợ đều có cái hi-vọng làm người kẻ chợ cả, đều mong-mỏi cho được liệt vào cái hạng « trung-sản giai-cấp » (*bourgeoisie*) đó, là một giai-cấp rất có nền-nếp, rất biết cẩn-thủ, biết trọng kỷ-luật, biết tôn trật-tự, cho nên tự-nhiên không ưa những sự thay đổi bạo tợn. Hạng người đó tất phải có cái tính-cách bảo-thủ, là vì chính mình là một cái kho sức mạnh của quốc-gia.

Tác-giả nói : « *Bourgeois* nghĩa là thế nào? Tôi xin giải nghĩa như sau : *bourgeois* là người có của để dành (*c'est quelqu'un qui a des réserves*). Cái tâm-lý của hạng người này cũng phiền-phức lắm : phải-chăng biết điều, vừa có tính đa-nghi mà lại vừa có lòng danh-lợi, vừa khu-khu ích-kỷ mà lại vừa biết hi-sinh cho giai-cấp mình, vừa phụng-sự cái chủ-nghĩa vật chất mà lại vừa ham chuộng sự học-vấn cao xa. Nói tóm lại thì *bourgeois* là người muốn có của để được tự do, có tự do thì mới giữ được địa-vị trong xã-hội mà truyền lại cho con cháu về sau. »

Như vậy thời người Pháp có tính bảo-thủ là vì có cái tâm-lý *bourgeois*, cái tâm-lý « phú-ông », cái tâm-lý kẻ chợ, mà cái tâm-lý ấy thời ngay trong đảng xã-hội, trong đảng cộng-sản cũng nhiều người như vậy.

Một cái đặc-tính nữa của hạng *bourgeois* cũng như hạng nhà-quê và hạng thuyền-thợ — là ba giai-cấp lớn trong xã-hội nước Pháp, — là cái tính đa-nghi. Vì đã từng-trải khó-nhọc mới dần dần chiếm được địa-vị, thu được quyền-lợi, cho nên đối với hết thảy các đặc-quyền là cái di-tích của đời quân-chủ chuyên-chế trước, vẫn sẵn lòng ngờ, không có tin bao giờ, dù đặc-quyền ấy là thuộc về chủng-tộc, về tài-lợi, về tôn-giáo hay về thế-lực mặc

lòng. Cũng không tin cả những kẻ mượn đặc-quyền ấy mà thi-hành chính-sự nữa, dù những kẻ ấy là tự tay mình cử ra để làm việc nước mặc lòng. Bởi thế nên cái thái-độ chính-trị của người Pháp vẫn là thiên về phía tả, mà trái hẳn với cái khuynh-hướng xã-hội lại có tính thuần bảo-thủ.

Thái-độ ấy chẳng qua là một cách tự-vệ đối với hết thảy các thế-lực gì có thể thành ra đặc-quyền được. Về thực-sự thì theo như lời nhà trước-thuật ALAIN, thái-độ đó là một cách chống-giữ đối với kẻ cầm quyền, chứ không hẳn là muốn thực-lực cải-cách (*une résistance aux pouvoirs plutôt qu'une action réformatrice*).

Một người trong tiểu-thuyết của PIERRE MILLE đã có nói một câu rằng: « Việc cải-cách, nên nói chứ chớ có nên làm » (*Les réformes, il est bon d'en parler, mais il est imprudent de les faire*). Ấy nhiều người tự xưng là thuộc về phe tả, trong bụng cũng vẫn nghĩ như vậy. Không những là nói mình về phe tả, lại còn nói quá lên là « bao giờ cũng cứ tả mãi » (*toujours à gauche*), theo như câu khẩu-đầu của một phái nọ. Nhưng chỉ là không-ngôn thuyết-lý mà thôi; ra đến thực-sự thì hình như muốn xoay về hữu cả. Rút cục lại là một cái « tật đa-ngôn » (*logomachie*), cũng không khỏi sinh ra tệ-lạm.

Tuy-nhiên không nên nói quá: trong cái thái-độ chính-trị thiên về tả đó, « bao giờ cũng cứ tả mãi » đó, nó cũng có một cái gốc lý-tưởng cao-thượng, thuộc về bản-tính người Pháp; bản-tính người Pháp là cái tính duy-kỷ, cái chủ-nghĩa cá-nhân (*individualisme*).

Tác-giả nói: « Người Pháp trọng nhất là cá-nhân; ấy cái sở-trường cùng cái sở-đoản của dân Pháp là ở đó. Muốn cho được tự-chủ về đường tinh-thần (*autonome intellectuellement*), nên đồng-thời cái bản-năng thâm-trầm nó cũng xui-giục cho muốn được tự-chủ về đường kinh-tế nữa (*autonome économiquement*); làm sao mà có được một sở đất nhỏ, một cái nhà nhỏ, một ngôi hàng nhỏ, một cái vốn nhỏ để dưỡng-lão, đó là cái mộng của hàng triệu người ở nước Pháp ».

Ấy chính là vì muốn chiếm lấy, muốn giữ lấy cái quyền tự-chủ cá-nhân đó, cho nên người Pháp vốn tính bảo-thủ mà về chính-trị thường lại hay chủ-trương những cái thuyết cực-đoan. Chính là vì ham muốn được tự-kỷ độc-lập, cho nên cứ hay thiên về bên tả, « bao giờ cũng cứ tả mãi; nhưng không có đi quá » (*toujours à gauche, mais pas plus loin*), vì quá nữa thì thành ra loạn mất, mà cái tính vốn điều-độ cần-thủ giữ cho không khi nào quá được.

Tư-tưởng thì bạo-dạn, hành-vi thì ôn-hòa, ấy cái tính-cách người Pháp như vậy, thường xuất hiện ra trên trường chính-trị như nước trào khi lên khi xuống, khi xô về bên tả, khi lùi về bên hữu, mà không khi nào quá đến giới-hạn cực-đoan cả. Đảng-phái phân-biệt ra vẫn nhiều, nhưng tựu-trung vẫn chỉ có hai cái khuynh-hướng lớn đó, gọi là Tả (*la Gauche*) và Hữu (*la Droite*), Quốc-gia liên-đoàn (*Bloc national*), hay Tả-đảng liên-hiệp (*Cartel des gauches*), còn Trung-ương (*Centre*) chỉ là đảng phụ, để lâm-thời bổ-trợ cho bên nọ hay bên kia mà thôi.

Hay hơn cả là làm thế nào điều-hòa được hai cái khuynh-hướng đó, như trong Nội-các những bộ nào là thuộc về chính-trị (*ministères politiques*) thì giao cho người về đảng tả, những bộ nào là thuộc về kinh-tế (*ministères économiques*) thì giao cho người về đảng hữu, người đảng tả thì để chủ-trương những sự « cử-động làm tin » (*gestes symboliques*) cho bằng lòng cùng yên-ủi dư-luận hay sợ những cái

gì có tính-cách lung-lạc, người đảng hữu thì để dùng cách quản trị trì-thủ cẩn-thận, cho các phái có lợi-quyền cùng có thế-lực trong xã-hội được yên lòng vững dạ. Cách điều-hòa đó cũng khó, mới thấy làm thành được hồi Nội-các POINCARÉ cầm quyền tự 1926 đến 1929, là nhờ ở cái nhân-cách đặc-biệt của thủ-tướng POINCARÉ, nhân-cách ấy tác-giả phê bình mấy câu như sau này:

«Ông là một nhà chính-trị vào hạng những người mà từ hồi các bậc tiền-bối biết theo cái đại-nghĩa tùy-thời (*grands opportunistes*) đã khuất đi rồi, không còn có ai nữa: ông có tài kinh-quốc (*homme de gouvernement*), trong việc quản-trị thời rất cẩn-trọng, về tài-chính thời là người bảo-thủ, vậy mà đồng-thời vẫn có cái tinh-thần hướng về bên tả, duy có ôn-hòa phải-chẳng mà thôi, vẫn là một nhà cộng-hòa lão-luyện (*un vieux républicain*), đã đầm-thấm cái chủ-nghĩa thần-bí của đảng cộng-hòa, ai cũng biết rằng không khi nào chịu châm-chước với phái bên đạo (*cléricalisme*) cùng phái thủ-cựu (*réaction*). Thành ra dung-hợp được hai cái khuynh-hướng cũng lạ-lùng thay: người có của thì giao cho ông giữ thìa-khóa tủ bạc, mà kẻ nhiệt-thành thì phó cho ông hộ-vệ cho Dân-quốc (*les propriétaires pouvaient lui confier la clef de la caisse, et les purs la garde de la République*).»

Cái thái-độ chính-trị của người Pháp đó tức là tiêu-biểu cho cái tính-cách cố-hữu của dân Pháp, lại còn có một cái kết-quả như sau này nữa, là nước Pháp là một nước sung-túc, một mình cũng đủ tự-cung cho mình, không cần gì đến ngoài, dù cho đến thuộc-địa của mình cũng vậy. Cho nên tác giả nói rằng: «Vì thế mà nước Pháp chỉ ham việc nội-chính, không thiết việc ngoại-giao, có thiết đến cũng là miễn-cưỡng mới phải can-thiệp mà thôi. Nếu để một mình thời chỉ thiết đến mình mà thôi. Hiện nay có lẽ đó là cái trở-lực thứ nhất cho tư-tưởng nước Pháp không bành-trướng ra khắp thế-giới vậy».

Ta nói thêm rằng cũng vì cớ đó nên hiện nay đương có nhiều người cổ-động cho nước Pháp có cái «tinh-thần quốc-tế» (*mentalité internationale*), có cái «tinh-thần thuộc-địa» (*mentalité coloniale*), hay theo như có kẻ gọi một tiếng riêng là «tinh-thần đế-quốc» (*une mentalité d'empire*). Nhưng những cái tinh-thần hay những cái tâm-lý đó, có phải nhất-đán mà tạo-thành ngay thế nào được, cho nên sự cổ-động đó cũng khó lòng cho được hoàn-toàn thành-công vậy.

PHẠM QUỲNH

TRƯỜNG DẠY LÀM BÁO (1)

Làm báo ngày nay đã thành hẳn một nghề riêng, vào hạng gọi là «nghề tự-do» (*professions libérales*). Trước kia thời nghề làm báo thường lẫn với nghề làm văn; ngày nay hai nghề đã phân-biệt rõ-ràng: nhà báo không tất-nhiên là nhà văn, mà nhà văn cũng không phải tiện-thị là nhà báo ngay được. Nghề làm báo thật đã công-nhiên có tính-cách một nghề đặc-biệt.

Hồi đầu, nghề này mới xuất-hiện ra ở những nước văn-minh, có chế-độ

(1) Nên tham-khảo bài *Nghề làm báo*, của bản-chí đã đăng trong số 156.

tự-do ; ngày nay thời đã là một nghề phổ-thông khắp các nước trong thế-giới. Đã có thể-lệ, đã có phép-tắc phân-minh, gần đây lại có các hội nhà báo lập lên, có « Viện hiệp-tác về tri-thức » (*Institut de coopération intellectuelle*) thuộc về « Liên-đoàn lao-động về tri-thức » (*Confédération du Travail intellectuel*, viết tắt là C. T. I.) đương vận-động để lập thành điều-lệ chung cho nhà báo ở các nước.

Đồng-thời nghề báo về đường vật-chất, về đường tinh-thần, đã thay đổi khác xưa nhiều. Trong nghề báo lại có lắm chuyên-môn, cũng mỗi ngày một tấn-tới, như phép thông-tin, phép quảng-cáo, thực đã rất mực lanh-lợi hoạt-bát. Cái diện-mục cùng cái nội-dung tờ báo bây giờ cũng khác xưa. Bài xã-thuyết nghiêm-trang, bài thời-bình bóng-bẩy, không có giá-trị bằng những bài bàn xét về việc ngoại giao, việc xã-hội, việc kinh-tế, việc tài-chính. Cái lối *chronique* là lối đem văn-chương, đem trí-tuệ mà bàn chuyện thời-sự, những nhà viết báo trứ-danh đời xưa vẫn sở-trường, như những tay NESTOR ROQUEPLAN, AURÉLIEN SCHOLL, HENRI ROCHEFORT nước Pháp, nay đã mất dần đi hết. Viết báo bây giờ chỉ cốt viết lấy thực, lấy mau, không chuộng bề văn-chương nghĩa-lý nữa. Bởi thế nên nhà văn với nhà báo càng ngày càng xa cách nhau.

Nghề làm báo ở các nước bây giờ, không như năm-mươi năm về trước, chỉ là một cuộc tiêu-khiển, một việc tạm-thời của những người có tài văn-chương hay có trí dĩnh-ngộ, đem ngọn bút tinh đời mà bàn việc thời-thế. Nghề báo ngày nay phải cần đến những tay chuyên-nghệ, chỉ làm có một việc đó, và phải có những tài-năng, những tư-cách riêng về nghề đó. Như vậy thời phàm người làm nghề, cho được sành - sỏi thông - thạo, tưởng cũng phải có học mới được, không thể để phó mặc cả cho sự kinh-nghiệm riêng của từng người vậy.

Đã có nghề làm báo, phải có trường tập-luyện, phải có khoa chuyên-trị, tức như tây-ngạn nói : « có chức-vụ, tiện-thị tạo-thành ra cơ-quan vậy » (*la fonction crée l'organe*). Bởi thế nên kể tự ba-mươi năm về trước, đã có mấy tay đàn anh trong nghề báo ở nước Pháp xướng lên lập một trường dạy làm báo.

Tự năm 1898, ALBERT BATAILLE và PÉRIVIER đã chủ-trương muốn thực-hành cái ý đó. Chửa làm thành thì ông BATAILLE chết. Nhưng ý đó lại có người khác kế-tiếp ngay.

Năm 1899 thì lập ra « Trường dạy nghề làm báo » (*Ecole de journalisme*). Trường « Xã-hội-học tự-do học-hiệu » (*Collège libre des sciences sociales*), trong chương-trình cũng bắt đầu kể khoa học làm báo làm một học-khóa thường.

Năm sau (1900), Trường dạy làm báo dời trường Xã-hội-học tự-do học-hiệu mà chuyển sang trường « Cao-đẳng Xã-hội-học » (*Ecole des Hautes Etudes sociales*).

Làm đốc trường hồi đầu là CORNÉLY, rồi đến HENRI FOUQUIER. Thầy giáo thời mới những giáo-sư, những nghị-viên cùng những tay làm báo có tiếng. Ngay tự năm thứ nhì, các lớp học đã có vẻ phồn-thịnh lắm.

Như dạy khoa cận-đại-sử thì là ông SEIGNOBOS, giáo-sư trường Đại-học *Sorbonne*, khoa lịch-sử nghề báo thời là hai ông PIERRE MILLE và LUCIEN MAURY, là hai nhà làm báo trứ-danh đời nay. Lại hai nhà chuyên môn nữa dạy về nghề báo ở nước Nga và nước Mĩ. Một nhà luật-học dạy về luật-lệ trong nghề báo, một nhà mĩ-thuật dạy phép phê-bình về âm-nhạc (*critique musicale*).

Ngay tự hồi ấy, cách dạy học ở nhà trường đã định phương-châm rõ-ràng:

các khoa các lớp đại-khái chia ra làm hai phần đặc-biệt : một phần học phổ-thông, một phần học chuyên-môn. Thiên-hạ cũng cho sự dạy đó là có ích, nên ngay năm đầu trường học đã được năm chục người học. Về sau số thính-giả cứ mỗi ngày một tăng lên : năm 1904-1905, 126 người ; năm 1908-1909, 169 người ; năm 1909-1910, 222 người. Các khóa thi cũng mở ra nhiều lắm. Trước khi chiến-tranh thời ông HENRI GUERNUT, tổng-thư-ký Hội Nhân-quyền, hiện có chân Nghị-viện Pháp, làm tổng-thư-ký (*secrétaire général*) trường dạy làm báo, ông mời được lắm những tay danh-giả vào dạy các khoa ; nhà trước-thuật, nhà chính-trị, nhà sử-học, nhà kinh-tế, nhà luật-học.

Đọc những tên như sau này thì biết các thầy giáo là những người thế nào : EMILE BERR, ANDRÉ LEFÈVRE, MATHIAS MORHARDT, RENÉ PUAUX, BLUYSEN, PAWLOWSKI, LÉON CAHEN, SEIGNOBOS, ALBERT THOMAS, YVES GUYOT.

Trước khi chiến-tranh thời cái chương-trình dạy học ở nhà trường vẫn theo như tôn-chỉ đã nói ở trên kia : có một phần học phổ-thông, và một phần học chuyên-môn về nghề làm báo ; phần chuyên-môn lại chia ra làm ba ban : một ban về lịch-sử và luật-lệ của nghề làm báo ; một ban về phương-pháp chế-tác một tờ báo ; một ban tập thực-hành.

Chương-trình các khoa phổ-thông thời càng ngày càng rộng hơn trước, như : cận-đại sử, các chế-độ chính-trị xã-hội đời nay, những điều cốt-yếu về các vấn-đề ngoại-giao lớn, các chính-đảng phải khảo-sát nghiên-cứu cho rất tinh-tường. Các nhà chủ-trương về ban này đã giải-thích về các khoa dạy đó bằng một câu rằng : « Phàm điều gì trong sách không có là ở đây dạy cả » (*Est matière d'enseignement tout ce qui ne figure pas dans les livres*).

Lịch-sử nghề báo thời dạy làm mấy lớp, tường-tận lắm, cai-quát cả tự đời tị-tổ nghề này là THÉOPHRASTE RENAUDOT cho đến thời-đại nay.

Nhưng biết việc đời trước vẫn là có ích, mà biết việc đời nay lại còn cần hơn. Cho nên trường dạy làm báo cố dạy cho học trò biết những điều tinh-tường đích-xác về nghề báo đời nay. Chọn những tay sành nghề dạy về các vấn-đề như sau này : 1° Hiện nay ở Pháp và ở các nước khác, đứng chủ-nhiệm và đứng quản-lý một tờ báo phải thế nào ; cách sắp-đặt, cách in, cách gấp, cách vận-tải, cách bán phải thế nào ; người đứng chủ phải xuất vốn bao nhiêu, mong được lãi bao nhiêu ; kẻ biên-tập phải trả lương bao nhiêu, được hưu-bổng bao nhiêu ; — 2° Quyền-lợi nghĩa-vụ của nhà làm báo thế nào, không những quyền-lợi nghĩa-vụ đã chỉ-định trong luật pháp về nghề báo, lại quyền-lợi nghĩa-vụ do cái quan-niệm cao-thượng về chức-nghiệp, về danh-dự của mình nữa ; — 3° Thể-tài riêng của các bài đăng trong báo : luận-thuyết về chính-trị, về kinh-tế, về khoa-học, thám-phỏng (*reportages*), điều-tra (*enquêtes*), tạp-sự *faits divers*, không kể những điều cốt-yếu cần phải biết về cách đặt bài in, sắp chữ in.

Đó là những bài học về phương-pháp ; lại phụ thêm những bài tập thực-hành nữa : có các tay chuyên-môn chỉ bảo, học trò phải tập thảo những bài thông-thường, như báo một cái tin-tức gì, viết một bài thời-sự gì, hay biên một bài kỹ-thuật gì.

Nhưng trường dạy làm báo lại muốn kiêm làm một trường dự-bị cho cái đời làm công-dân ở một nước tự-do nữa. Bởi thế nên hồi trước cuộc Âu-chiến, cách dạy học ở trường là chủ-ý không những tạo-thành ra nhà viết báo sau này, mà lại giúp cả cho

những người muốn ra hành-động ở cái đời chung trong nước, lâm-thời cũng cần phải cầm đến ngọn bút viết, nghĩa là trường không những dạy người chuyên nghề mà dạy cả những tay « cao-hứng » (*amateurs*) ở ngoài nữa.

Chính vì cái mục-đích đó nên lại có lập ra một ban dạy về nghề diễn-thuyết trước công-chúng nữa. Cách dạy này cũng vừa lý-thuyết, vừa thực-hành, nhất-diện thời nghiên-cứu về lịch-sử các tay hùng-biện cổ-kim, nhất-diện thời tập nói ở chỗ đông người.

Muốn cho sự học ở nhà trường có giá-trị đối với công-chúng và đối với chủ-nhiệm các báo, thời học tốt-nghiệp trúng-cách cần phải có một cái nghi-thức để chứng-nhận. Vậy ngay từ năm đầu đã có đặt cuộc thi bằng một bài luận-văn có biện-thuyết (*soutenance de thèse*); đến năm 1910 lại đặt thêm một bài hạch viết và một bài hạch nói nữa.

Hạch viết thì thí-sinh phải thảo một bài báo tin-tức. Hạch nói thì có hai bài vấn-đáp: một bài về các bài giảng học trong năm, một bài về ba khoa dạy trong trường, tùy ý chọn.

Giữa buổi chiến-tranh, nhà trường cũng vẫn hoạt-động. Chỉ nghỉ có một năm 1914 mà thôi. Năm 1915 lại tiếp học, trước còn học một vài lớp thôi, sau dần dần lại mở thêm ra. Năm 1916 có đặt ra lớp dạy về nghề làm báo trong khi chiến-tranh, cùng dạy về các chủng-loại báo (báo chính-trị, báo thương-nghiệp, báo tài-chính, báo thuộc-địa, báo ở kinh-đô *Paris* cùng báo ở các địa-phương). Tuy-nhiên trong mấy năm chiến-tranh và sau chiến-tranh, các lớp học sánh với trước cũng có giảm đi nhiều. Mãi đến năm 1926 mới lại được phồn-thịnh như trước.

Năm 1928 thời ALBERT MILHAUD kế chân cho FERNAND HAUSER làm chánh hội-đồng coi việc dạy học ở nhà trường. MILHAUD vừa là nhà chính-trị, vừa là bậc giáo-sư, vừa là tay làm báo, thật là người hoàn-toàn tư-cách. Ông bèn mời vào dạy học ở trường nhiều tay nghị-viên có tiếng, thuộc về các đảng, như LOUCHEUR, DE MONZIE, CÉSAR CHABRUN, làm cho thanh-giá nhà trường lại tăng lên vậy. Các môn thuyết-lý cùng các môn thực-hành dạy ở Trường dạy làm báo và Trường dự-bị ra đời công (*Ecole de préparation à la vie publique*) tự trước hồi Âu-chiến, nay lại khôi-phục và khuếch-trương thêm ra nữa. Cách khảo-thí cũng sửa đổi lại; có bài thi viết, có bài vấn-đáp, có bài luận-văn. Trúng-cách về ban nào thì được bằng tốt-nghiệp về ban ấy.

Hồi năm 1911, các nhà sáng-lập ra Trường dạy làm báo tuyên-bố rằng chẳng bao lâu rồi các nhà viết báo sẽ ở trường này mà ra cả. Lời ước-vọng đó không được hoàn-toàn như ý. Ở Pháp, các chủ báo kén người biên-tập, vẫn cứ tùy sự giao-tế mà lựa chọn, chứ không cứ gì tốt-nghiệp ở trường ra, và phần nhiều các nhà viết báo vẫn còn theo câu ngạn cổ: « Cứ đập mãi rồi cũng thành thợ rèn » (*C'est en forgeant qu'on devient forgeron*), chứ không từng học chuyên-môn gì cả. Nhưng các báo bằng chữ Pháp xuất-bản ở nước ngoài, thời thường dùng những người có bằng tốt-nghiệp ở trường này hơn là người ngoài. Và trường hiện nay mỗi năm cũng vẫn được hơn trăm học trò.

HỒNG-NHÂN

THIÊN-TÀI LÀ GÌ ?

Những người có tư-cách lỗi-lạc, làm nên sự-nghiệp khác thường, người đời gọi là bậc thiên-tài, nghĩa là có cái tài đặc-biệt, tự trời bẩm cho. Nhưng đó là một cái danh-từ thông-thường, cứ cái nghĩa thiển-cận thì ai cũng hiểu, nhưng xét sâu-xa thì chửa chắc đã mấy người thấu-triệt được. Cái tài đặc-biệt của trời phú cho đó, nó phôi-thai thế nào, nó thành-lập thế nào, nó phát-siển thế nào, nó tác-dụng thế nào, rồi mà nó kết-quả thành những kỳ-công vĩ-nghiệp như thế nào, bấy nhiêu điều phân-tích cho rõ, nghiên-cứu cho tường, phải nhà triết-học chuyên-môn mới có thể khảo-sát được.

Nay chính có một nhà triết-học chuyên-môn khảo về vấn-đề đó, là ông J. Segond, tác-giả sách « Vấn-đề Thiên-tài » (*Le Problème du Génie*), ta nên nhân sách này mà thử trả lời cái câu hỏi : Thiên-tài là gì ?

Câu hỏi đó mới nghe thì tưởng là dễ-dàng, mà kỳ-thực rất là phiền-phức. Cái vấn-đề thiên-tài là một vấn-đề rất khó-khăn. Ông Segond nghiên-cứu về vấn-đề này, khám-phá được nhiều ý-kiến mới lạ, nay muốn tóm-tắt ra đây không phải là dễ. Xin cố theo cho đúng lý-thuyết cùng cả danh-từ của tác-giả mà lược-thuật sau đây.

Phàm sự-nghiệp của thiên-tài là khiến cho ta phải tôn-trọng, phải cảm-phục, vì nó siêu việt hơn ta. Tuy nhiên nó đối với ta, không phải là tuyệt-nhiên không có quan-hệ. Người ta ai cũng có cái bụng mơ-mảng, ham muốn những sự cao-xa, ai cũng có hoài-bão một cái lý-tưởng thâm-trầm, nhiều khi nó ngấm-ngầm, tự mình không biết. Kẻ thiên-tài là người diễn-xuất được cái hồn mơ-mảng của công-chúng đó, một cách sáng-sủa rõ-rệt, cho ai nấy trông thấy cũng phải phục, cũng phải chịu rằng đó chính là cái mình vẫn mơ-mộng xưa nay mà không làm được. Tác-giả gọi kẻ « dã-man » (*barbares*) là những kẻ không có cái lòng hoài-bão cao-thượng đó ; những kẻ đó thì không biết cảm thiên-tài ; nhưng có những kẻ đó mới lộ được cái bản-sắc của những người có hoài-bão kia, lấy chỗ thiên-tài làm cái mối đồng-cảm và để nhận kẻ đồng-điệu với mình.

Những thuyết lấy trí-tuệ mà giải-thích thiên-tài thì tức là phá thiên-tài vậy. Thiên-tài là có cái đặc-tính phi-thường, vô-khả tư-nghị, nếu cho là chỉ bởi sự tác-dụng của trí-tuệ mà thành được, chỉ dùng những phương-pháp thường mà có thể tư-lường được, thì là làm mất cái đặc-tính của thiên-tài, là không biết nhận-chân thiên-tài rồi. Thiên-tài là một vật đặc-biệt, không thể đo-lường được, bởi thế nên ta mới tự-nhiên cảm-phục, chứ nếu định được qui-mô phương-pháp, lượng được thể-cách trình-độ, thì ta còn có cái cảm-giác gì là nó cao-thâm siêu-việt hơn ta nữa.

Thiên-tài thường lộ ra ở mĩ-thuật : bức tranh khéo, pho tượng đẹp, bài văn hay, đã đến bậc tuyệt-phẩm, thời nó có một cái tính-cách siêu-việt lạ thường, tưởng không thể sao mà bắt-chước được, không lấy gì mà đo-lường được, không biết thế nào là tiến-bộ hay không nữa, vì không lấy cái gì làm tỉ-lệ được cả. Thật là khác với khoa-học, triết-học, kỹ-nghệ, có tuần-tự, có tấn-tới, có thể truyền-thụ được, có thể giải thích được. Cho nên người ta nói nhà làm văn tài, chứ không ai nói nhà triết-học tài. Nhà triết-học thời thâm-trầm, uyên-bác, có học-vấn, có tư-tưởng, chứ thực ra không gọi là thiên-tài được. Phàm thiên-tài thời

phải có sáng-tạo, mà sáng-tạo một cách khoái-hoạt thiên-nhiên, chứ có suy-nghĩ, có khám-phá chưa đủ.

Thiên-tài lại lộ ra ở tôn-giáo và ở cảm-tình nữa. Ở tôn-giáo thì tạo ra những mối tin-tưởng có sức mạnh chuyển-di thu-phục được lòng người; ở cảm-tình thì tạo ra cái lòng phấn-khởi dũng-dược, làm nên những sự-nghiệp anh-hùng.

Thiên-tài về mĩ-thuật, về tôn-giáo, về cảm-tình, ba loại đó cũng là ngang bằng nhau cả, vì cũng là tạo ra những cái báu vô-ngần ở đời. Nhà tài-tử, ông thánh-nhân, kẻ anh-hùng, trên cái biểu giá-trị của loài người, ba bậc ấy là bằng-đẳng nhau.

Nhưng nếu đem cái thiên-tài ra mà đo-lường, mà so-sánh, mà đối-chiếu, thì lại là làm hẹp mất nó đi, hạ nó xuống làm một cái nghệ-thuật, một cái khoa-học thường. Vì chức-vụ của trí-tuệ chỉ là để đối-chiếu cùng so-sánh các sự-vật với nhau vậy.

Nay nhà khoa-học cũng có khi cho là thiên-tài được, sánh với nhà tài-tử, ông thánh-nhân cùng kẻ anh-hùng được, là khi sáng-tạo ra một cái học-thuyết cao-siêu hay một cái kỹ-thuật tài giỏi nào. Khi ấy thời cái công sáng-tạo đó cũng là đặc-biệt, không thể lấy gì làm tỉ-lệ mà so-sánh, làm căn-cứ mà bắt-chước, không lấy trí-tuệ hay lấy cơ-giới mà đo-lường được.

Cho nên có thể nói phẩm tác-dụng của thiên-tài là không thuộc lẽ tiến-hóa, thoát-li ra ngoài thời-gian mà đặt vào trong cõi thiên-cổ. Tài-tử, thánh-triết, anh-hùng, không phải là thuộc về một thời-đại hay một trình-độ nào nữa, có một cái giá-trị tuyệt-đối thiên-cổ vậy.

Thiên-tài vẫn có trật-tự. Muốn biết thiên-tài hơn kém nhau thế nào, hay trong một bậc thiên-tài mà có lúc hơn lúc kém thế nào, thời chỉ có lấy tình-cảm mà xét về «phẩm», chứ không thể lấy trí-tuệ mà đo về «lượng» được. Người có cái tình-cảm tinh-nhuệ đó gọi là «người sành» (*connaisseur*). Người sành lại biết thưởng-thức cái tài thường (*le talent*) nữa, khi nó cao thời cũng có thể mãnh-liệt như thiên-tài mà khi thấp thời là cái kỹ-năng khéo-léo. Tài thường là cái tài có điều-độ, không cao-siêu quá mà vừa tầm với sức người. Bản-tính nó cùng với thiên-tài cũng là một, nhưng nó không xa-cách lắm với người ta. Vả lại cái bản-năng của thiên-tài (*génialité*), thời tựa-hồ như nó bàng-bạc khắp mọi nơi; có thể đột-nhiên xuất-hiện ở một người tầm-thường, mà chỉ chốc-lát không được bền. Cho đến cái thế-giới của con trẻ cũng có phảng-phất cái tiềm-lực của thiên-tài. Lại trong mỗi người ta, có lúc nhân một cái cử-động, một cái ý-hướng hay một cái cảm-tình ngẫu-nhiên, cũng thường lộ ra cái sức ngầm của thiên-tài đó. Vì cái nguồn sâu của nó là ở trong mỗi người, cho nên hễ thấy một sự hành-vi hay một sự chế-tác gì thực-hiện được cái thiên-tài ra rõ-rệt, thì ai nấy tự-nhiên nhận biết và cảm-phục ngay.

Dưới thiên-tài là cái tài thường; tài thường mà thông-thạo, lưu-loát, có tinh-xảo, có kỹ-lưỡng, gọi là «diệu-thủ» (*virtuosité*). Thiên-tài, tài với diệu hay là xảo, là cùng một cái bản-năng mà trình-độ có cao thấp khác nhau. Dưới nữa thời đến cái «thức» (*goût*) của người sành (*connaisseur*), tức là người biết tài. Người sành thì tự mình không sáng-tạo được, nhưng cũng cho là có tham-dự vào cái tài sáng-tạo được; cũng cho là đồng-thể đồng-loại với cái tài đó được, vì cũng có cái bản-năng, cái tiềm-lực của nó, duy không tự mình thực-hiện ra được. Không tự mình thực-hiện ra được, nhưng thấy thực-hiện ở đâu thì biết thưởng-thức ngay, và trong sự thưởng-thức ấy là

lấy mình làm tỉ-lệ mà suy-lường vậy. Tựa-hồ như tự nghĩ trong bụng rằng: Ấy mình vẫn mơ-màng tưởng-tượng như vậy mà nay người ta làm được hệt như cái mộng-tưởng của mình.

Như vậy thời thiên-tài là cái khí thiêng bàng-bạc trong mọi người. Có người lỗi-lạc chung-đúc được cái khí thiêng ấy mà thực-hiện ra rõ-rệt; đó là cái thiên-tài hiển-hiện. Còn thời là cái tiềm-lực phẳng-phất, tùy trình-độ mỗi người mà có cao-thấp khác nhau vậy.

Tác-giả đã giải-thích cái bản-chất của thiên-tài, bèn xét đến sinh-lý của thiên-tài (*physiologie du génie*). Trước xét về cái tính di-truyền (*hérédité*) có quan-hệ với thiên-tài thế nào. Di-truyền chẳng qua là dọn cái đất sẵn mà thôi; còn hoa thơm cỏ lạ có thể mọc ở cái đất ấy lên thì không phải ở di-truyền. Cái tính đặc-biệt của thiên-tài không phải bởi di-truyền, là bởi tự-tạo (*autogenèse*). Cái thai vẫn là chịu nhiễm di-truyền của cha mẹ, không những là thể-chất mà là tinh-thần nữa, sự truyền-nhiễm đó dẫu sâu-xa, nhưng không đủ sức tạo ra thiên-tài được. Chẳng thế sao cùng con một cha mẹ, cùng chịu di-truyền như nhau, mà có kẻ trí người ngu, kẻ tài người độn.

Thiên-tài là tùy ở cái sức chung-đúc (*cénesthésie*) riêng của từng người. Nhưng muốn phân-tích cho rõ cái công-phu chung-đúc ấy thế nào thì khó lắm. Theo ý tác-giả thì thiên-tài là một cái sức mạnh của thân-thể chứ không phải của trí-não (*une puissance du corps et non du cerveau*), là chung đúc cả cái tinh-túy của toàn-thể mà hình-dung tiêu-biểu ra một cách tuyệt-luân. Nhưng nếu như vậy thì phải cho thân-thể có một cái cá-tính đặc-biệt (*individualité caractéristique*), giải cho ra được cái cá-tính đó cũng khó lắm. Tác-giả cũng đồng-ý với nhà triết-học Hòa-lan SPINOZA ngày xưa nói rằng: «Hiện nay không ai biết được cái mãnh-lực của thân-thể nó đến đâu là cùng» (*Nul n'a su jusqu'à présent jusqu'où peut aller la puissance du corps*). Bởi cái tiềm-lực của thiên-tài là bàng-bạc trong cả thân-thể, nên cũng có chứng-tật như thân-thể, có khi phát ra những quái-trạng điên-cuồng. Thiên-tài không phải là không quan-hệ với sự phát-cuồng (*folie*), và cứ lấy sinh-lý-học mà xét thời cũng là một cái trạng-thái về thần-kinh-bệnh (*névrose*).

Như trên kia đã nói thiên-tài phát-hiện ra ở sự sáng-tạo (*invention*). Không có sáng-tạo thì không có thiên-tài được. Tác-giả giải nghĩa sự sáng-tạo là hai con đường khác nhau mà ngẫu-nhiên thích-hợp với nhau. Nhân phê-bình về cái thuyết sáng-tạo của văn-hào PAUL VALÉRY. Thuyết này cho sáng-tạo là gốc ở sự ngẫu-nhiên (*hasard*, xem như khi làm thơ thì biết, thường là ngẫu-hứng mà ra những điệu hay ý đẹp. Nhưng trong thiên-tài thời cái sức ngẫu-nhiên phải mạnh lắm (*une puissance supérieure du hasard*), và phải tác-dụng luôn-luôn, thành như sự thường vậy. Phàm tư-tưởng là gốc ở sự hỗn-độn, nghĩa là sự ngẫu-nhiên cả, không những tư-tưởng do cảm-động (*pensée émotionnelle*), mà tư-tưởng có kỷ-luật (*pensée rationnelle*) cũng vậy. Nay thiên-tài cũng thế: phàm thiên-tài cũng là gốc ở hỗn-độn, ở «một sự vô-lý vô-cùng mà vô-hạn» (*une absurdité infinie et virtuelle est au fond de tout génie*). Nhưng trong cõi hỗn-mang đó, cái trí phán-đoán của người ta phải kén chọn, phần nào hay thời dùng, phần nào dở thời bỏ; trong sự tác-dụng của cái sức ngẫu-nhiên, trí người phải biết phân-biệt, mà phải biết chủ-trương. Ấy thiên-tài chính là ở biết phân-biệt và biết chủ-trương sự hành-động của ngẫu-nhiên đó.

Tác-giả bác cái thuyết của VALÉRY, cho là giải-thích thiên-tài như vậy,

chính là tiêu-diệt thiên-tài rồi. Sự sáng-tạo có ý-thức không phải là sự sáng-tạo thâm-trầm, không phải là sáng-tạo của thiên-tài. Chỉ là một cách tác-dụng thường của thần-trí, không có cái đặc-sắc của thiên-tài. Tác-giả cũng đồng-ý với VALÉRY cho rằng phàm tư-tưởng là gốc ở hỗn-độn cả, và phải có trí phán-đoán mới chỉnh-đốn được sự hỗn-độn đó. Nhưng ông lại cho rằng trong thiên-tài vốn có một cái ngẫu-nhiên riêng (*un hasard intérieur et personnel*), nó bao-hàm rất nhiều tài-liệu, chung-đúc những tài-liệu ấy lại mà hình-dung ra một kiểu-cách đặc-biệt, ấy là tác-dụng của thiên-tài. Tài-liệu càng phong-phú, chung-đúc càng lạ-lùng, thời thiên-tài càng lỗi-lạc. VALÉRY nói rằng trong việc sáng-tạo vẫn phải có cái công tự-kỷ phê-phán (*autocritique*) ở đó, tác-giả cũng chịu thế, nhưng lại cho rằng sự phê-phán đó không có theo phép lý-luận thông-thường của đời, mà theo cái lý-luận đặc-biệt của thiên-tài (*la logique singulière du génie*) và tựu-trung cái phần phảng-phất mơ-màng (*les choses vaguet*) là phần VALÉRY gác bỏ ra ngoài, nó lại quan-trọng hơn là cái phần ý-thức sáng-sủa.

Thiên-tài không phải là kết-quả của di-truyền; cũng không phải là kết-quả của khí-chất (*tempérament*). Khí-chất chỉ là cái hình-dạng vật-chất của tâm-tính mà thôi. Thiên-tài có tiềm-tàng trong tâm-tính, nhưng đến khi thực-hiện thì siêu-việt ra ngoài cả tâm-tính. Thiên-tài không có thuộc gì ở di-truyền cũng ở khí-chất cả. Thiên-tài là tuyệt-đối tự-do, lúc nào cũng là sáng-khởi luôn luôn, mỗi khoảnh-khắc là đầy cả quá-khứ cùng tương-lai mà chung-đúc được hết cái mãnh-lực sáng-tạo, cho nên phàm tác-dụng ra là lạ-lùng mới-mẻ luôn, không lúc nào giống lúc nào, trước khi xuất-hiện không thể biết trước được là nảy-nở ra cái gì, nhưng tựu-trung vẫn có một cái thể-cách, một cái giọng-điệu chung làm cho thiên-tài có sai-biệt mà vẫn duy-nhất.

Thiên-tài không phải chỉ châu-tuần trong cõi nhân-sự mà thôi; thiên-tài xuất-hiện cả trong cơ-mầu tạo-hóa nữa, mà cũng là đồng-thể đồng-loại như nhau. Cơ-thể sáng-tạo ra thành giống vật, nhân-loại xuất-hiện ra trong muôn loài, đó cũng là tác dụng của thiên-tài, vì cũng là do một cái lý-tưởng chung của giống hữu-cơ sinh-vật (*idée organique*), cũng là theo một cái lý-luận mầu-nhiệm thiên-cổ (*logique immanente*) vậy. Cho nên cái thiên-tài về sinh-hoạt (*génialité vitale*) tạo ra cơ-thể, cái thiên-tài về bản-năng (*génialité instinctive*, thích-hợp với hoàn-cảnh, cái thiên-tài về tinh-thần (*génialité spirituelle*) sáng-tạo ra sự-nghiệp trong tư-tưởng loài người, trạng-thái có khác mà bản-chất cũng là một.

Sự tác-dụng của thiên-tài vẫn là một sự tác-dụng duy-lý (*activité rationnelle*), nhưng cái sức tổ-chức của thiên-tài không phải là một cái sức duy-lý, tức là một cái sức siêu-lý, vì là một cái sức tự-do sáng-tạo, tạo ra cái sức tác-dụng kia và tạo ra cả lý-luận của cái sức đó nữa. Muốn dùng chữ sách *Tính-lý* Tàu thì có thể nói thiên-tài không phải là *lý*, thiên-tài là *khí*, tác-dụng ra rồi mới có lý; lý là do thiên-tài tạo ra chứ không phải tạo ra thiên-tài. Thiên-tài là thuần tưởng-tượng (*imagination pure*); nhân tưởng-tượng sinh ra cảm-động, nhân cảm-động tạo ra một cuộc nội-tâm sinh-hoạt (*vie intérieure*), do thiên-tài tự chủ-trương, tự chi-phối. Thiên-tài là khí, không phải là lý, là tưởng-tượng không phải là suy-lý, cho nên thuộc về cơ-thể hơn là thuộc về trí-tuệ. Tác-giả nói dù cho đến cái thiên-tài của nhà học-giả coi ra nó có cái vẻ vô-ngã khác với thiên-tài nhà mĩ-thuật, mà tựu-trung vẫn có cái mối nhiệt-cuồng cảm-kích (*lyrisme*) là cái đặc-tính của kẻ sáng-tạo, vẫn là « một

cái mộng huyền-diệu để che lấp cho sự ham muốn của nhục-thể vậy» (*une fiction magique sous laquelle les appétits de la chair se déguisent.*)

Cốt-tử của thiên-tài là sự sáng-tạo. Gợi ra sự sáng-tạo là sự cảm-hứng (*inspiration*). Cảm-hứng là tự mình cảm-kích với mình mà tạo ra một cái thế-giới riêng. Có cách cảm-hứng ngầm, như nhà làm thơ khi cầm bút viết như mơ-màng, như mê-mẩn, như cái hồn thơ nó đưa đẩy, hay cái thần thơ nó sai-khiến mình, mình không phải tự chủ mình nữa. Tuy-nhiên, tựu-trung vẫn có phần công-phu riêng, mà phần này là có ý-thức lắm. Vả lại dụng-công cũng là một cách kích-thích, nhưng là cái kích-thích ở ngoài, chứ không thay được cái cảm-hứng ở trong. Nhân cảm-hứng mà sáng-tạo ra thành công, thời gây ra một cái tâm-lý điều-hòa khoan-khoái, thường nhận thấy ở những tay mĩ-thuật tuyệt-luân.

Những tay này thời biết kiểm-điểm và chỉnh-đốn cái công sáng-tạo của mình, cho nên gọi là những tay đã «thạo» (*maîtrise*) rồi. Nhưng cái cảm-hứng là nguồn của sự sáng-tạo đó thì vẫn là thuộc về vô-ý-thức, nó vẫn phảng-phất xa-xôi, chứ không thuộc người ta kiểm-thúc được. Cho nên cái công-dụng của thiên-tài hoặc có thể lý-hội được, chứ cái bản-thể của thiên-tài thì là vô-khả tư-nghị vậy. Mà cũng là lý-hội bằng tình nhiều hơn là bằng trí. Vì cái phạm-vi của thiên-tài là cái phạm-vi của tâm-tình (*ordre du cœur*, theo chữ của PASCAL), chứ không phải phạm-vi của lý-trí

Phạm-vi ấy biệt-thành hẳn một cái thế-giới riêng, khác với thế-giới bên ngoài. Cái thế-giới thiên-tài đó là cái không-khí riêng để giúp cho hun-đúc nên những nhân-vật thiên-tài cùng tác-phẩm thiên-tài. Vì thiên-tài phải có tu-dưỡng (*culture*) mới được. Dù xuất-hiện về tôn-giáo (bậc thánh-triết), hay về cảm-tình (bậc anh-kiệt), cũng phải có hun-đúc mới nên, có tu-dưỡng mới thành. Tu-dưỡng đây là tự-kỷ tu-dưỡng (*autoculture*). Không những kẻ thiên-tài, đại-phàm cá-nhân muốn hoàn-toàn phát-triển, cũng phải tự-kỷ tu-dưỡng cả. Nhưng muốn tu-dưỡng cho thành thì thiên-tài trước phải tự biết mình đã. Có nhiều khi là nhờ một sự tình-cờ ở ngoài, như gặp được một người biết thưởng-thức mà nói cho biết. Có lẽ cái thiên-tài thật lỗi-lạc, thời tự mình cũng biết tự nhận-chân mình, không phải nhờ đến cơ-hội ngoài.

Phép tự-kỷ tu-dưỡng là phải có kỷ-luật và phải biết khổ-hạnh (*ascèse*). Phải biết tự chế-ngự mình, ắt những cái tình-cảm lông-bông, phải có công-phu, phải có tập-luyện. Nhiều nhà mĩ-thuật, bề ngoài tựa-hồ như lười-biếng hay phóng-túng, nhưng tựu-trung vẫn phải có lao-cần. Thiên-tài mà biết tự-chủ như vậy là đúng với cái thể-cách cổ-điển lắm. Nhờ có tu-dưỡng mà tìm được những cái ảnh-hưởng lợi cho mình, như về mĩ-thuật thì khuynh-hướng về một môn hay một phái nào, để tiện có đường lối mà thực-hiện ra. Thiên-tài lại cũng tiêu-biểu cho cái đoàn-thể hay cái xã-hội của mình nữa, mà nhờ đó lại càng lộ thêm đặc-sắc ra.

Lại nhờ có tu-dưỡng, có tập-luyện, mà lập được lề-lối phương-pháp cho mình. Lề-lối phương-pháp ấy vẫn là phải có trí-tuệ, có ý-thức, vì là cái phần phương-tiện, cái phần «tiểu-thừa» của thiên-tài mà thôi, có thể đo-lường, phân-tích, so-sánh, phẩm-bình được. Cái thuyết duy-trí về thiên-tài là ở phần phương-tiện đó, giải nghĩa thiên-tài là một sự kiên-nhẫn lâu bền mà thôi (*le génie est une longue patience*), là không thấu-triệt được đến bản-thể của thiên-tài. Phần « đại-thừa » của thiên-tài thì vẫn là thuộc về vô-khả tư-nghị, không thể lấy trí mà đo mà hiểu được. Lại cho đến chính cái phần tiểu-thừa phương-tiện kia, nghĩa là cái lề-lối phương-pháp để giúp cho

thiên tài thực-hiện, cũng không phải là món phổ-thông, có thể truyền dạy cho mọi người được. Mỗi bậc thiên-tài có một lề-lối, một phương-pháp riêng, tự mình sáng-tạo ra, tiên-biểu cho cái khuynh-hướng thâm trầm của mình, đặc-biệt hẳn với lề-lối phương-pháp của người khác. Cho nên tác-giả nói rằng: «Muốn nghiên-cứu về thiên-tài, dùng lối biệt-sử đúng hơn là lối thông-sử, vì biệt-sử mới hiểu được cái thiên-tài đặc-biệt» (*Une monographie est plus vraie que l'histoire commune, parce qu'elle tient compte du génie singulier.*)

Kẻ thiên-tài có khi như quên mình để sáp-nhập vào cái «đối-tượng» (*objet*) của mình, tuy vậy mà không phải là đứng vào khách-quan bao giờ, bao giờ cũng vẫn là thuộc về chủ-quan cả. Thiên-tài là thực-hiện cái đặc-tính, đặc-sắc của mình ra, bao giờ cũng có vẻ «thượng-lưu» (*aristocratisme*), có vẻ chuyên-chế (*tyrannie.*) Thiên-tài là hiện cái chân-thân của mình, nhưng vì không thể hiện cho hoàn-toàn được, nên cứ theo đuổi hoài, băn-khoăn hoài, đau-đớn hoài, không bao giờ được bằng lòng mãn-nguyện. Cứ phải sáng-tạo hoài, cứ phải chung-đúc hoài, không bao giờ được yên. Chỉ khi nào có cái sức mạnh phi-thường tạo ra hẳn một cái thế-giới riêng mà biệt lập, quên bỏ hẳn mình đi mà chỉ sống ở trong cõi thiên-tài như trong cái không-khí thường, nhất-thiết cử-động, hành-vi, sáng-nghĩ, chế-tạo là theo một cái nhịp tuyệt-điệu cả, bấy giờ thời cái tình-trạng đặc-biệt thành cái cảnh-ngộ bình-thường, mà bậc thiên-tài như ông thiên-thần sống, sống ở đời mà như sống trong giấc mộng trường-xuân vậy. Nhưng cổ-kim có mấy bậc thiên-tài như vậy? Họa may có Phật Thích-già sau khi giác-ngộ hay sắp nhập Nát-bàn mà thôi.

Nói tóm lại thời thiên-tài là sáng-tạo, không phải mô-phỏng; là đặc-biệt, không phải phổ-thông; là duy-tâm, không phải duy-trí; là chủ-quan, không phải là khách-quan; là vô-khả tư-nghị, không phải giải-thích cùng phân-tích được, là cái của-báu của trời đất, do cái khí thiêng bàng-bạc trong vũ-trụ cùng trong người ta chung-đúc lại mà thành ra vậy.

THƯỢNG-CHI *biên-dịch*

Mấy lời cách-ngôn của Thủ-tướng Pháp Tardieu

L'optimiste conçoit la vie comme une perpétuelle revanche.

⁂

Souvent les jugements sommaires sont les meilleurs.

⁂

L'action met en jeu toutes les facultés humaines, mais les vertus qu'elle requiert d'abord sont les vertus du caractère.

⁂

En pays démocratique, il faut que les citoyens aient la connaissance complète des raisons de l'action nationale.

Người lạc-quan coi sự đời như một cuộc trả thù luôn.

⁂

Nhiều khi lời phán-đoán sơ-sài, thế mà lại là đúng hơn cả.

⁂

Hành động thời phải dụng đến tất cả các năng-lực của người ta, nhưng những đức-tính cần hơn nhất là những tính cương-quyết.

⁂

Ở nước dân-chủ, người làm dân phải biết cho tường các lẽ hành-động của quốc-gia.

*
* *

Faire mieux, c'est d'abord connaître ses fautes.

C'est ensuite, sachant où l'on a failli, savoir ce que l'on veut pour ne plus faillir et vouloir les conditions de ce que l'on veut.

* * *

Agir d'abord, parler ensuite. Voilà la bonne règle.

* * *

Les affaires, dans le dur monde où nous sommes, ne se règlent ni par le silence ni par l'optimisme des hypothèses. Il s'agit de se comprendre et, par la balance des intérêts, de s'entendre. Plaçons-nous sous le signe du fait, non sous celui de la légende.

* * *

Qui tient les jeunes tient l'avenir.

* * *

Si une idée, pour recruter, a besoin des élites, elle a, pour triompher, besoin des foules.

* * *

On n'épuise pas par l'analyse les ressorts des impulsions populaires. Dans toute action morale, c'est l'inexpliqué qui compte le plus.

* * *

Pas plus pour les peuples que pour les personnes, la mesure n'est la vertu de la jeunesse ; la discrétion est le plaisir plus raffiné de la maturité.

* * *

Chaque peuple obéit à une loi propre de formation nationale.

Sa constitution physique, le sens de sa vie morale, la substance de ses concepts collectifs, le rythme de sa croissance, le volume de son rendement, dessinent sa physionomie.

* * *

Quand on a ressenti, d'un cœur bien placé, les joies du pouvoir, on ne l'abandonne pas sans tristesse, mais lorsqu'on ne borne point son désir à la satisfaction des

* * *

Muốn làm cho hay hơn, trước phải biết lỗi mình đã.

Rồi đã biết mình làm ở đâu, bấy giờ phải biết nên làm thế nào cho khỏi lầm, và phải định cách thế nào cho làm được.

* * *

Làm đã, rồi nói sau. Ấy cái phép-tắc hay là đó.

* * *

Ở cái thế-giới khốc-liệt này, không phải cứ ngồi yên không nói hay ức-thuyết lạc-quan mà giải-quyết được công-việc. Phải hiểu biết nhau, châm-chước mối lợi mà thỏa-hợp lẫn nhau. Lấy sự thực làm chủ, đừng lấy chuyện hão-huyền

* * *

Thu được kẻ thanh-niên, ấy là nắm được cuộc mai-hậu đó.

* * *

Tư-tưởng muốn truyền-bá phải có kẻ thượng-lưu, muốn đắc-thắng phải cần đến công-chúng

* * *

Những sự kích-động trong dân-chúng không thể bày tỏ cho hết cả nguyên-nhân nó được. Phàm hành-động về tinh-thần, cái phần không giải ra được, ấy là phần trọng hơn nhất.

* * *

Dân tộc cũng như người ta vậy, tuổi trẻ không có biết sự điều-độ ; ôn-hòa cẩn-thận là cái phong-vị của tuổi lão-thành.

* * *

Dân-tộc nào cũng phải theo cái tôn-chỉ lập-quốc của mình.

Thể-chất của dân-tộc thế nào, con đường sinh-hoạt về đạo-lý thế nào, cái bản-chất những tư-tưởng chung thế nào, cái điệu tiến-hóa thế nào, cái sức hoạt-động thế nào, bấy nhiêu cái vẽ ra hình-dung một dân một nước.

* * *

Khi đã đem tấm lòng chánh-đáng mà hưởng cái thú cầm quyền rồi, thời bỏ mà về cũng buồn, nhưng nếu cái chí mình không chỉ ở sự công-danh mà

ambitions professionnelles, il n'est point de retraite qu'on ne puisse supporter.

∴

On doit la justice à ses adversaires.

Et c'est leur rendre justice que d'essayer de les comprendre.

∴

Pour faire les grandes affaires, mieux vaut — quand on a de l'étoffe — n'avoir pas connu les petites.

C'est aussi une infériorité que de se plaire aux victoires immédiates.

∴

L'élaboration progressive d'une loi internationale est l'entreprise la plus ardue qu'ait jamais abordée l'humanité. Combien de siècles ont été nécessaires pour qu'à l'intérieur de chaque nation se dégageât, par une lente victoire sur l'instinct individualiste, le réflexe d'obéissance aux lois !

∴

Il ne suffit pas d'être fort ; il faut savoir qu'on est fort. La puissance d'un peuple n'est pas faite seulement de ce qu'il peut, elle est faite aussi de ce qu'il veut.

∴

En matière de nationalité, on ne crée pas plus qu'on ne détruit par la force.

L'Alsace-Lorraine, la Pologne, la Bohême sont sorties de leurs tombeaux, parce que leurs âmes étaient restées vivantes.

∴

La seule unité profonde est celle qui existe dans les cœurs ; à cette unité-là, aucune main humaine ne peut toucher.

∴

Les démocraties ont besoin de savoir pour vouloir.

∴

L'équivoque, qui naît de l'ignorance, ne résiste pas à la clarté des faits. Enchaînés l'un à l'autre, avec leurs causes et leurs conséquences, ils infligent la lumière de leur

thôi, thì gặp lúc phải cáo lui cũng không có phàn-nàn gì.

∴

Đối với kẻ thù mình cũng phải công-bằng.

Cố mà hiểu họ, ấy là xử công-bằng với họ đó.

∴

Người có tài-năng thì muốn làm được công-việc lớn, đừng nên biết qua những công-việc nhỏ lại hơn.

Hay ưa những sự thành-công trước mắt, ấy cũng là một cái kém.

∴

Gây dần lấy một cái luật quốc-tế, đó là việc khó-khăn nhất mà nhân-loại thử làm từ xưa đến nay. Như trong một nước, dần-dần thắng được cái bản-năng vị-kỷ của mỗi người, mà gây được thành cái thói quen phục-tòng pháp-luật, phải biết bao nhiêu thế kỷ mới làm nên !

∴

Mạnh cũng chưa đủ ; phải biết rằng mình mạnh mới được. Sức mạnh của một dân-tộc không phải chỉ ở cái thể mình làm được, lại ở cái chí mình muốn làm nữa.

∴

Nói về dân-tộc, thì không lấy sức mạnh mà phá đi được, cũng không lấy sức mạnh mà tạo ra được.

Như hai châu Alsace-Lorraine, *nước* Pologne, *nước* Bohême, *chết rồi mà còn khôi-phục lại được, vì cái hồn nó vẫn sống*

∴

Sự thống-nhất thâm-trầm, duy có sự thống-nhất trong nhân tâm ; đối với sự thống-nhất đó thì không có tay người nào đụng-chạm đến được.

∴

Các nước dân-chủ phải có biết mới quyết được.

∴

Sự mập-mờ là ở sự không biết mà ra, đem ra đối với sự thực hiển-nhiên thì nó tan đi ngay. Sự thực nó có nhân có quả liên-lạc với nhau, nó sáng tỏ phân-minh, những chuyện mơ-hồ tích-lũy lại

critique aux légendes amassées et dégagent les lignes du réel.

∴

La critique qui prévoit le passé, a beau jeu contre l'action, qui doit escompter l'avenir.

∴

L'historien trahit sa tâche qui ne tente pas, au delà des faits, d'atteindre le ressort des âmes et des volontés collectives.

∴

Quand il s'agit d'un problème de salaires, ce n'est pas seulement la question technique, la question économique qui est en jeu, c'est aussi une question humaine, des hommes, des femmes, des enfants, pour qui ce salaire représente une nécessité ou ce supplément au nécessaire qui est le gage du confort familial ; une question qui requiert l'attention concentrée, l'attention tendre à la fois des exploitants et des pouvoirs publics.

Rien n'est plus partial qu'un intérêt menacé.

∴

Quand on essaie de jouer au plus fin avec moi, j'abats les cartes.

∴

De tout temps, les actes réfléchis de clémence, accomplis au moment apportun, ont affermi les pouvoirs qui savaient y consentir.

∴

Dans les décisions de justice humaine, le temps est un facteur qui compte. Telle peine qui peut sembler sur le moment légère, apparaît lourde, s'il faut la porter encore après des ans révolus. Et puis, le temps apporte avec lui des sentiments apaisants dont on ne peut négliger l'effet.

∴

Les événements politiques sont la traduction des crises morales dont l'âme humaine est le théâtre.

ANDRÉ TARDIEU

tự bao giờ cũng phải phá tan đi, mà cái chân-tướng sẽ lộ ra rành-rành.

∴

Bài-bác là đoán chuyện đã qua, hành-động là mưu việc sau này, bài-bác vẫn dễ lắm.

∴

Nhà làm sử nếu không biết thấu-triệt qua sự thực mà đạt tới chỗ tâm-hồn, chỗ ý-chí chung là động-cơ của sự-thực, thì không làm hết công-việc.

∴

Nói đến vấn-đề tiền công tiền lương, thì không phải là một vấn-đề chuyên-môn, một vấn đề kinh-tế mà thôi, chính là một vấn-đề nhân-đạo, là quan-hệ đến người ta, đàn ông, đàn bà, con trẻ phải cần đến tiền công tiền lương ấy để nuôi sống mình, và ngoài ra dư-dụ được chút-đỉnh cho yên-vui chốn gia-đình ; là một vấn-đề mà phàm người làm chủ, phàm kẻ cầm quyền phải chuyên-tâm chú-ý, phải để bụng nhân-từ vào mới được.

Người ta hễ thiệt đến lợi-quyền thì thành ra lòng thiên lệch ngay.

∴

Thiên-hạ mà muốn lộng-xảo với tôi ấy, thì tôi ngửa ngay quân bài cho xem.

∴

Đời nào cũng vậy, kẻ cầm quyền mà biết thừa lúc thích-đáng, thi-ân khoan-xá cho người ta, ấy là làm vững cái quyền của mình đó.

∴

Trong những việc kết án xử tội ở đời, thời-giờ cũng là một cái nhân-số có giá-trị. Như có cái tội ngay lúc bấy giờ thì cho là nhẹ, mà hết năm ấy đến năm khác, cứ đeo-đẳng mãi cũng thành ra nặng. Vả lại thời giờ qua đi, lòng người cũng yên-ổn lại, cái ảnh hưởng đó cũng nên lượng-xét.

∴

Những việc xảy ra về chính-trị là diễn-dịch những sự khủng-hoảng về tinh-thần, xảy ra ở trong tâm-hồn người ta.

VIỆT-NAM TỔ-QUỐC TUÝ-NGÔN

越南祖國粹言

(Những lời tinh-túy của tổ-quốc Việt-Nam)

Phàm những dân-tộc mà quốc-văn thành-lập sau khi đã thâu-thái và dung-hòa được một cái văn-hóa ở ngoài vào làm của mình rồi, thì ở đấy thường giàu những câu ngạn-ngữ phong-dao lý-thú lắm. Tức như ở Việt-Nam ta vậy.

Xét ra là vì trong một cái thời-kỳ mà những dân-tộc ấy còn đang thâu-thái và dung-hòa lấy văn-hóa ở ngoài, mà tự mình thì chưa có đủ chữ-nghĩa để làm sách-vở, sự học-vấn chưa kết-cấu ra được quốc-tính riêng, thì trong thời-kỳ đó thường nẩy nở ra nhiều những câu cách-ngôn bằng tiếng mẹ đẻ, giản-dị có vần dễ nhớ, để truyền-khẩu với nhau làm khuôn phép cho mọi sự tư-tưởng hành-vi phổ-cập thông-thường. Ấy tức là ngạn-ngữ phong-dao, mà tức là những lời tinh-túy tích-lũy di-truyền của tổ-quốc vậy.

Lấy nghĩa thường mà nói thì ngạn-ngữ phong-dao là những lời nói, những câu hát do phong-thổ tập-tục ở các địa-phương các thời-đại trong một nước lưu-truyền lại. Song lấy tinh-thần mà nói thì ngạn-ngữ phong-dao là những lời vận-ngữ, những khúc thi-ca nhỏ do ở quốc-tính ra chuộng riêng, ở sự kinh-nghiệm nhiều, ở sự sở-học, sở-đắc và sở-cảm mà phát-biểu ra. Mà phát-biểu ra như thế là để bổ-khuyết cho cái đạo-lý ngoài không thấu-đáo hết, để làm một môn học-thuyết không có sách, mà làm khuôn-phép cho sự tư-tưởng hành-vi phổ-thông hằng ngày. Tích-lũy lâu đời thành ra một bộ kinh quốc-hồn nhật-tụng của một dân-tộc, chỉ truyền-khẩu nhau mà hết thảy ai ai cũng tụng-đọc viện-dẫn đến luôn, ôi! há không đáng qui lắm ru!

Chúng tôi nói như thế không phải là quá ư tôn-sùng đâu. Đối với cái gì đã là quốc-túy mà chân-chính thì dù có tôn-sùng đến một cách quá-đáng cũng không sao. Nhưng mà không phải thế. Nay chúng tôi thử hỏi: Phàm những người đã có học ít nhiều chữ Hán hoặc chữ Pháp, thì cái bước đường xử-thế của những người ấy hằng ngày tất đều phải có một cái gậy để mà chống đi. Gậy ấy vị-tất đã toàn là hợp-cách cả, nhưng mà tất phải có, gậy ấy không phải là những học-thuyết về luân-lý, về phép-tắc trong sách Hán hoặc sách Pháp đó dư?

Còn những người vô-học, số này lại phần nhiều, chẳng biết chữ Hán, chẳng biết chữ Pháp, cũng chẳng biết học-thuyết gì của hai phái trên kia. Vậy người ta sẽ lấy cái gì làm gậy mà chống đi ở trên con đường xử-thế hằng ngày? Mà nào ai đã dám chắc rằng những cái tư-tưởng hành-vi của những người có ít nhiều chữ Hán hoặc chữ Pháp thì mới đúng mới hay, còn những tư-tưởng hành-vi của những người số nhiều vô-học trên kia thì là sai là dở cả chưa?

Đành rằng không có lý thuyết nào là toàn đúng toàn hay, hoặc toàn sai toàn dở cả. Song cái lệ ở đời là trước khi tư-tưởng hành-vi sự gì đều phải có viện-dẫn lấy một lý-thuyết gì đã có sẵn để làm căn-cứ. Ấy tức chúng tôi gọi là cái gậy chống đi trên con đường xử-thế đó. Thì chúng tôi thấy rằng những người số nhiều mà vô-học ở trong xã-hội ta, bất-kỳ đàn ông đàn bà, mỗi khi bàn việc gì, làm việc gì đều có viện lấy

một lý-thuyết đã có sẵn để làm căn-cứ cả, chứ không phải là người ta toàn-nhiên mờ-ám nói liều làm liều mà không có định lấy một cái tư-tưởng gì trước đâu. Xem như khi người ta dạy con thì tất nhắc đến rằng :

Bẻ không vin cả gẫy ngành ;

Khi bàn việc hôn-phối thì tất nói :

Ép dầu ép mỡ, ai nỡ ép duyên ;

Khi nói đến cách tu-thân xử-thế thì nói :

Ăn lấy sống, ở lấy sáng,
Khôn thì sống, bẵng thì chết ;

Lại khi bàn đến sự ơn-nghĩa thì đọc:

Ai mà phụ nghĩa quên công,
Thì đeo trăm cánh hoa hồng chẳng thơm!

Mấy câu ấy không phải là những ngạn-ngữ phong-dao thường thấy ở cửa miệng mọi người đấy dư? Há không phải là những lý-thuyết về thanh-niên giáo-dục, về hôn-phối tự-do, về cá-nhân, về xã-hội cả đấy dư? Mà nào có phải là mới có tự bây giờ. Ấy chính là cái gậy của những người bình-dân không học chữ Pháp chữ Hán họ vẫn chống để đi trên con đường xử-thế xưa nay đó. Nay thử đem mà so với những thuyết cùng tính-cách ấy trong Hán-học hoặc Pháp-học, thì đã chắc cái gậy nào khác và hơn cái gậy nào.

Tuy nói là của những kẻ vô-học thường dùng, song những kẻ có học chữ Hán hoặc chữ Pháp há lại không có lúc nào dùng đến một lý thuyết bản-quốc nào trên ấy, để làm căn-cứ cho sự hành-vi tư-tưởng hay sao? Coi đó thì những câu ngạn-ngữ phong-dao có nghĩa-lý chân-chính đều là những điển-cố, những kinh-truyện của một dân-tộc vậy. Mà kẻ nào thuộc được nhiều, hiểu thấu được ý-nghĩa và thực-hành được tinh-thần, thì dù không biết chữ Hán hoặc chữ Pháp cũng không gọi là vô-học được. Nghĩa là người ta không học bằng kinh-điển nước ngoài mà học kinh-điển trong nước, không học bằng chữ mà học bằng cách truyền-khẩu đó mà thôi.

Không những thế, xem những người đàn bà con gái không được học, thế mà khi họ chuyện-trò hoặc biện-luận với nhau, nếu lấy cách tốc-ký mà chép cho đúng thì thấy ở trong nhan-nhản những ngạn-ngữ phong-dao, khiến cho lời-lẽ có điển-cố và có văn-chương một cách tự-nhiên lắm. Thật có giá-trị hơn những cuộc bút-chiến bằng những lời văn viết phỏng theo lối văn ngoài mà không đúng mẹo nhiều lắm vậy. Bởi thế cho nên những áng văn quốc-âm của ta mà được gọi là kiệt-tác xưa nay, đều là những lối văn biết dùng và biết luyện lấy những lời ngạn-ngữ phong-dao cả. Đến ngày nay nhà làm tự-điển cũng lại phải bằng-cứ vào ngạn-ngữ phong-dao để giải nghĩa tiếng nói. Coi đó thì ngạn-ngữ phong-dao thực là cái tảng-móng tinh-túy cho cái nền quốc-học của ta, dù ta muốn thâu-thái bao nhiêu tài-liệu kiểu-mẫu về học-thuật của thế-giới để xây dựng nên cái lâu-đài văn-hóa hoàn-toàn tốt đẹp cho ta thế nào, thì trước cũng phải trông vào cái tảng-móng ấy có vững-vàng mới được.

Tuy-nhiên, ngạn ngữ phong-dao là vật sản-xuất và phát-đạt ra ở cái thời-kỳ chưa có sách chép, nên dễ sinh ra sai-xuyễn quên những đi. Đến nay có câu miệng thường nói mà không biết là nghĩa gì, có câu đầu nọ chắp với đuôi kia, có câu người này cho là nghĩa này, người khác lại cho là nghĩa khác. Gần đây có chữ quốc-ngữ, nên đã có nhiều nhà chịu khó sưu-tập lại được nhiều mà làm thành sách. Song những sách ấy đều thuộc về tính-cách biên-tập, chỉ cốt tìm góp lại cho đầy đủ mà thôi. Cho nên không những chỗ sai-xuyễn như trên còn để y-nguyên cả, mà nhiều những lời có nghĩa-lý hay cũng còn để lẫn cả vào với những

câu thô-tục hài-hước. Vì thế kẻ sơ-học khó phân-biệt hay dở, mà bao nhiêu những nghĩa tinh-túy, những lời ngọc vàng của tổ-quốc di-truyền tích-lũy bấy lâu không phát-dương sáng tỏ ra trên cõi học được.

Đối với những việc cần phải chỉnh-đốn cho ngạn-ngữ phong-đao của bản-quốc như trên ấy, chúng tôi không nề hủ-lậu, xin gia-công nghiên-cứu, đặt ra mấy phương-pháp rồi theo đó mà làm lần lượt như sau này.

1º — *Tuyển-trạch* — Phàm những câu về hài-hước thô-bỉ, hoặc những câu không rõ nghĩa, đều để lại mà chỉ lựa chọn lấy những câu có ý-nghĩa tinh-túy và rõ-ràng, rồi sẽ phân loại và chú-giải bình-luận cho tinh-tường.

2º — *Phân-loại* — Xét ra ngạn-ngữ phong-đao của ta tuy nhiều mà bất-ngoại có ba loại, là : luân-lý, qui-tắc và mĩ-cảm. Vậy chia làm ba thiên, như những câu khuyên răn người ta đối với bản-thân, với gia-tộc, với quốc-gia cùng xã-hội thì để vào một thiên là thiên « luân-lý » ; những câu dạy người ta lấy đấy mà suy ra để làm việc thì để vào một thiên là thiên « qui-tắc » ; những câu tả-tình tả-cảnh một cách hay-ho xinh-đẹp, có ý-vị nên thơ, thì để vào một thiên gọi là thiên « mĩ-cảm ». Trong mỗi thiên lại tùy tính-chất mà chia ra từng tiết-mục.

3º *Chú-giải và bình-luận* — Lựa chọn và phân-loại rồi, bấy giờ mỗi câu hoặc mỗi bài có tiếng nào khó hiểu thì chua nghĩa đen vào, có ý nào thâm thì lược giải cho sáng tỏ ra, có nghĩa nào giống hoặc là khác với những lý-thuyết Đông Tây thì lạm-bình vài lời cho thêm tinh-thần thú-vị.

Chúng tôi làm như trên ấy, một là cầu cho cái tinh-thần văn-hóa cũ của ta phát-dương ra, hai là cũng nhân thể để tiện cho kẻ sơ-học dùng làm từng bài học giáo-khoa thuộc lòng trong nhà trường.

Học-vấn là bởi cái công tích-lũy mà thành, không phải một hai người, một đôi lúc mà nên ngay được. Vậy dưới này có chỗ nào sai lầm, xin các bậc bác-nhã vì nền văn-hóa cũ của tổ-quốc mà phủ-chính lại cho.

ĐÔNG-CHÂU và ĐỖ-NAM

. .

Luân-lý thiên thứ nhất

I. — *Tự-thân*

1) Ngày nào em bé cỏn-con,
Bây giờ em đã lớn khôn thế này.
Cơm cha, áo mẹ, công thầy,
Nghĩ sao cho bõ những ngày ước mong.

Đây là lời khuyên người học trò phải biết ơn mà siêng học.

Cha mẹ nuôi con, khi còn bé thì ước mong cho lớn cho khôn, lớn khôn thì cho đi học mà ước mong cho thành người hay. Thế-giới ngày nay, quyền giáo-dục đều thuộc về Nhà-nước, thì Nhà-nước là thầy. Nhà-nước hết sức mở rộng nền giáo-dục cho quốc-dân, ước mong cho nước được nhiều người giỏi. Thế thì mình phải học-hành làm sao cho thành-đức, có ích cho nước nhà, thì mới bõ những cái công ơn của cha mẹ nuôi nấng, thầy dạy bảo, và đều ước mong cho mình thành người hay, người giỏi từ những ngày nào đến nay, lại từ nay về sau nữa.

. .

2) Làm trai quyết chí lập thân,
Cương-thường giữ lấy có phần hiển-vinh.
Gái thì giữ lấy chữ trinh,
Siêng-năng chín-chắn trời dành phúc cho.

Cương 綱 là cái giường, tức là cái dây to ở mép lưới. *Thường* 常 là lẽ phải hằng ngày. Tóm lại cương thường là những điều luân-lý thiết-yếu hằng ngày.

Hiển 顯 là rõ-rệt, hiển-đạt. *Vinh* 榮 là vẻ-vang. Không những làm nên phú-

qui mới là hiển-vinh, mà chính là hễ có danh thơm để đời thì tức là hiển-vinh mà mới là hiển-vinh thực.

Trinh 貞 là bền mà sạch, chính-đáng không thất-tiết. Là một đức rất qui của con gái đàn-bà.

Trời là lý tự-nhiên, lẽ tất có.

Đây là lời khuyên trai gái đều phải tu-thân lập-chí. Gia-tộc, quốc-gia, xã-hội, thế-giới là những mối cương-thường luân-lý của đời người, trai phải giữ mà gái cũng phải giữ. Có trọn vẹn được mới là người ; mà để được công-đức, được danh thơm thì lại càng hiển-vinh. Song về phần gái thì lại còn phải giữ đức trinh là đức quan-hệ nhất trong đạo tu-thân, vì nó là cái phẩm-giá trong-sạch của nữ-lưu, là sự quan-hệ tông-thống của gia-tộc.

∴

3) Khuyên đừng trai gái hoang-toàng,
Khuyên đừng chè rượu nữa mang tiếng
Cũng đừng cờ bạc đua chơi, [cười.
Sao cho sự-nghiệp ra người trượng-phu.
Làm sao nên tiếng danh-nho,
Thần trung tử hiếu để cho khen cùng.

Trượng-phu 丈夫 là người con trai có khí-phách lỗi-lạc.

Danh-nho 名儒 là nhà học-giả có sáng-kiến về nghĩa-lý, có sự-nghiệp về trước-tác.

Thần 臣 nghĩa cũ là bầy-tôi, đầy-tớ của vua. Nghĩa mới là người dân ra làm việc cho nước. Như nói *thần-dân* nước Mĩ, nước Mĩ không có vua thì thần-dân là những người dân làm việc nước với những người dân thường của nước ấy. Vậy thì chữ *thần* ngày nay là bầy-tôi, đầy-tớ chung của nước.

Trung 忠 là hết lòng với bổn-phận. Vậy *thần trung* là người dân làm việc nước mà hết lòng với bổn-phận, nhất là lúc khó-khăn.

Tử 子 là con. *Hiếu* 孝 là thảo-kính cha mẹ, làm vẻ-vang cho danh-tiếng của cha mẹ. Vậy *tử hiếu* là người con thảo-kính cũng là làm vẻ-vang đến danh-tiếng cha mẹ.

Đây là lời khuyên kẻ học-trò phải giữ nết cho cẩn-thận mà lập-chí cho lớn-lao. Thường-thường nhiều người học rộng tài cao ra làm việc công mà bị ba cái bệnh *trai gái, rượu chè, cờ bạc* nó làm hại, cũng phải đến thân-danh bại-hoại, sự-nghiệp đổ tan. Thế mà kẻ còn làm học-trò mà cũng đã mắc vào ba cái bệnh ấy thì còn học làm sao cho thành, mà còn mong gì những sự-nghiệp của đấng trượng-phu như là thần trung với tử hiếu !

∴

4) Làm người phải biết tiện tần,
Đồ ăn thức mặc có ngần thì thôi.
Những người đói rách rạc-rời,
Bởi phụ của trời làm chả nên ăn.

Đây là lời khuyên về tiết-dụng.

Tiện-tần là tiêu dùng cho có ngần, có chừng mực, vừa độ. Khác với nó thì lại là bần là lận, không phải là đức tốt. Trái với nó thì lại là hoang-phí, là một nết hư. Thế mới biết tần-tiện thực là một đức rất qui của cá-nhân và đoàn-thể. Nhất là về sự ăn sự mặc lại càng phải lấy đức tần-tiện làm cốt.

Của trời sinh có chừng, sức người kiếm được có hạn, thế mà nhiều kẻ không nghĩ, đua nhau hoang-toàng xa-xỉ, chuộng lạ tham thanh, chuốc-móc lấy những đồ ăn thức mặc ở mãi xứ khác phương xa, để cầu lấy hãnh-diện. Khiến cho thổ sản bỏ bê, nguồn lợi chung cạn hao, trước một thân một nhà đói rách rạc-rời, sau đến cả nước cũng lây cái vạ bần-khốn, thật là phụ của trời mà làm chả nên ăn, chứ trời có riêng gì ai.

∴

5) Cát bay vàng lại ra vàng,
Những người quân-tử dạ càng đinh-
Đinh-ninh ta để dạ này, [ninh.
Có công mài sắt có ngày nên kim.

Đây là lời khuyên về đức kiên-nhẫn.

Vàng ở lẫn với cát, nhưng cát vẫn ra cát mà vàng vẫn ra vàng, chớ không

pha đổi nguyên-chất với nhau được. Lòng người quân-tử cũng đinh-ninh như thế. Dù có ở vào hoàn-cảnh nào cũng không chịu để cho hoàn-cảnh ấy lấn áp được mình. Mà đinh-ninh kiên-nhẫn như thế là cốt cho thành được chí-nguyện của mình. Cũng như mài thoi sắt để làm cái kim khâu, thì biết bao nhiêu là công-phu, thế mà người quân-tử cũng không ngại. Cổ có câu : « *Thế-thượng vô nan-sự, nhân-tâm tự bất kiên* 世上無難事。人心自不堅». Napoléon nói : « *Khó là một tiếng của kẻ ngu nó dùng* ». Đều có cái chí-khí của người quân-tử cả

∴

6) Tập-quán thành tự-nhiên.

7) Tập dữ tính thành.

8 Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

9) Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng.

Tập-quán 習慣 là tập quen. Tập làm mãi, quen đi rồi thành ra tính tự-nhiên.

Tập dữ tính thành 習與性成. Tập với tính thành như một.

Bốn câu này nói về tập-quán có quan-hệ cho đức-tính người ta. Người Tây cũng nói : « Tập-quán là thiên-tính thứ hai » (*L'habitude est une seconde nature*). Cho nên cái hay làm mãi cũng quen mà cái dở làm mãi cũng quen. Quen thì thành tính tự-nhiên. Vậy kẻ tu-thân phải biết mà luyện tính.

∴

10) Người một ta mười, người mười ta cũng được một.

11) Người có chí ắt phải nên, nhà có nền ắt phải vững.

12) Dù ai nói ngược nói xuôi,
Ta đây vẫn giữ đạo trời khăng-khăng.

13) Có thân phải khổ, có khổ mới nên thân.

Nói về công-phu làm việc, người ta làm một phần mà được thì ta làm bội lên mười phần. Như thế tất đến khi công-hiệu được thành, người ta được mười phần thì ta kém cũng được một phần. Câu này giống với lời Tử-Tư trong sách *Trung-dung* nói rằng : « Người làm một phần mà được thì ta làm trăm phần ; người làm mười phần mà được, ta làm nghìn phần. Quả làm như thế được, tuy ngu tất sáng, tuy hèn tất mạnh ».

Đạo trời là lẽ phải, lẽ đương-nhiên như thế.

Bổn-phận người ta đối với bản-thân, với gia-tộc, với quốc-gia xã-hội, sao cho đầy đủ, không phải là dễ mà thực cũng là khó thật. Song có chịu nổi những cái khổ đó mà làm hết bổn-phận mới nên cái thân người hoàn-toàn nhân-cách.

. . .

14) Dễ-dàng là thói hồng-nhan,
Càng cay-nghiệt lắm càng oan-trái nhiều.

15) Chim khôn tránh lưới tránh dò,
Người khôn tránh chốn ô-đồ mới khôn.

Hồng-nhan 紅顏 là má hồng, chỉ về đàn bà.

Oan-trái 冤債 là oan-khuất và nợ-nần.

Đây là lời răn người đàn bà.

Đàn bà vốn tính dễ-dàng nhân-từ, vậy đối với ai chớ có bỏ cái tính tốt trời phú cho ấy đi mà theo thói cay-nghiệt, thì cái cay-nghiệt ấy tức là oan-trái rồi nó sẽ trả lại cho mình.

Ô-đồ là không có thứ-tự hỗn-hào, chốn ô-đồ là chỗ vô-lễ vô-phép. Chốn ô-đồ đành bẫy người khiến cho hư thân cũng như lưới dò đành bẫy chim làm cho chim chết.

. . .

16) Cá không ăn muối cá ương,
Con cưỡng cha mẹ trăm đường con hư.

17) Cá không ăn muối cá thối,
Người không ăn lời người hư.

Lời giáo-huấn thấm vào mình người ta cũng như muối thấm vào mình cá. Cá mắm có thấm được nhiều muối mới

không ươn không thối ; người ta có thấm-thía được nhiều lời giáo-huấn hay của cha mẹ thầy bạn cùng trong sách-vở thì mới nên người tốt. Hai câu này đều dạy về cách tu-thân của kẻ thiếu niên. Cho nên về luân-lý tu-thân của Thái-tây đối với kẻ còn thiếu-niên cũng phải lấy « dễ dạy », « vâng lời » làm trọng.

II — Gia-tộc

1 — Đối với cha mẹ

(Cha mẹ đẻ, cha mẹ chồng, cha mẹ vợ)

18— Công cha như núi Thái-sơn,
Công mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Thái-sơn 泰山 là một cái núi to nhất ở đông-bắc nước Tàu.

Đây là nói về công cha mẹ to như núi, sâu như nguồn. Vậy kẻ làm con phải thờ kính cha mẹ cho tròn chữ hiếu mới phải đạo. Trong sách *Hiếu-kinh* của Khổng-tử giảng về chữ *hiếu* có ba nghĩa là : « Bắt đầu là tu được thân mình. Giữa là nuôi được cha mẹ. Sau cùng là làm nổi danh-giá mình mà vẻ-vang đến cha mẹ ». Xem thế thì trong ba nghĩa ấy, tùy tài-đức, tùy cơ-hội làm trọn được nghĩa nào cũng là *hiếu*.

. . .

19) Xin người hiếu-tử gắng khuyên,
Kịp thời nuôi-nấng cho tuyền đạo con.
Kẻo khi sông cạn đá mòn,
Thơ Nga ngâm đọc có còn thấy chi.

Kịp thời là khi con vừa thành-lập thì cha mẹ vừa già-cả yếu đuối không còn đủ sức tự sinh-hoạt được.

Sông cạn đá mòn là ví cha mẹ chết.

Thơ *Lục-nga* 蓼莪 ở kinh *Thi* nói về công-đức cha mẹ có chín điều vất-vả khó-nhọc, gọi là chín chữ cù-lao, là : « *Sinh ngã* 生我 = sinh ra ta ; *cúc ngã* 鞠我 = nuôi ta ; *phủ ngã* 拊我 = vỗ-về ta ; *súc ngã* 畜我 = bù-trì ta ; *trưởng ngã* 長我 = gây dựng cho ta ; *dục ngã* 育我 = bú mớm cho ta ; *cố ngã* 顧我 = chăm-chút cho ta ; *phục ngã* 復我 = quanh-quẩn với ta ; *phúc ngã* 腹我 = cưu-mang ta ». Thơ này là của người con nhớ công-đức cha mẹ mà không kịp nuôi-nấng báo-hiếu mà làm ra. Chương đầu có câu : « *Ai ai phụ-mẫu, sinh ngã cù-lao* 哀哀父母, 生我劬勞 = Thương ôi cha mẹ, sinh ta khó-nhọc là đường nào ! ». Đến đời Tấn có Vương Biều 王裒 tiên-sinh thương cha là Vương Nghi 王儀 vì trực-ngôn mà bị quan Nguyên-súy là Tư-Mã Chiêu chém chết. Tiên-sinh lớn lên không làm quan với nhà Tấn là con châu Tư Mã Chiêu. Mỗi khi giảng học đến thơ *Nga* này thì khóc rất thương, vì thế học-trò của tiên-sinh đọc kinh *Thi* không dám đọc đến thơ *Nga* này nữa.

Cha mẹ sinh con là nghĩa-vụ đối với nòi giống, với xã-hội, chứ không phải chỉ vì để nuôi mình. Song lúc cha mẹ già yếu, con đã thành-lập thì đền cơm trả sữa cũng là cái lẽ « *trẻ cậy cha, già cậy con* » báo-đáp sở-đương-nhiên mà thôi. Xem như người có lòng hiếu-tử không được kịp nuôi cha mẹ, làm thơ *Nga* tỏ nỗi xót thương cũng không thấy cha mẹ đâu nữa. Thì nếu được kịp thời mà báo hiếu chẳng cũng may lắm ru ! Nhưng nuôi thì tùy cảnh giàu nghèo mà cốt phải xử ra cách thờ kính, khác với sự nuôi khác mới là hiếu. Đó là xử về cảnh thường. Còn xử về cảnh nghịch, mà mình hay tu-nhân làm vẻ-vang cho cha mẹ, như trong *Hiếu kinh* đã nói trên kia tuy không được trực-tiếp báo-đáp về thể-chất, nhưng cũng vẫn là hiếu lớn.

. . .

20) Bác mẹ thiếp như bác mẹ chàng,
Nên ra ta tạc bia vàng thờ chung.
21) Đi đâu mà bỏ mẹ già,
Gối nghiêng ai sửa chén trà ai nâng.
22) Mẹ già hết gạo treo niêu,
Mà anh khăn đỏ khăn điều vắt vai.

Tạc bia bằng đá mà thích chữ bằng vàng để kỷ-niệm thờ chung với nhau.

Đây là lời người con trai ước nguyền với người con gái lúc định đinh-hôn với nhau. Ý nói: cha mẹ của chồng đã là cha mẹ của vợ thì cha mẹ của vợ tức là cha mẹ của chồng. Vậy nếu đôi ta mà nên đạo vợ chồng ra thì chúng ta cùng tạc một cái bia vàng kỷ-niệm công-đức hai bên cha mẹ để mà thờ chung với nhau. Đó thực là một cái tinh-thần nam-nữ bình-đẳng của Việt-Nam.

Câu 21 là lời chê kẻ đi du-đãng vô-chí-hướng sự-nghiệp mà bỏ mẹ già không thờ kính, cho nên hỏi «Đi đâu», tức là lời mắng phủ đầu đó.

Câu 22 là lời chê kẻ đỏm dáng hoa-hòe, vụ sĩ-diện lấy thân để đi trăng gió mà bỏ mẹ già nhịn đói, thật là bất-hiếu.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU và ĐỖ-NAM

CA-DAO CỔ (1)

II

— Anh ơi chớ chê em già,
Bởi chưng bác mẹ sinh ra lâu ngày.
— Anh ơi chớ chê em già,
Em còn gánh nồi bên ba cái lờ!

Hai câu này là cười những người đàn-bà tuổi già mà vẫn dĩ.

Hỡi ai vết chiếu rành rành,
Chén son chưa cạn mà tình đã vơi.

Câu này là trai gái trách nhau phụ tình mà đi lấy người khác.

— Của chua ai thấy chẳng thèm,
Em cho chị mượn chồng em vài ngày.
— Có chồng càng dễ chơi ngang,
Để ra con thiếp con chàng con ai.
—Không chồng mà chửa mới ngoan,
Có chồng mà chửa thế-gian đã thường.
— Xưa kia ai cấm duyên bà,
Bây giờ bà già bà cấm duyên tôi.

Những câu này đều là lời con gái dĩ-thõa.

Đàn ông rộng miệng thì sang,
Đàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà.

Câu này là xem tướng người mà kén vợ kén chồng

Ăn trầu thì mở trầu ra,
Một là thuốc độc hai là mặn vôi.

Câu này nói ăn uống phải nên có ý-tứ.

Cơm ăn chẳng sớm thì trưa,
Nón đội trên đầu chẳng mưa thì nắng.

Ý là nói cái lẽ tất-nhiên phải chịu.

Yêu nhau cởi áo cho nhau,
Trở về dối mẹ qua cầu gió bay.

Câu này ý cười người gái dĩ đem của cho trai.

Xấu-xa cũng thể chồng ta,
Tuy rằng tốt đẹp cũng ra chồng người.

Câu này là lời người gái hiền biết yên phận.

---

(1) Xem N. P. số 167. Đây là sao theo một tập sách cũ bằng chữ nôm, cả lời giải-thích cũng y như nguyên-bản.

Bỏi bên bác mẹ thì già,
Lấy anh hay chữ để mà cậy trông.

Câu này là người con gái ham người con trai vì học hay chữ.

Cơm ăn mỗi bữa một lưng,
Hỏi đâu mà giận người dưng tức mình.

Câu này nói không nên trách người.

Chim khôn khôn cả từ lông,
Khôn cả đến lồng người gánh cũng [khôn.

Câu này ý nói nói nào đi giống ấy.

Trai nuôi vợ để gầy mòn,
Gái nuôi chồng ốm lưng tròn cối say.

Câu này cười người đàn-bà hư.

— Chồng lớn vợ bé thì xinh,
Chồng bé vợ lớn ra hình chị em.
— Gái tơ mà lấy chồng già,
Ra đường người ngỡ rằng cha hay [chồng.

Những câu này cười những người lấy vợ lấy chồng, không lựa vừa đôi phải lứa.

Ai nhất thì tôi chịu nhì,
Ai mà hơn nữa tôi thì thứ ba.

Câu này là một người thuần-thục khiêm-tốn.

Ở nhà nhất mẹ nhì con,
Ra đường lắm kẻ còn giòn hơn ta.

Câu này ý nói người ta không nên tự-mãn tự-túc.

Bi cho biết đó biết đây,
Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn.

Câu này nói phải nên giao-du rộng-rãi mới kiến-thức được nhiều.

Của Tam-bảo để chi chẳng bóp,
Để lâu ngày nó tọp tòm-tom.

Câu này ý cười sư-tăng phạm giới.

Bao giờ lấp ngõ Ba-tranh,
Để anh gánh gạch xây thành Cổ-bi.

Câu này có tự đời Lê, ngờ cũng là một câu văn sấm.

Có tiền thì hậu mới hay,
Có trồng cây đức mới dầy nên nhân.

Câu này nói người ta phải nên ăn ở có thủy-chung.

Ví dù sinh chẳng gặp nguyền,
Túi thơ đủng-đỉnh dạo miền thú quê.

Câu này là lời người ẩn-dật tự thích chí

Yêu nhau chữ « vị » là vì,
Chữ « dục » là muốn, chữ « túy » là theo.

Câu này là trai gái ưa nhau mà bảo theo nhau.

Thấy bạn mà chẳng thấy chàng,
Bâng-khuâng như mất lạng vàng trên [tay.

Câu này là lời vợ mong nhớ chồng.

Khi vui non nước cũng vui,
Khi buồn sáo thổi kèn đôi cũng buồn.

Câu này là lời trai gái tương-tư nhau.

Sông kia có lạ gì cầu,
Bởi ta có lạ gì nhau mà ngờ.

Câu này là trai gái chung-tình với nhau mà bảo nhau.

Đàn ông học sầy học sàng,
Đến khi vợ đẻ thì làm mà ăn.

Câu này ý nói người ta không nên lười biếng, mà chỉ chực ở tay vợ,

Trách thân vả lại giận trời,
Ba bảy năm trước chẳng gặp người ấy [cho.

Câu này là lời trai gái trách duyên trách phận.

Công anh gánh gạch nộp cheo,
Bây giờ em bỏ đi theo người nào,

Câu này là bỉ những người con gái đã nhận cheo của người rồi mà lại đi theo trai.

Con cậu cậu nuôi thầy cho,
Cháu cậu cậu bắt chăn bò chăn trâu.

Câu này là cười người không đùm bọc giúp đỡ cho bà con họ mạc.

Giương cung mà bắn con cò,
Con le nó lặn con cò nó bay.

Ý là nói bóng muốn tham mà không được gì cả.

Quan trảy rồi thợ ngồi cũng lếch,
Hàng trầu miếng lếch-thếch theo sau.

Câu này là câu hát kỹ-thực lúc đi đường.

Dù rách mới ra thân tàn,
Xưa kia nó cũng hồng-nhan hơn người.

Câu này ý chê người đời hay chuộng mới mà rẻ cũ.

Một năm dễ có mấy xuân,
Một ngày dễ mấy giờ dần hỡi ai!

Câu này ý nói người ta không nên bỏ phí thì giờ.

Thả ra mới biết béo gầy,
Gặp cơn cả gió biết cây cứng mềm.

Câu này nói người ta có thi-thố ra việc gì, mới rõ kẻ hay người dở.

Đời người sống mấy gang tay,
Hơi đâu kỳ-cục cả ngày lẫn đêm.

Câu này nói không nên làm quá cho khổ thân.

Em ơi anh bảo đây này,
Trứng chọi với đá có ngày vỡ tan

Câu này là lời trai gái ghét nhau, sinh sự hiềm-khích mà nói như vậy.

Năng mưa thì tốt lúa đường,
Năng đi năng lại xem thường nhau ngay.

Thế tục chơi xuồng-xã lắm, người ta coi thường.

Xin anh đừng thấm chớ phai,
Thoang-thoảng hoa nhài mà lại thơm [lâu.

Câu này là trai gái chung tình với nhau, mà người con gái dặn sẵn.

Đĩ dại làm hại thằng tù,
Nó cho cái bánh nó cù cả đêm.

Câu này bỉ những phường đàn-bà bán trôn nuôi miệng.

Dạy con từ thuở còn thơ,
Dạy vợ từ thuở bơ-vơ mới về.

Câu này ý nói phải dạy bảo từ trước.

Mình về ta những hỏi thăm,
Nơi ăn đã vậy, nơi nằm làm sao.

Câu này là trai gái xa cách nhau lâu ngày, gặp nhau mà nói dỗn.

Ngày ngày ra đứng bên sông,
Hỏi thăm chú lái rằng chồng tôi mô.

Câu này là người Trung-kỳ ra Bắc buôn bán, mà vợ nhớ mong.

Trên thì rán cần mất đi,
Giữa thì khuất đẳng dưới gì gì xuân.

Câu này là cười những người dốt mà hay nói chữ.

Ai về chẻ n ra phất hồ,
Để tôi nhắn-nhủ đôi cô hàng vàng.

Câu này là người con trai nói ve hai người con gái bán vàng.

Thứ nhất thì tội hàng hoa,
Thứ nhì hàng mã, thứ ba hàng vàng.

Câu này ý chê những nghề điêu-bạc.

Cơm sống thì anh lại rang,
Qui hồ đẹp mặt ra đường thì thôi.

Câu này chê người đàn-bà không biết làm ăn mà được chồng yêu.

Ba năm được một chuyến sai,
Áo ngắn đi n.ượn áo dài đi thuê.

Câu này là bỉ những người làm lính lệ.

Ngồi buồn xe sợi chỉ đen,
Hái hoa thiên-lý làm quen với chàng.

Câu này là người con gái nói ve-vãn người con trai.

Phát-du cũng thể trẻ tàu,
Dẫu ngon cho lắm cũng ra mầu trẻ tươi.

Câu này là lời trai gái chê-bai nhau sau khi không say nhau nữa.

Mấy đời bánh đúc có xương,
Mấy đời dì ghẻ có thương con chồng.

Câu này ý nói người kế-mẫu với con vợ trước ít khi hòa-hợp.

Mồm cha con bướm trắng, để mẹ con ong vàng.

Khen ai uốn lưỡi cho chàng nói chua.

Câu này là người con gái trách người con trai nói đua quá.

Mồm cha con bướm trắng, đẻ mẹ con ong xanh.
Khen ai uốn lưỡi cho ranh nói càn.

Câu này là trai ghẹo gái, gái không bằng lòng mà nói như vậy.

Bắc thang lên hái hoa vàng,
Vì ai cho thiếp biết chàng từ đây.

Câu này là người con gái thích người con trai, mà kể chuyện từ lúc gặp nhau.

Bắc thang lên hỏi ông trời,
Những tiền cho gái có đôi được chăng?

Câu này cười người con trai si-tình dại gái.

Hỡi ai đi trước kia ơi!
Có lò đúc trẻ cho tôi mượn cùng.

Câu này là lời người con trai nói ve người con gái.

Khi vui thì vỗ tay vào,
Đến khi hoạn-nạn thì nào thấy ai.

Câu này cười bè bạn chơi với nhau không ra gì.

Yêu nhau sớm đợi tối chờ,
Lọ là điều nọ tiếng kia mới là.

Câu này là trai gái nặng vì tình mà còn giữ lễ-nghĩa.

Thuyền ai lơ-lửng bên sông,
Hay thuyền chú lái chở chồng tôi chăng?

Câu này là người đàn-bà mong chồng.

Dù em mặt ủ rầu rầu,
Họ-hàng thân-thích rủ nhau mà nhìn.

Câu này ngờ là nàng dâu mới về nhà chồng, họ-mạc đến xem mặt.

Đố ai lên đến sông Ngân,
Bắt con vịt nước mà ăn cá trời.

Câu này là trai gái lúc say nhau mà nói phiếm.

Con gái là con người ta,
Nàng dâu mới thực mẹ cha mua về.

Câu này nói sinh con gái vô-vị.

Ngọc còn lần bóng cây tùng,
Thuyền-quyên quyết đợi anh hùng sánh đôi.

Câu này nói người còn đợi giả.

Số giàu đem đến dửng-dưng,
Lọ là con mắt cháo-chưng mới giàu.

Câu này ý nói giàu sang là tự số trời định, không thể bon-chen cầu-cạnh được.

Số giàu lấy khó cũng giàu,
Số nghèo chín đụn mười trâu cũng nghèo.

Câu này nói người ta có số-mệnh tự trên trời, không cưỡng với số mệnh được.

Răng đen chẳng lọ là nhân,
Người giòn chẳng lọ áo khăn mới giòn.

Câu này ý nói mình hay tự-nhiên người ta khen, không cần khen lấy.

Bực mình chẳng muốn nói ra,
Muốn đi ăn cỗ chẳng ma nào mời.

Câu này ý cười nhạo những đồ hay ăn hay uống.

Ru con con ngủ cho rồi,
Mẹ ra chỗ vắng mẹ ngồi than thân.

Câu này là gái góa khổ tiết nuôi con.

Vui từ trong cửa vui ra,
Sầu từ ngã bảy ngã ba sầu về.

Câu này ngờ là lời trai gái tương-tư nhau.

Yêu thì yêu cả tông-chi,
Ghét thì ghét cả đường đi lối về.

Câu này là lời trai gái lúc không ưa nhau nữa.

Học trò thò-lò mũi xanh,
Mua ba đồng bánh chạy quanh nhà thầy.

Câu này chế nhạo những kẻ học-trò mà còn tính trẻ con.

Quần hồ áo trắng làm chi,
Quần hồ áo trắng có khi ăn mày.

Câu này bỉ những kẻ hay diện bộ cánh trang-sức bề ngoài.

Cầm bằng bác mẹ chẳng sinh,
Thì em ra phố Vạn-ninh cho rồi.

Phố Vạn-ninh ở ngoài biên-giới là chỗ khách Tàu tụ-họp buôn bán. Câu này là lời gái dĩ nói liều.

Tội gì mà ở chính-chuyên,
Một đêm là « sám cô sin » ai cho.

Câu này là lời gái dĩ, đùa dỡn với người Tàu.

— Lẳng-lơ thì cũng chẳng mòn,
Chính-chuyên cũng chẳng sơn son để dành.

—Bóng trăng khi khuyết khi tròn,
Của đời chơi mãi có mòn được đâu.

Hai câu này là lời gái dĩ nói chữa thẹn.

Khi bé dùm bọc lấy nhau,
Đến khi cả lớn ai giàu nấy ăn.

Câu này là cười anh em không dùm bọc nhau.

Chỉ đâu mà buộc ngang trời,
Thuốc đâu mà chữa những người lẳng-lơ.

Câu này là bỉ những đồ gái dĩ không dạy được

Cun-cút mà vút cho xa,
Đến ngày giỗ cha thì về uống rượu.

Câu này nói ngày giỗ ngày chạp dẫu ở xa đến đâu cũng không quên.

Bóng mát em chẳng có ngồi,
Em ra chỗ nắng trách trời không dâm.

Câu này là người con trai thương yêu người con gái mà bảo.

Trời ơi có thấu tình chăng,
Lấy chồng mà phải nhuộm răng cho chồng.

Câu này là lời người con gái lớn than-thở lấy phải chồng bé.

Trên trời có vầy tê-tê,
Đàn ông ba vợ chẳng chê vợ nào.

Câu này chê người đàn-ông đa dâm.

Trời ơi có thấu tình không,
Người năm bảy vợ người không vợ nào!

Câu này là nói điều người không vợ.

Ai về Đồng-tỉnh, Hoa-cầu,
Đồng-tỉnh bán thuốc, Hoa-cầu nhuộm thâm.

Câu này kể nghề-nghiệp hai làng thuộc về huyện Văn-giang

Màn hoa lại giải chiếu hoa,
Bát ngọc thì phải đũa ngà mâm son.

Câu này nói vật phải xứng nhau.

Cầm bằng chẳng ngủ hôm nay,
Ngày mai ta sẽ lấy ngày làm đêm.

Câu này là trai gái say mê nhau quên cả ngủ.

Thành đồ đã có chúa xây,
Việc gì gái góa lo ngày lo đêm.

Câu này cười người lo những sự viển-vông.

Quạt ngà phe-phẩy đêm sương,
Ai cầm đến quạt thì thương nhau cùng.

Câu này là trai gái trao quạt cho nhau mà tỏ tình với nhau,

Trăm năm trăm tuổi trăm chồng,
Ai mà lắm bạc ta bồng trên tay

Câu này cười đồ gái dĩ vô-sỉ.

Đèn trời trời rạng bốn phương,
Đèn ta ta rạng đầu giường nhà ta.

Câu này ý nói tình-cảnh mỗi người một khác, đèn nhà ai nhà ấy rạng.

Của trời trời lại lấy đi,
Giương hai mắt ếch làm chi được trời.

Câu này nói người ta không nên tham lận.

Ngày thì muốn những trời mưa,
Đêm thì muốn những đêm thừa trống canh.

Câu này cười người lười biếng dông-dài.

Chị Hai ơi hỡi chị Hai,
Trở dậy nấu cám thái khoai băm bầu.

Câu này cái cảnh người làm lẽ mọn ở nhà quê phải làm ăn vất-vả.

Đau bụng thì vống nước sông,
Đau mắt lấy nhựa xương-rồng mà bôi.

Câu này là ghét những người hay giả-cách ốm mà nói.

Một ngày hai bữa cơm đen,
Còn gì mà phấn răng đen hỡi chàng!

Câu này là người vợ hiền chăm-chỉ việc gia-đình.

Gần chùa gọi bụt bằng anh,
Trông thấy bụt lành cõng bụt đi chơi.

Câu này ý nói thấy người ta dễ thì khinh-nhờn.

Nửa đêm giờ tý canh ba,
Vợ tôi con gái đàn bà nữ-nhi.

Câu này cười người làm văn-chương hay trùng-điệp.

Một liều ba bảy cũng liều,
Cầm như ngọn nước thủy-triều chảy xuôi.

Câu này là người làm liều không nghĩ gì đến xa-xôi, cứ thuận cái tình-dục nhất-thời.

Đông-đong chơi đạo đông-đong,
Trẻ chơi đạo trẻ, già giong đạo già.

Câu này nói người hạng nào chơi với hạng người ấy.

Có ai thêm bận vì ai,
Không ai giường rộng chiếu dài dễ lăn.

Câu này là lời gái bị chồng bỏ.

Cây sen lặn củ sen chìm,
Bao nhiêu qui-vật thì tìm qui-nhân.

Câu này nói hạng người nào lại sánh với hạng người ấy.

Sống thì sống đủ một trăm,
Chết thì chết giữa hai-nhăm tháng mười.

Câu này nói sự sống chết được như thế, thì không còn hối-hận gì nữa.

Muốn cho sông có một gang,
Bắc cầu chiếc đũa cho nàng đi chơi.

Câu này là trai gái chung tình với nhau, mà phân-nản vì ở xa nhau.

May ra thì hóa tử-linh,
Chẳng may thì lại nằm đình Cổ-lương.

Đình Cổ-lương ở đường Ngõ gạch Hà-nội là chỗ khi xưa những quân keo tụ họp, đánh bạc thua thì lại về trú ở đó.

Quả chuông treo mấy cửa chùa,
Nước Nam-Việt mấy ông vua trị vì.

Câu này nói trong nước chỉ có một ông vua thống-trị.

Năm nay đắt muối rẻ cá,
Đàn ông thì ít đàn bà tám khiêng.

Câu này cảm lúc đời loạn, đàn ông đi lính chết mất nhiều.

Bướm-bướm mà đậu cành hồng,
Bã yêu con chị lại bồng con em.

Câu này cười người hoa thơm đánh cả cụm.

Con sóc mà leo giàn nho,
Anh kia không vợ hay mò đi đêm.

Câu này cười người không vợ mà du-đãng.

Bói ăn cơm thì lại no,
Từ ngày có vợ không dò đi đâu.

Câu này nói người đàn-ông lúc chưa vợ thì du-đãng, lúc có vợ thì kiếm-thúc.

Bồng-bồng đồi lộc ra hoa,
Một đàn con gái hái hoa bồng-bồng.

Câu này là câu hát lúc du-xuân.

Bồng-bồng đồi lộc ra hoa,
Một đàn vợ lính trẩy ra thăm chồng.

Câu này là lính đi trẩy xa, thấy vợ đến thăm vui mừng mà làm ra.

Ăn xin cho đáng ăn xin,
Lấy chồng cho đáng bồ-gìn giữ dưa.

Câu này là lời người đàn-bà than thân lấy chồng không được xứng-đáng.

Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước thì thương nhau cùng.

Câu này là lời khuyên người nên hợp-quần.

Kiến bò miệng chậu thì chầy,
Kiến bò miệng chén chẳng rày thì mai.

Câu này ý nói những đồ giặc cỏ không bao lâu sẽ bị bắt.

Hoa lý là hoa lý linh,
Con gái Đình-bảng vừa xinh vừa giòn.

Đình-bảng thuộc phủ Từ-sơn tỉnh Bắc, là nơi nhà Lý phát-tích, câu này khen con gái làng Đình-bảng đẹp.

Hoa lý là hoa lý hòe,
Con gái Đồng-sớm vừa quê vừa đui.

Câu này chê con gái Đồng-sớm xấu.

Trời mưa cho rớt lá cà,
Đố ai lấy được đàn bà Đông-nham.

Tục làng Đông-nham con gái không lấy chồng ngoại-hương, nên nói như vậy.

Trời mưa cho rớt lá khoai,
Đố ai lấy được con trai làng Thành.

Con trai làng này du-đãng, nên con gái làng khác chê không lấy.

Tam-tòng tính cũ còn ghi,
Bé nghe cha mẹ, lớn thì nghe anh.

Câu này là lời chồng dạy vợ.

Đã từng ăn bát cơm đầy,
Đã từng nhịn đói bảy ngày không cơm.

Câu này là người đã từng lịch-duyệt sự đời.

Chàng đừng chê thiếp vụng-về,
Có tiền thiếp cũng biết thuê mướn người.

Câu này là cười người đàn-bà vụng-về, không biết làm gì.

Máu gà lại thấm xương gà,
Máu người thấm được xương ta thế nào!

Câu này ý nói có họ-hàng huyết-mạch thì mới thương nhau.

Ngựa đâu buộc cửa ông cai,
Hoãn đâu lủng-lẳng ở tai bà già.

Câu này ý nói của gì cũng có người chủ.

Lá vàng còn ở trên cây,
Lá xanh rụng trước trời hay chăng trời!

Câu này là than con chết trước cha mẹ.

Khen ai bày đặt cho chàng,
Lá xanh thì rụng lá vàng ở cây.

Câu này là người thiếu-phụ khóc chồng, mà nhà chồng thì cha mẹ còn sống.

Người ta đi ở có công,
Thân tôi đi ở tay không trở về.

Câu này là lời người vợ lẽ không có con-cái gì mà khóc chồng chết.

Già gan cướp được chồng người,
Non gan mất vía rụng-rời chân tay.

Câu này nói người gái dĩ già mồm.

Vì dù duyên chẳng nợ-nần,
Thì đưa nhau xuống cõi trần làm chi!

Câu này là trai gái say mê nhau mà nói như vậy.

Xưa kia ăn đâu ở đâu,
Bây giờ có bí chê bầu rằng hôi!

Câu này cười người có mới nới cũ.

Khôn ngoan đá đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

Câu này nói có giỏi ra với người ngoài, ở trong không nên tranh-cạnh nhau.

Mật ngọt là tổ chết ruồi,
Những nơi cay-đắng là nơi thực-thà.

Câu này ý nói đáng sợ những người nói ngọt.

Khúc sông bên lở bên bồi,
Có cô khóc đứng khóc ngồi bên kia.

Câu này là lời người vợ lính lúc tiễn chồng ra bờ sông.

Khúc sông bên lở bên bồi,
Bên lở thì đục bên bồi thì trong,

Câu này là người ngắm xem bờ bến có lúc thay đổi mà cảm-hoài.

Thân em tội-nghiệp về đâu,
Mà ngày ngày chồng phao-câu lên trời.

Câu này là lời người con trai nói đến người con gái cấy lúa.

Bây giờ nông-vụ chi kỳ,
Em mà chẳng chồng lấy gì anh ăn.

Câu này là lời người con gái lấy lời chua mà đáp lại.

Tiếc xuân ngảnh lại trông xuân,
Thương ôi bóng đã vân-vân xế chiều.

Câu này là lời than thân đã quá thì mất rồi.

Về chi một bát cháo lòng,
Làm cho thiên-hạ bỏ chồng mà đi.

Câu này là bỉ đồ gái dĩ.

Lợn chê mèo nọ lắm lông,
Kỳ tình lợn cũng bằng ông con mèo.

Câu này cười những kẻ chỉ biết chê người mà không nghĩ đến mình.

Trăm hoa nhất qui thì lan,
Nhất danh nhất giá là quan trong triều.

Câu này ý qui trọng quan, nên lấy hoa lan mà ví.

Ăn rồi nằm ngả nằm nghiêng,
Ai mà lấy tớ thì khiêng tớ về.

Câu này là bỉ những đồ gái dĩ hay ăn lam biếng bán chôn nuôi miệng.

Nào hay quá giận mất khôn,
Khi vui đã vậy khi buồn làm sao.

Câu này là chót làm lỡ việc rồi, mới hối lại như vậy.

Người Nam mà lấy người Tàu,
Đẻ ra thằng khách trên đầu có đuôi.

Câu này là bỉ đàn-bà lấy chồng người Tàu.

Vai u thịt bắp mồ hôi dầu,
Lông nách một nạm, trẻ tàu một hơi.

Câu này là cười những người thô-bỉ

Kìa ai lục xuất Kỳ-sơn,
Hỏi thăm ông Lã Vọng đầu-can bao giờ?

Câu này là lời một người nhân-tản lúc đời thịnh.

Người khôn con mắt đen sì,
Người dại con mắt nửa chì nửa than.

Câu này nói chỉ xem con mắt đủ biết là người thế nào.

Cái đùi sơn son, cái mõ sơn son,
Ông sư chùa Sét tám con rành-rành.

Câu này ý là cười sư chùa Thịnh-liệt phá giới.

Có mới thì nới cũ ra,
Mới để trong nhà cũ để ngoài sân.

Câu này là cười thói đời có mới rẻ cũ.

Tiền buôn tiền bán thì để trong nhà,
Tiền cờ tiền bạc thì ra đầu hè.

Câu này nói của cờ bạc được là của phù-vân, chẳng bao lâu lại hết.

Con chim sáo sậu đậu ở cửa quyền,
Lấy chồng ba niên chồng đem về trả.

Câu này cười người đàn-bà không ra gì, lấy chồng ba năm rồi mà chồng lại bỏ.

Ăn cơm với cáy ngủ ngày o-o,
Ăn cơm thịt bò lòng lo cầy-cậy.

Câu này ý nói cả ăn cả mặc thì càng cả lo, ít ăn ít mặc thì ít lo.

Những người tí hí mắt lươn,
Trai thì trộm cướp gái buôn chồng người.

Câu này nói chỉ trông con mắt mà biết ngay là người gian dâm.

Lươn ngắn mà chê chạch dài,
Thờn-bơn méo miệng chê chai lệch mồm.

Câu này ý nói chỉ biết chê người mà không ngẫm đến thân.

Hễ mà chết mất thì thôi,
Sống thì như cóc bôi vôi lại về.

Câu này là nói người ta không bao giờ quên quê cha đất tổ.

Công anh bắt tép nuôi cò,
Ngày sau cò lớn cò dỏ lên cây.

Câu này là than mất công không.

Trời chẳng cho hùm có vây,
Hùm mà có được hùm bay lên trời.

Câu này là lời than trời hãm kẻ anh-hùng.

—Lúc sống thì chẳng cho ăn,
Để đến lúc chết làm văn tế ruồi.

—Đời người nhiều dại ít khôn,
Sống mặc áo rách, chết chôn áo lành.

Hai câu này là cười người đời ngu dại không có kiến-thức.

Đôi ta như chỉ mới xe,
Như măng mới mọc, như tre mới trồng.

Câu này là lời trai gái luyến-ái nhau.

Đêm qua ngỏ cửa chờ ai,
Đêm nay cửa đóng then cài song song.

Câu này là trai gái hẹn nhau đến, không thấy đến mà tương-tư.

Gió đưa cành bưởi cành bòng,
Gió đưa cô ấy vào lòng cậu kia.

Câu này là trai gái luyến-ái nhau mà nói như vậy.

Đêm qua ngỏ cửa chờ chồng,
Đêm nay ngỏ cửa gió đông lọt vào.

Câu này là lời vợ lính mong chồng, lúc chồng đi xa.

Trai không gái góa thì chơi,
Đừng nơi có vợ, chớ nơi có chồng.

Câu này là lời răn những đồ trai gái bợm-bãi.

Một trăng là mấy cuội ngồi,
Một gương tư-mã mấy người soi chung.

Câu này là bỉ đứa gái dĩ chung tình với nhiều người.

Giá gương còn mặt mũi nào,
Đã nhồ lại liếm soi vào sao nên.

Câu này là nói người giở mặt không biết xấu.

Nghêu-ngao vui thú yên-hà,
Mai là bạn cũ, hạc là người quen.

Câu này là lời người ẩn-giả thích chí ngâm-nga.

Anh-hùng là anh-hùng rơm,
Tao cho mở lửa hết cơn anh-hùng.

Câu này là bỉ những kẻ cậy thế ngược-ngạo.

Thứ nhất sợ kẻ anh-hùng,
Thứ nhì sợ kẻ cố-cùng liều thân.

Câu này là người ôn-nhã xử thế một cách hòa-bình.

Một lời nói được quan tiền tấm lụa,
Một lời nói được dùi đục cẳng tay.

Câu này nói lời nói rất quan-hệ, nói nên giữ-gìn.

Có lời mà chẳng nói lên,
Để tích trong bụng nó lên phập phồng.

Câu này là người thô-thiển cười người ít nói.

Mẹ nuôi con bằng trời bằng bể,
Con nuôi mẹ con kể từng ngày.

Câu này bỉ những đồ bất-hiếu.

Thế-gian chuộng của chuộng công,
Có ai lại chuộng người không bao giờ.

Câu này cười thói đời chỉ biết tham lợi.

Nhớ ai nhớ mãi thế này,
Nhớ đêm quên ngủ nhớ ngày quên ăn.

Câu này là lời trai gái tương-tư nhau.

Xưa kia ngọc ở tay ta,
Bởi ta chềnh mảng ngọc ra tay người.

Câu này là người con gái bảo người con trai vì không lấy ngay, nên phải lấy người khác.

Bề trên ở chẳng chính ngôi,
Bề cho bề dưới chúng tôi hỗn-hào.

Câu này nói người trên vì bất-chính nên kẻ dưới khinh-nhờn.

Mình ơi ta hỏi thực mình,
Còn không hay đã có tình với ai

Câu này là người con trai ve-vãn người con gái mà hỏi.

Trời mưa nước chảy trôi bèo,
Bà già lận-đận mua heo cưới chồng.

Câu này là cười người đàn-bà đã già mà còn dĩ thõa.

Lập nghiêm ai dám tới gần,
Bởi quan đủ-đớn cho dân nó nhờn.

Câu này nói vì trên không nghiêm nên dưới không kính.

Lạy trời cho cả gió nồm,
Cho kẹo tôi chầy cho mồm tôi nhai.

Câu này là cười người con gái buôn bán chỉ mong những ăn.

Vua chúa còn có khi lầm,
Huống chi bà lão tám-nhăm tuổi đầu.

Câu này ý nói người ta ai là chẳng có điều lầm lỗi.

Anh em hiền thật là hiền,
Chỉ vì đồng tiền sinh mất lòng nhau.

Câu này cười người đời trọng tài mà khinh nghĩa.

Thân em chẳng đáng mấy tiền,
Mà tình em nặng mấy nghìn cũng mua.

Câu này là người con trai ưa người con gái là người hồn-hậu có thủy chung.

Ta đây là nghề hàng xăng,
Đứa nào muốn chết thì quăng mình vào.

Câu này là lời gái dĩ già mồm.

Bác gì bác xác bác xơ,
Bác chết bao giờ bác chẳng bảo tôi.

Câu này cười người làm bác cư-xử với cháu không ra gì.

Tội gì tội lội xuống sông,
Đánh ba tiếng cồng lại nổi tôi lên.

Câu này là nói những kẻ hung-ác không sợ tội mà làm càn.

Cờ bạc canh đỏ canh đen,
Nào ai có dại đem tiền vứt đi.

Câu này là lời người thua bạc nói với người nhà.

Hoài tiền mua pháo đốt chơi,
Pháo nổ lên trời tiền vứt xuống sông.

Câu này ý nói không nên chơi những sự vô-ích phí tiền.

Vua trên đền cầu tiền cầu bạc,
Ta dưới này cầu của cầu con.

Câu này là lời trai gái lúc tương-đắc mà kỳ vọng.

Chẳng đi lòng ước dạ ao,
Bỉ thì thấy mặt về sao cho đành.

Câu này là trai gái nhớ nhau đến với nhau, mà tỏ tình lu ến-ái.

Giàu sơn-lâm lắm người tìm đến,
Khó giữa chợ chẳng bạn nào chào.

Câu này là cười thói đời chỉ chuộng giàu mà khinh kẻ khó.

Thứ nhất đom-đóm vào nhà,
Thứ hai chuột rúc, thứ ba hoa đèn.

Câu này là nghiệm có điềm lành.

Giang sơn phó trả hàng mâm,
Sấm chớp ầm ầm phó mặc thiên-lôi.

Câu này là lời phường tự-bạo tự-khí không còn nghĩ gì đến thân-thế nữa.

Vầng trăng thì đã có sao,
Vầng hoa thiên-lý có đào nhị tươi.

Câu này ý là cười đứa gái dĩ vắng chồng thì đi với trai.

Muốn cho cây cả lắm cành,
Muốn cho lắm chị nhiều anh mà nhờ!

Câu này là lời trách anh em không đùm bọc đỡ nhau.

Anh lấy em về thờ mẹ kính cha,
Rồi sau săn-sóc cửa nhà cho anh.

Câu này là lời dạy vợ lúc mới về.

Buồn bực gửi bức thư sang,
Gửi thư cho tới kẻo chàng hồ nghi.

Câu này là người con gái ở xa, gửi thơ cho người con trai, để biết mình trinh-nhất.

Gái có chồng như rồng có vây,
Gái không chồng như cối xay mất ngỗng.

Câu này ý nói đàn-bà không có chồng không ra gì.

Con có cha như nhà có nóc,
Con không cha như nòng-nọc đứt đuôi.

Câu này nói không cha thì con nương tựa vào đâu.

Người ăn thì người lại đi,
Ta ăn ta ở cùng thì hôm mai.

Câu này là nói kẻ thân người sơ tình cư-xử khác nhau như vậy.

Đàn đâu mà gẩy tai trâu,
Bạn đâu bắn sẻ, gươm đâu chém ruồi.

Câu này nói những việc không bổ làm, những điều không bổ nói.

Chuông chuối chuối lại cao tầu,
Chuộng em em lại ra mầu làm cao.

Câu này là trai ve gái, vì gái kiêu-căng mà nói như vậy.

Đi đâu từ tối đến giờ,
Để cho tin nhắn tin bò tin chờ tin mong.

Câu này là trai gái hẹn nhau mong nhau, đến lúc gặp nhau mà nói vậy.

Mồm cha đứa rủ đứa rê,
Đứa cầm mảnh chiếu đứa đi chỗ ngồi.

Câu này là lời người đàn-bà chửi đứa rủ rê đánh bạc.

Hồng-nhan như bát nước chè,
Đẹp thì có đẹp nhưng què một chân.

Câu này cười người gái đẹp đã què chân mà vẫn lên bộ.

Tiếng đâu như tiếng chuông rền,
Tiếng đâu như tiếng người quen trên đường.

Câu này là lời người con gái đang đứng giữa ruộng bắt ve người con trai đi đường.

Anh đi anh dặn em rằng,
Ai hơn thì lấy, ai bằng chờ anh.

Câu này là người đàn ông lúc lâm-biệt đem chân-tình dặn người con gái.

Lòng vả cũng như lòng sung,
Lòng em chẳng biết như lòng anh không?

Câu này là trai gái chung tình với nhau, mà người con trai còn ngờ con gái không nhất-tâm.

Đồng nát lại về Cầu-nôm,
Con gái nỏ mồm về ở với cha.

Cầu-nôm thuộc tổng Đề-cầu phủ Thuận-thành tỉnh Bắc. Người ở đấy chỉ mua đồng nát về đề đúc lại. Câu này cười người đàn-bà đa ngôn đa quá đến bị chồng bỏ.

Ra đường tưởng những ông triều,
Về nhà tay đeo cậy niêu đã mòn.

Câu này cười những người đài các giả phong-lưu mượn.

(*Còn nữa*)

Đường xe lửa Hải-vân-quan

Cliché Gouvernement général

Hăi-vân-quan

Cliché Gouvernement général

Mấy điều chứng-nghiệm về tâm-lý của quần-chúng (1)

Trong thiên-hạ đương lúc có cái mầm loạn ngấm-ngầm, nạn lớn sắp phát ra, thì thường có những lũ cần-dỡ nó bịa đặt ra những lời ngoa-truyền, để rối-loạn nhân-tâm, làm cho cả nước phải xao-xuyến, có khi xảy ra đến sự lo bất-ngờ. Những người cầm quyền cai-trị sợ rằng tai-vạ nó phát ra không thể cứu lại được, mới nghĩ cái chính-sách làm cho át-chế đi; nào là cấm người ngẫu-ngữ và không cho kẻ sĩ được hoành-nghị, động đến đồ binh-khí là phải tru-diệt, hết sức bó-buộc trấn-áp không cho nhân-dân được túng-sinh một tí gì, như thế tưởng chắc là vô-sự. Nào ngờ đâu đại-loạn khởi lên lại càng chóng là tại cớ sao? Nguyên là cái tâm-lý của quần-chúng nó biểu-lộ ra khác hẳn lối thường, người cầm quyền-chính chẳng biết xét từ lúc tế-vi, phòng từ lúc vị-nhiên, thì cái thuật chế-ngự không khỏi lầm lẫn. Đến đến lúc Trần Thiệp 陳涉 đã vung tay hô lên, bốn bề hưởng-ứng, thì nhà Tần phải đến mất, việc trước đã rành-rành ra đó vậy. Không những là cuộc nước Tàu như vậy, phàm các nước đông-tây cổ-kim hễ gặp lúc tôn-giáo chính-trị đại-biến-loạn, thì cái tâm-ý của quần-chúng nó tỏ ra, ít sự thường mà phần nhiều quái-dị. Kẻ đương-cục không biết xét rõ cái cớ nó, mà chỉ nệ theo tục-kiến thì có khi không biết đến cái chân-tướng của sự-thực. Xem ngay như cái lịch sử cải-cách cuối đời Thanh, chỉ vì tân-cựu thay đổi, hoãn-cấp lẫn lộn, mà sinh ra cuộc phân-nhiễu mãi. Nay thử đem tâm-lý quần-chúng mà xét xem mấy điều chứng-nghiệm như sau này.

1º Ở vào trong đám quần-chúng thì nó làm cho mất hẳn cái ý-thức về tính riêng của mình, vì cái tính vô-ý-thức nó thắng phần hơn, nên không có trách-nhiệm. — Người ta đương lúc lìa đàn ở một mình, thì những sự hành-vi động-tác, tự mình vẫn có sức phân-biệt kén chọn, đủ tỏ ra cái bản-năng của mình. Đến khi mình là người trong một đàn, thì mình thường cậy nhiều người là khỏe, là vô-địch, cứ làm bừa đi, chứ không có xét phải trái, cân lợi-hại, cần-dỡ bạo-hoạnh, hăng-hái xông lên, cái ý-thức về cái tính của mình đều tiêu mất đi lúc nào không biết, vì cái tính vô-ý-thức nó thắng-đoạt cả bản-năng của mình đi. Vả lại cái lúc quần-chúng họp-tập, cái sức chú-ý ngầm của mình nó hiện ra, thường bị phải bề ngoài cám dỗ ngấm-ngầm, hợp với cái bản-năng của mình rồi hăng lên không thể ngăn lại được nữa. Người ta sinh ra, phần vô-ý-thức vẫn thường nhiều hơn phần ý-thức; như là theo cái thói quen của xã-hội, cái đặc-tính của dân-tộc nó di-truyền đã lâu, rồi tự-nhiên thành ra cái tính quen của người ta mà không biết; đã cho cái tính ấy là con đường hành-vi thuận-tiện rồi cứ tập quen mãi đi, tự-nhiên thành ra một cách sinh-hoạt vô-ý-thức.

2º Quần-chúng dễ bị cám-dỗ ngầm (tức là cái tính hay bị dụ của quần-chúng) — Cám-dỗ ngầm là tự bề ngoài nó khích-thích vào, tức là một cái quan-niệm gì hoặc một cái tâm-tưởng gì nó tự bề ngoài chạt ám vào trong ý-thức mình, mà thành ra một phần tư-tưởng.

(1) Nguyên Hán-văn của Chương Tích-Thâm 章 錫 琛.

Nó đã bị khích-thích mà thành ra tư-tưởng, thì nó sinh ra cái ý cố-chấp mà làm cho lấy được, phàm những kẻ ngu-muội lỗ-mỗ, dễ hay bị nó cám-dỗ ngầm, trong khoảng mờ-mịt cái thế-lực nó cám-dỗ rất mạnh. Những lúc mà mình lìa đàn ở một mình, tuy cũng không khỏi nó cám-dỗ, nhưng tự mình vẫn có cái sức phán-đoán kén chọn, để cho biết rõ lợi-hại phải trái, nên có hành-vi động-tác điều gì vẫn không bị sức cám-dỗ sai khiến được mình. Nếu những lúc đã uà theo quần-chúng, thì không còn có sức phán-đoán kén chọn nữa, đã bị phải cái sức cám-dỗ ngầm nó thắng đi rồi, thì không khác gì người bị thuật thôi-miên nó sai khiến, khác hẳn cái cách hành-động lúc thường. Song cái thuật thôi-miên chẳng qua là lấy một người mà sai khiến người khác, chớ như ở trong đám quần-chúng thì ai cũng lấy cái cách cám-dỗ ngầm để sai khiến cả mọi người khác, vậy nên đồng-thời tất cả mọi người đều bị những người khác họ cám-dỗ sai-khiến, cùng hô-ứng với nhau, cùng cổ-động lẫn nhau, cái thế-lực nó tích-lũy lại thêm nhiều mãi ra, nên thành ra mạnh-bạo không thể chống lại được nữa. Vì cái đặc-tính ấy nó lại hợp với những điều đặc-chứng khác, nên mới sinh ra những hiện-tượng sau này.

3º Quần-chúng hay nhẹ tin mà dễ bị lừa. — Cái tính này là bởi tại mình hay tưởng-tượng mà sinh ra. Phàm những cái thuyết hoang-đường vô-kê nó hay bịa-tạc mà truyền-bá đi, rất là nhanh-chóng như chớp, có khi một con chó cắn bóng, mà đến hàng trăm con chó chỉ theo tiếng mà cắn hão, nhận lầm giả mà cho là thực, không mà tưởng là có, không thể lấy lẽ thường mà xét được. Chứng về lịch-sử không thể kể ra hết được. Nay kể qua một vài cái đặc-chứng như sau.

Truyền-thuyết. — Nghĩ mờ [illegible] hão, rồi nói truyền đi, lâu ngày [illegible] đặt mãi vào lại càng tệ lắm.

Lưu-hành — Bởi tại các báo tr[illegible] đi và các tiểu-thuyết cóp nhặt tru[illegible] bá mãi ra, nên mới thành ra lưu-[illegible] mãi.

Phong-văn. — Cũng vì cớ như trên.

Giả-thác thần-thánh. — Những thôi tà-giáo cùng-tế nhảm-nhí, đều là giả-thác về thần cả.

Kỳ-tượng. — Như những tuệ-tinh nhật-thực, động đất núi lở, những tượng phi-thường ấy chúng đều kinh-ngạc cho làm kỳ-dị.

Dị-tích — Khi tôn-giáo nào mới sáng ra, hoặc các vị đế-vương mới khởi lên, thường bịa ra những dị-tích để thu-phục lòng người.

4º Quần-chúng thường có cái tính chung là hay ảo-giác ngộ-giác. — Cái tính này là bởi cái sức tưởng-tượng mà sinh ra. Như là khi Phật nhập-định người ta hoảng-hốt mà trông thấy hiện ra kim-thân cao hơn một trượng. Khi chúa Cơ-đốc chết rồi, mà lũ giáo-đồ trông thấy sống lại mà lên trời. Lại như khi tướng nước Anh là Hoa-tư-lệ đánh nhau ở trận Hoạt-thiết-lư, người ta trông thấy nhiều những sự lạ, đều là ảo-giác cả. Đó là bởi quần-chúng xem xét hay sai lầm, nguyên chỉ tại một người mơ-tưởng nói ra trước, rồi nhiều người a-dua mà truyền mãi ra cho nên lấy nhiều người nói hay nhiều người tin mà cho là có thực, không đủ bằng-cứ được.

5º Cái tư-tưởng cảm-tính của quần-chúng, thường theo về một phương-hướng. — Vì bị phải truyền-nhiễm ngấm-ngầm, nên phàm những cảm-tính

và hành-động của quần-chúng, đương lúc nó truyền-nhiễm mạnh quá, đâm bên nọ choàng bên kia, rồi cùng theo về một phương-hướng, là chỉ theo cái mệnh-lệnh của kẻ chủ-động. Đương lúc cái nhiệt-độ bốc lên cao quá, thì thường ầm-ầm đổ xô như nước chảy, mọi người đều bỏ liều cả lợi-ích của mình đi mà không ân-hận gì cả. Đó là tại quần-chúng chỉ theo về cái cách cảm-đỗ ngầm mạnh hay là yếu, để bênh-vực lấy cái tư-tưởng duy-nhất của mình, nên không tiếc lấy cái thân mình mà làm hi-sinh cho cả đoàn-thể, vậy nên cậy về quần-chúng có khi phạm đến cái tội-ác rất to, mà có khi cũng lập được cái công-nghiệp rất là kinh-dị.

6º *Quần-chúng đều là bình-thường cả.* — Đã tổ-chức thành quần-chúng, thì không kể gì là chức-nghiệp hằng ngày và tính cách tri-thức của mọi người khác nhau như thế nào, cái tâm-lý là một giống tập-hợp với nhau, thì nó khác hẳn cái lúc một mình. Phàm những tư-tưởng, cảm-tình, ý-chí biểu-hiện ra trong lúc ở lẻ từng người, thì tài-trí của mọi người tuy vẫn có thiển-thâm cao-hạ cách nhau xa; nhưng đến lúc đã họp thành quần-chúng, thì nó mất hẳn cái sức suy-lý phán-đoán của mình đi, phàm có vân-vi động-tác điều gì, đều qui về cái khí-chất thông-thường của cả dân-tộc (nói cho rõ ra thì là cái cách hành-động của loài vật hay là loài người lúc ban đầu. Nguyên cái khí-chất thông thường ấy không còn có cái bản-chất cố-hữu của phần-tử nữa, vậy nên trình-độ nó cũng kém hèn đi. Xem ngay như những cách hành-vi của quần-chúng, nào có gì là kỹ-tài dị-năng, thần-trí trác-thức, hay làm hãi tục kinh đời đâu. Lời bình-luận của kẻ học-giả ở trong quần-chúng cũng chẳng khác gì lời bình-luận của kẻ bỉ-phu, mà những lời họp bàn quyết-định của những bậc trí-thức sĩ-phu, cũng chẳng qua là lối nông-nổi tầm-thường, bị người ta chê cười cả; vậy nên bảo rằng đã là ý-thức quần-chúng thì đều là bình-thường cả.

7º *Quần-chúng kém về đường suy-lý.* — Quần-chúng mà hay kết hợp là vì cảm-tình, cái cảm-tình nó lưu-bố cực dễ, chứ cái quan-niệm thì nó tuyên-truyền rất khó, vì rằng quần-chúng suy-lý rất là nông-nổi, chỉ hay lấy những việc quan-hệ bề ngoài, họp-tập lại mà đoán-luận đại-khái, chứ chửa hay có cách suy lý về luận-lý-học. Phàm những lời nghị-luận cao-xa khó mong có hiệu quả được. Nếu khi đối quần-chúng tuyên-ngôn mà mong có công-hiệu, thì phải nên biết ba điều như sau này.

1) *Phải dùng lời chắc-chắn rõ-ràng.* — Xưa kia vua An-đôn nước La-mã trỏ vào cái áo dây máu mà diễn-thuyết rất thê-thảm, đều nỗi ai nghe cũng phải cảm-động. Lại có người vào trại lính sung binh, có một quan tướng hỏi rằng: « Mày vào trại này làm gì? » Thưa rằng: « Tôi vào theo việc Nhà-nước ». Ông tướng liền quở rằng: « Nhà-nước cái gì, lũ mày chỉ vào làm lính cho nhà vua mà thôi, cần gì mà phải nói đến Nhà-nước! » Lời nói ấy có người lấy làm tức cười, nhưng nghĩ kỹ ra cái nghĩa nó rất sâu-xa. Làm tướng dụng binh phải biết cái thuật nói như thế mới được.

2) *Nói tắt một câu thành-ngữ gọn-gàng mà hàm có cái ý bài-xích, tranh-đoạt, sát-phạt.* — Cái sức suy-lý của quần-chúng, nghe nói những câu rườm-rà quá mà ý-tứ hòa-bình, thì có khi không hiểu; vậy nên nói với quần-chúng phải đơn-giản mà hăng-hái, không chịu thoái-nhượng. Như những câu: « Phá-Loại! Đả-đảo! Đòi lấy được tự-do, không thì chết! » Nói tắt như thế mà hăng-hái mới có công-hiệu được.

3) Tuyên-ngôn điều gì phải cho giản-minh cốt-yếu mà lại có ý hàm-súc. — Nếu nói dài dòng khúc-chiết, điều-lý rành-rẽ thì không hay cảm-động được người, thế mới biết nói đến nghìn lời không bằng một câu. Lúc phát-ngôn phải cho sướng-khoái linh-động, hăng-hái như cầm dao muốn chém, như thế thì quần-chúng mới hướng theo; mà trong lời nói lại có ý hàm-súc, khiến cho người nghe hình như hiểu mà vẫn chưa hiểu hết, không thể một lúc mà hiểu được rõ dầu mối ra sao. Như là những tiếng : tự-do, độc-lập, bình-đẳng, cộng-hòa, dân-chủ chủ-nghĩa, xã-hội chủ-nghĩa v. v. Lại như xưa kia khi cuối đời Tần, Trần Thắng mới khởi-binh, nói lên rằng : « Vương-hầu tướng-tướng chẳng có nòi giống nào cả ». Đều là những câu nói vắn tắt để cho quần-chúng dễ hiểu vậy. Còn như những tư-tưởng về triết-học, về chính-trị, tuy rằng nhất-thời không thể hiểu ngay được, nhưng cứ bảo ngầm cho quần-chúng rồi cũng biết. Nếu để dần-dà hàng năm khiến cho những cái tư-tưởng ấy nó dầm-thấm vào trong tâm-não quần-chúng, thì có khi phát ra những công-việc long trời lở đất. Như khi xưa nước Pháp mà gây nên cuộc cách-mệnh, là bởi cái tư tưởng triết học nó dầm-thấm vào dân-tâm, gần đến hàng trăm năm ; gần đây nước Tàu mà đổi ra chính-phủ cộng-hòa, cũng giống như thế vậy. Vả lại tư-tưởng về chính-trị triết-học mà nó dầm-thấm vào dân-tâm càng lâu, thì lúc tẩy-trừ đi không phải là dễ, tư-tưởng của quần-chúng vẫn hay giữ theo cái lối cũ của người xưa, dầu đến lâu đời vẫn không đổi ; vậy nên kẻ cầm quyền-chính phải nên lựa theo lưu-tục, thuận chiều mà lợi-dạo, chớ có bắt ép dân phải theo mình vậy.

Lại còn một điều nữa phải nên biết, là những câu nói thường tùy theo thời-đại và dân-tộc mà thay đổi, có khi những câu nói ngày trước rất có thế-lực, đến bây giờ thì không có công-hiệu gì cả, mọi người đều coi như khinh-thường cũ rích mất rồi. Vậy những nhà chính-trị phải xét xem thời-tục mà thay đổi câu nói để cho thích-hợp với ý muốn của người ta. Như là nói cái câu : « Bảo-thủ » mà thế-tục không ưa, thì phải nói cho đẹp ra rằng : « Bảo-tồn quốc-túy », tự-khắc là đồ xô nhau mà nghe theo, đó cũng là cái mưu-mẹo tri-trá, như lời ngạn rao lên rằng bán thịt dê, mà kỳ-thực thì bán thịt chó vậy.

8º Cái sức tưởng-tượng của quần-chúng rất là mạnh. — Cái sức tưởng-tượng của quần-chúng rất mạnh mà nhanh chóng lắm, như là thường huyễn-tưởng những sự không đâu mà cho là có thực. Như trong các báo có nói đến những việc chưa phát ra, có kẻ nói bịa ra rằng đã phát-hiện ra rồi, không những dân-chúng họ tin làm đích-thực, mà họ lại tưởng-tượng ra những cái trạng-thái bịa đặt ra cho làm thực có. Như là những truyện thần-tiên qui-quái vẽ-vời ra trong tiểu-thuyết và những trò hí-kịch, mà người xem trông thấy tưởng như có vậy. Bởi vậy những nhà cầm quyền thống-ngự trò bảo quần-chúng, cũng phải lợi-dụng đến cái sức tưởng-tượng của quần-chúng vậy.

9º Cái cách hành-động của quần-chúng phần nhiều là vì cảm-tình.

1) Quần-chúng hay dễ bị kích-thích ma xung-động hăng lên. — Người ta đương lúc ở một mình, nhờ về cái sức tu-dưỡng, hay ức-chế được cái sức hành-động tự bề ngoài nó phản-xạ vào mà gạt đi cả. Nếu đã nhập vào quần-chúng thì mất hẳn cái sức tự-chế, mà dễ mắc phải lay động. Vậy nên hơi bị kích-thích, thì vụt phản-động hăng lên không thể át đi được.

2) Quần-chúng dễ sinh phản-khích. — Quần-chúng đã bị kích-thích mà

thành phẫn-động, thì nó bị cám dỗ ngầm mà xua đi, ngông-cuồng náo-nhiệt hăng lên đến cực-điểm. Nếu đem áp-lực mà đè nén, thì chỉ làm tăng cái phẫn-khích lên, chứ không có công-hiệu gì mấy tí.

3) *Quần-chúng dễ biến-động mà cũng chóng nản ngay.* — Quần-chúng đương lúc phẫn-khích hăng lên, thì chỉ hung-hăng vọt chốc, chừng độ ít lâu thì sinh ra chán nản ngay; nếu có cám dỗ ngầm lần nữa, nhưng cái sức nó cũng kém đi. Người đời xưa đã bảo rằng: Thúc quân vào hồi trống lần đầu là còn hăng-hái, đến hồi trống thứ hai đã kém, thứ ba thì khí-khái hết cả chả còn hăng-hái gì nữa.

4) *Cái tính quần-chúng nó bạo-hoạnh quá không thể nhịn được.* — Nguyên quần-chúng nó có cái cảm-tình nông-nổi, đối với ý-kiến người khác, không nghe theo thì tất là cự-tuyệt, chứ không khi nào trung-lập, nếu nó đã cự-tuyệt thì nó bài-xích dữ-tợn, chứ không nể vì chút gì cả, vậy nên thường gây ra những chuyện bạo-hoạnh vô-lý.

Phàm những cái đặc-tính kể trên đó, đều là cái thiên-tính cố-hữu của mọi người, nó vẫn tiềm-phục ở trong tâm, hễ gặp khi xúc-động đến thì phát-lộ ngay ra. Đương lúc ngày thường ở một mình, tuy rằng nhờ về cái sức người tu-dưỡng, hay chế-ngự bớt được những tính ấy đi mà khéo giữ cho điều-hòa; nhưng đến lúc đã vào đám quần-chúng thì vẫn thường hay phát-lộ cái tính ấy ra không thể ngăn lại được. Xem ngay như những chỗ lên tầu xuống xe, mọi người tranh nhau xô-xát, thì biết được cái cách hành-động của quần-chúng vậy. Nói tóm lại cái tính-chất của cá-nhân với tính-chất quần-chúng nó vẫn là khác nhau, song ta thường thấy cái người vốn có cái tính khoan-hậu hòa-nhã, đến khi mà đã đồng-hóa với quần-chúng, thì chợt biến thành ra cái tính bạo-ngược hung-tàn, trước sau hình như hai người khác hẳn nhau vậy. Nếu hay khéo dụng được cái tính-chất quần-chúng ấy cho phải đạo, thì có thể thành lập được đại-sự-nghiệp; nếu mà dùng sai đi thì gây ra những sự tội-ác lớn không thể hạn-chế được nữa, chẳng đáng sợ lắm thay!

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

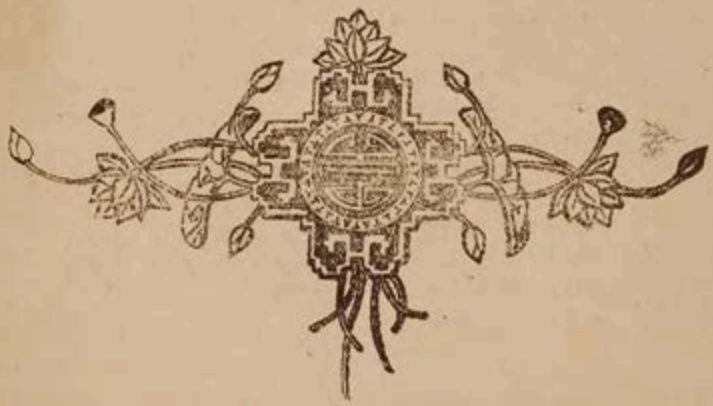

CUỘC NAM-TIẾN CỦA DÂN VIỆT-NAM

Giống nào đã có cái sức sinh-hoạt mạnh, tất phải có cái đất bành-trướng rộng mới được. Nếu trong khi bành-trướng gặp giống khác yếu hơn mình thì thế-tất phải tiêu-diệt để cướp lấy chỗ. Nếu chẳng may mà gặp giống mạnh hơn, thì chính mình bị tiêu-diệt cũng nên! Nhưng dù tiêu-diệt người, dù bị người tiêu-diệt, đáng nào cũng là không thể không bành-trướng được. Có tràn ra ngoài mới sống được: cái sức sinh-hoạt cũng ví như cái sức hơi nước, đã bốc lên tất phải truyền ra ngoài, không cầm giữ lại được. Dân ta ngày nay ủy-mĩ suy-đồi như vậy, tưởng cái sức sinh-hoạt đi đâu mất cả rồi, chỉ còn cầm hơi mà sống cho có mặt với đời. Chớ xét trong lịch-sử đời trước, có phải bao giờ cũng như vậy đâu? Nếu bao giờ cũng như vậy thì không những không diệt được giống Chiêm-thành, mà có lẽ bị Chiêm-thành diệt đã lâu đời rồi. Giống Chiêm-thành không phải là giống hèn: tức là một giống thượng-võ mà cái văn-minh cũng chẳng kém gì mình, cứ xem những đền-đài tăng-tháp còn lại thì đủ biết. Chỉ vì mình kiên-nhẫn và mình nhiều người hơn nó, lại bị cái lẽ sinh-tồn bắt-buộc phải liều sống liều chết mà tràn vào phía Nam cho được, không thời chật hết chỗ không biết sống vào đâu, nên mình đánh nó mãi mà nó phải thua, nhưng trước sau biết bao nhiêu phen thắng-phụ, kể đến ngót một nghìn năm mới tiêu-diệt được hết.

Một tháng ở Nam-kỳ

(N.-P. số 19, trang 25)

.˙.

— Ôi! giọt máu người Nam, nên ơn Đại-Pháp; dẫu sánh với sự hi-sinh của con em qui-quốc chưa thấm vào đâu thật, nhưng vượt bể xa khơi, đem thân tự mấy nghìn trùng mà đến bỏ ở nơi chiến-trường đây, nào biết việc thế-giới thế nào, thù nước Đức là chi, chẳng qua nghe lời Bảo-hộ, tin lòng Bảo-hộ, tình nguyện ra đi, mong lập công-danh với đời, để rỡ tiếng con nhà Hồng-Lạc, lòng can-đảm ấy, chí kiên-gan ấy, dù không oanh-oanh liệt-liệt cũng đáng kính-phục cảm-thương. Kia những tay anh-hùng võ-sĩ nước Pháp kia, liều mình ở nơi tử-địa, chết là biết rằng vì nước mà chết. Chứ còn các anh em đồng-bào ta, bỏ làng bỏ nước, bỏ vợ bỏ con mà sang đây, khi bước chân ra đi, trong bụng nghĩ thế nào? Tưởng phần nhiều anh em cũng là người quê-mùa, mộc-mạc, chất-phác, thật-thà, lúc đi cũng chẳng nghĩ-ngợi xa-xôi gì, chẳng qua là thuận cái lòng khuynh-hướng tự-nhiên của nòi-giống, dù mạo-hiểm mặc lòng, muốn cố đi mà tìm lấy một lối sinh-hoạt rộng-rãi hơn. Nhưng cái lòng khuynh-hướng ấy tức là cái sức «bản-năng» của giống-nòi ta, đời đời đã khiến cho dân-tộc Việt-Nam ngày một bành-trướng trên cõi bán-đảo Ấn-độ Chi-na kia, nguyên phát-tích tự phía Nam nước Tàu mà dần-dần lan khắp cả các đồng bằng rừng núi, thung lũng cao-nguyên, tự vịnh Bắc-kỳ cho đến vịnh Xiêm-la, cơ-hồ muốn ngập cả Xiêm, nuốt cả Lào vậy. Sức «bản-năng» ấy, tuy là một sức sinh-hoạt, nhưng cũng là một sức mạo-hiểm, mà rút lại cũng là để phát-siển cái tiềm-lực của giống-nòi.

Pháp-du hành-trình nhật-ký

(N.-P. 85, trang 32-33)

.˙.

— Ngồi trong xe về Hà-nội, tôi thuật lại cho anh em nghe các thời-kỳ trong cuộc bành-trướng của giống Việt-Nam

ta, mấy trăm năm trước kỷ-nguyên Cơ-đốc, còn tụ-tập ở nơi địa-đầu cõi Trung-châu này, rồi sau tràn dần ra mãi xuống phía Nam, đến chiếm-cứ được cả miền Đông và miền Nam đất bán-đảo Ấn-độ Chi-na này. Cuộc «Nam-tiến» đó là cái sự-nghiệp hiển-hách nhất trong lịch-sử nước ta, đủ biểu-dương được cái nghị-lực phi-thường của dân-tộc ta, dù gặp lắm nỗi khó-khăn, thường phải chiến-đấu luôn với các nước cường-tân, mà không hề ngăn được cái sức bành-trướng mãnh-liệt vậy.

Bài học của lịch-sử

(N.-P. 145, trang 536-537)

. . .

— Giống Giao-chỉ ngoài nghìn năm đúc trong cái khuôn lễ-nhạc của Trung-hoa, càng ngày càng sinh-sôi nảy-nở, khu-khu trong triền sông Hồng-hà lấy làm chật-hẹp, thế-tất phải bành-trướng về phía Nam, bèn vượt Đèo-Ngang mà tràn xuống Chiêm-thành. Thế-giới Chi-na quyết-chiến với thế-giới Ấn-độ trong mấy thế-kỷ, rồi đến năm 1471 thì Chiêm-thành bị diệt, thế là Chi-na thắng mà Ấn-độ lui vậy. Đã thắng thắng mãi, đã lui lui hoài. Cuối thế-kỷ thứ 15, người An-Nam đã phá thành Đồ-bàn (Qui-nhơn bây giờ), là kinh-đô nước Chiêm-thành, chiếm hết tỉnh Bình-định ngày nay, rồi cứ lần lần tiến về phía Nam, đi đến đâu người Hời người Mên chạy đến đó, năm 1611 đến Phú-yên, năm 1653 đến Phan-rang, năm 1697 đến Phan-thiết, năm 1698 đến Sài-gòn, năm 1714 đến Hà-tiên, rồi từ đó xâm-lấn dần sang đất Cao-miên cho mãi đến khi nước Pháp sang chiếm-lĩnh. Nhờ có nước Pháp bảo-hộ, người Mên mới không phải đồng-hóa theo An-nam và khỏi chịu một số-phận như người Hời vậy.

Cuộc Nam-tiến đó là một cái hiện-tượng lớn-lao nhất trong quốc-sử Việt-Nam ta, và là cái chứng-cớ hiển-nhiên của cái sức bành-trướng của dân-tộc ta.

Du-lịch xứ Lào

(N.-P. 158, trang 5-6)

. . .

— Một cuộc du-lịch vẻ-vang: Ngài đã trải qua suốt nam-bộ trung-bộ đất Đông-dương, trong ba kỳ của nước Việt-Nam. Ngài đã qua hai kỳ, ngày hôm nay là bước chân xuống đất Bắc-kỳ. Đây là chốn tổ của giống An-nam chúng tôi; con cháu giống Giao-chỉ đời xưa phát-khởi từ đây mà đời ấy sang đời khác đi chinh-phục cả cõi Đông-dương; cái làn sóng người nó dần dần tràn ngập cả đất Chiêm-thành, xô người Cao-miên ra ngoài đồng-bằng phì-nhiêu sông Cửu-long, ngày nay thành xứ Nam-kỳ tốt đẹp, làn sóng ấy chính là khởi động từ đây.

Vì chúng tôi xưa kia cũng là một dân đi chinh-phục đất người; chúng tôi cũng từng thi-hành cái « chủ-nghĩa đế-quốc », thi hành ra một cách riêng của chúng tôi.

Về thế-kỷ thứ mười, chúng tôi thoát-li được hẳn cái vòng khuôn thế-lực của người Tàu, từ đó dần dần chiếm đất Trung-kỳ, Nam-kỳ ngày nay, chiến-đấu với những nước láng-giềng họ cũng mạnh-bạo gan-góc lắm chứ chẳng vừa. Cái sự-nghiệp bành-trướng về phía Nam theo miền duyên-hải đất Đông-dương này, cùng với cái công-nghiệp chống-chọi với quân Mông-cổ (nhà Nguyên) sang xâm-lấn về thế-kỷ thứ 13 trước, thật là một trang lịch-sử vẻ-vang rực-rỡ nhất của giống Việt-Nam chúng tôi.

Bức thư ngỏ trình quan Thuộc-địa Tổng-trưởng.

(N.-P. 166, trang 222-223)

PHẠM QUỲNH *trước-tác*

NGUYỄN VĂN-KIỆM *sao-lục*

KHẢO VỀ SỬ ẤN-ĐỘ

(Theo sách Tàu)

Phía tây nước Diến-điện, phía nam núi Tuyết-sơn có đất rộng đột ra ngoài bể nam, chả phải là nước Ấn-độ đấy ư? Nhà Hán trước gọi là nước Thân-độc 身毒, lại nhất-danh là Tây-trúc 西竺, Lục-triều về sau gọi là Ấn-độ 印度, gần đây nước Tàu lại gọi là Ngân-đô 銀都, hoặc là Hưng-đô 興都, vốn là một tiếng, nhưng dịch ra hoa-văn nên khác nhau không đúng.

Ấn-độ có năm xứ: xứ lọt vào phía bể là Trung-Ấn-độ; Nam-Ấn-độ; xứ giáp nước Diến-điện 緬甸 là Đông-Ấn-độ; xứ kề núi Tuyết-sơn 雪山 là Bắc-Ấn-độ; xứ đối-ngạn nước A-phú-hãn 阿富汗 là Tây-Ấn-độ. Đông tây ước hơn năm nghìn dặm, nam bắc hơn bảy nghìn dặm, trong nước nhiều chỗ khí-hậu ôn-hòa, trồng được bông, cấy được lúa, thổ-sản có cả châu-báu, kim-cương, san-hô, mã-não, cũng là mộc-hương dược-liệu, hải-vị sơn-hào, không thiếu chi cả; gần bể các chỗ phụ-đầu, đi lại buôn bán thậm là tiện-lợi, cho nên các nước chỉ muốn tàm-thực cái phía đất ấy đã lâu. Khoảng thế-kỷ mười-lăm, Bồ-đào-nha 葡萄牙 đến đất Mạnh-mãi 孟買 thông-thương, đó là thương-quyền của xứ Nam-hải 南海 về tay người Âu-la-ba 歐羅巴 khởi-đoan tự đấy trước, kế sau có Hà-lan 荷蘭, Pháp-lan-tây 法蘭西 và Anh-cát-lợi 英吉利 đem kim-ngân đến mua lấy phiến đất ở bãi bể để lập ra tiệm buôn, thế mà người Ấn-độ trông thấy của tối mắt lại, không nghĩ đến tương-lai cái sự lợi-hại như thế nào, thành ra lợi quyền của trong nước dần dần về tay người Anh chiếm hết, lợi-quyền đã mất thời chính-trị ở trong nước cũng phải thụ-chế ở người Anh.

Kìa Ấn-độ trước xưa sùng-thượng Phật-giáo, lấy từ-bi làm tôn-chỉ cũng tưởng Phật có từ-hàng rước mình lên giác-ngạn. Phật có bảo-phiệt độ mình khỏi mê-tân, nào có biết thế-giới ngày nay, không phải là thế-giới từ-bi, không phải là thế-giới hư-vô tịch-diệt, người ta văn-minh mà mình hủ-lậu, người ta trí-xảo mà mình ngu-hèn, dù có vạn đức Thích-ca giáng-thế nữa, cũng không có thể nào cứu cho được.

Than ôi! Ấn-độ vốn là nước nhu-nhược, viên-bức dẫu rộng, mà tính người dút-dát, không muốn tranh-cạnh với nước nào, các nước ở phía tây-bắc thường đến đánh cướp, mà Ấn-độ vẫn cứ yên-nhiên như vậy, chưa chưa thấy hợp cả các bộ mà kháng-cự bao giờ, đó không những là lỗi tự Phật-giáo từ-bi, xét ra đại-phàm nước nào đã mê-tín quỉ-thần ai cũng có lòng sợ họa cầu phúc, mà nguyên-nhân tự người dân ấy, nhờ có địa-lợi dễ đường sinh-nhai, nên không chịu lao-tâm lao-lực sửa đổi phong-tục chính-trị lại, chỉ nhất-thiết cầu phúc ở quỉ-thần mà thôi. Như Ấn-độ kia phục-tòng cái chính-sách của nước Anh, mà nước Anh cũng ước với Ấn-độ không đổi giáo-pháp và phong-tục của toàn-quốc. Tiếc thay giáo-pháp suy-đồi mà không biết tự-lập, phong-tục bại-hoại mà không biết cải-lương, chính là lỗi tự Ấn-độ. Tuy vậy, việc dĩ-vãng ta không kể chi, mà Ấn-độ tương-lai ta biết đâu mà nghịnh-liệu.

Than ôi, cơ trời thay đổi, quả đất xoay vần, có bĩ thời có thái, chính là

tự-nhiên vậy, an-trí Ấn-độ không có giang-sơn sản-xuất anh-hùng hay sao, không có anh-hùng tạo ra thời-thế hay sao, ta duyệt đến sử Ấn-độ mà ta cảm-tưởng đến thế-kỷ tương-lai, nên mượn bút mực mà dịch ra đoạn lịch-sử này để đối cùng thức-giả.

Ấn độ thuộc về Á-tế-á, chủng-loại mỗi xứ khác nhau, tương-truyền thượng-cổ có hai họ một là Nhật-triều 日朝, một là Nguyệt-triều 月朝, đều là sản-xuất tự thiên-thần.

Vua Nhật-triều là Lạp-Mã 拉瑪 bị cha đuổi, bèn cùng với vợ là Tây-Đạt 西達 trốn ở trong núi mười-bốn năm, có bụng dung-nạp, chúng đều suy-tôn làm vua. Bấy giờ vua đảo Tích-lan 錫蘭 là Lạp-Ba-Nã 拉巴拿 cậy sức khỏe đánh Tây-Đạt đuổi đi, dựng em Lạp-Mã làm vua, khi Lạp Mã chết, con cháu vẫn đời đời kế-tập.

Họ Nguyệt-triều làm vua ở phía tây-nam Ấn-độ, Gia-gia-đề 耶耶提 là một vị xuất-sắc hơn cả, dạy-dỗ dân-nhân, rộng mở bờ cõi, bấy giờ văn-học lễ-nghĩa có danh-tiếng ở Á-châu.

Nhất-thuyết trước kỷ-nguyên 2180 họ Cao-gia-sách 高加索 vào ở bên sông Ấn-độ, rồi sau sùng-bái giáo Bà-la-môn 婆羅門, dựng ra lối chữ Phạn. Cách lâu họ Cao-gia-sách cùng với người thổ đánh nhau, rồi mà hai họ giảng-hòa, cùng thông hôn-thú, trước cùng với Do-thái giao-thông, sau lại sai sứ vào Trung-hoa, trải nhà Hán nhà Đường vẫn giữ lễ triều-cống. Khoảng thế-kỷ thứ sáu và thứ bảy trước kỷ-nguyên, Phật-giáo thịnh-hành, không những bành-trướng ở trong nước, mà lại truyền-bá dần sang cả nước Tàu và nước Lâm-ấp cùng Việt-Nam ta nữa.

Phật-tổ là đức Thích-già 釋迦, sinh đương đời Chu Chiêu-vương 周昭王 ngang đời vua Kinh-dương-vương nước ta, sinh ngày mồng tám tháng tư, nay nước ta vẫn còn kỷ-niệm ngày ấy là Phật giáng-sinh. Tương-truyền đức Phật Thích-già tự núi Già-lam 伽藍 đến ở núi Tích-lan 錫蘭, dấu chân hãy còn, dưới núi ấy có chùa, trong chùa còn để chân-thân của Phật Thích-già và Xá-lợi-tử 舍利子. Khoảng thế-kỷ thứ tám sau kỷ-nguyên, đời Nam-bắc-triều, Đạt-Ma 達摩 ở Ấn độ qua bể sang phía Đông-dương, đem giáo Phật mà truyền-bá, bấy giờ nhà Tấn 晉 Pháp-hiền 法顯, nhà Bắc-Ngụy Huệ-Sinh 惠生, nhà Đường Huyền-Trang 玄奘, đều đi du-lịch Ấn-độ để tìm Thích-điển và Pháp-giới của Phật-giáo. Khoảng thế-kỷ thứ mười-bốn, nhà Minh vua Thái-tổ 太祖 niên-hiệu Vĩnh-lạc thứ sáu, sai quan Thái-giám Trịnh Hòa 鄭和 đến Ấn-độ làm lễ bố-thí ở chùa Tích-lan, và dựng bi-ký, rồi chiếu-dụ ban thưởng cho quốc-vương, và các dầu-mục có sai-đẳng. Bấy giờ quốc-vương là Á-liệt-nhược-nại-nhi 亞列若奈兒 không chịu phục-tòng, nhà Minh bắt đem về nước, chọn người họ là Á-ba-nãi-na 亞波乃那 dựng làm vua, quốc-vương cùng với Chiêm-thành 占城 và Oa-khuê 呱哇 đem lễ vào cống nhà Minh.

Khoảng thế-kỷ thứ chín, đương đời Triệu-tống 趙宋, Ấn-độ bị Hồi bộ 回部 đánh cướp, Tây-lý-á 西里亞 và Bạt-khắc-đức-lý 拔克德里 cùng đến chiếm lấy quá nửa, bấy giờ người Mông-cổ họ Thát-đát 鞨靼 đem binh đến đánh Bạt-khắc-đức-lý chiếm lấy bờ cõi. Khoảng thế-kỷ thứ mười, người Thổ-nhĩ-kỳ 土耳其 là Mã-mao-da 馬毛多 quật-khởi ở đất Ba-tư 波斯 dựng nước Đà-tự-ni 陀寺尼, tự xưng làm vua, chiếm-cứ Ấn-độ. Năm 1028, Phi-tha-lạc 費他落 lại nổi binh lấy Ấn-độ lên làm vua, thu-phục được những đất ngày trước mà Mã-mao-da chiếm-cứ. Năm 1050 Mễ-sơn-đức 米山

德 tự-lập làm vua, đóng đô ở Lặc-hòa 勒和, tự đấy năm nước Ấn-độ thành ra tam phân ngũ-liệt. Khoảng năm 1194, người ở bộ A-phú-hãn là Cao-Nê 高泥, cướp đánh Ấn-độ, hãm cả đô-thành, sau Cao-Nê bị Gia-Hạ giết chết, bấy giờ người Thổ-nhĩ-kỳ Giáp-đu-bá 甲丕伯 dựng nước Đặc-lý 特里 lên làm vua, đó là Thổ-nhĩ-kỳ triều thứ nhất. Sau bị người Mông-cổ là Thành-cát-tư-hãn 成吉思汗 đem binh cướp lấy thuộc-địa. Năm 1288, dòng-dõi Giáp-đu-bá là Bá-lỗ-sĩ 伯魯士 lên làm vua Đặc-lý, đó là Thổ-nhĩ-kỳ triều thứ hai. Không bao lâu bị cháu là Kha-lão-đinh 阿老丁 giết, cướp lấy ngôi, đuổi đánh Mông-cổ, truyền ngôi ba đời đến Ô-bãi 烏罷 thời nước suy. Năm 1353, Bá-na-sĩ 伯那士 tự-lập làm vua Đặc-lý, ấy là Thổ-nhĩ-kỳ triều thứ ba, truyền ngôi được năm đời thì trong nước loạn. Bấy giờ nhà Nguyên vua Thái-tổ được Tây-bắc Ấn-độ, kế đến vua Hiến-tôn lại đánh được Trung-Ấn-độ, cử tôn-vương phò-mã, chia giữ địa-hạt, đông-nam các nước Ấn-độ, đều là phiên-thuộc Mông-cổ. Rốt đời nhà Nguyên phò-mã là Thiếp-mộc-nhĩ-vương 帖木耳王, Tản-mã-nhĩ-hãn 撒馬爾罕, hoành hành ở Tây-vực. Ấn-độ các bộ đều phải qui-mệnh xưng-thần. Đến triều Minh Gia-tĩnh 嘉靖, nhà Minh Tản-mã-nhĩ-hãn biệt-bộ là Mạc-ngọa-nhĩ 莫臥爾 nổi binh đánh lấy đất Ấn-độ, lập ra quốc-đô, sùng-thượng giáo Hồi mà bỏ Phật-giáo, không bao lâu thời Thiếp-mộc-nhĩ mất. Người Thổ-nhĩ-kỳ là Sa-nhất-tinh 沙一星 lại dựng làm vua Đặc-lý, ấy là Thổ-nhĩ-kỳ triều thứ bốn, truyền được ba đời. Kha-lạp-đinh lên làm vua Đặc-lý, ấy là Thổ-nhĩ-kỳ triều thứ năm, truyền đến Tích-đức-cương 昔德剛, lên ngôi vua được mười năm thời người Âu-châu mới đến chiếm-cứ. Khoảng thế-kỷ thứ XV, Tản-mã-nhĩ-hãn biệt-bộ là Mạc-mã-nhĩ 莫馬爾 nổi binh đánh lấy nước Trung-Ấn-độ dựng nước, thế rất hùng-cường, sùng-thượng giáo Hồi, truất bỏ Phật-giáo.

Ấn-độ bắt đầu theo Phật-giáo, kế lại có Hồng-y-lạp-ma-giáo 紅衣喇嘛教 xướng-thủy tự Ô-chi-tàng 烏支藏, chỗ ấy giáp với đất Ấn-độ. Đến khoảng thế-kỷ thứ mười-lăm. Tôn-khách-ba 宗喀巴 lập-dị, bèn xướng ra Hoàng-giáo 黃教, Mông-cổ các nước lấy làm hoan-nghênh, không bao lâu Hồi-giáo nổi lên thời Hoàng-giáo lại suy-nhược. Phái-hãn 派罕 tức là ông thủy-tổ Hồi-giáo Ma-cáp-mạch 摩哈麥 vậy, giáo ấy tự phía tây truyền bá đến đông-bắc, các nước mọi bộ đều theo Hồi-giáo. Đến như Ấn-độ là dòng-dõi Phật-tổ, thế mà cũng bỏ Mâu-ni 牟尼 mà sùng-bái Phái-hãn, chẳng lạ lắm ư! Vậy thời Hồi-giáo cái tôn-chỉ có quả là cao-thượng hơn Phật-giáo chăng? Hay là tôn-giáo cũng tùy thời-thế mà thịnh-suy, nhân vận-hội mà thăng-giáng? Nếu không phải vậy thời nhà Nguyên ở bắc-phương tối-sùng Phật-giáo, khi chiếm được tây, bắc, trung, ba xứ Ấn-độ làm ngoại-phiên, dân hạt ba xứ ấy nửa phần theo Hồi-giáo, mà nhà Nguyên cũng không thể nào ngăn cấm được cái thói mê-tín của lòng dân. Xét ra thế-kỷ thứ mười trở về sau Phật-giáo ở Ấn-độ không bằng Hồi-giáo lại thịnh-hành hơn, đến ngày nay Phật-giáo dần suy, mà Gia-giáo lại tràn sang cả năm xứ Ấn-độ nữa, thế thời đủ biết tôn-giáo cũng có thăng-giáng thịnh suy vậy.

Trước khi ấy Thiếp-mộc-nhĩ-vương cháu năm đời là Ba-ti-nhĩ 波斯爾 vào cướp Ấn-độ, phàm những bộ thuộc về Thổ-nhĩ-kỳ đã ba trăm năm thu-phục lại hết, bèn dựng nước ở đất Đặc-lý. Đến sau Á-cách-ba 亞格巴 lên làm vua

dời đô ra Lặc-hòa 勒和, chia nước làm mười-hai tỉnh, chiến-binh sáu-mươi vạn, uy-quyền ngày lớn, thế-lực ngày mạnh, bấy giờ toan lập riêng một giáo để thiếp-phục lòng dân, nhưng làm chưa xong bệnh chết. Con là Tây-linh 西令 lên ngôi, không được bao lâu cháu là Kha-luân-cách 阿倫格 cướp ngôi, đem lòng tàn-bạo, đốt phá chùa Phật, bắt quốc-dân phải phụng-sự Hồi-giáo, nếu không theo thì xử cực-hình. Đương khoảng 1707 Kha-luân-cách chết, con là Bộ-cáp-đức 步哈德 nối ngôi, truyền cho cháu là Mã-hãn-vị-đức 馬罕未德. Năm 1738 nhân giết sứ-thần nước Ba-ti, Ba-ti lại đánh, kế lại bị A-phú-hãn đến cướp, chống đánh không được ; năm ấy Mã-hãn-vị-đức chết, Á-mĩ 亞美 cướp ngôi, đuổi A-phú-hãn chiếm lấy đất, không được bao lâu dòng-dõi Tây-linh lại kế ngôi vua. Năm 1761 Tây-linh cùng với người nước Anh giao-chiến, thua trận phải cắt đất giảng-hòa. Năm 1785 Ma-thích-đa 麻剌多 đem binh đến đánh, Tây-linh cầu-cứu nước Anh, quân Anh chưa kịp đánh, thời Tây-linh đã bị Ma-thích-đa khoét mắt, rồi lại chiếm giữ lấy đất Đặc-lý, bấy giờ Á-cách-ba-nhĩ thay Tây-linh làm vua. Năm 1803 cầu-cứu người Anh, người Anh đánh Ma-thích-đa lấy lại đất Đặc-lý, nước Anh nhận làm bảo-hộ, lương-bổng của vua đều ngưỡng-cấp ở nước Anh. Năm 1852 Ấn-độ các nước hợp binh đánh nước Anh không được, người nước Anh bắt được vua Đặc-lý lưu ra Diễn-điện. Tự đấy các bộ ở bãi bể đều thuộc nước Anh.

Xét đời Minh năm Hoằng-trị 弘治 đương khoảng thế-kỷ thứ mười-lăm, Bồ-đào-nha 葡萄牙 cưỡi tàu bể đến đất Mạnh-mãi 孟買 (thuộc phía tây-nam Ấn-độ) đào cửa bể, dựng đô ấp, đi lại buôn bán ngày càng thêm giàu. Người Hà-lan 荷蘭 có lòng đố-kỵ đem binh đánh cướp lấy đất ấy, lập ra phụ-đầu, đặt Công-ban-nha 公班衙 quát cả lợi-quyền ở bể Ấn-độ được hai mươi năm. Anh-cát-lợi 英吉利 đem binh đến đuổi đánh Bồ-đào-nha và Hà-lan chiếm lấy cả đất, bấy giờ Pháp-lan-tây 法蘭西 cũng lập phụ-đầu ở phía đông (thuộc nam Ấn-độ). Khoảng năm 1756 người Anh lại đuổi đánh Pháp-lan-tây, rồi mua phiến đất Mạnh-gia-lạp 孟加拉 (thuộc đông Ấn-độ), dựng lâu quán, đắp pháo-đài, coi rất nguy-nga tráng-lệ ; chỗ ấy tầu bè tấu-tập, hàng-hóa lưu-thông, thương-nghiệp tự đấy ngày thêm phát-đạt. Bấy giờ tù-trưởng ở Mạnh-gia-lạp là Sách-lạp-ước-đóa-thích 索拉約朶刺 hợp binh phá cả nhà cửa, bắt tù cả người, nước Anh lấy làm căm-tức, đem đại-binh đến đánh, chiếm hết đất Mạnh-gia-lạp. Năm 1767 Phi-đức-nhĩ-kha-ly 非德爾阿厘 chỉ muốn báo-thù, dưỡng-binh súc-nhuệ để kháng-cự với nước Anh, rồi âm cùng với Ma-thích-đa hợp binh để báo-phục, người Anh bất-đắc-dĩ phải cùng với Kha-ly giảng-hòa. Năm 1774 hội buôn nước Anh, cử binh đến đánh, rồi mà Kha-ly phiến-động dân-chúng, cùng các thổ-hào nổi lên để chống với nước Anh. Kha-ly lại nhờ có Ma-thích-đa để làm áo-viện, người Anh lại phải cầu-hòa với Ma-thích-đa. Rồi mà Kha-ly chết, con là Thiếp-bá-tát-phổ-tất 帖布薩普畢 kế ngôi, lại hô-hào quốc-dân cùng với nước Anh đánh thù-tử một phen nữa. Thiếp-bá-tát bị chết trận, người Anh bèn cùng với Ma-thích-đa cùng nhau chia đất, mỗi nước chiếm-cứ mỗi chỗ, đó không phải là chủ-ý người Anh, muốn chia cái đất ấy cho Ma-thích-đa, cốt là giữ mồi cho Ma-thích-đa để làm kế hoãn-binh mà từ-đồ sau này vậy.

Năm 1817, người nước Anh tiến binh đến đánh Ma-thích-đa, phàm những đất Ấn-độ bị Ma-thích-đa chiếm.

cứ thì cướp lấy tất cả, không những vậy, lại chiếm đất Tích-lan cùng là quần-đảo ở gần đó. Năm 1829 người Anh lấy được đất Ma-lạp-giáp 麻喇甲, hạ-lệnh bỏ tục tuẫn-táng (nghĩa là chôn sống), rồi dùng người thổ-trước làm quan, để trị-sự về hội buôn. Năm 1839 đắp pháo-đài ở Á-đinh 亞丁 và đảo Bách-lâm 百林, lúc ấy lại cướp được cái vũng bể của Ba-tư 波斯 đặt đường thiết-lộ ở bên sông Ấu-phát-lạp-đích 幼發拉的.

Năm 1843, dân Bản-nhược 本若 xướng mưu làm phản, người Anh đem binh đánh bắt cả tù-trưởng, tự đấy Ấn-độ không chỗ nào dám phản-kháng với nước Anh, có bộ thì bị nước Anh diệt, có bộ thì do nước Anh đặt ra quan-lại, có bộ thì phải chịu thuế-dịch mà làm phiên-thuộc, năm xứ Ấn-độ về tay người Anh quản-hạt gần hết, ngoài chỉ còn có tây-bắc và bộ chưa chịu theo cái mệnh-lệnh của người Anh mà thôi. Bấy giờ người Anh ở chỗ duyên-hải lập ra ba phiên-bộ, một là Mạnh-gia-lạp 孟加拉, hai là Ma-đả-lạp-tát 麻打拉薩, ba là Mạnh-mãi 孟買. Nội-địa lập phiên-bộ gọi là Á-gia-lạp 亞加拉. Các bộ ấy đều có cái mối lợi to của trong nước, mà người Ấn-độ không biết đường kinh-tế, nhân người nước Anh đến đấy mở-mang, thành ra một chỗ phồn-hoa đô-hội vậy.

Mạnh-gia-lạp là đất cực phía đông của Ấn-độ, đô-thành gọi là Gia-nhĩ-các-đáp 加爾各搭, ở bên sông An-ngạch-chi 安頡支, thành rất kiên-cố, hào vừa rộng vừa sâu, trong thành quán-các nguy-nga ; đường lối thời khang-trang rộng-rãi ; ngoài thành thì thuyền buôn đậu ở dưới bến đông như lá tre, các thức hàng-hóa không thiếu chi cả, năm xứ Ấn-độ thì chỗ ấy lại là phồn-thịnh hơn, các quan đại-viên nước Anh đến cai-trị đều đóng ở thành ấy. Người Anh đã lấy được Mạnh-gia-lạp do con sông Tây-tạng 藏 rồi dần dần lấn sang phía đông chiếm giữ thửa đất dựng làm biệt bộ, đô-thành gọi là Nhược-nhĩ-hợp-đức 若爾合德, chỗ ấy địa-lợi sản chè, lâu nay người Anh đã đem trồng thử, mỗi năm thu lợi kể có ức vạn, nhưng thứ chè ấy uống không có lợi bằng cà-phê.

Ma-đả-lạp-kha ở về phía tây-nam Mạnh-gia-lạp, thành đóng ở trên bãi bể, nước chảy cuồn-cuộn, sóng reo ầm-ầm, ở tầu bước lên trên bãi rất là nguy-hiểm, người Anh đóng thành ở đó, chủ-ý để hãn-ngự phía nam. Người xứ ấy mặt đen như mực, hình-thể coi ra mạnh-mẽ khinh-khoái, cho nên trước vua Ấn-độ vẫn thường mộ binh ở xứ ấy để đuổi đánh người Anh. Bên nam xứ ấy có một phía đất Bồn-đích-chi-nê 奔的支泥, trước kia Pháp-lan-tây đã lập ra phụ-đầu để đi lại buôn bán.

Mạnh-mãi ở phía tây Ấn-độ, một mặt giáp bể, hình-thế chạy dài, dân chỗ ấy siêng-năng làm-lụng, sùng-bái thần Thái-dương (nghĩa là thần lửa vậy), chết thì không chôn, chỉ để xác cho chim cò ăn. Địa-lợi chỗ ấy có bông gạo, hồ-tiêu, quả dừa, châu báu và san-hô, Mạnh-mãi ở về bãi bể phía bắc, nguyên trước có thành Tô-thơ, trước xưa buôn bán tiện-lợi cũng là một chỗ đô-hội, tự khi Mạnh-mãi lập ra thương-phụ thì cái thành ấy lại bỏ tiêu-điều.

Á-gia-lạp ở giữa đông-tây Ấn-độ, thời nhà Nguyên Mông-cổ chiếm được Ấn-độ, lấy chỗ ấy làm đô-thành, gọi là Trung-Ấn-độ, đền-các rất là cao rộng, sảnh-thự các quan rất là trang-hoàng, trong thành có một cây tháp rất cao, trèo lên ngọn đỉnh nom xa được chín mười dặm ; ngoài thành có lăng vua Mông-cổ, chu-vi hơn hai-mươi trượng, lăng xây rất đẹp, chỗ ấy cũng là một

cái cổ-tích của Mông-cổ vậy. Mông-cổ biệt-bộ là Mạc-ngõa-nhĩ lấy được đất dựng nước trải hơn hai trăm năm, tự khi người Anh lấy được đất Ấn-độ, dựng ra phiên-hạt gọi chỗ ấy là Địa-nội tỉnh-hạt, lúc ấy người Anh quản-trị, Mạc-ngõa-nhĩ tuy có cái hư-hiệu ở đấy, nhưng người Anh cấp cho lương-sướng chỉ đủ nuôi được quyến-thuộc và tôn-tộc mà thôi.

Năm 1857 mưu phản-đối với người Anh, các bộ ở gần bên sông An-nhật đâu đấy nổi binh có mười một vạn, kéo đến Đặc-lý, thấy người Anh bất-cứ trai gái thấy đâu giết đấy, rồi đốt phá cả lâu-đài, cướp-bóc cả của-cải, dựng dòng dõi vua Mạc-ngõa-nhĩ là Bưu-sắc-huân 彪色勳 lên làm Ấn-độ hoàng-đế. Bấy giờ công-ti hội buôn nước Anh đem quân sĩ ở tây-bắc Ấn-độ đến đánh Đặc-lý, người Anh lúc ấy binh mỏi lương hết, ước xin ra hàng, quân Mạnh-gia-lạp dụ người Anh đến bên sông mà lập mưu đánh úp, người Anh chết quá nửa, rồi mà tưởng nước Anh đem hai vạn binh đến đánh, binh được loạn xong, công-ti người Anh đem đất Mạnh-gia-lạp nộp cho chính-phủ Anh. Tự đấy lấy Ấn-độ làm cái chính-phủ người Anh quản-trị, bỏ tiếng phiên-thuộc đặt ra chức tể-tướng để quyền-chưởng các việc, và đặt ra quan tham-nghị mười-lăm viên, trông coi dân-chính tám viên, giúp việc chính-phủ bảy viên, đồng-liêu cử-trị người nào đã am-hiểu công-việc mới được sung chức. Rồi đặt đường thiết-lộ để tiện vãng-lai, dựng nhà giây thép để thông tin-tức, rồi đem nhân-chính thi-hành để cô-ơn với dân Ấn-độ. Tự đấy người Anh đã thu được cái tài-chính của Ấn-độ, nhưng cấp-dưỡng binh-lính cũng nhiều, chi-tiêu cũng không thừa mấy. Gần đây cái lợi nha-phiến của Ấn-độ, hằng năm thu vào chính-phủ Anh không biết bao nhiêu mà kể, mà người Anh giàu bội hơn trước cũng nhờ có cái thổ-sản ấy mà hưng-vượng hơn khi xưa.

Xét Ấn-độ các bộ chỗ nào cũng có nha-phiến, trồng được nhiều nhất là xứ Mã-thích-tha 馬剌他. Nha-phiến có hai giống, giống sắc đen thì tốt hơn giống sắc đỏ, giống mà thành viên tròn ấy phát-đoái ở xứ Mạnh-gia-lạp thời giá cao, làm thành phiến thời phát-đoái ở xứ Mạnh-mãi thời giá hạ. Gần đây nha-phiến đem bán các nước mỗi năm xuất-cảng có mấy mươi vạn hòm. Than ôi! nha-phiến là một vị rất độc rất thảm-hại cho nhân-loại, không phát-sinh ở nước nào lại phát-sinh ở nước Phật, chả quái-ác lắm ư!

.˙.

Phụ sơn-xuyên phong-tục

Núi cao nhất là núi Tuyết-sơn, sông lớn nhất là sông An-ngạch 安額 tức là sông Hằng-hà. Sách Phật nói Hằng-hà sa-số 恆河沙數, nghĩa là sông Hằng-hà cát nhiều không biết đâu mà kể, người Ấn-độ gọi sông ấy là Linh-thủy 靈水. Tượng Phật Bồ-tát 菩薩 và tượng phật La-hán 羅漢 phần nhiều đề truồng mình, tai đeo vòng khuyên, cổ chân đeo xuyến, tức là di-tục của Ấn-độ, đến nay chưa đổi. Người Ấn-độ mặc áo, bên ngoài bằng áo cà-sa, không những riêng một thầy tăng. Thầy tăng làm lễ chắp tay mà lạy, đều là thổ-tục vậy. Tục nước thì mặt chuộng sắc đen, môi thì sắc xanh, lấy vải trắng quấn đầu, cho nên người Việt-đông 粵東 gọi Ấn-độ là Tiểu-bạch-đầu-quốc 小白頭國. Giống người vốn là giống điêu-đề, tính hay chạm vẽ ở mình, người sang thời đỉnh trán vẽ hình mặt trời, hình cây hoa, hoặc lấy phấn bôi mặt sáng như sao; người hèn thời trán chạm có văn-vẻ, sau lưng cánh tay thời vẽ hình bát-quái. Con trai để truồng mình, dưới lấy bức vải quấn quanh làm quần; con gái mới có áo

mặc ở mình, dùi tai dùi mũi đeo khuyên vàng, cánh tay cổ chân thì cũng có đeo xuyến. Có chỗ chết thời chôn ở đất, có khi thì quăng ra sông; người già chết, con cháu đưa đến bên sông ngồi quanh thây mà khóc, rồi lấy lưỡi liếm vào bàn tay để tỏ tình thương tiếc; cũng có chỗ lấy lửa đốt, cũng có khi vợ chồng yêu-mến nhau, chồng chết để thây ở trên đống củi lấy lửa đốt, xong rồi người vợ cũng nhảy vào trong đống lửa mà chết, lúc ấy họ-hàng đứng xem chung quanh, cũng không lấy làm lạ. Cũng có chỗ nhà ở trát bằng phân trâu. Thân-thể người thời lấy dầu sát, lấy thế làm đẹp. Cận-lai nước Anh khai-hóa, phong-tục cũng đổi được một hai phần, mà cũng còn nhiều chỗ câu-chấp chưa có thể đổi được.

PHỤC-BA *biên-dịch*

MỘT NHÀ HỌC-GIẢ TRỨ-DANH ĐỜI NAY:

Bác-sĩ Gustave Le Bon

Bác-sĩ GUSTAVE LE BON mới tạ-thế. Ông là một người suốt đời tận-tụy về sự học, thiệp-liệp các khoa, khám-phá được nhiều, nay ông mất đi thật là một cái tang chung cho cả cõi học thế-giới. Ông có cái trí ham biết không ai bằng, có cái tài lỗi-lạc thật xuất-chúng. Ông thật là một bậc thiên-tài, có người đã gọi ông là một bậc « thiên-tài nhiều phương-diện » (*un génie polyédrique*), nghĩa là kiêm nhiều mặt trong cõi học-vấn, cõi tư-tưởng của loài người. Cái sức hoạt-động của ông thật là vĩ-đại thay. Mà sự-nghiệp ông là tự một tay ông gây dựng nên cả : ông chỉ học một mình, thầy cũng là mình, bạn cũng là mình; lúc còn học văn-chương cổ-điển ở trường trung-học hay học các khoa y-học ở trường Đại-học, xem ra ông không thiết gì, đến khi ra đời, tự-do vẫy-vùng, bấy giờ mới rõ ra nhân-cách.

Những sách phổ-thông trước-tác đầu của ông đã hiển-nhiên có cái vẻ danh-sơn sự-nghiệp rồi, có cái hương-vị đặc-biệt thâm-trầm, tức là kết-quả mấy năm du-lịch khảo-sát ở cõi Đông-phương. Những sách ấy là : « Văn-minh của giống Ả-rập » (*La Civilisation des Arabes*), « Các văn-minh của Ấn-độ » (*Les Civilisations de l'Inde*), « Các văn-minh thứ nhất của Đông-phương » (*Les premières civilisations de l'Orient*), « Các miếu-tháp của Ấn-độ » (*Les Monuments de l'Inde*), mấy quyển đó xuất-bản từ năm 1884 đến 1893, đều có đặc-sắc lắm và được thiên-hạ thưởng-thức lắm.

Nhưng trước kia ông cũng đã xuất-bản nhiều sách chuyên-môn về sinh-vật-học : như một bài khảo-cứu về « Phép tự-ký » (*La Méthodes graphique*), có tả rõ cả các khí-cụ mới chế ra; lại một bài nữa khảo về « Khói thuốc lá » (*La fumée de Tabac*) xuất-bản năm 1880, đại-khái giải về cái phương-pháp để xét thuốc lá lợi-hại thế nào, phương-pháp này là phải phân-tích khói thuốc lá, chứ không phải phân-tích cái lá hay cái nước sắc bằng lá thuốc đâu. Năm 1879, ông cũng đã nghiên-cứu về thể-tích của cái sọ người ta khi to khi nhỏ khác nhau thế nào. Sau mấy cuộc lữ-hành của ông, năm 1889, ông lại làm một quyển sách về « Phép họa địa-đồ

Giảng-giải về các phương-pháp họa địa-đồ và bản-đồ » *Les levés topographiques. Exposé des méthodes de levés de cartes et de plans*), sách có nhiều ý-kiến riêng, được các nhà chuyên-môn hoan-nghênh lắm. Vì ông cho những phương-pháp cũ phải học-tập lâu lắm, ông tự nghĩ ra phép mới giản-dị hơn và cũng tốt lắm. Một nhà trước-thuật nọ khen ông đã có câu nói rằng: « Có người sáng-nghĩ ra mới lại dễ hơn là phải hiểu cũ » (*Créer, pour certains esprits, est plus facile que comprendre*,-EDMOND PICARD); câu đó nói về ông thật là đúng lắm.

Xem đó thì biết trong các khoa-học, có lẽ không có khoa nào là ông không để ý nghiên-cứu. Mà đã nghiên-cứu đến một vấn-đề gì, thì tất là khám-phá được những điều mới lạ, phát-biểu được những lẽ rất hay. Thí-dụ như quyển sách của ông về « Nghề cưỡi ngựa đời nay cùng cái phép-tắc của nghề ấy » (*Equitation actuelle et ses principes.*) Sách này là nhân một sự kinh-nghiệm riêng của ông mà làm ra: ông cưỡi một con ngựa nó bất-kham, suýt nữa làm cho ông chết. Nhân đó mới nghĩ ra khảo-sát về phép cưỡi ngựa, kể cũng là một vấn-đề tầm-thường, nhiều người đã bàn xét rồi, vậy mà làm ra được một quyển sách rất có đặc-sắc, phá được nhiều điều sai-lầm từ xưa đến nay, và định được cái tâm-lý của con ngựa hợp với lẽ phải đương-nhiên

Đến sự-nghiệp trước-tác của ông về khoa xã-hội-học, thời phong phú là dường nào, chắc ai cũng đã biết. Gồm cả lại có thể cho là một nền kiệt-tác trong cõi học. Những sách như: « Người ta với các xã-hội » (*L'homme et les Sociétés*), « Các phép-tắc về tâm lý của sự tiến-hóa trong các dân-tộc » (*Les Lois psychologiques de l'évolution des peuples*), « Tâm-lý của quần-chúng » (*La Psychologie des foules*), « Tâm-lý của chủ-nghĩa xã-hội » (*Psychologie du socialisme*), « Tâm lý của sự giáo-dục » (*La Psychologie de l'éducation*), những sách ấy đã thành như sách giáo-khoa về xã-hội-học, nghiên-cứu về những vấn-đề rất khó-khăn đời nay, về thời-thế, về người ta, về các quốc-gia xã-hội. Sách « Người ta và các xã-hội » là sách ông soạn từ thủa nhỏ (năm 1880), nay rất hiếm lắm, khó lòng mua được; sách có cảm-hứng vô-cùng, lấy phép khoa-học mà nghiên-cứu về người ta cùng các xã-hội tiến-hóa thế nào, coi nhân-loại như một bộ-phận nhỏ trong vũ-trụ, và thiết-tha biểu-dương cái nghĩa vạn-vật biến-hóa, nhất-thiết trong trời đất không có gì là nhất-định, vật đổi sao dời là lẽ thường trong trường thiên-diễn. Sách tiếp sau về lẽ tiến-hóa trong các dân-tộc, thời xuất-bản năm 1891. Sách « Quần-chúng tâm-lý » xuất-bản năm 1895. Sách này được thiên-hạ hoan-nghênh lắm; cả sách « Tâm-lý của chủ nghĩa xã-hội » cũng vậy. Ông không tin chủ-nghĩa xã-hội là hay là tốt, nhưng ông cho rằng chủ-nghĩa này tất có ngày được thắng. Đến cái phép giáo-dục của Nhà-nước thì ông không tin một chút nào, nhất là bậc trung-học, ông công kích một cách kịch-liệt.

Cái nền trước-tác về xã-hội-học của ông đã vững-vàng to-tát như vậy, lại thêm công nghiên-cứu về vũ-trụ-học nữa. Trong cõi học này, ông cũng là một tay sáng-tạo; ông ra tay đánh đổ cả khoa vật-lý cũ, và nhất-phiên cải-tạo cả lại. Ông đăng luôn mấy bài trong « Khoa-học tạp-chí » (*Revue scientifique*) thay đổi cả cái quan-niệm thông-thường về vật-chất. Năm 1905, ông xuất-bản sách « Vật-chất tiến-hóa » (*Evolution de la matière*), tóm-tắt cả những điều phát-minh của ông, và sáng-lập ra hẳn một khoa vật-lý-học mới. Ông xướng lên cái thuyết « hắc-quang » (*lumière noire*), tức là cái sức « phóng-xạ » (*radio-activité*) của vật-chất, và ông chứng-giải rằng vật nào cũng có sức ấy cả. Một

nhà vật-lý-học trứ-danh là ông DANIEL BERTHELOT đã phê-bình về cái học-thuyết của ông như sau này : « Những thuyết ông phô-diễn trong sách ông, như thuyết vật-chất hóa ra khí-lực (*transformation de la matière en énergie*), thuyết khí-lực trong nguyên-tử (*énergie intraatomique*), ngày nay cả học-giới đã công-nhận rồi. Những nguyên-tử trong vật-chất, thật là cái kho sức mạnh vô-cùng-tận, mạnh hơn những chất nổ rất mạnh của người ta, nếu mà có cách nào thu-thập cùng lợi-dụng được thời có thể làm cho điên-đảo cả công-nghệ đời nay và mở ra một thời kỳ mới trong lịch-sử văn-minh vậy. »

Các nhà vật-lý học lúc mới đầu còn phản-đối những thuyết đó. Vì hồi ấy thiên-hạ còn công-nhận là vật-chất không có thực, tức là cái thuyết « phi vật-chất » (*dématérialisation de la matière*). Nhưng dù thế nào mặc lòng, sự thực đã hiển-nhiên đó, cái công của ông sáng-nghĩ ra đã ghi-chép vào sách-vở, có ngày tháng hẳn-hoi, không ai tranh-đoạt được của ông. Thấy thiên-hạ chưa chịu, ông thường nói : — Hãng cứ đợi, rồi mà xem. — Vì ông là người quân-tử, ông biết sự đời lắm. Ông có câu rằng : « Thực ra thì người gieo hạt không được tự mình thu-hoạch, kể cũng chẳng hề chi. Miễn là cây mọc tươi-tốt thì thôi. Đời người ngắn-ngủi không mấy chốc, trong các công-việc ở đời có lẽ không việc gì hay bằng tìm ra những lẽ phải người ta chưa biết, mở ra những đường lối mới ở trong cái cõi mang nhiên mù-mịt nó bao-bọc quanh mình ta. » (*Il importe peu en réalité que celui qui a semé ne récolte pas. Il suffit que la récolte grandisse. De toutes les occupations pouvant remplir les heures si brèves que la vie nous accorde, nulle ne vaut, peut-être, la recherche de vérités ignorées, l'ouverture de sentiers nouveaux dans l'inconnu immense, ténébreux dont nous sommes enveloppés.*)

Cách hai năm sau, năm 1907, sách « Sự tiến-hóa của các sức mạnh » (*L'Evolution des Forces*) tiếp-tục cho sách « Sự tiến-hóa của vật-chất », và suy-diễn rộng ra. Hai quyển sách ấy được thiên-hạ cổ-võ hoan-nghênh vô-cùng, bán chạy không kém gì bộ tiểu-thuyết ngôn-tình vậy. Sách nói về vũ-trụ biến-hóa, mà ở giữa nước Pháp được nhiều người đọc như thế, cũng là một câu chuyện khoái vậy.

Ông thường nói đối với kẻ học-giả, sự được thua không quan-hệ gì. Nhưng sinh-thời được trông thấy cái tư-tưởng của mình đắc-thắng, đối với ông cũng là một sự vui lòng. Những người sáng-kiến xưa nay mấy người được như thế. Mà theo như lời DANIEL BERTHELOT, thì ông quả là « một tay thiên-tài sáng-kiến ra cuộc tiến-hóa mới nhất của khoa vật-lý-học » (*un précurseur génial de la plus récente évolution de la science physique*).

Còn như cái cách ông làm người thì thế nào ? Ông nói chuyện, cái câu chuyện của ông nó hùng-hồn mà nó súc-tích biết bao nhiêu ! Lại rộng-rãi mà man-mác biết bao nhiêu ! Đối với kẻ thân, câu chuyện lại có cảm-tình lý-thú nữa. Ông thường họp anh em ăn cơm nói chuyện, những tiệc đó các bằng-hữu thường đặt tên là « Chấp công vãn-tịch » (Tiệc tối hai mươi ông, *Dîner des vingt*), hay « Thập công ngọ-tịch » (Tiệc trưa mười ông, *Déjeuner des dix*), ai được ông mời đến dự lấy làm hân-hạnh lắm. Mà đến với ông, là đến gần một ông thầy để hấp-thụ lấy cái tư-tưởng mạnh-mẽ sâu-sắc, tư-tưởng ấy có người đồ-đệ ông đã gọi là « thứ đồ ăn cho loài sư-tử » (*nourriture de lion*) nghĩa là cho kẻ trượng-phu, chứ không phải là cho loài ong loài bướm chấm hút cái nhị hoa như giống văn-nhược ở đời.

Về việc chiến-tranh năm 1914, là một cái đại-tai-nạn cho Âu-châu, ông có làm

nhiều sách, như : « Ảnh-hưởng thứ nhất của cuộc chiến-tranh » (*Premières conséquences de la guerre*), « Bài học tâm-lý của cuộc Âu-chiến » (*Enseignements psychologiques de la guerre européenne*), « Hôm qua với ngày mai » (*Hier et Demain*), « Sự mất quân-bình của thế-giới » (*Le Déséquilibre du monde*), «Nông-nỗi phân-vân ngày nay» (*Incertitudes de l'heure présente*), sau cùng là quyển « Gốc khoa-học cho một nền triết-lý về lịch-sử » (*Bases scientifiques d'une Philosophie de l'Histoire*), xuất-bản năm 1931. Những sách đó là những mối tư-tưởng của một nhà triết-học, nhân thấy việc đời mà nghĩ ra, có ý-vị vô-cùng. Mà nhà triết-học này lại là một người đã từng-trải việc đời, đã hiểu biết sự đời lắm, cho nên không khỏi có cái vẻ bi-quan. Trước khi chiến-tranh ông cũng đã xuất-bản hai quyển sách, tư-tưởng đối-đáo : một quyển đề là « Tư-tưởng với tín-ngưỡng» (*Les Opinions et les Croyances*, 1911), một quyển đề là « Cái đời của các chân-lý» (*La Vie des Vérités, 1914*) là tiếp-tục cho quyển trước, nói về các lẽ phải của người đời tôn-trọng không có gì là tuyệt-đối cả, cũng chỉ lưu-hành được trong một thời-kỳ rồi đến già-cỗi.

Các sách lược kể trên đó đều thuộc về một bộ tùng-thư của ông đặt ra ở hiệu sách FLAMMARION, tên là «Khoa-học Triết-lý Tùng-thư » (*Bibliothèque de Philosophie scientifique*), bộ sách này đã nổi danh khắp thế-giới. Phàm người nào gọi là người có học-thức cũng đã biết qua cả. Vì bộ sách này có cái giá-trị đặc-biệt, người chủ-trương là một bậc thông-minh lỗi-lạc, vừa biết chọn các vấn-đề, lại vừa biết kén tay tác-giả, vấn-đề nào vào tay nào nghiên-cứu, cũng là đích đáng cả. GUSTAVE LE BON mở ra bộ tùng-thư đó thật đã có công to với cõi khoa-học cùng triết-học đời nay.

Ông không phải là một nhà giao-tế, không hay giao-thiệp với đời. Ông chính là một nhà ẩn-dật, như muốn giấu cái đời mình không cho thiên-hạ biết, chỉ sống với mình, sống bằng tư-tưởng của mình, bằng sự thực của đời, bằng cái sự-nghiệp trước-tác mà thôi. Người ẩn-độn là người khéo nuôi cái sức mạnh của mình, ai đến gần mới được biết cái nghị-lực, và cũng nhờ đó được mạnh lây vậy.

Nay ông mất, thật là một cái tang to cho cõi khoa-học, triết-học thế-giới. Mỗi khi trong thiên-hạ có một người thông-minh mất đi, vẫn là một sự thiệt-thòi cho loài người ; nay ông quả là một người đại-thông-minh, đại-trí-tuệ, một kẻ học-sĩ tuyệt-luân, một bậc trượng-phu xuất-chúng. Ông đi, nhưng sự-nghiệp trước-tác của ông còn đó. Giả ta hỏi ông thì tất ông nói rằng cái sự-nghiệp danh-sơn đó còn khuyết-điểm nhiều, cũng như vạn-sự ở đời, đó là cái thuyết tương-đối (*relativité*) của ông vẫn chủ-trương. Nhưng cứ bình-tĩnh mà xét thì sự-nghiệp ấy thật là tiêu-biểu cho một sự tiến-bộ lớn trên cõi học của loài người.

Kết-luận bài tiểu-truyện này, lại xin nhắc lời của ông DANIEL BERTHELOT tự năm 1924 đã gọi GUSTAVE LE BON là « một nhà học-giả yêm-bác nhất và có đặc-sắc nhất đời nay » (*un des esprits les plus vastes et les plus originaux de notre temps*).

T.-C.

Trích-dịch mấy đoạn danh-ngôn của Gustave Le Bon

La race est la pierre angulaire sur laquelle repose l'équilibre des nations. Elle constitue la limite psychologique assignée aux ambitions des conquérants, aux rêves d'hégémonie qu'ils peuvent former.

Chủng-tộc là hòn đá tảng để giữ cho các quốc-gia được bằng-phẳng vững-vàng. Nó là cái giới-hạn tâm-lý khiến cho cái lòng tham-vọng của kẻ xâm-lược, cái mộng bá-quyền của kẻ đồ-mưu không thể vượt qua được.

. .

Les croisements n'ont d'influence que s'ils opèrent entre peuples de mentalité voisine. Ils sont désastreux entre peuples de mentalité trop différente. L'union des Blancs avec des Noirs, des Hindous ou des Peaux-Rouges n'a d'autre résultat que de désagréger chez les produits de ces unions tous les éléments de stabilité de l'âme ancestrale sans en créer de nouveaux. Les peuples de métis, tels que ceux du Mexique ou des républiques espagnoles de l'Amérique, restent ingouvernables par cette seule raison qu'ils sont des métis. L'expérience a prouvé qu'aucune institution, aucune éducation ne pouvait les sortir de l'anarchie.

Sự pha giống thì chỉ trong các dân-tộc tâm-lý gần giống nhau mới có ảnh-hưởng được. Đối với dân-tộc tâm-lý khác nhau quá, thời thành ra tai hại. Như người giống da trắng lấy người giống da đen, người Ấn-độ hay người Da-đỏ, thời kết-quả chỉ làm cho giải-tán cả những nguyên-chất làm thành ra tinh-thần của tổ-tiên mà không tạo ra được nguyên-chất mới. Những dân-tộc lai-căn, như dân Mạc-tây-kha cùng các dân-quốc giống Tây-ban-nha ở Mi-châu, chỉ vì tạp-chủng cho nên không thể cai-trị được. Đã nghiệm ra không có chế-độ nào, không có giáo-dục nào làm cho những dân ấy khỏi loạn được.

. .

La vie d'un peuple, ses institutions, ses croyances et ses arts ne sont que la trame visible de son âme invisible. Pour qu'un peuple transforme ses institutions, ses croyances et ses arts, il faut d'abord transformer son âme; pour pouvoir léguer à un autre sa civilisation, il faudrait qu'il lui léguât aussi son âme.

Sự sinh-hoạt của một dân-tộc, chế-độ tín-ngưỡng, mĩ-thuật của dân-tộc ấy, chẳng qua là phần biểu-diện của cái tâm-hồn u-âm mà thôi. Muốn cho một dân-tộc biến-đổi chế-độ tín-ngưỡng, mĩ-thuật đi, thời trước phải biến đổi tâm-hồn đi đã; muốn truyền lại văn-minh của mình cho một dân-tộc khác, thời phải truyền cho cả tâm-hồn nữa.

. .

Une race peut se comparer à l'ensemble des cellules qui constituent un être vivant. Ces milliards de cellules ont une durée très courte, alors que la durée de l'être formé par leur union est relativement très longue. Elles possèdent donc à la fois une vie personnelle, la leur, et une vie collective, celle de l'être dont elles composent la substance.

Một giống người có thể ví như một sinh-vật, gồm các tế-bào mà thành ra. Tế-bào ấy kể hàng ngàn triệu, cái đời nó rất ngắn, mà cái đời của con sinh-vật nó kết-hợp lại mà thành ra thì lại rất dài. Vậy thời những tế-bào ấy vừa có một cái đời riêng của mình, lại vừa có một cái đời chung, là đời của con sinh-vật mà thể-chất là làm bằng

Chaque individu d'une race a, lui aussi, une vie individuelle très courte et une vie collective très longue. Cette dernière est celle de la race dont il est né, qu'il contribue à perpétuer, et dont il dépend toujours.

Nous devons donc considérer la race comme un être permanent, affranchi du temps.

∴

La moralité, c'est ce respect héréditaire des règles sur lesquelles l'existence d'une société repose. Avoir de la moralité, pour un peuple, c'est avoir certaines règles fixes de conduite et ne pas s'en écarter. Ces règles variant avec les temps et les pays, la morale semble par cela même chose très variable, et elle l'est en effet ; mais pour un peuple donné, à un moment donné, elle doit être tout à fait invariable. Fille du caractère, et nullement de l'intelligence, elle ne se trouve solidement constituée que lorsqu'elle est devenue héréditaire, et, par conséquent, inconsciente. D'une façon générale, c'est principalement du niveau de leur moralité que dépend la grandeur des peuples.

∴

Les grandes supériorités intellectuelles peuvent se comparer à ces monstruosités botaniques créées par l'artifice du jardinier. Abandonnées à elles-mêmes, elle meurent ou retournent au type moyen de l'espèce qui, lui, est tout puissant, parce qu'il représente la longue série des ancêtres...

La grande supériorité intellectuelle ne paraît donc s'obtenir qu'à la condition de laisser derrière soi des dégénérés...

∴

Un peuple peut perdre bien des choses, subir bien des catastrophes, et se relever encore. Il a tout perdu et ne se relève plus quand il a perdu son âme.

nó vậy. Mỗi cá-nhân trong một chủng-tộc cũng có một cái đời riêng rất ngắn và một cái đời chung rất dài. Cái đời chung ấy là đời của giống đã sinh ra mình, mình giúp cho sinh-tồn nối dõi và tự mình vẫn còn thuộc mãi.

Vậy ta phải coi chủng-tộc như một giống sinh-vật trường-tồn, thoát hẳn ra ngoài thời-gian vậy.

∴

Lòng đạo-đức là cái tâm-lý di-truyền biết tôn-trọng những kỷ-cương làm gốc cho sự sinh-tồn của một xã-hội. Một dân-tộc có đạo-đức nghĩa là có mấy cái phép-tắc nhất định để cư-xử, không hề sai. Những phép-tắc ấy tùy thời-đại, tùy xứ-sở có thay đổi, thời luân-lý cũng phải thay-đổi, mà thực vẫn có thay-đổi ; nhưng về phần riêng một dân-tộc nào, trong một thời-kỳ nào, thời luân-lý phải tuyệt-đối bất-dịch. Đạo-đức là do ở tính-cách mà ra, chứ không phải bởi trí-tuệ, phải thành ra di-truyền, nghĩa là thành ra vô-ý-thức, thời mới thật là thành-lập vững-vàng. Đại-để thời sự phú-cường của các dân-tộc, cốt là ở cái trình-độ đạo-đức của các dân-tộc ấy.

∴

Những bậc đại-thông-minh siêu-quần bạt-chúng, cũng ví như những cái hoa quả kỳ-quái kia, do ở tài người làm vườn gây nên. Nếu để mặc không chăm-chút nữa, thời chết đi, hay lại trở về cái kiểu-mẫu thông-thường của giống mình, vì chủng-loại là gồm cả mấy mươi đời tổ-tiên từ trước, vẫn có cái sức mạnh lắm.

Vậy thời phàm lối-lạc thông-minh, là kế-tiếp sau tất phải suy-sút kém-cỏi.

∴

Một dân-tộc có thể mất đi nhiều thứ, có thể chịu lắm sự tai-nạn, rồi mà lại khôi-phục được. Nếu đã mất tinh-thần của chủng-tộc rồi, thời là mất hết, không thể khôi-phục được nữa.

. . .

Il est aussi impossible à un peuple de changer brusquement les éléments de sa civilisation qu'à un individu de modifier sa taille ou la couleur de ses yeux.

. . .

En religion comme en politique, le succès est toujours aux croyants, jamais aux sceptiques, et si aujourd'hui l'avenir semble appartenir aux socialistes, malgré l'inquiétante absurdité de leurs dogmes, c'est qu'il n'y a plus qu'eux qui soient réellement convaincus. Les classes dirigeantes modernes ont perdu la foi en toutes choses. Elles ne croient plus à rien, pas même à la possibilité de se défendre contre le flot menaçant des barbares qui les entourent toutes parts.

. . .

Dans les civilisations modernes, les vieilles idées qui servaient de base à la coutume et à l'opinion étant presque détruites, leur empire sur les âmes est devenu très faible. Elles sont entrées dans cette phase d'usure durant laquelle les idées anciennes passent à l'état de préjugés. Tant qu'elles ne sont pas remplacées par une idée nouvelle, l'anarchie règne dans les esprits. C'est seulement grâce à cette anarchie que la discussion peut être tolérée. Ecrivains, penseurs et philosophes doivent bénir l'époque actuelle et se hâter d'en profiter, car ils ne la reverront plus. C'est un âge de décadence peut-être, mais c'est un des rares moments de l'histoire du monde où l'expression de la pensée reste libre. Il ne saurait durer. Les conditions de la civilisation moderne entraînent les peuples européens vers un état social qui ne tolérera ni discussion, ni liberté. Les dogmes nouveaux qui vont naître ne

. . .

Một dân-tộc mà muốn vứt đổi các nguyên-chất văn-minh của mình, thời không thể được, cũng như một người mà muốn đổi cái khung khổ người hay cái mầu-sắc mắt vậy.

. . .

Về tôn-giáo cũng như về chính-trị, thành-công bao giờ cũng ở người có lòng tin, chứ không ở kẻ hoài-nghi bao giờ. Như chủ-nghĩa xã-hội, tuy các qui tắc của nó vô-lý mà không khỏi có tính-cách ngụy-hiểm thật, vậy mà nay xem ra tương-lai là về phái xã-hội, vì chỉ còn có bọn này mới là có lòng tin nhiệt-thành. Còn các giai-cấp chủ-trương đời nay thời không còn có lòng tin gì nữa rồi. Không tin gì, cho thậm-chí đến không tin rằng còn có thể chống lại với cái sóng dã-man nó bao-bọc quanh mình nữa.

. . .

Trong các văn-minh đời nay, những tư-tưởng cũ làm gốc cho phong-tục, cho dư-luận, hầu bị phá-hoại cả, ảnh-hưởng đến tâm-tình người ta đã phai-nhạt đi lắm rồi. Hãy vào cái thời kỳ tiêu-mòn đi, là thời-kỳ tư-tưởng cũ biến thành những thiên-kiến trần-hủ rồi. Nếu không có tư-tưởng mới thay vào, thời tinh-thần thành ra rối-loạn. Nhờ có sự rối-loạn đó, mới có thể đem tư-tưởng ra mà thảo-luận được. Các nhà văn-học, nhà tư-tưởng, nhà triết-học phải nên cảm ơn thời-đại này, mà mau-mau thừa-cơ lợi-dụng, vì sẽ không bao giờ lại được như thế nữa đâu. Có lẽ đời này là đời suy-đồi, nhưng thật là một cơ-hội hiếm-có trong lịch-sử thế-giới mà tư-tưởng người ta có thể phát-biểu ra tự-do được. Cơ-hội này không thể lâu bền được. Cứ thể-cách văn-minh đời nay thời các dân-tộc Âu-châu tất bị xô-đẩy vào một cái tình-trạng xã-hội sẽ không dung cho người ta còn được tự-do nghị-luận gì nữa. Vì những giới

pourront s'établir, en effet, qu'à la condition de n'accepter de discussions d'aucune sorte et d'être aussi intolérants que ceux qui les ont précédés.

∴

L'adoption d'idées nouvelles n'est pas dangereuse pour un peuple par elle-même, mais par l'essai successif d'idées auquel il se trouve condamné avant de trouver celles sur lesquelles il pourra solidement asseoir un édifice social nouveau destiné à remplacer l'ancien. Ce n'est pas le fait d'être erronée qui rend une idée dangereuse — les idées religieuses dont nous avons vécu jusqu'ici étaient fort erronées, — mais c'est parce qu'il faut des expériences longtemps répétées pour savoir si les idées nouvelles peuvent s'adapter aux besoins des sociétés qui les adoptent. Leur degré d'utilité ne devient appréciable pour les foules qu'au moyen de l'expérience. Sans doute, il n'est pas besoin d'être un grand psychologue, ni un grand économiste, pour prédire que l'application des idées socialistes actuelles conduira les peuples qui les adopteront à un état d'abjecte décadence et de dur despotisme : mais comment empêcher les foules qu'elles séduisent d'accepter l'évangile nouveau qui leur est prêché ?

∴

La conséquence, sinon le but, de toutes les civilisations, de toutes les philosophies, de toutes les religions est d'engendrer certains états d'esprit. Les uns impliquent le bonheur, les autres ne l'impliquent pas. Notre bonheur dépend sans doute des circonstances extérieures, mais surtout de l'état de notre âme. Les martyrs sur leurs bûchers se croyaient probablement plus heureux que leurs bourreaux. Le cantonnier dévorant avec insouciance sa croûte de pain

điều mới sau này, muốn cho thành-lập được thời tất là không chịu để cho ai đem ra thảo-luận được và sẽ cũng nghiêm-khắc như các giáo-điều cũ đã bị thay vậy.

∴

Đối với một dân-tộc thời chính việc thâu-thái những tư-tưởng mới không có nguy-hiểm chi, nhưng nguy-hiểm vì phải thử qua nhiều tư-tưởng, rồi mới tìm thấy cái nào là có thể làm căn-bản chắc-chắn để dựng nên một cái lâu-đài xã-hội mới mà thay vào cái cũ được. Một tư-tưởng trở nên nguy hiểm không phải là tại sai-lầm, — những tư-tưởng về tôn-giáo mà ta phụng-sự bấy lâu nay thời sai-lầm lắm lắm, — nhưng vì phải thí-nghiệm nhiều lần cho biết tư-tưởng mới có thích-hợp với sự cần-dùng của xã-hội không. Đối với công-chúng phải có kinh-nghiệm mới biết ích-lợi thế nào. Vẫn biết rằng chủ-nghĩa xã-hội mà đem ra thi-hành ở dân-tộc nào thì tất khiến cho dân-tộc ấy đến lụn-bại khốn-đốn, và phải chịu áp-chế nặng-nề, chẳng cần phải là một tay tâm-lý-học hay kinh-tế-học đại-gia mới đoán trước được như thế : nhưng công-chúng đương lấy làm hứng làm thích cái chủ-nghĩa đó thì làm thế nào mà ngăn-cấm cho họ khỏi theo cái kinh phúc-âm mới tuyên-truyền ra đó ?

∴

Phàm các văn-minh, các triết-học, các tôn-giáo, dù không phải mục-đích thời cũng kết-quả là phải tạo ra mấy cái trạng-thái về tinh-thần. Có cái trạng-thái hàm sự hạnh-phúc, có cái thì không. Sự hạnh-phúc của ta vẫn có thuộc ở cơ-hội ngoài, nhưng nhất là thuộc ở tâm-trạng ta hơn cả. Kẻ « tử vì đạo » đương phải thiêu thân trên đỉnh-liêu chắc cho mình là sướng hơn kẻ làm tội mình. Người phu quét đường vô lo vô lự, cắn miếng bánh mì phiết tỏi, có lẽ còn sướng hơn biết bao

frottée d'ail peut être infiniment plus satisfait qu'un millionnaire assiégé de soucis...

Créer un état d'esprit rendant l'homme heureux, voilà ce qu'une société doit avant tout chercher, sous peine de ne pouvoir subsister longtemps. Toutes les sociétés fondées jusqu'ici ont eu pour soutien un idéal capable de subjuguer les âmes, et elles se sont toujours évanouies dès que cet idéal a cessé de les subjuguer.

.˙.

Les véritables bienfaiteurs de l'humanité, ceux qui mériteraient des peuples reconnaissants de gigantesques statues d'or, ce sont ces magiciens puissants, créateurs d'idéal, que l'humanité produit quelquefois, mais si rarement. Au-dessus du torrent des vaines apparences, seules réalités que nous puissions connaître, au-dessus de l'engrenage rigide et glacial du monde, ils ont fait surgir de puissantes et pacifiantes chimères, qui cachent à l'homme les côtés sombres de sa destinée, et créent pour lui les demeures enchantées de l'espoir et du rêve.

.˙.

Si nous nous laissions trop aveugler par nos rêves d'égalité universelle, nous en serions les premières victimes. L'égalité ne peut exister que dans l'infériorité, elle est le rêve obscur et pesant des médiocrités vulgaires. Les temps de sauvagerie l'ont seuls réalisée. Pour que l'égalité régnât dans le monde, il faudrait rabaisser peu à peu tout ce qui fait la valeur d'une race au niveau de ce qu'elle a de moins élevé.

.˙.

L'influence des grands hommes politiques n'est durable que lorsque, comme César

nhiều lần nhà triệu-phú kia những nhọc lòng về lo phiền công việc...

Tạo ra một cái tâm-trạng khiến cho người ta được sung-sướng, đó là việc cần nhất cho một xã-hội, không thời không thể sinh-tồn được lâu vậy. Tất cả các xã-hội thành-lập tới nay, đều tựa vào một cái lý-tưởng có thể thiếp-phục được nhân tâm, khi nào lý-tưởng ấy không thiếp-phục được người ta nữa, thời xã-hội bị tan-nát ngay.

.˙.

Những người thật có công ơn với loài người, những người đáng các dân-tộc lập tượng vàng to lớn để cảm ơn, là những người có cái ảo-thuật thiêng-liêng tạo ra lý-tưởng cho loài người, những người ấy thì nhân-loại một đôi khi sản ra được, nhưng hiếm lắm. Siêu-việt ra ngoài cái thế-giới mộng-ảo, nó cuồn-cuộn như con sông nước chảy,— mà chúng ta đây chỉ biết có cái thế-giới đó mà thôi,— siêu-việt ra ngoài cái bộ máy cứng-cỏi lạnh-lẽo của đời nay, những người ấy đã tạo-thành ra những cái ảo-tưởng có sức mạnh yên-ủi lòng người, che lấp cho người ta không trông thấy những cái nông-nỗi đáng buồn trong số-phận, và xây dựng cho những cái lâu-đài tốt-đẹp để gửi tấm lòng tưởng-vọng mơ-màng.

.˙.

Ta đừng mê hoặc quá về cái mộng thiên-hạ bình đẳng, mộng ấy mà thành thì ta làm hi-sinh trước. Chỉ có kém hèn thì mới bình-đẳng được; bình-đẳng là cái mộng tối-tăm nặng-nề của những kẻ tầm-thường bỉ-tiện. Duy có thời-đại dã-man mới có bình-đẳng được. Muốn cho sự bình-đẳng xuất-hiện trên thế-giới, thời bao nhiêu phần cao-quí trong một chủng-tộc phải hạ dần xuống cho ngang bằng với cái phần thấp kém nhất.

.˙.

Ảnh-hưởng của các tay đại-chính-trị, muốn cho được lâu bền, thời phải

ou Richelieu, ils savent diriger leurs efforts dans le sens des besoins du moment ; la vraie cause de leurs succès est généralement alors bien antérieure à eux-mêmes. Deux ou trois siècles plus tôt, César n'eût pas plié la république romaine sous la loi d'un maître et Richelieu eût été impuissant à réaliser l'unité française. En politique, les véritables grands hommes sont ceux qui pressentent les besoins qui vont naître, les évènements que le passé a préparés, et montrent le chemin où il faut s'engager. Nul ne le voyait peut-être ce chemin, mais les fatalités de l'évolution devaient bientôt y pousser les peuples aux destins desquels ces puissants génies président momentanément. Eux aussi, comme les grands inventeurs, synthétisent les résultats d'un long travail antérieur.

. . .

Les inventeurs peuvent modifier à la longue une civilisation ; les fanatiques, à l'intelligence étroite, mais au caractère énergique et aux passions puissantes, peuvent seuls fonder des religions, des empires et soulever le monde. A la voix d'un Pierre l'Ermite, des millions d'hommes se sont précipités sur l'Orient ; les paroles d'un halluciné, comme Mahomet, ont créé la force nécessaire pour triompher du vieux monde gréco-romain ; un moine obscur, comme Luther, a mis l'Europe à feu et à sang. Ce n'est pas parmi les foules que la voix d'un Galilée ou d'un Newton aura jamais le plus faible écho. Les

như CÉSAR *(tổng-thống La-mã) hay* RICHELIEU *(tể-tướng nước Pháp) ngày xưa, biết khuynh-hướng sự-nghiệp của mình theo chiều với sự nhu-yếu của thời-thế ; bấy giờ thời thành-công đắc-thắng, thường thường cái nguyên-nhân chân-chính là ở tự trước mình. Giá sớm đi hai ba thế-kỷ về trước, thì* CÉSAR *không thể nào thu-phục được La-mã Dân-quốc ở dưới quyền chúa-tể của mình, và* RICHELIEU *cũng không có sức thống-nhất được nước Pháp. Về chính-trị, bậc anh-hùng chân-chính là người đoán biết được những sự nhu-yếu của thời-thế sắp tới, nhân cái nguyên-nhân trước mà đoán được việc xảy ra sau, cùng chỉ rõ cho người đời biết đường lối phải theo. Có lẽ đường lối ấy lúc trước không ai trông thấy, nhưng lẽ tất-nhiên trong cuộc thiên-diễn rồi sẽ xô-đẩy các dân-tộc phải theo về đó, mà các bậc anh-hùng ấy là chủ-trương cho cái vận-mệnh dân-tộc trong một lúc bấy giờ. Các bậc kia cũng như các nhà đại-phát-minh, là gồm cả kết-quả của công-phu lâu-dài từ trước.*

. . .

Các nhà phát-minh lâu dần có thể biến-đổi được một cuộc văn-minh ; duy có các nhà mê-tín, cái óc hẹp-hòi, nhưng tính-cách cương-cường mà cảm-tình mãnh-liệt, mới có thể lập nên tôn-giáo, dựng được cơ-đồ và chuyển được thế-giới. Nghe tiếng gọi của thầy tu PIERRE L'ERMITE *nọ mà hàng triệu con người họp thành quân Thập-tự để đi giải-phóng cho thánh-mộ ở Đông-phương ; nghe lời truyền của một người cuồng-sảng là* MAHOMET *kia, mà đủ tạo-thành sức mạnh thắng-đoạt được cái cõ-thế-giới La-Hi ; lại một thầy dòng vô-danh nọ là* LUTHER *mà làm cho cả Âu-châu đến bị lầm-than giết-hại. Chứ còn những bậc đại-trí như* GALILÉE *(phát-minh ra trái đất tròn) hay* NEWTON *(phát-minh ra lẽ vạn-vật hấp-dẫn), thời*

inventeurs de génie hâtent la marche de la civilisation. Les fanatiques et les hallucinés créent l'histoire.

***

On ne conduit un peuple qu'en incarnant ses rêves.

***

Les philosophes, qui consacrent souvent des siècles à détruire ce que les convaincus ont parfois créé en un jour, doivent s'incliner devant eux. Les convaincus font partie des forces mystérieuses qui régissent le monde. Ils ont déterminé les plus importants des événements dont l'histoire enregistre le cours.

Ils n'ont guère propagé que des illusions sans doute, mais c'est de ces illusions à la fois redoutables, séduisantes et vaines, que l'humanité a vécu jusqu'ici et probablement continuera à vivre encore. Ce ne sont que des ombres. Il faut les respecter pourtant. Grâce à elles nos pères ont connu l'espérance, et dans leur course héroïque et folle à la poursuite de ces ombres, ils nous ont sortis de la barbarie primitive et conduits où nous sommes aujourd'hui. De tous les facteurs du développement des civilisations, les illusions sont peut-être les plus puissants. C'est une illusion qui a fait surgir les pyramides et pendant cinq mille ans hérissé l'Egypte de colosses de pierre. C'est une illusion qui, au moyen âge, a édifié nos gigantesques cathédrales et conduit l'Occident à se précipiter sur l'Orient pour conquérir un tombeau. C'est en poursuivant des illusions qu'ont été fondées des religions qui ont plié la moitié de l'humanité sous leurs lois et qu'ont été édifiés ou détruits

bao giờ nói mà cho có hưởng-ứng trong công-chúng được. Các nhà phát-minh tài làm cho văn-minh mau tiến-bộ. Các nhà mê-tín cuồng-sẳng thời tạo ra lịch sử.

***

Muốn hướng-đạo cho một dân-tộc thời phải tiêu-biểu cho những sự mơ-mộng của dân tộc ấy.

***

Nhà nhiệt-thành có khi trong một ngày làm nên sự-nghiệp, nhà triết-học thường phải mấy trăm năm mới phá nổi ; nhà triết-học phải bái-phục nhà nhiệt-thành. Nhà nhiệt-thành là thuộc về cái sức mạnh u-âm nó chi-phối thế-giới. Những việc lớn-lao trong lịch-sử ghi-chép, là tự tay các nhà ấy tạo-thành ra.

Vẫn biết rằng chỉ truyền ra những cái ảo-tưởng mà thôi, nhưng nhân-loại từ xưa đến nay, và có lẽ từ nay về sau này, cũng chỉ sống bằng những cái ảo-tưởng tốt-đẹp, hão-huyền mà rất đáng ghê-sợ đó thôi. Những ảo-tưởng ấy chỉ là cái vang cái bóng mà thôi. Tuy vậy phải nên tôn-trọng. Nhờ có nó mà ông cha ta được biết sự hi-vọng là gì, và trong khi mơ-màng hăng-hái đi theo đuổi những cái vang cái bóng đó, đã khiến cho ta thoát khỏi được cái cảnh dã-man đời cổ-sơ mà tiến lên được trình-độ như bây giờ. Trong các nguyên-động-lực làm cho văn-minh tiến-hóa, ảo-tưởng có lẽ là cái động-lực mạnh nhất. Những tháp kim-tự, những tượng khổng-lồ bằng đá xây dựng lên nhan-nhản ở đất Ai-cập trong khoảng năm nghìn năm, là do một cái ảo-tưởng mà ra. Đời trung-cổ, xây nên những nhà thờ vĩ-đại ở nước Pháp, cũng khiến cho cả Tây-phương đua nhau đổ sang Đông-phương để cướp lại lấy một ngôi mồ thánh, cũng là do một cái ảo-tưởng. Dựng nên tôn-giáo khiến cho nửa nhân-loại phải phục theo, lập nên đế-quốc

les plus vastes empires. Ce n'est pas à la poursuite de la vérité, mais à celle de l'erreur, que l'humanité a dépensé le plus d'efforts. Les buts chimériques qu'elle poursuivait, elle ne pouvait les atteindre, mais c'est en les poursuivant qu'ont été réalisés tous les progrès qu'elle ne cherchait pas.

. . .

La science a renouvelé nos idées et ôté toute autorité à nos conceptions religieuses et sociales. Elle a montré à l'homme la faible place qu'il occupe dans l'univers et l'absolue indifférence de la nature pour lui. Il a vu que ce qu'il appelait liberté n'était que l'ignorance des causes qui l'asservissent, et que, dans l'engrenage des nécessités qui mènent les êtres, la condition naturelle est d'être asservis. Il a constaté que la nature ignorait ce que nous appelons la pitié, et que tous les progrès réalisés par elle ne l'avaient été que par une sélection impitoyable amenant sans cesse l'écrasement des faibles au profit des forts.

Toutes ces conceptions glaciales et rigides, si contraires à ce que disaient les vieilles croyances qui ont enchanté nos pères, ont produit d'inquiétants conflits dans les âmes. Dans des cerveaux ordinaires, ils ont engendré cet état d'anarchie des idées qui semble la caractéristique de l'homme moderne. Chez la jeunesse artiste et lettrée, ces mêmes conflits ont abouti à une sorte d'indifférence morne, destructive de toute volonté, à une incapacité complète de s'enthousiasmer pour une cause quelconque, à un culte exclusif d'intérêts immédiats et personnels.

. . .

Le vrai danger pour les sociétés modernes tient précisément à ce que les hommes ont perdu toute confiance dans la valeur des

vĩ-đại hay phá-hoại đi như không, cũng là do cái ảo-tưởng hết. Nhân-loại tốn công-phu hơn cả, không phải là để đi theo đuổi cái chân-lý, chính là để đi theo đuổi cái sai-lầm. Những cái mục-đích hão-huyền mà loài người theo đuổi đó, nào có đạt tới đâu ; nhưng trong khi theo đuổi đó mới làm nên mọi sự tiến-bộ mà tự mình không cần vậy.

. . .

Khoa-học đã đổi mới tư tưởng của ta, làm cho các quan-niệm của ta về tôn-giáo, về xã-hội không có oai-quyền gì nữa. Dạy cho người ta biết rằng cái địa-vị của mình trong vũ-trụ bé nhỏ là dường nào, và tạo-vật đối với mình thiết là vô-tình quá. Lại biết rằng mình gọi là tự-do ấy chẳng qua là mang-nhiên không biết những cái mành-mối nó bó buộc mình, biết rằng trong cái bộ máy tất-nhiên nó chi-phối cả vạn-vật thời thân-phận tự-nhiên của mình là phải cam chịu bó-buộc mà thôi. Lại biết rằng tạo-vật quả không biết cái lòng trắc-ẩn là gì, và phàm mọi sự tiến-bộ trong vạn-vật từ xưa đến nay là do sự đào-thải khốc-liệt, mạnh được yếu thua cả.

Tất cả những cái quan-niệm cứng-cỏi lạnh lẽo đó, trái hẳn với những sự tin-tưởng xưa đã làm cho ông cha ta được yên-ủi, gây ra trong tâm hồn người ta lắm sự xung-đột đáng ghê. Ở óc người tầm-thường, thời sinh ra cái trạng-thái loạn tư tưởng, là cái đặc sắc của người đời nay. Ở kẻ thiếu-niên có tài có học, thời những sự xung-đột đó kết-quả đến thành ra một cái thái độ tiêu điều lãnh-đạm, tiêu-ma mất cả chí-khí, tuyệt nhiên không còn biết cảm-động nhiệt-thành về việc gì nữa, rút cục chỉ biết thờ cái tư-lợi nhỡn-tiền vậy.

. . .

Cái nguy-hiểm rõ-ràng cho các xã-hội đời nay chính là ở sự người ta không còn tin ở giá-trị những kỷ-cương

principes sur lesquels elles reposent. Je ne sais pas si l'on pourrait citer depuis l'origine du monde une seule civilisation, une seule institution, une seule croyance qui ait réussi à se maintenir en s'appuyant sur des principes considérés comme n'ayant qu'une valeur relative.

.·.

Pour être homme d'Etat, il faut savoir pénétrer dans l'âme de la multitude, comprendre ses rêves et abandonner les abstractions philosophiques. Les choses ne changent guère. Seules les idées qu'on s'en fait peuvent changer beaucoup. C'est sur ces idées-là qu'il faut savoir agir.

.·.

Le nihilisme philosophique, que des voix autorisées propagent aujourd'hui dans de faibles esprits, les fait immédiatement conclure à l'injustice absolue de notre ordre social, à l'absurdité de toutes les hiérarchies, leur inspire la haine de l'état de choses existant et les mène directement au socialisme et à l'anarchie.

.·.

Ce fut toujours pour un peuple une heure redoutable que celle où ses vieilles idées sont descendues dans la sombre nécropole où reposent les dieux morts.

.·.

Semblable au navire ayant perdu sa boussole et errant à l'aventure au gré des vents, l'homme moderne erre au gré du hasard dans les espaces que les dieux peuplaient jadis et que la science a rendus déserts. Il a perdu la foi et du même coup l'espérance. Devenues impressionnables et mobiles à l'excès, les foules, qu'aucune barrière ne retient plus, semblent condamnées à osciller sans cesse de la plus furieuse anarchie au plus pesant despotisme. On les soulève avec des mots, mais leurs divinités d'un seul

làm gốc cho các xã-hội đó nữa. Tôi không biết từ khi có thế-giới đến giờ, phỏng có một cái văn-minh nào, một cái chế-độ nào, một cái tôn-giáo nào căn-cứ ở những tôn-chỉ đã cho là không có giá-trị tuyệt-đối nữa, mà còn sinh-tồn được hay không.

.·.

Muốn làm nhà chính-trị, thời phải biết thấu đến tâm-hồn của công-chúng, biết hiểu những sự mơ-mộng của công-chúng, mà bỏ cả những chuyện bằng-không thuyết-lý về triết-học. Sự-vật vốn không thay đổi mấy. Chỉ có tư-tưởng của người ta về sự-vật là thay nhiều. Chính đối với những tư-tưởng ấy là cần phải biết chi-phối.

.·.

Các bậc danh-sư đời nay dạy cho người ta đừng tin gì cả, thành ra đối với những kẻ thần-trí bạc-nhược, họ kết-luận ngay rằng xã-hội ta này là tuyệt-đối bất-công, phàm các trật-tự trong xã-hội là vô-nghĩa-lý cả, đem lòng oán-hận cái tình-trạng ngày nay và tiến-thì khuynh-hướng về chủ-nghĩa xã hội, chủ-nghĩa cách-mệnh vậy.

.·.

Đối với một xã-hội, cái thời-kỳ mà những tư-tưởng cũ bị đem chôn vào trong mồ tối là nơi của các thần-thánh đã thất-thế yên giấc tại đó, vẫn là một buổi nguy-hiểm thay.

.·.

Vì như cái tàu đã mất kim chỉ-nam, tùy chiều gió mà trôi giạt, người đời nay cũng phất-phơ trong khoảng không, là nơi xưa kia có thần thiêng đông-đúc, mà ngày nay khoa-học làm cho vắng-vẻ cả. Người ta đã mất lòng tin-ngưỡng, thời cũng mất cả lòng hi vọng nữa. Công-chúng bây giờ dễ cảm dễ động quá, không còn có gì hạn-chế nữa, phất-phơ khi thì theo về phá-hoại cực-đoan, khi thì theo về chuyên chế tuyệt-

jour sont bientôt leurs victimes. Elles semblent souhaiter la liberté avec ardeur: en réalité elles la repoussent toujours et demandent constamment à l'Etat de leur forger des chaînes. Elles obéissent aveuglément aux plus obscurs sectaires, aux plus bornés despotes. Les rhéteurs qui croient guider ces multitudes, et qui généralement les suivent, confondent l'impatience et la nervosité incitant sans cesse à changer de maître avec le véritable esprit d'indépendance empêchant de supporter aucun maître.

. . .

Pour les peuples qui s'affaissent, une des principales conditions de relèvement est l'organisation d'un service militaire universel très dur et la menace permanente de guerres désastreuses.

đối. Lấy không-ngôn mà làm cho phiến-động, nhưng nay thờ vị thần này mai lại đạp đổ đi ngay được. Tưởng như ham tự-do lắm, thực thì vẫn ruồng-bỏ tự-do, và chỉ yêu-cầu luôn cho Quốc-gia cơ-mi lung-lạc mình. Nhắm mắt theo liều những kẻ nào là kẻ rất tối-tăm thiên-lệch, rất chuyên-chế hẹp-hòi. Còn những hạng xảo-ngôn, tưởng hướng-đạo được cho công-chúng, thường chỉ theo đuôi công-chúng, làm cho sự nóng-nảy muốn đổi chủ luôn là lòng khẳng-khái muốn độc-lập thật, không chịu cho ai làm chủ mình.

. . .

Những dân-tộc ủy-mi suy-đồi, có một cách chấn-hưng khôi phục, là lập ra cái chế-độ phổ-thông binh-dịch, rất nghiêm-khắc, và khiến cho lúc nào cũng nơm-nớp sợ có sự chiến-tranh tai hại.

KHẢO VỀ LUÂN-LÝ-HỌC SỬ NƯỚC TÀU (1)

II

Các tên quẻ kinh Dịch *và phép bói* Dịch. — Kinh *Dịch* tuy giải-thích ra nhiều nghĩa thuộc về triết-học và luân-lý-học như kỳ trước đã nói, nhưng xét ra khi cổ-giả mới có kinh *Dịch* là cốt để dùng về việc bói. Phép bói thì phải dùng năm-mươi cái thẻ bằng cỏ *thi* 蓍 (2), để bói mà tìm ra thành quẻ, rồi cứ xem cái tượng quẻ bói được ấy để phán-đoán những lời cát, hung, họa, phúc. Kinh *Dịch* nguyên có tám quẻ 八卦, có nhiều ý-nghĩa hay, trong tám quẻ ấy cứ hai quẻ chồng lên thành ra sáu-mươi-tư quẻ, mà tả hết được tình-trạng mọi sự trong xã-hội loài người. Quái-tượng tám quẻ kể như sau:

☰ 乾 *Kiền* 天 — Trời. ☲ 離 *Ly* 火 — Lửa. ☴ 巽 *Tốn* 風 — Gió. ☶ 艮 *Cấn* 山 — Núi.

☱ 兌 *Đoài* 澤 — Trầm. ☳ 震 *Trấn* 雷 — Sấm. ☵ 坎 *Khảm* 水 — Nước. ☷ 坤 *Khôn* 地 — Đất.

Vạch ngang liền ——— là tỏ ý cường (mạnh) là hào *dương*; vạch ngang đứt — — là tỏ ý nhược (yếu) là hào *âm*. Trùng ba hào *dương* ☰ là cường, tức là tượng trời, là chất cương 剛, là con trai. Trùng ba hào *âm* ☷ là

---

(1) Nguyên-văn của Tam-phố đăng-tác người Nhật-bản làm ra, Trương Tôn-Nguyên Lâm Khoa-Đường dịch ra chữ Hán. Xem *Nam-Phong* số 168.

(2) Một thứ cỏ có dóng dài như cái cán bút, ngoài dóng hình tròn, trong ruột vuông, thường sinh ở núi Quyền-sơn thuộc về Phủ-lý Hà-nam.

nhược, tức là tượng đất, là chất nhu 柔, là con gái. Suy ra các quẻ khác đều bởi tượng các quẻ mà rộng thêm ý-nghĩa ra; tám quẻ trên này chồng lên thành ra sáu-mươi-tư quẻ. Quái-thể sáu-mươi-tư quẻ liệt-biểu như sau:

☰☰ 乾 *Kiền*. ☷☷ 坤 *Khôn*. ☵☳ 水雷屯 Thủy lôi *Truân*. ☶☵ 山水蒙 Sơn thủy *Mông*. ☵☰ 水天需 Thủy thiên *nhu*. ☰☵ 天水訟 Thiên thủy *Tụng*. ☷☵ 地水師 Địa thủy *Sư*. ☵☷ 水地比 Thủy địa *Tỉ*. ☴☰ 風天小畜 Phong thiên *Tiểu-súc*. ☰☱ 天澤履 Thiên trạch *Lý*. ☷☰ 地天泰 Địa thiên *Thái*. ☰☷ 天地否 Thiên-địa *Bĩ*. ☰☲ 天火同人 Thiên hỏa *Đồng-nhân*. ☲☰ 火天大有 Hỏa-thiên *Đại-hữu*. ☷☶ 地山謙 Địa sơn *Khiêm*. ☳☷ 雷地豫 Lôi địa *Dự*. ☱☳ 澤雷隨 Trạch lôi *Tùy*. ☶☴ 山風蠱 Sơn phong *Cổ*. ☷☱ 地澤臨 Địa trạch *Lâm*. ☴☷ 風地觀 Phong địa *Quán*. ☲☳ 火雷噬嗑 Hỏa lôi *Phệ-hạp*. ☶☲ 山火賁 Sơn hỏa *Bí*. ☶☷ 山地剝 Sơn địa *Bác*. ☷☳ 地雷復 Địa lôi *Phục*. ☰☳ 天雷无妄 Thiên lôi *Vô vọng*. ☶☰ 山天大畜 Sơn-thiên *Đại-súc*. ☶☳ 山雷頤 Sơn lôi *Di*. ☱☴ 澤風大過 Trạch phong *Đại-quá*. ☵☵ 水坎 Thủy *Khảm*. ☲☲ 火離 Hỏa *Ly*. ☱☶ 澤山咸 Trạch sơn *Hàm*. ☳☴ 雷風恆 Lôi phong *Hằng*. ☰☶ 天山遯 Thiên sơn *Độn*. ☳☰ 雷天大壯 Lôi thiên *Đại-tráng*. ☲☷ 火地晉 Hỏa địa *Tấn*. ☷☲ 地火明夷 Địa hỏa *Minh-di*. ☴☲ 風火家人 Phong hỏa *Gia-nhân*. ☲☱ 火澤睽 Hỏa trạch *Khuê*. ☵☶ 水山蹇 Thủy sơn *Kiển*. ☳☵ 雷水解 Lôi thủy *Giải*. ☶☱ 山澤損 Sơn trạch *Tổn*. ☴☳ 風雷益 Phong lôi *Ích*. ☱☰ 澤天夬 Trạch thiên *Quải*. ☰☴ 天風姤 Thiên phong *Cấu*. ☱☷ 澤地萃 Trạch địa *Tụy*. ☷☴ 地風升 Địa phong *Thăng*. ☱☵ 澤水困 Trạch thủy *Khốn*. ☵☴ 水風井 Thủy phong *Tỉnh*. ☱☲ 澤火革 Trạch hỏa *Cách*. ☲☴ 火風鼎 Hỏa phong *Đỉnh*. ☳☳ 雷震 Lôi *Trấn*. ☶☶ 山艮 Sơn *Cấn*. ☴☶ 風山漸 Phong sơn *Tiệm*. ☳☱ 雷澤歸妹 Lôi trạch *Qui-muội*. ☳☲ 雷火豐 Lôi hỏa *Phong*. ☲☶ 火山旅 Hỏa sơn *Lữ*. ☴☴ 風巽 Phong *Tốn*. ☱☱ 澤兌 Trạch *Đoài*. ☴☵ 風水渙 Phong thủy *Hoán*. ☵☱ 水澤節 Thủy trạch *Tiết*. ☴☱ 風澤中孚 Phong trạch *Trung-phu*. ☳☶ 雷山小過 Lôi-sơn *Tiểu-quá*. ☵☲ 水火既濟 Thủy hỏa *Ký-tế*. ☲☵ 火水未濟 Hỏa thủy *Vị-tế*.

Cứ theo như một vạch ngang liền — là một hào *dương* 陽, một vạch ngang đứt — — là một hào *âm* 陰. Sáu hào là toàn-thể một quẻ. Trên kia tám quẻ là tiểu-thành-quái, sau thành ra sáu-mươi-tư quẻ là đại-thành-quái.

Phép bói Dịch *bằng cỏ thi* (1). — Trước khi bói phải đặt một cái án, trên mặt án khoảng chính giữa đặt một cái khay chữ nhật, giữa cái khay phân ra tả hữu hai ngăn lớn; phía đầu khay lại ngăn làm ba cái ô nhỏ cách nhau. Rồi đặt đủ bút, mực, giấy trắng và một cái lư hương ở trước án.

Năm-mươi cái thẻ làm bằng cỏ *thi* 蓍 dài độ hơn ngón tay. Bình-nhật kính-cẩn bọc lụa để ở trong một cái hộp. Khi bói mới đem ra đặt trên án, rồi lấy tay mở nắp hộp, cởi cái lụa bọc thẻ thi ra. Trước cầm lấy năm mươi cái thẻ thi, giơ lên cái lư hương mà khấn rằng: « Nhờ ngươi thông xem có thường, nhờ ngươi thông xem có thường. Nay tên tôi là. . .(2), nhân vì có việc... chưa biết nên chăng thế nào, xin đem chất-nghi cùng đấng thần-linh, dù hay dở lành dữ thế nào, xin thần-linh bảo rõ cho biết ».

Khấn xong lấy tay hữu (tay phải) cầm lấy một cái thẻ thi để vào trong hộp. (Đó là để không một số để tượng Thái-cực.)

Rồi hai tay chia đôi bốn-mươi-chín cái thẻ để ra hai ngăn tả hữu trong khay. (Đó là phân đôi để tượng lưỡng-nghi.) Thế là lần thứ nhất.

Rồi lấy tay tả (tay trái) cầm lấy cả nắm thẻ bên ngăn tả, mà lấy tay hữu nhặt lấy một cái thẻ bên ngăn hữu, giắt 掛 vào khe ngón tay út bên tả. (Một thẻ ấy cùng với lưỡng-nghi là tượng tam-tài.) Thế là lần thứ hai.

Rồi lại lấy tay hữu đếm thẻ bên tay tả (cứ bốn cái một mà đếm để tượng bốn mùa.) Thế là một nửa lần thứ ba.

Những thẻ đã đếm rồi mà còn số thừa là lẻ một, hoặc hai, hoặc ba, thì cặp vào khe ngón tay vô-danh (cạnh ngón tay út) ở bên tay tả. (Nếu không lẻ mà còn chẵn số bốn thì cũng cặp vào đó.—Đó là dồn số lẻ mà cặp vào một chỗ để tượng tháng nhuận.) Thế là nửa lần thứ tư.

Lại lấy tay hữu nhặt lấy những thẻ đã đếm rồi để trả vào cái ngăn lớn bên tả; rồi cầm lấy những thẻ ở ngăn bên hữu mà lấy tay tả đếm bốn cái một như trước, thế là một nửa lần thứ ba.

Những thẻ đã đếm rồi còn thừa hoặc một, hai, ba, bốn như trước, thì lại cặp vào khe ngón tay giữa bên tả. (Thế là hai cặp số lẻ để tượng hai lần nhuận.) Đó là nửa lần thứ tư (3).

Lại lấy tay hữu nhặt lấy những thẻ đã đếm rồi, để trả vào cái ngăn lớn bên hữu. Xong rồi đem cái số một thẻ giắt 掛 hợp với hai món thẻ cặp 扐 mà để vào một ô nhỏ thứ nhất đầu cái khay, ấy là lần biến thứ nhất.

Lại lấy hai tay cầm lấy những thẻ ở tả hữu hai ngăn lớn hợp cả lại (4), rồi lại chia, đếm, giắt, cặp như phép làm lần thứ nhất. Xong rồi lại đem cái thẻ giắt hợp với hai món thẻ cặp mà để vào cái ô nhỏ thứ hai đầu cái khay, ấy là lần biến thứ hai (5).

Lại lấy hai tay cầm những thẻ ở hai ngăn lớn hợp cả lại (6), rồi lại chia,

(1) Đoạn này có theo phép bói của Chu-tử (*Chu-tử phệ-nghi*) mà dịch bổ thêm vào.

(2) Hoặc người nào mượn xem, thì khấn rõ tên người ấy.

(3) Những thẻ lần biến thứ nhất, bên tả 1 thì bên hữu tất 3, bên tả 2 thì bên hữu cũng 2, bên tả 3 thì bên hữu tất 1, bên tả 4 thì bên hữu cũng 4. Tính hợp với một số thẻ giắt trước, nếu không phải là số 5 thì là số 9. Nghĩa là số 5 chỉ có một lần bốn, 1 là số lẻ 奇; số 9 thì có hai lần bốn, 2 là số chẵn 偶.

(4) Còn những thẻ đó hoặc 40 thẻ, hay là 44 thẻ.

(5) Những thẻ biến lần thứ hai, bên tả 1 thì hữu tất 2, tả 2 thì hữu tất 1, tả 3 thì hữu tất 4, tả 4 thì hữu tất 3. Tính hợp với một số thẻ giắt, nếu không phải là số 4 thì 8. Nghĩa là số bốn chỉ có một lần bốn, 1 là số lẻ; số 8 thì có hai lần bốn, 2 là số chẵn.

(6) Những thẻ còn lại ấy hoặc 40, hoặc 36 hay là 32 thẻ.

đếm, giắt, cặp như phép làm lần thứ hai. Xong rồi đem cái số một thẻ giắt hợp với hai môn thẻ cặp mà để vào một ô nhỏ thứ ba đầu cái khay, ấy là lần biến thứ ba (1).

Ba lần biến đã xong rồi thì xem những cái thẻ ở ba ô nhỏ, ô nào số thẻ năm hay bốn là số *cơ* 奇; số thẻ chín hay tám là số *ngẫu* 偶. (Nếu ba số *cơ* (13 thẻ) là hào *lão-dương*, thì vạch dấu hình vuông: ▭ gọi là *trùng* 重. Nếu hai *cơ* một *ngẫu* (17 thẻ) là hào *thiếu-âm*, thì vạch hình ngang đứt: — — gọi là *sách* 拆. Nếu hai *ngẫu* một *cơ* (21 thẻ) là hào *thiếu-dương* thì vạch hình ngang liền: —— gọi là *đơn* 單. Nếu ba *ngẫu* 25 thẻ là hào *lão-âm*, thì vạch hình chéo: ✕ gọi là *giao* 交. (Hễ được hào nào thì vạch ngay hình dấu hào ấy vào giấy để cho nhớ. Mà kể từ hào dưới trước nhất là hào *sơ*, rồi lần lượt vạch lên cho đủ sáu hào).

Ba lần biến như trên thì mới thành được một hào; còn từ đấy về sau cứ để nguyên một thẻ tượng Thái-cực đấy, không phải khấn nữa, chỉ dùng bốn-mươi-chín cái thẻ mà chia, đếm, giắt, cặp như trước, làm cho đủ ba lần biến lại được một hào nữa, cũng vạch ngay dấu vào giấy; làm đủ mười-tám lần biến thì được sáu hào là thành một quẻ (2).

Đã thành quẻ rồi thì xét những hào biến trong quẻ, mà đoán những việc lành dữ (3).

Đại-khái khi xem bói gặp được quẻ gì và biến ra quẻ gì, cái cách phán-đoán sự lành dữ, có bốn điều: 1) Gặp được quẻ nào âm-dương đều đáng vị cả thì là tốt, chẳng được đáng vị thì dở; 2) Hễ trong quẻ có hào-ứng thì tốt, không hào ứng thì dở. Ứng là nhất-âm nhất-dương ứng theo nhau; 3) Trung-chính thì cát, không trung-chính thì hung; 4) Đạo dương thịnh thì cát, đạo âm thịnh thì hung.—Ấy là đại-khái cái phép xem bói *Dịch* như trên, lại còn phải xét xem về quái-từ quái-tượng là tự ý mình tinh-thông mà phán-đoán.

5) **Tư-tưởng của dân-tộc cuối đời Châu.**—Tư-tưởng của dân-tộc cuối đời Châu, là bởi tự-giác mà phát-khởi ra, phàm các điều tư-tưởng đều rực-rỡ nhất-thời, bởi có nhiều nguyên-nhân như sau này:

(1) Những thẻ biến lần thứ ba « số còn » cũng như lần thứ hai.

(2) Cứ kể dưới kể lên, vạch thứ nhất là hào *sơ*, thứ hai là hào *nhị*, thứ ba là hào *tam*, thứ tư là hào *tứ*, thứ năm là hào *ngũ*, thứ sáu là hào *thượng*.

(3) Nếu trong sáu hào không biến cả, thì cứ xem lời Thoán quẻ ấy mà đoán. (Ví như gặp quẻ Kiền thì chữ: « *Kiền*, nguyên hanh lợi trinh » là lời Thoán. Lấy quẻ dưới làm trinh 貞, quẻ trên làm hối 悔. Nghĩa là mỗi quẻ chỉ có ba vạch, mà kinh *Dịch* thì chồng hai quẻ trên dưới mới là một quẻ đại-thành. (*Trinh* là việc mới khởi đầu, *hối* là việc đã sắp xong, *trinh* là chủ việc mà về phần mình; *hối* là khách việc mà ứng về phần người.

Một hào biến thì xem hào-từ biến trong quẻ ấy mà đoán. Hai hào biến thì xem hai hào biến trong quẻ ấy mà đoán; mà chủ ở hào trên. Ba hào biến thì xem Thoán-từ quẻ ấy và Thoán-từ quẻ biến; mà lấy quẻ ấy làm *trinh*, mà quẻ biến làm *hối*. Bốn hào biến thì lấy hai hào không biến ở quẻ biến mà đoán; nhưng lấy hào dưới làm chủ. Năm hào biến thì lấy hào không biến ở quẻ biến mà đoán. Sáu hào biến cả mà gặp quẻ *Kiền* quẻ *Khôn*, thì cứ xem lời *dụng* 用 (như quẻ *Kiền* có lời *dụng-cửu*; quẻ *Khôn* có lời *dụng-lục*). Gặp quẻ khác thì cứ xem lời Thoán quẻ biến. Nguyên quẻ chính là quẻ bói được; nếu trong quẻ có động-hào nào, như động *trùng* động *giao*, thì biến ra quẻ khác là quẻ biến. Thí-dụ như quẻ *Kiền* ䷀ mà hào *sơ* là *trùng* ▭ thì biến ra quẻ *Cấu* 姤 ䷫ nghĩa là một hào dương —— động thì biến ra hào âm — — vậy.

Một là vì chấn-chỉnh kỷ-cương trong thiên-hạ mà khởi ra. Vì đương lúc ấy gặp phải thời-thế loạn-ly, trong nước tứ-phân ngũ-liệt, quần-hùng cát-cứ, chỉ lấy quyền-thế tranh cướp lẫn nhau, nhân-dân sinh-hoạt không được yên-ổn, không những là về đường vật-chất phải chịu lầm-than, mà về đường tinh-thần cũng không biết tư-tưởng theo về đường nào, mờ-mịt như trong đám mây mù. Vậy những người hữu-chí khởi lên muốn cứu giúp sự thống-khổ cho dân mới đề-xướng ra những tân-tư-tưởng.

Hai là vì ngôn-luận và tư-tưởng không được tự-do. Đương lúc đời Châu thịnh-trị, lập ra chế-độ kỷ-càng, có đặt ra hình-phạt nghiêm-cấm kẻ loạn-dân không được làm điều gì phương-hại đến cuộc trị-an, và cấm không được xướng ra tân-thuyết để làm cổ-hoặc nhân-dân. Đến khi cuối đời Châu đã suy, kỷ-cương bỏ nát cả, những pháp-luật bó-buộc ngôn-luận khi bấy giờ cũng mất cả uy-quyền. Vậy nên mọi người tư-tưởng mới được phát-đạt tự-do, tự bấy giờ những người có tài-giỏi mới được tha-hồ mà túng-sinh.

Ba là vì cái đường tiến-dụng kẻ nhân-tài mở rộng thêm ra. Khi ấy các nước chư-hầu cạnh-tranh nhau rất kịch-liệt, vì muốn giữ lấy cái địa-vị sinh-tồn của nước mình, mới cần phải đón rước lấy người hiền-tài để mà giúp về đường chính-trị, vì thế nên các nước đều tranh đón lấy kẻ hiền-tài mà dùng, dẫu kẻ sất-phu mà có tài-học, cũng được vua các nước yêu dùng mà cho được tham-dự quốc-chính. Bởi thế cho nên những người tài-học giỏi-dang đều được tự-do phát-siển về đường tư-tưởng.

Hai cái tư-trào lớn về cuối đời Châu và các nhà chư-tử bách-gia. — Trong vòng tư-tưởng cuối đời Châu có hai nhà cốt-yếu hơn cả: một là Khổng-tử là một nhà trung-tâm về nho-giáo, hai là Lão-tử là một nhà thủy-tổ về đạo-giáo. Tư-tưởng của Khổng-tử với Lão-tử về cuộc nhân-sinh trái khác hẳn nhau: Khổng-tử cho rằng đời loạn là bởi tại lễ-nghi với đạo-đức bỏ đổi-bại mất cả, vậy nên muốn chỉnh-đốn lại lễ-nghi và đạo-đức, để cứu giúp cho thiên-hạ; Lão-tử thì không thế, cho rằng loài người ta mà tranh nhau là bởi tại đa-dục, nay tuyệt hẳn lòng dục-vọng đi mà theo về đường tự-nhiên không phải làm gì cả mà thiên-hạ tự-trị. Hai tư-trào lớn ấy thực là đại-biểu cho lúc đời loạn bấy giờ.

Cuối đời Châu trừ hai phái Nho-gia và Đạo gia lại còn các phái tư-tưởng khác rất là phức-tạp. Đời sau gọi tóm các phái ấy là chư-tử bách-gia, tựu-trung các học-phái phân ra cũng nhiều. Trong bài tựa Thái-sử-công ở sách *Sử-ký* Tư-Mã Thiên có kể ra sáu nhà học-phái: 1) Âm-dương-gia, 2) Nho-gia, 3) Mặc-gia, 4) Danh-gia, 5) Pháp-gia, 6) Đạo-đức-gia. Trong sách *Hán-thư nghệ-văn chí* lại chia ra mười nhà: 1) Nho-gia, 2) Đạo-gia, 3) Âm-dương-gia, 4) Pháp-gia, 5) Danh-gia, 6) Mặc-gia, 7) Tung-hoành-gia, 8) Tạp-gia, 9 Nông-gia, 10) Tiểu-thuyết-gia. Đến đời Bắc-Tề Lưu Chú có phân-loại ra cũng giống như sách *Hán-thư nghệ-văn-chí*, nhưng thiếu một nhà tiểu-thuyết. Trong sách *Tùy-thư kinh-tịch-chí* phân-loại cũng có mười nhà giống như *Nghệ-văn-chí*, nhưng lại thêm ra bốn nhà nữa là: Thiên-văn, Lịch-số, Y-phương, Phương-kỹ, công thành là mười bốn nhà. Nay sẽ lược kể về bảy nhà là Nho-gia, Đạo-gia, Dương-gia, Mặc-gia, Pháp-gia, Danh-gia, Binh-gia; còn các nhà học-phái khác thì để cả vào trong phái tạp-gia, sẽ thuật những điều yếu-ước của các học-phái như sau.

Tóm lược về tư-tưởng và văn-hóa đời cổ nước Tàu

Dân-tộc về đời thái-cổ

Lược-thuyết

1) Những sự về đời thái-cổ đều không được tường.
2) Dân-tộc Tàu phát sinh tự trung-ương châu Á, rồi tiến về phương đông ngang chân núi Côn-luân, do đất Tân-cương đi đến tỉnh Sơn-tây.
3) Cách sinh hoạt đời ấy thì còn ghi có những sự như trong truyện *Hệ-từ* kinh *Dịch*.

Các vua thống-trị

1) Tam-hoàng: Phục-Hi, Thần-Nông, Hoàng-đế.
2) Ngũ-đế: Thiếu-Hiệu, Chuyên-Hức, Đế-Cốc, Đế-Nghiêu, Đế-Thuấn.

Những sách đời cổ

1) Kinh *Thư*, chép về những việc đời vua Nghiêu Thuấn trở về sau.
2) *Thần-nông-thư*, chép về giáo-pháp của vua Thần-Nông, đời sau mới làm ra.
3) *Tam-phân*, chép về việc đời Tam-hoàng.
4) *Ngũ-điển*, chép về việc đời Ngũ-đế.
5) *Bát-sách*, chép về tám quẻ.
6) *Cửu-khâu*, chép về việc chín châu.

Những sách này đến đời Xuân-thu đã mất cả rồi.

7) *Hoàng-đế Nội-kinh*, Truyền là Hoàng-đế làm ra, mà thực là tự đời sau làm ra.
8) *Âm-phù-kinh*, cũng như trên.

Tư-tưởng về luân-lý đời Đường Ngu

Lược-thuyết

1) Cuộc thịnh-trị ở đời Đường Nghiêu, Ngu Thuấn, là thời-đại hoàng-kim đời cổ nước Tàu.
2) Vua Nghiêu trị-vì năm-mươi năm, bảy-mươi tuổi nhường ngôi.
3) Vua Thuấn nối vua Nghiêu, dùng được hơn hai-mươi người hiền-thần, thiên-hạ thịnh-trị.
4) Nghiêu Thuấn truyền ngôi cho nhau, mới gây ra cái quan-niệm về đạo vua tôi đời cổ.
5) Cái quan-niệm về đạo vua tôi đời cổ, cho vua là phải phụng-mệnh Trời, để chi-phối cả muôn dân.
6) Cái lòng tín-ngưỡng mệnh trời với cái tinh-thần về chế-độ gia-tộc, một cái là kính, một cái là vĩ, chi-phối hết cả tư-tưởng dân-tộc nước Tàu.

Tư-tưởng của vua Nghiêu Thuấn

1) Cái cốt-tử tư-tưởng của vua Nghiêu, chỉ tin giữ lấy đạo trung.
2) Cái cốt-tử tư-tưởng của vua Thuấn, thì bảo rằng nhân-tâm nguy-hiểm, mà đạo-tâm thì tế-vi khó tỏ ra được, phải tinh-tâm nhất-ý, mà tin giữ lấy đạo trung.
3) Đạo trung là cái tư-tưởng căn-bản của Nghiêu Thuấn, nhưng mới là cái lý-pháp hình-thức, chưa kể đủ ra mọi đức-tính.

Mọi người hiền

1) Ông Cao-Giao, luận về đạo dụng kẻ nhân-tài, kể ra người ta có chín đức-tính.
2) Lại có chư-hiền là: Vũ, Quì, Tắc, Tiết, Thủy, Ích, Bá Di, Long, Trọng Kham, Quí Trọng, Bá Hồ.

Tóm lược về tư-tưởng và văn-hóa đời cổ nước Tàu

Tư-tưởng về luân-lý đời Tam-đại

Lược-thuyết

1) Tam đại, tự đời Hạ đến đời Ân, đời Châu, cộng 1900 năm.
2) Đời Hạ, tự vua Vũ đến chúa Kiệt 17 đời, cộng 431 năm. Lệ truyền cho con nối ngôi từ đó.
3 Đời Ân, tự vua Thang đến chúa Trụ 31 đời, cộng 628 năm.
4) Đời Châu, tự vua Võ-vương đến Noãn-vương 37 đời, cộng 867 năm.
5) Cuối đời Châu nhà vua suy kém, thế-lực các nước chư-hầu mạnh lên, uy-lệnh nhà vua không sai khiến được; khi ấy có nạn rợ Khuyển-nhung.
6) Đời vua thứ mười-ba là Bình vương, bị rợ Khuyển-nhung xâm-lấn, mới thiên-đô đến đất Lạc, tự đấy gọi là nhà Đông-Châu.
7) Từ khi nhà Châu thiên-đô rồi là đời Xuân-thu; cuối đời Xuân-thu là đời Chiến-quốc, thì nước Tầu thành ra cuộc cá lớn nuốt cá bé.

Mọi người hiền

1) Đại-Vũ có công trị thủy, thi-hành nhiều thiện-chính; lại làm ra thiên *Hồng-phạm cửu-trù* kể cái phép-tắc về đạo-đức chính-trị đời cổ.
2) Thành Thang là một vị thánh-vương sáng-nghiệp nhà Ân.
3) Y-Doãn là một vị hiền-thần giúp vua Thang làm nên thịnh-trị.
4) Cơ-tử là một người trong ba kẻ nhân 仁 đời Ân, diễn ra những điều đại-cương « Hồng-phạm » của vua Vũ truyền lại, mà thuật thêm ra những điều tế-mục
5) Văn-vương là một bậc vĩ-nhân làm vững nền nhà Châu, cùng với Võ-vương, Châu-công đều là hạng nhân-vật lý-tưởng về phái Nho-giả.
6) Võ-vương là một ông vua dựng nên nghiệp lớn nhà Châu.
7) Châu-công có công tập thành kinh *Châu Dịch*, sắp đặt đủ cả lễ, nhạc, chính, hình về đời Vương-giả, mà nhất là trọng điều lễ.

Châu-Dịch

Người làm ra kinh *Dịch*

1) Vua Phục-Hi mới vạch tám quẻ, đến đời Tam-đại mới có ba kinh *Dịch*.
2) Ba kinh *Dịch* là *Liên-Sơn*, *Quy-Tàng*, *Châu-Dịch*, nay còn truyền lại kinh *Châu-Dịch*.
3) Kinh *Châu-Dịch* có sáu mươi-tư quẻ và quái-từ hào-từ cùng mười bài dực.
4) Văn-vương làm ra quái-từ, Châu-công làm ra hào-từ, Khổng-tử làm mười bài dực.

Danh-nghĩa kinh *Dịch*

1) Danh-nghĩa kinh *Dịch* hàm có ba nghĩa là biến-dịch, bất-dịch, giản-dị.
2) Nghĩa biến-dịch : Không những là thiên-biến vạn-hóa, và lại tả được cả hiện-tượng vũ-trụ và sự thực trong xã-hội.
3) Nghĩa bất-dịch : Hiện-tượng trong vũ-trụ và loài người, trong khi biến-hóa vẫn có lẽ bất-dịch.
4) Nghĩa giản-dị : Là quán-thông cả lý-pháp của các hiện-tượng trong vũ-trụ, mà đều giản-dị rõ-ràng.

Tóm lược về tư tưởng và văn-hóa đời cổ nước Tàu

Chân-Dịch

Nguyên-lý kinh *Dịch*

1) Cái lý-pháp nhất-định bất-dịch trong trời đất là âm-dương hai nguyên-khí, hai nguyên-khí bởi tự khí Thái-cực sinh ra.
2) Kinh *Dịch* có tượng Thái-cực, Thái-cực sinh lưỡng-nghi, lưỡng-nghi sinh tứ-tượng, tứ-tượng sinh bát quái.
3) Thái-cực là tượng tuyệt-đối không có thái-trạng gì phân-biệt cả; lưỡng-nghi tức là âm-dương.
4) Âm-dương lưỡng-nghi là luận về nhị-nguyên, rồi qui cả về Thái-cực là luận về nhất-nguyên.

Xét về lẽ vũ-trụ

1) Nguyên-lý kinh *Dịch* là bởi cái lẽ bất-dịch trong khoảng trời đất, tự khi vũ-trụ sinh-thành ra rồi thành ra các sự-vật.
2) Thái-cực là gốc vũ-trụ, lưỡng-nghi tức là âm-dương; tứ-tượng tức là xuân, hạ, thu, đông; bát-quái là tượng: thiên, trạch, hỏa, lôi, phong, thủy, sơn, địa.
3) Một quẻ đều sinh ra tám quẻ, rồi thành ra sáu-mươi-tư quẻ mà biến-hóa ra muôn sự-vật.

Về thuyết luân-lý

1) Quan-hệ về luân-lý thì nguyên-lý ở âm-dương, như là đạo vua tôi cha con vợ chồng, tức là tỏ ra nghĩa âm-dương đó.
2) Âm-dương phải đều giữ lấy chính-vị, như là vua phải đạo vua, tôi phải đạo tôi, chồng phải đạo chồng, vợ phải đạo vợ, v.v.
3) Muốn giữ cho chính-vị thì phải có một đạo-lý, như là vua tôi phải có nghĩa, cha con phải thân yêu, v. v..

Bói *Dịch*

1) Kinh *Dịch* đến đời sau mới giải-thích ra nghĩa luân-lý và triết-học như trên, nhưng lúc mới đời cổ chỉ cốt dùng để bói.
2) Phép bói kinh *Dịch* dùng bằng cỏ thi để bói tìm ra quẻ, rồi do quái-tượng mà phán-đoán sự họa phúc lành dữ.
3) Trong sáu-mươi-tư quẻ kinh *Dịch* mà hay tỏ ra hết được sự tình xã-hội.

Tư-tưởng về cuối đời Châu

Lược-thuyết

1) Tư-tưởng dân-tộc nước Tàu về cuối đời Châu là bởi tự-giác mà phát-siển.
2) Lý-do như sau này:
   a) Cần phải chấn-hưng kỷ-cương trong thiên-hạ, nên phải dề-xướng ra tư-tưởng mới.
   b) Ngôn-luận và tư-tưởng khi bấy giờ rất là tự-do, nên khiến kẻ kỳ-tài mới được tha-hồ mà tùng-sinh.
   c) Vì đường tiến-dụng nhân-tài đã rộng mở thêm, kẻ nào tài-học giỏi có danh-tiếng thì đắc-dụng.
3 Tư tưởng về cuối đời Châu phát-đạt lên, nên mới sản-xuất ra được chư-tử bách-gia.

Tư-tưởng của các học-phái

1) Nho-giáo thì lấy Khổng-tử làm trung-tâm.
2) Đạo-giáo thì lấy Lão-tử làm thủy-tổ.

} Hai giáo này về nhân-sinh-quan rất trái khác nhau.

3) Lại còn các phái như họ Dương, họ Mặc và danh-gia, pháp-gia, binh-gia, tạp-gia.

Chương thứ II — Nho-giáo

Xét sách *Châu-lễ*, nho là một chức để dạy bảo đạo-nghệ cho dân-sự trong làng xóm, về sau dùng nghĩa rộng ra thì trỏ những đạo-giáo tự đời vua Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Châu, Khổng truyền lại cho là Nho-giáo. Nghĩa chữ «Nho» thì *Quảng-nhã* giải là *nhu* 柔 = mềm; *Hàn-thi ngoại-truyện* giải là *nhu* 耎 = cần; *Thuyết-văn* giải là *nhược* 弱 = yếu; đều hàm có cái nghĩa giáo-hóa người ta khiến cho thành cái tính ôn-hòa lương-thiện.

Nho-giáo thành là một học-phái là bởi tự sau khi Khổng-tử mới thành-lập nên. Nho-giáo nhờ về sức Khổng-tử nên mới thành ra được một học-thuyết có thống-hệ đường-hoàng, vậy nên hễ nói đến Nho-giáo thì ai cũng liền nhắc đến Khổng-tử. Nhưng Nho-giáo vốn không phải là một cái học-thuyết tự Khổng-tử mới sáng-tác ra, đó là cái đạo-giáo tự đời cổ truyền lại, đến Khổng-tử mới tập cả đại-thành, ngài vẫn tự nói rõ như vậy.

1) **Khổng-tử.** — Khổng-tử tên là Khâu 丘, tên tự là Trọng-Ni 仲尼, sinh về tháng mười-một năm thứ 21 đời vua Linh-vương nhà Châu, ở làng Xương-bình nước Lỗ (551). Tiên tổ là người nước Tống. Nước Tống là con cháu sau ông Vi-tử đời nhà Ân. Cha tên là Thúc-Lương Hột, mẹ họ Nhan tên là Trưng-Tại. Khổng-tử tuy sinh về đời loạn, nhưng nước Lỗ vốn là đất của ông Châu-công được phong ra đó, nên vẫn còn lễ-nhạc của Châu-công truyền lại. Khổng-tử vốn tôn-kính Châu-công là bậc nhân-vật lý-tưởng, cũng là bởi một lẽ đó. Khổng-tử sinh ra vốn có thiên-tài, nhưng chưa phải là bậc thánh-nhân sinh-tri an-hành như đời sau đã khen. Ngài khi nhỏ đã biết trọng lễ-nghi, lúc chơi đùa thường bày cái trở cái đậu tập làm lễ-dung. Lớn lên đi làm quan thì hết lòng vì chức-vụ, truyền rằng khi ngài làm kẻ ủy-lại thì đong lường bằng-phẳng; khi làm chức tư-tàng thì nuôi muôn muông súc-sinh ra nhiều. Đức Khổng-tử không có chuyên một thầy nào, nếu người nào có một nghề giỏi thì ngài đến học ngay, bởi thế hay học thấu được đạo đấng tiên-vương, càng ngày càng tấn-tới. Khi ngài hai-mươi-ba, hai-mươi-bốn tuổi đã có học trò đến học ngài. Sau ngài vào nhà Châu tra xét lấy những chế-độ văn-vật, và hỏi lễ ở Lão-tử. Khi ấy Lão-tử làm chức thủ-tàng-lại ở nhà Châu, tức như Đô-thư-quán trưởng ngày nay, tuổi Lão-tử lại hơn Khổng-tử. Khi Khổng-tử về nước Lỗ dạy bảo cho lũ học trò thì gặp phải nước Lỗ đại-loạn, ngài mới bỏ nước Lỗ mà đi sang nước Tề. Vua Cảnh-công nước Tề đem chính-sự hỏi ngài, muốn dùng ngài giúp về việc quốc-chính. Nhưng Yến-Anh nói gièm lại thôi không dùng ngài nữa. Khổng-tử lại về nước Lỗ làm quan tể đất Trung-đô, rồi thăng lên chức Tư-khấu. Được phụng mệnh làm đại-biểu họp vua nước Tề ở đất Giáp-cốc, ngài mới ra tay ngoại-giao, hay khiến cho nước Tề vẫn cậy mạnh mà phải khuất-phục. Khi ấy nước Lỗ có quan đại-phu Thiếu-Chính-Mão làm loạn rối chính-trị, ngài liền đem giết đi, để trừ kẻ quốc-tặc và làm cho chấn-khởi kỷ-cương. Bởi vậy ngài làm quan hành-chính mới có ba tháng, mà nước Lỗ đại-trị. Nước Tề sợ nước Lỗ mạnh lên, mới dùng mưu để làm ngăn-trở, ngài không được đắc-dụng để thi-thố cái tài-năng ra nữa, ngài mới đi chu-du cả các nước, trước đi đến nước Vệ, rồi đến nước Trần, đến đất Khuông, đến đâu ngài cũng lấy chính-sách để bảo vua các nước, nhưng vua các nước không hay dùng. Năm thứ 11 đời vua Ai-công nước Lỗ, tuổi ngài sáu-mươi-tám mới lại trở về nước Lỗ sửa-sang lại kinh *Thư*, kinh *Thi*, làm ra kinh *Xuân-thu*, và giảng bảo học-trò. Đời vua Kính-vương nhà Châu năm thứ 41 (479) ngài đã 73 tuổi

mới mất, chôn ở trên sông Thù cạnh quốc-đô nước Lỗ. Nay trong một khu rừng rậm trên sông Thù về phía bắc huyện Khúc-phụ hãy còn mộ ngài. Vậy nên nói về Khổng-học thì đều gọi là : *Thù Tử chi học*, đó là nhân có hai con sông mà gọi tên vậy.

Khổng-tử làm sách. — Khổng-tử tự nói rằng mình chỉ thuật lại những việc trước mà không làm sách gì, sự-nghiệp ngài suốt đời chỉ là tồ-thuật đạo Nghiêu, Thuấn, hiến-chương phép Văn Võ, vậy nên những sách ngài thuật lại đều là tập đại-thành những học-thuyết đời cổ, như là *Dịch*, *Thi*, *Thư*, *Lễ*, *Xuân-thu* năm kinh. Duy có sách *Luận-ngữ* là có thể xem biết được tư-tưởng của Khổng-tử ; lại còn những sách *Đại-học*, *Trung-dung*, *Hiếu-kinh* cũng là những sách có tài-liệu để xem xét về tư-tưởng của Khổng-tử vậy.

Ngũ-kinh. — Kinh *Dịch* là một sách triết-học đời cổ, trên kia đã thuật rõ cả rồi.

Kinh *Thi* là họp những bài thơ-ca trong chốn hương-lý, và những lời nhã-tụng trên chốn triều-đình mà làm thành ra. Sách *Sử-ký* thiên *Khổng-tử Thế-gia* nói rằng: « Đời cổ kinh *Thi* có những hơn ba nghìn thiên, đến Khổng-tử mới bỏ bớt đi chỉ lấy những bài có thể dùng về lễ-nghi, trên kể từ đời ông Tiết, ông Tắc, khoảng giữa thì thuật những bài thơ kể về thịnh-trị đời Ân, đời Châu, đến đời vua U, vua Lệ thì bỏ bớt đi. Vậy nên lấy thơ *Quan-thư* làm đầu *Phong-thi*, thơ *Lộc-minh* làm đầu *Tiểu-nhã*, thơ *Văn-vương* làm đầu *Đại-nhã*, thơ *Thanh-miếu* làm đầu thiên *Tụng*, cả thảy ba trăm năm thiên, Khổng-tử đều hiệp vào huyền-ca, để cho hợp vào những tiếng nhạc-âm Nhã Tụng và nhạc Thiều nhạc Võ, từ đó mới đủ lễ-nhạc về vương-đạo. »

Kinh *Thư* nguyên gọi là *Thượng-thư*, là một sách về đời thượng-cổ. Khi Khổng-tử chu-du liệt-quốc thường xem xét những bài ký-lục ở trong quan-phủ nhà Châu, mới tuyển lấy những thiên *Điển*, *Mô*, *Huấn*, *Cáo*, *Thệ*, *Mệnh*, từ đời Đường Ngu cho đến đời Tần Mục, được là trăm thiên, nội-dung chép những sự thực từ bốn nghìn năm trở về trước, thực là một sách tối-cổ trên thế-giới. Kinh *Thư* có cổ-văn, kim-văn, bởi vì trải qua đời Tần đốt sách và đời Hạng Vũ binh-tai, những sách cổ của Tần đều mất đi cả. Đến đời vua Huệ-đế nhà Hán mới bỏ cái luật cấm cất sách, từ đó mới tìm ra được những sách còn sót lại. Khi bấy giờ có người ở đất Tế-nam là ông Phục-sinh làm quan bác-sĩ nhà Tần, truyền được kinh *Thư* hai-mươi-tám thiên. Sau ở đất Hà-nam lại tìm ra được một thiên nữa, thành là hai-mươi-chín thiên, tức là những kim-văn trong kinh *Thư* bây giờ. Cổ-văn kinh *Thư* thì về đời Cảnh-đế, vua Cung-vương nước Lỗ mới tìm thấy ở trong tường vách nhà cũ của Khổng-tử, chữ viết dùng lối khoa-đẩu. Quan bác-sĩ là Khổng An-Quốc mới đem kim-văn kinh *Thư* so-sánh mà xét lại rồi giải-thích ra, dâng lên triều-đình. Nhưng vì cớ khác lại vẫn đề chứa trong bí-phủ không phát-biểu ra. Đến sau gặp đời loạn năm Vĩnh-gia, cổ-văn kinh *Thư* thất-lạc mất. Đến đời Nguyên-đế nhà Đông-Tấn, có người tìm được cổ-văn kinh *Thư*, dâng lên triều-đình, từ đó kim-văn với cổ-văn đều đem học cả, mà cổ-văn lại trọng hơn kim-văn. Đến đời Tống mới có người xét ra lấy làm hoài-nghi, đến đời Thanh có một nhà bác-học là Diêm Nhược-Cừ 閻若璩 mới làm bài sớ chứng về cổ-văn kinh *Thư*, mới biết rõ cổ-văn kinh *Thư* là giả-ngụy.

Lễ-ký nguyên là theo sách *Châu-lễ*, *Nghi-lễ*, các học trò ông Khổng và kẻ học-giả đời sau mới chép ra. *Châu-lễ* là biên-tập những di-giáo của Châu-công. *Nghi-lễ* là chép những lễ-nghi độ-số lúc đương-thời. *Lễ-ký* phân ra *Đại-Đới-ký* và *Tiểu-Đới-ký*. Xét về

Tùy-thư kinh-tịch-chí nói rằng: Lễ-ký có hai trăm mười bốn thiên, đời Tiền-Hán vua Tuyên-đế, ông Đới Đức mới bỏ bớt đi chỉ còn tám mươi nhăm thiên, tức là sách *Đại-Đới-ký*. Con nhà tụng-huynh ông Đức là Đới Thánh mới lại bớt sách *Đại-Đới-ký* đi chỉ còn có bốn mươi sáu thiên, tức là sách *Tiểu-Đới-ký*. Sách *Trung-dung* là một thiên trong sách *Lễ-ký*, đến đời sau mới biểu-chương ra làm một sách, các nhà nho lấy làm chân-trọng lắm.

Xuân-thu là một bộ lịch-sử chép từ đời vua Ẩn-công nguyên-niên cho đến đời vua Ai-công năm thứ mười bốn, cả thảy mười hai đời vua, được là hai trăm bốn mươi hai năm. Nhưng kinh ấy không những là lịch-sử chỉ chép về sự thực, lại do lịch-sử sự-thực mà ngụ có cái ý khen chê. Văn-từ rất là giản-khiết, cú-pháp rất là cẩn-nghiêm, thường lấy một chữ mà tỏ ra nghĩa bao-biếm. Khổng tử biên-toản kinh *Xuân-thu* rất là phí tâm-huyết, ngài thường nói rằng: « Biết ta ra cũng bởi kinh *Xuân-thu*, bắt tội ta cũng bởi kinh *Xuân-thu* ! » Xem đó thì biết cái tinh-thần Khổng-tử lo về thế-đạo nhân-tâm mà trọng về đại-nghĩa danh-phận tỏ ở cả trong kinh *Xuân-thu*. Giải-nghĩa kinh *Xuân-thu* có ba truyện: *Tả-thị*, *Cốc-Lương*, *Công-Dương*. Truyện *Tả-thị* là tự Tả-Khâu-Minh soạn ra. Tả Khâu-Minh là con cháu sau quan Tả-sử Ý-Tướng nước Sở, có thụ kinh ở Khổng-tử. Truyện *Cốc-Lương* là tự Cốc Lương Thúc soạn ra, Thúc tên tự là Nguyên-thủy, cũng có tên là Xích, học kinh *Xuân-thu* ở thầy Tử Hạ. Truyện *Công-Dương* là tự Công-Dương Thọ soạn ra, Thọ là người đời vua Cảnh-đế. Thầy Tử-Hạ truyền kinh *Xuân-thu* cho Công-Dương Cao; con Cao là Bình, con Bình là Địa, con Địa là Thọ, cha con cùng truyền-thụ, đến Thọ mới làm ra truyện *Công-Dương*.

Ngoại năm kinh ra lại còn kinh *Nhạc* gọi là *Lục-kinh*.

Luận-ngữ. — Sách *Luận-ngữ* là ghi chép những ngôn-hành của Khổng-tử và học-trò Khổng-tử. Cắt nghĩa về hai chữ *Luận-ngữ* có nhiều sách khác nhau: *Hán-thư nghệ-văn-chí* nói rằng: « *Luận-ngữ* 論語 là ghi những lời nói của Khổng-tử đáp lại học-trò, và các học-trò cùng nói chuyện là nghe ở lời Khổng-tử. Đương khi ấy học-trò đều có ghi chép riêng, đến khi Khổng-tử mất rồi, học-trò mới cùng nhau biên-tập mà luận-liệt ra cho nên gọi là sách *Luận-ngữ*. » Trịnh Huyền 鄭玄 chua nghĩa rằng: « Luận nghĩa là *luân* 綸 = kinh-luân; là *luân* 倫 = luân-chuyển; lại nghĩa là *lý* 理, là *thứ* 次, là *soạn* 撰, ý bảo rằng sách ấy có thể kinh-luân được thế-vụ mà luân-chuyển vô-cùng; lại hay hợp đủ cả vạn-lý, mỗi thiên lại có thứ-tự, họp cả quần-hiền mà soạn ra ».

Xét về người biên-tập ra sách *Luận-ngữ*, Hoàng Khản 皇侃 thì cho sách ấy là tự sau khi Khổng-tử mất rồi, bởi các học-trò của bảy mươi vị hiền soạn ra. Trịnh Huyền thì cho là thầy Trọng-Cung, Tử-Du, Tử-Hạ soạn định ra. Liễu Tôn-Nguyên 柳宗元 thì bảo rằng trong bọn học trò của Khổng-tử, thầy Tăng-tử ít tuổi hơn cả, mà chết trước Khổng-tử đã lâu. Khi ấy học-trò Khổng-tử không còn mấy người; song sách ấy có chép khi thầy Tăng-tử mất, thế thì chắc là học-trò thầy ấy làm ra. Thuyết của thầy Chu thầy Trình cũng đồng một ý, cho rằng sách *Luận-ngữ* là bởi học-trò thầy Hữu-tử, Tăng-tử làm ra, cho nên trong sách mới tôn xưng hai thầy ấy gọi là *Tử* 子. Bài tự-thuyết của thầy Chu trong sách *Luận-ngữ* có dẫn lời thầy Trình; mà thuyết thầy Trình thì rõ là căn-cứ theo Liễu Tôn-Nguyên. Vật-Tổ-Lai bác thuyết thầy Chu bảo rằng trong sách *Luận-ngữ* tôn-xưng là *Tử* không những Hữu-tử, Tăng-tử mà thôi, như thầy Mẫn-tử, Nhiễm-tử cũng xưng là *Tử*. Thế thì

cái thuyết thầy Chu cũng không chắc, mới xướng ra một thuyết mới bảo rằng: « Sách *Thượng-luận* là tự Cầm-Chương 琴張 làm ra, sách *Hạ-luận* là tự Nguyên-Tư 原思 làm ra, cho nên hai thầy ấy đều xưng tên. » Còn như Hữu-tử, Tăng-tử mà xưng là *Tử* thì Giải-giang Nghĩa-hoàn-thị nói rằng: « Xét trong sách *Lễ-ký* thì chỗ nào nói đến Tăng-tử đều xưng là *Tử*, Hữu-tử cũng nhiều chỗ xưng *Tử*. Thế thì Tăng-tử, Hữu-tử mà đều xưng là Tử, còn các môn-nhân khác thì xưng tên chữ, đó là cái thói quen về cuối đời Châu, đời Tần và đầu đời Hán vậy ». Phục-bộ-vũ-chi-cát có hiệu-đính sách *Hán-văn đại-hệ* nói rằng: « Sách *Luận-ngữ* không kỳ là làm tự tay người nào, trước khi định-bản ra đời, tất phải qua tay hiệu-đính, trong khi hiệu-đính, những tên xưng-hô tất có cải-đính lại». Trong sách ấy không những là chép khi thầy Tăng-tử sắp mất, và lại chép cả lời kẻ môn-nhân thầy Tử-Hạ hỏi đạo giao-du ở thầy Tử-Trương và lời thầy Tử-Du phê-bình cách giáo-dục của thầy Tử-Hạ, cũng là lời thầy Tử-Du và Tăng-tử phê bình thầy Tử-Trương. Xem thế thì sách *Luận-ngữ* này thực tự sau khi Khổng-tử mất rồi, học trò của các nhà mới cùng nhau trải năm tháng mới soạn định lại.

Sách *Luận-ngữ* chia ra có ba thứ là: *Lỗ-luận* 魯論, *Tề-luận* 齊論, *Cổ-luận* 古論. *Lỗ-luận* là tự nhà nho nước Lỗ truyền ra; *Tề-luận* là tự nhà nho nước Tề truyền ra; *Cổ-luận* thì tự vua Cung-vương nước Lỗ về thời Cảnh-đế nhà Hán mới phá cái nhà cũ của Khổng-tử mà tìm thấy ra. *Lỗ-luận* có hai-mươi thiên, *Tề-luận* có hai mươi hai thiên, *Cổ-luận* có hai-mươi-mốt thiên, chương câu các thiên có nhiều chỗ khác nhau. Nay phổ-thông nhất là sách *Lỗ-luận*, có hai-mươi thiên là: *Học-nhi*, *Vi-chính*, *Bát-dật*, *Lý-nhân*, *Công-giã-tràng*, *Ung-dã*, *Thuật-nhi*, *Thái-bá*, *Tử hãn*, *Hương-đảng*, *Tiên-tiến*, *Nhan-uyên*, *Tử-lộ*, *Hiến-vấn*, *Vệ-linh-công*, *Qui-thị*, *Dương-hóa*, *Vi-tử*, *Tử-trương*, *Nghiêu-viết*. Thiên *Học-nhi* đại-khái thuật về sự học-vấn; thiên *Công-giã-tràng* thì phê-bình nhân-vật đời cổ đời kim; thiên *Hương-đảng* thì thuật về hành-trạng của Khổng-tử; thiên *Tiên-tiến* phần nhiều thuật việc các học trò; thiên *Vi-tử* thì bàn về cái lẽ đời suy-loạn; thiên *Tử-trương* thuật về việc học trò; còn các thiên khác tuy không có cái đặc-sắc như các thiên trên, nhưng đều là những lời dạy bảo rất cần về việc thực-hành đạo-đức.

Luận-ngữ là một sách về kinh-điển Nho-giáo từ xưa đến nay nhà Nho rất là tôn-trọng. Chú-thích về sách *Luận-ngữ* rất nhiều, mà nhất là mười quyển *Luận-ngữ tập-chú* của Hà Án 何晏 ở đời Ngụy và mười quyển *Luận-ngữ tập-chú* của Chư tử đời Tống. Những lời chú trước là cổ-chú, lời chú sau là tân-chú. Lại còn sách *Luận-ngữ nghĩa-sớ* của Hoàng Khản đời Lương, sách *Luận-ngữ thích-văn* của Lục Đức-Minh và sách *Luận-ngữ bát-giải* của Hàn Dũ 韓愈, Lý Cao 李翱 đời Đường, sách *Luận-ngữ chính-nghĩa* của Hình Bính 邢昺 đời Tống.

Nhân-cách Khổng-tử. — Cứ xét những ngôn-hành chép ở trong sách *Luận-ngữ*, thì nhân-cách Khổng-tử rất là hoàn-toàn, về phần tri, tình, ý điều-hòa phát-đạt cả, tinh-thần năng-lực thực là siêu-việt người thường.

1) Khổng-tử rất là hiếu-học, thường nói rằng: « Ta thường suốt ngày chẳng ăn, suốt đêm chẳng ngủ, chỉ nghĩ vẩn-vơ vô-ích, không gì bằng học ». (Thiên *Vệ linh-công*.) Lại nói rằng: « Trong một làng độ mười nhà tất cũng có người có cái trung-tín chất tốt, như Khâu này, nhưng không hiếu-học như Khâu này vậy. » (*Công-giã-tràng*.) Lại rằng:

« Buổi sớm mà hay hiểu thấu được đạo-lý, giá buổi chiều chết ngay cũng cam lòng.» (*Lý nhân*). Xem như những lời trong sách *Luận-ngữ* thì đủ biết Khổng-tử ngài rất là hiếu-học, về hồi vãn-niên ngài đọc kinh *Dịch* đến ba lần đứt lề sách, thì lại càng tỏ là ngài chăm học lắm.

2) Khổng-tử là người rất thâm về lòng hiếu-thảo và giàu về lòng từ-ái. Khi mẹ mất, hết tang ba năm rồi, vẫn còn giỏ nước mắt nhớ thương. Gặp sự người ta bất-hạnh thì ngài cũng thương, như là : « Ngài ăn ở bên nhà có tang, thì ngài động lòng thương chửa ăn được no bao giờ; ngày hôm nào ngài đi viếng thăm người bất-hạnh, thì không có hát xướng ». (*Thuật-nhĩ*). Ngài đối với học trò thường tiếp-đãi một cách hậu-tình, khi thăm thầy Bá-Ngưu đau, đến trước cửa sổ cầm tay mà than rằng : « Hỏng mất, thôi cũng là mệnh vậy ! Người này mà bị tật ấy ư ! Người này mà bị tật ấy ư ! » (*Ung-dã*).Khi Thầy Nhan-Uyên mất, ngài thương tiếc mà rằng : «Ôi ! Trời đánh mất đạo ta!» (*Tiên-tiến*). Xem đó đủ biết tính-cách ngài giàu về tình-ái. Ngài đối với loài cầm-thú cũng có lòng thương-xót, cho nên « ngài có đi câu chứ không có chăng dây đánh lưới vét ; bắn thì chẳng bắn chim ngủ» (*Thuật-nhĩ*). Cái đức khiêm-nhượng của ngài thấy chép ở trong sách cũng nhiều, như là : « Ngài có bảo thầy Tử-Cống rằng : — Ngươi với thầy Hồi, ai hơn ? Thưa rằng : — Tứ này sao dám mong bằng thầy Hồi, Hồi kia nghe một điều biết đến mười điều ; Tứ này nghe một điều chỉ biết được đến hai điều. — Ngài bảo rằng : Ừ, chẳng bằng vậy, ta với ngươi chẳng kịp bằng vậy.» (*Công giã-tràng*). Xem như những điều đó thì thực là hiểu rõ vậy.

3) Đức Khổng-tử lại là người ý-chí cương-cường, khi hội Tề-hầu ở đất Giáp-cốc, ngài làm đại-biểu cho nước Lỗ, mà không để mất thể-diện quốc-gia, hay làm khuất-phục được nước cường-lân, hoàn-toàn được sứ-mệnh. Khi làm tướng giết kẻ quyền-thần là Thiếu Chính-Mão, để cho nghiêm-túc kỷ-cương. Khi gặp nạn người Hoàn Khôi và nạn người đất Khuông toan làm hại, ngài chỉ chắc tin mệnh trời mà không có sợ hãi lật-đật điều gì. Những kẻ chí hèn nết kém, hơi một tí thì sợ, coi đó cũng đáng thẹn thay ! Ngài tuy không gặp thời,mà vẫn thung-dung bất-bách, chẳng oán chi trời, chẳng trách chi người, đem cái tinh-thần bất-khuất bất-não chống nhau với thời-thế, mà giữ toàn được thiên-chức ; không phải người có cái ý-chí cương-cường thì sao hay được như thế. Tóm lại suốt đời Khổng-tử thường hay phát-lộ ra cái ý-chí cương-kiện, tuy rằng giàu lòng từ-ái, mà thực không phải là người chí-khí bạc-nhược chỉ tuân theo thế-tình

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

ĐỜI ĐẠO-LÝ (1)

XII

Cầu-nguyện. — *Nhưng khi khởi công tu-luyện, phải nên cầu-nguyện thần-minh luôn, để người giúp cho làm được trọn-vẹn.* — Để mặc cho một mình thì người ta dù có chí nữa cũng khó lòng mà tiến lên được. Cần phải có ai khuyên bảo và làm mẫu-mực cho bắt-chước. Nếu không cầu đến nơi nguồn gốc của đời mình, nếu quên cái mục-đích đã ấn-định cho mình rồi, thì chỉ có thể sống một cách bần-tiện mà thôi. Nhưng nếu biết khéo dùng cái dây liên-lạc của mình với đấng tạo-hóa cùng các cõi đời cao-thượng hơn, để lấy sức mạnh, để chịu cảm-ứng cho được tấn-tới, thì thấy nhân-cách mình tốt-đẹp nẩy-nở ra mau lắm.

Sự cầu-nguyện chính là cái đường cảm-thông với thần-minh, để cho cái chí tinh-tiến của ta đạt tới Thượng-đế và sự cảm-dụ của Thượng-đế suốt được đến ta. Bởi thế nên sự cầu-nguyện chính là một cách tu-luyện phổ-thông trong cả các đạo-giáo.

Tuy-nhiên, sự cảm-ứng của thần-minh đó không có ngăn-trở luật thiên-nhiên của vũ-trụ, cũng không trở-ngại gì đến sự tự-do cùng cái công-nghiệp riêng của mọi người. Thần-minh chỉ tiếp-xúc cho người, chỉ đường cho đi mà thôi ; còn sự quyết-định, còn cái công-phu phải làm, còn cái kết-quả tinh-tiến, thì vẫn thuộc về người ta. Vậy thì cái công tu-luyện riêng vẫn là hoàn-toàn. Vì rằng nếu đời mình không được trong sạch, nếu thân-thể cùng tinh-thần không đủ sức cảm-động, không đủ sức hấp-thụ về đường đạo-lý, thì sự cầu-nguyện cũng là vô-ích. Nếu lòng mình không quả-quyết sống theo Thiên-lý, thì chẳng nên cầu-nguyện làm gì. Người cầu-nguyện là người không xứng-đáng, thì lời cầu-nguyện tất không có hưởng-ứng. Cầu-nguyện như vậy chẳng qua là kêu trong quãng không hay là làm một sự mê-tín mà thôi.

Như vậy thì cầu-nguyện là phải đem cả tâm-hồn mình để vào trong lời cầu-nguyện, phải biết rõ cái thân-phận mình là hèn-mọn nhỏ-nhen đối với oai-quyền của Thượng-đế, đem lòng cảm ơn vô-cùng, không những cảm ơn những sự tốt lành đã được hưởng mà nhiều khi không biết ơn, lại cảm ơn cả sự đau-đớn phải chịu nữa, vì sự tốt-lành là cái phần thưởng cho mình, mà sự đau-đớn cũng là cách cảnh-cáo cùng cái phương-tiện để tu-tiến cho mình và hai đàng cùng là cái biểu-tượng của sự Trật-tự cùng lòng thương yêu của Thượng-đế vậy.

Cầu-nguyện lại phải đem hết lương-tâm vào đấy nữa, xin Thượng-đế gia ơn cho là cốt để chia đều cho kẻ đồng-loại mình, trong lòng bỏ cả mọi sự ghen-ghét oán-phẫn với kẻ khác. Vì tiếp nhận được ơn trên, không phải là để chứa chất vào đấy mà không hành-động gì đâu, phải phấn-khởi mãnh-tiến, truyền cho kẻ tốt, dạy cho kẻ xấu mới được.

Sự cầu-nguyện phải có thiết-tha thâm-trầm thì mới có hiệu-lực mạnh. Chỉ cầu-nguyện trong hai phút mà để cả tinh-thần nghị-lực vào ý-nghĩa từng câu từng chữ, còn hơn là đọc

(1) Xem *Nam-Phong* số 163.

những bài dài lầm-bầm trong hàng giờ, mà thần-trí mơ-màng những đâu đâu.

Vậy giá-trị của sự cầu-nguyện là cốt ở cái tư-tưởng mạnh-mẽ của người khởi-tâm cầu-nguyện, cho nên những câu cầu-nguyện mà cứ đọc như câu thường thì không có công-hiệu gì nữa. Vả lại những câu lâm sẵn (trừ bài *Pater*, bài *Ave Maria*, cùng mấy câu kinh-kệ cổ không kể), chỉ dùng cho kẻ công-chúng chưa hiểu đạo-lý mà thôi. Người đạt-nhân đã biết mùi đạo-lý, thì lời cầu-nguyện phải tự mình nghĩ ra, tức-tích ứng ra, vì sự nguyện-vọng của mình cao hơn kẻ bình-thường.

Vả lại sự cầu-nguyện có thường-thường luôn-luôn thì mới có công-hiệu. Thượng-đế đã rấp định thế nào thì phải thành như vậy. Duy có Người là biết lời cầu-nguyện của ta có đáng chuẩn-y hay không, và lúc nào là đáng chuẩn-y, để cho có thể hưởng được ơn-huệ của Người. Trong thế-giao, phàm sự tiến-bộ chân-chính vững-vàng, bao giờ cũng là cái công của ngày giờ cùng lòng kiên-nhẫn cả. Cái gì được mau quá là hão-huyền và dễ hủy-hoại hết.

Sự cầu-nguyện cho được hoàn-toàn kết-quả thì tất phải buông-thả trong lòng mà phó-thác hẳn cho Thượng-đế, đem lòng tín-ngưỡng tuyệt-đối, tin rằng người ta dù sai-lầm tội-lỗi cũng không bị Thượng-đế ruồng-bỏ bao giờ, miễn là phải quyết chí rằng từ nay tu-tỉnh lại và thuận theo phép-tắc của Thượng-đế cùng của thiên-nhiên. Phàm cầu nguyện là phải chắc rằng hễ cái gì cầu-nguyện hợp với lẽ tiến-hóa của ta là thế nào cũng được.

Nhưng muốn vậy thời cầu nguyện phải cho sáng-suốt, đừng cầu cái không thể được, cái không thể có hay cái tức-khắc mà được ngay vậy. Như cầu làm việc gì cũng được, mưu lợi gì cũng thành, không phải đau-khổ chi hết, thì trẻ con quá. Kiếp trước ta thế nào, nợ-nần ta bao nhiêu, sức tinh-tiến của ta được nhường nào, ta còn mơ-hồ chưa biết, thì làm sao mà có thể tự-phụ định được con đường tiến-hóa mau hay chóng cùng cái phương-tiện tiến-hóa những thế nào. Phải để cho Thượng-đế chủ-trương cái vận-mệnh ta, và phải biết rằng có khi sự đau-đớn trắc-trở lại ích-lợi cho đường tinh-tiến hơn là sự yên-tĩnh hòa-vui. Người ta có biết khắc-kỷ mới là người mạnh. Người ta có gặp trắc-trở mới có thể tấn-tới. Nhiều khi tưởng cầu lấy cái đại-phúc mà lại gặp phải cái đại-họa. Chính PYTHAGORE nói trong câu cách-ngôn rằng: « Trong lời cầu-nguyện, đừng có xin gì, vì tự mình không biết cái gì là hay cho mình, chỉ có Thần-minh mới biết được thôi ». Như vậy thời không gì bằng chỉ tỏ lòng kính-ái, hướng-nguyện về Thượng-đế, tỏ ý muốn tu-luyện, muốn xin chỉ-dẫn cho con đường phương-tiện, không quản rằng con đường ấy sẽ bị trắc-trở hay sẽ được hanh-thông. Vậy thời sự cầu-nguyện chân-chính là nhất-thiết phải làm bổn-phận mình, chỉ cầu Trời phù-trợ, và dù gặp sao cũng tin vui mà nhận cả.

Những buổi cầu-nguyện tốt nhất là buổi sớm và buổi chiều. Ngay lúc ngủ dậy, phải định ý-chí, nghĩ đến cái mục-đích tối-cao của đời người, nó thường phảng-phất ở trong những công-việc tần-phiền trong một ngày. Trước khi đi ngủ thời lại nên cảm ơn Thượng-đế đã giúp cho ta chống được những sự cám-dỗ không hay của ngoại-cảnh và cầu Người phù-trợ cho ta để tu-tỉnh về sau này. Cầu-nguyện phải trong khi một mình yên-tĩnh, tịch-mịch êm-đềm. Phải thân-thể thư-nhàn, thái-độ thích-hợp, và phải cố gây lấy trong mình một mối cảm-động mạnh-mẽ, để cho thần-khí ứng-nhập vào mình.

Mấy người cùng nhau đồng-tâm đồng-chí mà cầu-nguyện thì lại càng hay lắm, vì như lời Đức Gia-tô đã nói:

« Chỗ nào có hai ba kẻ vì danh ta mà họp lại, thời tất có ta trong bọn đó ».

Muốn cầu-nguyện chỗ nào cũng được, vì Thượng-đế vừa ở trong người ta, vừa ở cả khắp chung-quanh ta, nhưng nếu được một nơi thánh-thất yên-tĩnh thì sự cầu-nguyện lại càng được khẩn-thiết và càng có hiệu-lực hơn. Vả lại cầu Thượng-đế không phải cầu bằng thần-trí mà thôi, lại phải đọc lên thành câu nữa. Rung động lên tiếng thời tựa-hồ như biến-hóa tư-tưởng thành sự-thực vậy. Làm cho cái sức phát-hành, cái sức thực-hiện của tư-tưởng mạnh thêm lên.

Sau nữa, không những nên cầu-nguyện buổi sớm buổi chiều mà thôi, lại mỗi khi khởi-hành một việc gì quan-trọng cũng cần phải nâng cao tư-tưởng lên Thượng-đế, để khỏi tạo-thành sự-nghiệp hư-không, hão-huyền, hay sai-suyễn. Phàm muốn làm nên công-nghiệp ích lợi, chân-chính, có hiệu-quả lương-thiện, thời bao giờ trong trí cũng phải có cái tư-tưởng cầu lấy hoàn-toàn, lấy tinh-tiến, cùng làm trọn nghĩa-vụ, và cái công-phu của mình xuất ra phải tiếp với cái nguồn thiêng-liêng là nơi Thượng-đế. Bấy giờ thời nhất-thiết là lời cầu-nguyện cả, vì là cái dịp để âm-nhiên cầu-nguyện cả. Phàm các công-việc làm bằng chân tay, việc ăn-uống, việc cử-động, việc thần-trí, việc tạo-tác về mĩ-thuật, đều là thiết-tha mà làm và làm được hoàn-toàn cả, và cuộc đời sẽ là một cuộc hưng-khởi luôn luôn. Phàm sự nghiệp người ta mà khởi-hành không có cầu-nguyện cùng tư-tưởng đến Thượng-đế là khuyết-điểm sai lầm hết cả, và không chống lại được cái sức của thời-giờ. Duy có những công-nghiệp có cái dấu vết lòng tín-ngưỡng Thượng-đế và có cái sức mầu-nhiệm tán-trợ cho, thời mới có thể trở nên công-trình to-tát, có ích-lợi cho người đời và có tính-cách bất-hủ được.

Giác-ngộ. — *Khi đã hiểu rõ được các điều răn dạy đây.* — Cái học bí-truyền của phái PYTHAGORE là chỉ dạy cho những kẻ đã hiểu biết và đã thực-hành được những phép sinh-hoạt kiện-toàn, vừa về thể-chất, vừa về tinh-thần. Vả lại ở các nơi đạo-viện đời cổ, cái chân-lý hoàn-toàn chỉ mật-truyền cho một số ít người lỗi-lạc mà thôi. Trước hết, trong mấy mươi năm phải học cho thật rộng đã, thiệp-liệp các khoa vật lý, kỷ-hà, bác-vật, thiên-văn, y-học, vạn-vật luân-hồi (*palingénésie universelle*). Rồi cái công tinh-tiến phải là sự-nghiệp riêng của mỗi người, phải tự mình dần-dần khải-phát cái thần-trí thiêng-liêng ở trong người, bấy giờ muốn cho được giác-ngộ thời phải trầm-tư mặc-tưởng một mình, phải nghiên-tinh đàn-tứ, suy-xét về cái nghĩa bí-mật của các thần-minh cùng các số-mục, nghĩa này nó khác với cái nghĩa ngoại-truyền đặt ra dễ-dàng để cho công-chúng hiểu được. Các điều đó đã nghiền-ngẫm rồi, lại phải xét xem đã thật dung-hòa được chưa và đã hẳn có kết-quả chưa. Bấy giờ mới bày ra các phép thử rất khó-khăn nguy-hiểm, thử về thân-thể, thử về tinh-thần, ở trong các đạo-viện dùng đủ các cách làm cho người ta ghê-sợ, nhọc-nhằn, cám-dỗ. Nếu quả được các phép thử đó rồi mà được an-toàn thắng-đoạt cả, nghĩa là đã tỏ ra có tài-trí cao-thâm, có chí-nguyện cương-quyết, thời mới dần dần truyền cho các lẽ mầu-nhiệm về nguyên-thể vũ-trụ, về các điều bí-quyết cùng về phép tuần-hoàn của vạn-vật quanh đi một vòng rồi lại trở về Bản-nguyên.

Nhưng trước còn phải thề nguyền trịnh-trọng để giữ lấy trung-thành và cẩn-mật đã. Phải dạy cho biết rằng nếu bất-cẩn mà tiết-lộ ra sự gì thời bao nhiêu phép mầu sẽ tiêu-tán mất cả và tự mình phải chịu những sự tai-ương. Vì rằng cái chân-lý hoàn-toàn, mà kẻ đem bày

tỏ không cẩn-thận, người muốn thi-hành không tư-cách, tất thành ra sai-lạc đi, không ai hiểu nữa, mà đến nguy-hiểm cũng có. Cái sức mạnh của thần-trí mà tuyên-tiết ra thời sẽ sụt kém đi liền, cũng như sức khỏe mà phô ra thời yếu đi, hạnh-phúc mà khoe-khoang thời nhụt đi, sự khôn-ngoan mà khoa-đại thời không phải là chân-chính, vì phàm những của qui đó là của tin cả, hễ đã phô-trương thời không xứng-đáng nữa, có khiêm-nhượng, kín-đáo, ẩn-độn, yên-tĩnh thời mới giữ được những của báu đó.

Ngày nay những nơi đạo-viện để tu-luyện cho người ta được giác-ngộ không có nữa, thời kẻ triết-nhân là tự mình giác-ngộ lấy. Trước nhất bị tiếp-xúc với những sự xấu-sa ô-uế ở đời này mà phải tự tìm lấy cách ăn ở cho an-toàn trong-sạch, nhân đó mà cái thức-lượng, cái trác-kiến của mình cũng bắt đầu nảy-nở ra. Rồi đến khi tâm-trí đã luyện rồi, thế nào cũng gặp được một người cảnh-tỉnh cho, hoặc là nghe người ta nói, hoặc là đọc sách người ta, mà sẽ hiểu được những lẽ mầu-nhiệm về đạo bí-truyền. Bấy giờ thời chỉ đem đối-chiếu các giáo-lý đại-đồng đó với những vật-lý của khoa-học đời nay về vũ-trụ duy-nhất, về thiên-diễn biến-hoá, về nhân-tính phức-tạp (như những thuyết thôi-miên, thuyết từ-khí). Cái ánh sáng đạo-lý sẽ chiếu-diệu vào mình. Tôn-giáo với khoa-học bấy giờ sẽ nhất-khái tổng-hợp cả, mà tự-nhiên đưa đến cõi Đạo-lý hoàn toàn. Ấy cái thủ-tục của con đường giác-ngộ đời nay nó thường-thường như vậy. Cũng cần phải tâm-địa vững-vàng lắm mới được, vì đường dài mà cũng nguy-hiểm. Chỉ những kẻ trác-lạc mới có thể trèo lên đỉnh núi sáng-sủa được.

Thời sẽ quan-niệm được cả bản-thể của thần-nhân cùng của vạn-vật. — Ở đạo viện Pythagore, khi các cách thử đã qua được thanh-thỏa cả, thời bấy giờ mới dạy cho biết, giảng cho nghe về cái thể tứ-điện trong vũ-trụ (*plan tétradique universel*), lấy đó làm căn-cứ cho cả khoa-học bí-truyền. Thượng-đế, vũ-trụ, người ta, các sinh-thể cùng các vạn-vật, thảy-thảy đều đem ra phân-tích, mà đâu đâu cũng thấy bấy nhiêu nguyên-tố về vật-chất, về sinh-khí, về tinh-thần kết-hợp lại mà thành ra, duy chỉ có cái trình-độ phát-đạt là hơn kém nhau mà thôi. Trí-tuệ mà tới được cái bậc cai-quát cao-xa rộng-rãi như vậy, thời tất là đã phải luyện-tập lâu dài, và phải hoàn-toàn tự-chủ mới được.

Vậy thời mục-đích của Pythagore là dạy cho người ta biết cái nghĩa học tổng-quát, khiến cho cái chân-lý nó thấu vào ở từng chỗ phân-tích vạn-vật vậy. Vì rằng phàm khoa-học nào chỉ nghiên-cứu về một phương-diện sự-vật, hay xét về một thể một vật mà không xét đến căn-nguyên, đến bản-chất, đến các mối quan-hệ hiện-tại, đến cái mục-đích cứu-cánh, thời tất là rời-rạc, sai-lầm. Nghiên-cứu như vậy, không có ý-tưởng chung, thời chỉ là tích-lũy những việc rời-rạc, không có ý-nghĩa, không có liên-lạc, và suy ra sự thực đến sai-lầm và nguy-hiểm. Chính Platon là học trò của Pythagore đã tóm tắt lẽ đó bằng một câu rằng : Chỉ có lẽ chung mới thành khoa-học.

Vậy thời không có cái phép-tắc nhỏ nào là không qui-nạp vào trong một phép-tắc lớn được, không có một việc nhỏ nào là không sáp-nhập vào trong cái trật-tự chung, vì hết thảy trong vũ-trụ là kết-cấu theo một qui-mô cả, cùng ở một Tư-tưởng mà ra, cùng về một nơi tổng-hợp hết.

Số-mục, tiến-bộ, trật-tự, diễn-hoá, đó là phép-tắc của vũ-trụ ; tiến-hóa, ấy là phép-tắc của sự sống, và duy-nhất ấy là phép-tắc của Thượng-đế.

Rồi sẽ thấu được cái lẽ duy-nhất nó chủ-trương trong cuộc thiên-diễn. Bấy giờ mới biết cái luật lớn trong vũ-trụ,

là khắp trong thế gian đâu đâu cũng vậy, vật-chất với tinh-thần là đồng-thể với nhau cả. — Đến lúc ấy thì cái học của phái PYTHAGORE là đến cực-điểm, đến mục đích : là quan-niệm được, thấu-hiểu được và biết thờ lẽ Duy-nhất.

Duy-nhất là cái duy có một mình, là cái Tư-tưởng thiêng-liêng, là người cha chung hay cái Tinh-thần lớn phát-sinh ra hết thảy, phát-biểu cho hết thảy, làm cho hết thảy được sinh-hoạt tiến-hóa, và là nơi cứu-cánh cho hết thảy qui-nạp vào đó. Tức là cái Bản-thể tuyệt-đối, đại-đồng, độc nhất, không sinh-xuất ra hình-thể mà bao-hàm tất cả vũ-trụ, làm nguyên-nhân, làm động-cơ, làm khí-cụ, làm mục-đích cho hết thảy. Nói tóm lại tức là Thượng-đế sáng-tạo ra vũ-trụ, vũ-trụ này không phải là Thượng đế, chỉ là cái hình-ảnh của Ngài phát-biểu ra, để xuất-hiện cho người ta biết, ở trong không-gian và trong thời-gian.

Nhân cái quan-niệm về Thượng-đế duy-nhất đó, dùng cái sức thần-thông (*Verbe*) mà bao-quát cả toàn-thể vũ-trụ vô-cùng, thời cũng dễ hiểu được cái lẽ vạn-vật duy-nhất, căn-nguyên, qui-củ, sinh-hoạt, tiến-hóa cùng mục-đích đều duy nhất cả. Từ cái phần-tử rất bé nhỏ, cho đến các tinh-tú trên bầu trời, cả cái qui-mô vật-chất trong vũ-trụ là chỉ nhờ một cái tinh-thần làm chủ-trương mà sinh-tồn được, chỉ nhờ một cái sinh-khí duy-nhất mà hoạt-động được, sinh-khí này tuy trình-độ có khác nhau mà bản chất cũng là một, chỉ nhờ có một cái sức phấn khởi lúc đầu mà tiến-hóa được, chỉ nhờ có cái sức thống-nhất của Bản-nguyên sáng-tạo mà được có cái tính-cách duy-nhất.

Khởi tự cái bản-nguyên duy-nhất, rồi tinh-thần mới biến-hóa ra sinh-hoạt, ra vật-chất, phát-đạt ra các hình, các thể, thay hình đổi dạng luôn, càng tiến lên sức mạnh càng rộng ra, thể-cách càng tự-do và càng phiền-phức, gồm cả những nguyên-chất đã trải qua và tổng-hợp hết thảy, cho đến lúc thi-hành được hết cả các cách huấn-luyện, tích-lũy được hết cả các sự kinh-nghiệm, thu-hoạch được hết cả các sự kết-quả, rồi cứu-cánh thời nghiễm-nhiên đủ tính-cách hợp-nhất được với Bản nguyên.

Đến cùng-tận rồi, thời thực-thể (*l'être*) bấy giờ cũng giống như một con số trọn-vẹn, như số Mười *Décade*), là bao gồm hết cả các số ở dưới.

Cái sức chủ-trương độc-nhất, cái sức sinh-hoạt có một, cùng cái vật-chất duy-nhất đó, vẫn có trong vạn-vật ở địa-cầu này, làm cho vạn-vật đều có nguyên-nhân, có qui-củ, có khuynh-hướng, có mục-đích duy-nhất cũng như toàn-thể vũ-trụ vậy. Vậy thời các biểu-tượng về khoáng-vật, về thực-vật, về động-vật, về nhân-loại ở địa-cầu này chẳng qua là hình-tượng riêng về một bộ-phận của cái bản-nguyên đại-đồng duy-nhất, nó trình bày ra trên cái thang vạn-vật, càng ngày càng tiến lên cõi ý-thức, càng rộng thêm ra, rồi cùng tột là đến cái ý-thức hoàn-toàn độc-nhất.

Nói tóm lại thời sinh-hoạt là một cuộc tiến-hóa, có trình-độ cao-thấp, vì các giống, các loài, các vật, không phải là đồng-thời cùng tấn-tới như sau. Mà cái động-cơ làm cho thay đổi, cho tấn-tới, chính là những cái sức tinh-thần ở bên trong, nó tiếp-xúc với những sự-vật cùng ảnh-hưởng bên ngoài mà thuần-thục cùng tỏ rạng ra. Cái hoàn-cảnh ở bên trong, cái sức mạnh của mỗi vật, không phải là thuần thụ-động hay thuần phản-động mà thôi, chính là hoạt-động và tự-động vậy. Nghĩa là sự tiến-bộ không phải là công của cái ngẫu-nhiên, hay là những cơ-hội của hoàn-cảnh bên ngoài, nhưng chính là công của cái sức tinh-thần, sức sinh-hoạt, sức vật-chất, tổng-

hợp lại ở trong cái tiểu-bản-nguyên của mỗi vật.

Vả cái luật lớn về lẽ duy-nhất sáng-tạo, là lẽ tự-nhiên, thuộc về bản-lai cũng thuộc về cứu-cánh, ngay trong cõi thuần vật-chất cũng thấy hiển-nhiên như vậy. Khoa-học đời nay đã phát-minh ra rằng trong cái thế-giới những nguyên-tử (*atomes*) rất nhỏ, các phần-tử ấy cũng quay tít chung quanh những phần-tử khác như địa-cầu quay chung quanh mặt trời vậy. Khoa-học lại chứng rõ rằng vật-chất là có một, và trong vật-chất có cái sức ngầm rất mạnh, thu vào trong những dung-tích rất nhỏ. Trong vật-chất, không gì là mất đi, hết thảy là biến-hóa cả và rút lại thu về một cái sức mạnh độc-nhất, là cái nguyên-lực ở trong nguyên-tử (*énergie intra-atomique*), là cái nguyên-khí, cái « thái-hư » (*Ether*), là nơi cùng-tận mà khí-lực tiêu-ma đi, vật-chất giải-tán đi rồi qui-nạp về đó cả. Qua các hình-tượng khoáng-vật, thực-vật, động-vật, nhân-loại, hết thảy đều chuyển-động, sinh-hoạt, tiến-hóa cả.

Người ta là gồm cả các nguyên-tinh sinh-hoạt của khoáng-vật, thực-vật cùng động-vật. Người ta đã qua cả các trình-độ của các giống động-vật, cứ xem như cái thai của người từ lúc mới sinh cho đến lúc thành-hình là trải qua cả các hình-dạng động-vật từ xưa đến giờ, lại cũng có khi sinh ra quái-hình mà trở lại đời trước, thì đủ rõ lắm. Lại như khoa lịch-sử về thời-đại khuyết-sử chứng-nghiệm từ người thượng-cổ cái sọ như sọ giống vật, cho đến người đời nay thân-thể điều-hòa, thì cũng đủ biết sự tiến-hóa của loài người là rõ-ràng lắm.

Vậy thời khoa-học đời nay thực chỉ là làm cho vững thêm những cái quan-niệm về vũ-trụ, về tôn-giáo của các bậc tiền-triết đời cổ. Cái sự-nghiệp tổng hợp để điều-hòa cả các công-phu, các học-thuyết, các tôn-giáo cổ-kim có thể làm được từ ngày nay vậy.

Lẽ vạn-vật duy-nhất về bản-thể, về tiến-hóa, về mục-đích, lại tạo-thành ra hai cái phép-tắc như sau : một là phép vạn-vật tương-quan, hai là phép vạn-vật đồng-thể.

Vạn-vật tương-quan tức là tương-thân, gồm cả muôn vật theo cùng một cái tư-tưởng bản-lai, cùng một cái khuynh-hướng vô-cùng, cứ nghiệm xem ngay các vật cùng thuộc một chủng một loại với nhau, có mật-thiết quan-hệ với nhau thì đủ biết. Tỉ như loài người, nếu không có sức nóng của mặt trời, nếu không có các loài khoáng-vật, các giống vi-khổn, các thực-vật cùng động-vật biến-hóa cái sức mạnh của mặt trời cùng của địa-cầu, thời loài người không thể nào sống được. Chất ăn mà không có sinh-khí, không có biến-hóa, không-khí, đất cùng nước mà không có lọc cho trong sạch, thời không thể nào giúp cho sự sinh-hoạt được.

Trong vạn-vật, từ giống rất nhỏ cho đến giống rất lớn, hết thảy đều có liên-lạc với nhau, và mỗi phần-tử trong đoàn-thể làm việc cho mình tức là làm việc cho cả toàn-thể vậy. Trong vũ-trụ mỗi cái tinh-cầu có biến-động gì thời lan sang cả các tinh cầu khác. Trong nhân-loại cũng không có người nào, không có nước nào là không cần đến các người các nước khác. Mỗi người làm một việc gì là có ảnh-hưởng đến cả nhà mình, cả giống mình, cả loài mình nữa. Một người làm nên công-ơn gì thời ích-lợi cho cả đoàn-thể. Mỗi người làm nên tội-lỗi gì thời di-hại cho cả toàn-thể. Ngay trong thân-thể người ta, cái lẽ hiệp-đồng tác-dụng đó (*synergie*) cũng thường nghiệm thấy. Mỗi cái phủ-tạng nào hành-động không đều thời tất có khiên-động đến cả cơ-thể, làm cho nặng thêm sự bất-

hòa ở một bộ-phận, vì kém cái sức mạnh của cả toàn-thể mà phủ-tạng ấy có mật-thiết quan-hệ vậy. Trái lại thời nhiều khi một cơ-quan nọ phải làm việc nặng thêm để giúp đỡ cho các cơ-quan đồng loại khác đã mệt-nhọc. Khi ấy thời bộ-phận nào phải làm việc thêm đó không có thiệt gì mà lại được lợi cho mình, vì giữ được cái thế quân-bình, thêm được cái sức sinh-hoạt trong thân-thể, nếu không thì mộ mình cũng không thể sinh-tồn được.

Hại người tức là hại cho mình; giúp người tức là giúp cho mình. Ấy cái luật của vũ-trụ như vậy.

Sau nữa cũng vì cái lẽ vũ-trụ duy-nhất, nên dù nghiên-cứu một sự một vật rất nhỏ-mọn, cũng đều thấy trong sự-vật ấy cùng một bản-chất, cùng một căn-nguyên, cùng một qui-mô, mục-đích như trong toàn-thể vũ-trụ vậy. Vậy thời hết thảy các sự-vật, hết thảy các đường-lối là qui về cõi Duy-nhất cả. Bởi thế nên trong nhiều cách quan-sát về công-nghiệp thiên-nhiên để qui-y về nơi Thượng-đế, cố-nhiên chú-trọng nhất là cách quan-sát về chính cơ-thể người ta, là gồm cả các sức mạnh của tạo-vật, tự mình có cái tia sáng cùng lòng hoài-vọng của thần-minh. Cổ-nhân dạy: « Phải tự mình biết mình, rồi sẽ biết vũ-trụ cùng thần-minh ». Mà cái mục-đích tinh-thần của loài người chính là ở đó, là cố gắng cho được hoàn-toàn thích-hợp, để có ngày hiểu được cái lẽ Duy-nhất và sẽ được vui-vẻ khoái-trá ở trong đó.

Cái lẽ vạn-vật đại-đồng đó, cổ-nhân tóm lại một lời mầu-nhiệm như sau: «Cái ở trên cũng giống như cái ở dưới.» Nghĩa là nếu đã tìm được một cái thìa khóa mở về một bộ-phận nào thời cũng có thể mở được nhiều các bộ-phận khác ở trong trường thiên diễn, và nếu có cái trác-kiến về một phương-diện nào thời suy ra mà trông được tỏ rõ cả các phương-diện khác.

(Còn nữa)

T.-C. *dịch*

GƯƠNG ĐẸP ĐÀN BÀ

(Đoản-thiên tiểu-thuyết)

XIII

Người khôn mắc phải lưới tình

Đất Vũ-lăng có thầy Hứa Tĩnh, đời đời nối-dõi nghiệp nho, hiếm-hoi chỉ được có một mụn con gái. Người con gái tên là Dật-Trinh, sinh ra đã kiều-diễm và thông-tuệ khác thường, vẻ cười cũng xinh mà nét nhăn cũng đẹp, áp-đảo cả bọn quần-thoa. Những thiếu-niên hiếu-sắc gần đấy, chẳng kẻ nào là chẳng thèm giỏ dãi. Song le Dật-Trinh đã có tuệ-tâm tuệ-nhãn, biết rằng bọn thiếu-niên ấy chẳng phải là loài lương-thiện, cho nên đối với bọn ấy, thường lấy nét mặt lạnh-lẽo, lời nói nghiêm-trang. Các độc-giả xem đến đây, ai chẳng tưởng rằng Dật-Trinh dĩnh-tuệ như thế, thì tương-lai sau này, hẳn kén được người chồng khá để phụ cho nguyện-vọng. Thế mà ngờ đâu sự lại chẳng được như nguyền, thực đáng tiếc thay !

Có một chàng là Chu-sinh, cũng là người trong đất nước xung-quanh miền đó, mặt như ngọc chuốt, môi tựa son tô, chẳng khác gì chàng Tống-Ngọc trùng-sinh, gã Phan-An tái thế, lại có tài bộ lỗi-lạc, học-vấn hơn người, thật là một bậc phong lưu công-tử ít ai bì kịp. Nhưng Chu-sinh lại là một tay cự-phách trong nguồn tình bể ái, ăn miền hoa-nguyệt đã quá nửa vời, mà vẫn chửa định xong nơi hôn-thú. Nghe tiếng Dật-Trinh là người xinh đẹp, Chu sinh luống những ước-ao, ngày đêm nghĩ-ngợi phương-pháp để được lấy Dật-Trinh, nhưng khổ vì nỗi chưa có cơ-hội.

Thình-lình có người bạn đồng-học là Lý-sinh, đưa danh-thiếp vào yết-kiến. Chu-sinh đương buồn về nỗi tịch-mịch, thấy có bạn đến, vội-vàng chỉnh khăn áo ra đón. Lâu ngày mới gặp nhau, hai người hàn-huyên vui-vẻ, thỏa lòng khát-khao. Nhưng trong khi nói chuyện, Lý-sinh thấy Chu-sinh có ý buồn rầu, mày chau mặt ủ, dường như trong tâm có điều gì chẳng vui, mới ngỏ lời cật-vấn. Chu-sinh thoạt tiên còn giấu-giếm, nhưng sau bị Lý-sinh căn-vặn hỏi mãi, bất-đắc-dĩ phải giải ngỏ tâm-can. Lý nghe nói, cả kinh mà rằng :

- Người thiếu-nữ ấy có phải ai xa lạ gì đâu, chính là em gái về họ ngoại tôi đấy. Anh nếu có ý cầu-hôn, tôi xin đảm-nhận sự loát-hợp.

Chu-sinh nghe nói mừng quá, thật là một sự ra ngoài hi-vọng, liền đứng dậy vái Lý-sinh mà khẩn-cầu hai ba lần. Lý-sinh nhận lời ngay chẳng từ chối mà bảo Chu-sinh rằng :

— Sáng mai anh nên cùng tôi đến yết-kiến ông Hứa-Tĩnh là cậu tôi, ta nhờ về sự đó để mưu tính cơ-hội.

Chu-sinh nói :

- Tôi với cậu anh chửa từng biết nhau bao giờ, nay vô-cố vào yết-kiến, chẳng hóa ra đường đột lắm ư ?

Lý-sinh nói :

— Anh cứ dùng cái lễ kẻ vãn-sinh đối với bậc tiền-bối mà đến yết-kiến, giả là mộ cái tiếng mà cầu vào thăm. Cứ chắc ở cái tài-bộ học-thức của anh thì sự cầu-hôn may ra khá mưu được.

Chu-sinh mừng lắm. Sáng hôm sau chải-chuốt hình-dung, thay đổi khăn áo, rồi cùng với Lý-sinh lên ngựa, sánh giây cương cùng đi.

Đến nơi hai người xuống ngựa, nhờ kẻ canh cửa đưa danh-thiếp vào.

Chẳng bao lâu người canh cửa trở ra, truyền mệnh chủ-nhân mời khách vào chốn thư-trai tiếp-kiến. Hai người cùng vào, chủ khách làm lễ tương-kiến. Tiệc trà dâng lên, Chu-sinh tỏ lời khuyuh-mộ xong, Hứa Tĩnh hỏi chuyện Chu-sinh về đường thi-thư văn-học, Chu-sinh ứng-đáp trôi như nước chảy, chẳng phải nghĩ-ngợi chút nào. Hứa Tĩnh cả lấy làm thưởng-thức.

Khi ấy trời đã gần trưa, Chu-sinh từ-tạ xin về. Nhưng Hứa Tĩnh cố lưu, hai người phải ở lại. Hứa Tĩnh truyền dọn rượu, chủ khách chuyện-trò vui-vẻ, ai nấy đều nghiêng đốc can-tràng ý rất tương-đắc. Chu-sinh giả-cách say, nhưng chẳng phải say ở rượu mà ở cái tình riêng, bèn đứng dậy bước ra ngoài, bồi-hồi dạo bước trước sân, chợt tiếng oanh thỏ thẻ, tự đàng sau thư-trai đưa lại, một luồng gió đông hữu-ý ấy, thoảng lọt vào tai Chu-sinh, Chu-sinh vội-vàng ngoảnh cổ lại, thì thấy một vị nữ-lang trang-sức nhã-đạm, phong-vận tuyệt-luân, chẳng khác gì nàng tiên-tử lâm-phàm. Chu-sinh chẳng đợi phải hỏi, cũng biết ngay là Dật-Trinh tiểu-thư vậy.

Khi ấy hai người trông thấy nhau, đồng-thời mỉm miệng cười. Cái cười truyền ra tình, trong tình sinh ra ái, mà cái nợ-nần trong kiếp ba sinh liền buộc chặt không thể sao vãn-hồi được nữa. Ôi! chứng cũng là ông Tạo-vật trêu người, cho nên khiến con ma tình nó đắc-ý, để hãm người vào trong trời tình bể khổ đấy chăng! Nếu không thì Dật-Trinh vốn là kẻ thông-minh, sao lúc ấy mất tuệ để đâu mà không phân-biệt được kẻ hay cùng người dở!

Lúc ấy Dật-Trinh hai má đỏ bừng, làn thu-ba lóng lánh, vội-vàng e-lệ nép vào dưới hoa. Còn Chu-sinh thì thần-trí bàng-hoàng, tâm-hồn mê-mẩn, bồi-hồi ngơ-ngẩn giờ lâu mới quay gót trở vào. Bấy giờ mặt trời đã gác núi, chim hôm xao-xác về rừng, Chu-sinh rốn ngồi chẳng tiện mà rứt về chỉn khôn, bất-đắc-dĩ phải cáo-tạ từ-biệt. Lúc lâm-bành Hứa Tĩnh ân-cần dặn Chu sinh rằng:

— Mời hiền-sinh thỉnh-thoảng lại chơi cùng lão-phu đàm-luận cho vui.

Chu-sinh vâng nhận, bái-tạ ra về, trong bụng khất-khởi mừng thầm. Nguyên Hứa Tĩnh chỉ là trọng Chu-sinh là kẻ có tài-học mà thôi, chứ không có ý gì cả, nên Chu-sinh đã về rồi, còn ngỏ lời khen ngợi với Lý-sinh. Lời chưa dứt lời Lý-sinh liền thừa-cơ tiến-ngôn, cực-khẩu tán khen cái văn-chương phẩm-cách của Chu-sinh. Cậu cháu cùng nhau trò-chuyện, đến lúc đã vui đậm, Lý-sinh mới thẳng lộ cái ý cầu-hôn của Chu-sinh, mà mình xin đảm-nhiệm cái chức-trách giới-thiệu. Hứa Tĩnh mỉm cười, nhưng vẫn ung-dung nín lặng, chửa ngỏ lời khả-phủ ra sao. Chu-sinh ngồi nói chuyện đã khá lâu, cũng cáo-biệt lui về.

Hứa Tĩnh bèn cho gọi Dật-Trinh ra chỗ thư-trai ngỏ truyện và hỏi ý-kiến, cũng là ý đem sự hôn-giá nhường nửa quyền cho con, không nỡ toàn-nhiên cưỡng-bách vậy. Ngờ đâu Dật-Trinh mới một lần tương-kiến Chu-sinh đã sa ngay vào cõi tình, nghe cha nói thì tình trong như đã mặt ngoài còn e, chỉ cúi đầu nín lặng, hồi lâu mới dụt-dè thưa rằng:

— Con xem Chu-sinh cũng xứng-đáng là trang hiền-tế, nay nếu cha cho con được phối-hợp với người ấy, thì sự ba-sinh duyên-nợ của con cũng đủ đền-bồi.

Hứa Tĩnh nghe nói, lấy làm ngạc-nhiên, vì Chu-sinh chẳng qua là người khách nhất-kiến, mà sao Dật-Trinh đã ngỏ ra lời quả-quyết ấy, mới lấy lời phải trái giải ra rằng:

— Ta xem Chu-sinh tuy là kẻ dung-mạo khôi-kỳ, học-vấn tài-bộ thật, nhưng phải xét kỹ xem gia-thế và phẩm-hạnh thế nào, mới ngỗ-hầu chuẩn-

định được. Mà sự xét đoán ấy phải là hàng tháng hàng năm, chứ phải là sự trong chốc lát được đâu. Nếu cứ xét về dung-mạo mà thôi, ta e lầm về phường Tống-Ngọc, mà chỉ xét về tài-bộ mà thôi, lại sợ lỡ về lũ Trương-sinh. Nay con bằng-cứ về đâu mà dám nói ra lời ấy ?

Dật-Trinh đáp :

— Thưa cha, lời anh Lý-sinh há chẳng đủ bằng-cứ được ư ?

Hứa Tĩnh nói :

— Lý-sinh là một kẻ thiếu-niên, chí-khí còn chưa định, chửa lịch-duyệt sự đời, lời Lý-sinh chửa đủ có giá-trị. Phàm sự lớn mưu với những người lão-thành chắc-chắn, thì dễ có phần thành, mưu với những người thiếu-niên khinh-suất thì dễ có phần bại, con nên xét kỹ. Nếu Chu-sinh mà quả là hiền-tế thì sự bách-niên cũng chửa muộn gì.

Dật-Trinh nghe cha nói thâm-phục là chí-ngôn, nhưng trong tâm đã mười phần ưng thuận, nên nói với cha rằng lời của Lý-sinh chắc hẳn không sai. Vả lại Lý-sinh hàng ngày đến nói chuyện, vun vào cho Chu-sinh, lời nói đâm-đà, khiến Hứa Tĩnh cũng xiêu lòng ưng-thuận.

Chẳng bao lâu lục-lễ tiếp nhận, trong nhà rộn-rịp tưng-bừng, đủ lễ nạp-thái vu-qui. Mà bên nhà Chu-sinh thì nào huyền-đăng kết-thái, âm-nhạc tinh-đình, đuốc hồng rực-rỡ, khách-khứa đầy nhà, chẳng mấy lúc mà hôn-lễ đã cáo-thành. Thế là một đời trai tài gái sắc đã được phỉ nguyền xưa rồi vậy.

Ngờ đâu lễ thành-hôn vừa xong, đột-nhiên có mấy ả sồng-sộc đi vào, kẻ thì nắm tay, người thì túm áo Chu-sinh mà quát tháo mắng rằng :

— Hỡi kẻ bạc-tình-lang kia ! Ngày nay lại lấy vợ nữa thì chẳng hay định xử với ta làm sao ?

Chu-sinh khi ấy mặt như ngây như dại, hai hàm răng cứng đờ, chẳng biết đáp lại làm sao. Bọn kia thống-mạ cho một hồi rồi kéo nhau đi, lại còn đe rằng sẽ làm cho một phen nữa chứ chửa tha cho đâu.

Khi ấy Dật-Trinh ở trong động-phòng nghé mắt ra trông, thấy cái quang-cảnh ấy, chẳng khác gì một cơn gió táp mưa sa, tiếng sét ngang đầu, mặt mày tê-tái, khí uất nổi lên đùng-đùng, trong lòng vô-cùng đau-đớn, giận mình con mắt nhất-thời chuyết-liệt, lại chẳng nghe lời cha xét đoán kỹ-càng, khiến cho ngộ-nhận đứa cuồng-đồ là kẻ lương-nhân, cho nên mới có cái nông-nỗi ngày nay. Sau này còn sống ở đời thì kham thế nào được sự nhiễu-nhương ấy, đã toan tính bài tuyệt-mệnh, một chết cho rồi. Sau lại nghĩ rằng khi ta còn ở nhà, cha ta coi ta như hòn ngọc ở trên tay, nay ta sao nỡ đặt gánh hiếu mà bước xuống suối vàng, để lại cái thương-tâm cho cha ta. Chi bằng ta hãy tìm cái kế thoát-ly cái địa-ngục này là hơn. Dật-Trinh kế đã định, mới thừa-cơ lúc sắc trời tranh tối tranh sáng, khó phân biệt được mặt người, bèn lén gót ra đi. Đi một lúc đến một khúc sông, Dật-Trinh cởi cái áo ngoài bỏ xuống vệ sông làm như mình đã nhảy xuống sông mà quyên-sinh vậy. Rồi đi vào trong khoảng rừng vắng núi sâu, tìm một nơi cảnh Phật để nương thân. Từ đấy Dật-Trinh thăm-thẳm trong chốn rừng xanh, nấp bóng từ-bi, trai giới nâu sồng, vui cùng câu kinh quyển kệ. Nhưng mỗi khi nhớ đến cha già thì lại bồi-hồi tức dạ, nên vẫn thường nhờ người thân-tín giả làm kẻ đi cầu bố-thí tìm xuống chốn nhân-gian để thăm cha.

Một hôm Dật-Trinh nhờ một người nữ-đạo-sĩ về nói với Hứa Tĩnh xin lập đàn ở bên sông độ vong-hồn cho Dật-Trinh, để xem ý cha đối với mình thế nào, thì Hứa Tĩnh gạt đi mà rằng :

— Dật-Trinh nó vốn là đứa thông-minh, nay gặp phải cái cảnh-ngộ như thế chẳng qua cũng là sự trời. Nhưng bình-nhật nó vốn là đứa hiếu-hạnh thì chửa tất nó đã đành lòng bỏ ta mà vội chết đâu, nay độ linh-hồn cũng là vô-ích.

Người nữ-đạo-sĩ đem lời ấy về nói với Dật-Trinh, Dật-Trinh lấy làm cả mừng, bèn bận áo sư cô về nhà thăm cha. Hai cha con trông thấy nhau vừa mừng vừa tủi, tình-cảnh ấy rất nên cảm-động, bút tả chẳng cùng.

Từ đấy, Dật-Trinh một thân vừa vui cảnh Phật vừa vui cảnh nhà, đối với cái tình duyên dường như đã cắt đứt, chừng cũng đã biết tu là cõi phúc, tình là giây oan rồi vậy.

XIV

Vén đã đóng thuyền

Đất Hàng-viên có người con gái họ Hoàng tên là Bội-Lan, con nhà giàu, phong-tư thể-thái, yểu-điệu thanh-tân, ai trông thấy cũng phải để mắt chú-ý, đều khen là tuyệt-thế giai-nhân. Năm mười-sáu tuổi thì cha mất, ở với người mẹ góa. Bên láng-giềng có một chàng thiếu-niên, nhà rất nghèo mà tính lại hiếu-sắc, thấy Bội-Lan xinh đẹp lấy làm mê-mệt, lại tối mắt về nhà Bội-Lan lắm của nhiều vàng. Chàng thiên-phương bách-kế chiều-chuộng người mẹ Bội Lan, hàng ngày đi lại, thường được tiếp chuyện với Bội-Lan. Hai mẹ con nàng đều yêu quí chàng là người tử-tế đắc-lực. Lâu ngày đi lại càng quen, tình thêm thân-mật, chàng ta đã mừng thầm rằng con người đẹp-đẽ kia đã thực có tình với mình rồi vậy.

Một hôm chàng sang chơi, vào chốn trang-các của Bội-Lan chuyện-trò cười nói, thừa lúc người mẹ Bội-Lan không ở đấy, mới lộ cái ý cầu-hôn ra với Bội-Lan, Bội-Lan hốt-nhiên nghe nói liền biến sắc, đổi vui ra giận mà nói rằng:

— Anh sao dám cả gan nói ra điều ấy! Anh hãng thử ngẫm lại xem cái quang-cảnh nhà anh thế nào?

Là ý nàng chê chàng kia nhà nghèo vậy.

Chàng kia nghe nàng nói khôn xiết bẽ-bàng, lấy làm tuyệt-vọng, chẳng dám nói-năng gì nữa, ngậm-ngùi ra về. Đêm hôm ấy chàng ta trằn-trọc chẳng ngủ, năm canh nghĩ-ngợi, tìm phương kiếm-kế để đối-phó với Bội-Lan, nhưng vẫn chửa được kế gì, chàng ta chợt sực tỉnh, vỗ đùi nói một mình rằng:

— Việc này ta không có thể lấy lời nói xuông mà tiến-hành được, tất phải dùng đến diệu-kế thì mới xong.

Rồi chàng ta gật-gù mỉm cười, dường như đã tìm được kế gì hay.

Sáng sớm hôm sau, chàng ta đến một cửa hàng mã, mua một nghìn đồng bạc bằng giấy, lại đến mượn người bạn năm-mươi đồng bạc thật mang về. Đêm hôm ấy vào khoảng canh ba, trời khuya cảnh vắng, bốn bề lặng-lẽ, muôn tiếng đều im, chàng ta tự trên giường từ-từ ngồi dậy, thắp ngọn đèn sáng, rồi lấy số bạc mã mua ban ngày nhất-nhất đem bày cả lên bàn, lại đem năm-mươi đồng bạc thật mượn của người bạn lần-lượt đếm đi đếm lại, năm lần đến mười lần cho đến vài ba mươi lần chẳng thôi, tựa như người nhà ngân-hàng ngồi kiểm-soát bạc kỹ-càng xem thật hay giả vậy. Lúc ấy tiếng bạc xoang-xoảng đưa ra ngoài cửa, nghĩ cũng nguy-hiểm thay cho chàng, biết đâu lại không có đấng lương-thượng quân-tử (1) đình mò đâu quanh đó ru! Nhưng tâm-hồn chàng

(1) Lương-thượng quân-tử = Đấng quân-tử trên xà nhà, là nói anh kẻ trộm.

dã dề cả vào người ý-trung-nhân rồi, nên sự ấy cũng chẳng dủ nguy-h ểm gì cho chàng vậy.

Chỗ buồng Bội-Lan nằm với nhà chàng ở ngang-ngang tương-đối, khoảng giữa chỉ cách có một khu vườn. Lúc ấy Bội-Lan đương bồi-hồi ở dưới bóng đèn, đôi mắt chong-chong, nét ngài ủ-dột, dường như ngậm nuốt muôn phần u-oán; nghĩ đến cái nhiệt-tình cầu-hôn của chàng thiếu-niên, trong tâm không khỏi có chút cảm-động. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, chàng ấy nhà đã rỗng như đít bụt, thật không có một chỗ dề cắm dùi, ta mà làm bạn với kẻ khốn-cùng cũng như không có bột thì sao gột nên hồ, hàng ngày vất cỏ chỉ đủ bỏ mồm mà thôi, còn mong vẻ-vang gì nữa. Nàng bàng-hoàng nghĩ-ngợi chửa quyết ra sao, chợt nghe có tiếng soang-soảng ở ngoài cửa sổ đưa lọt vào tai, mà tiếng ấy tự nhà chàng thiếu-niên kia đưa lại. Trong tâm nàng rất lấy làm nghi-hoặc quái-lạ, liền đứng dậy đẩy cửa đi ra, lẳng-lặng sang nhà chàng thiếu-niên, tìm chỗ khe của dòm vào, thì thấy vật gì trắng sóa như tuyết la-liệt trên một cái bàn mục, mà chàng thiếu-niên thì đang ngồi chỉnh-lý cái vật ấy, nhất-nhất đem xếp cả vào trong một cái hòm nát, mà cái số vật ấy cũng chẳng ít nào. Lại thấy chàng ta lấy ở trong hòm ra một cuộn giấy, lấy ý mà suy thì quả là cuộn bạc không còn ngờ gì nữa. Nàng rất lấy làm ngạc-nhiên, đứng sững hồi lâu, bụng bảo dạ rằng: «Chàng kia vốn là kẻ cùng-đồ, làm gì mà có được số kim-tiền như vậy? Chừng những vật trắng sóa ấy đều là của phi-nghĩa cả dư? Nhưng ta vốn biết chàng là người trung-hậu thành-thực tất chẳng làm điều phi-nghĩa ấy.» Nàng quay gót trở về, vừa đi vừa nghĩ, suốt đêm trằn-trọc không ngủ, nghĩ tư muôn tưởng cũng chẳng hiểu là cớ làm sao; sau nàng chợt hốt-nhiên tỉnh-ngộ tự nói một mình rằng:

— Chết nỗi! ta lầm rồi. Chàng kia tất chẳng phải là kẻ cùng-đồ, chẳng qua là một đứa giữ của chôn vàng, chẳng dám phô-phang với người đấy thôi.

Nàng bèn đem cái ý chàng thiếu-niên cầu-hôn và cái sự-trạng trông thấy đêm hôm ấy cùng cái ý mình suy-xét nói cho người mẹ hay. Người mẹ cũng một lòng hân-hỉ như nàng.

Cách mấy hôm, chàng thiếu-niên lại sang chơi nhà nàng, mẹ con nàng tiếp-đãi một cách ân-cần, thân-tình thập-bội lúc bình-nhật. Lạ gì máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê, có kịp đâu xét đến thật hay là giả nữa. Khi ấy người mẹ Bội-Lan nắm lấy tay chàng mà bảo rằng:

— Ta rất vui lòng gả em Bội-Lan cho chàng, chàng về lo-liệu sự cưới đi mà thôi.

Chàng ta mừng lắm, lấy làm quá-vọng, không ngờ mà lại được như thế. Nhưng chàng vì không có tiền nên không lo liệu nổi việc cưới, vì thế sự cưới cứ nấn-nửa mãi, kể có hàng tháng, mẹ con Bội-Lan mấy lần giục hỏi thì chàng chỉ tìm cớ nói quanh tựa như người khất lần.

Sau chàng nghĩ ra được một kế, kế ấy là kế cuối cùng, vì trừ kế ấy ra cũng không còn có cách gì cho ra tiền nữa. Chàng mới nhờ mấy người bạn thiết giới-thiệu mình với mấy kẻ nhà giàu, xin đem thân làm kẻ dung-công, viết giấy lĩnh tiền công trước, góp lại cũng được một số tiền kha-khá, dủ lo-liệu về việc cưới. Rồi chàng sang nói với mẹ con Bội-Lan, xin chuẩn-định cho ngày lễ nghênh-hôn.

Chẳng bao lâu dã đến ngày cưới, hai nhà trong ngoài trang-hoàng rực-rỡ, đàn sáo rộn-rịp, đuốc hoa tưng-bừng, nghiễm-nhiên là đám cưới một nhà phong-phú. Bội-Lan trong bụng mừng thầm cho rằng kiếp trước mình hẳn có tu, cho nên kiếp này mới được như vậy.

Nhưng chửa được mấy ngày, chàng thiếu-niên tiền đã hết nhẵn, bất-đắc-dĩ phải tỏ thực-tình với Bội-Lan. Bấy giờ Bội-Lan mới ngã ngửa người ra, nhưng than ôi! tay đã dúng chàm, dại rồi còn biết khôn làm sao đây! Ôi! kén chồng chỉ tham của mà phải chịu cái kết-quả ấy chẳng cũng là đáng kiếp lắm ru! Há có oan gì thay!

Nàng bèn về thuật-tình với mẹ, người mẹ nghe nói nổi giận đùng-đùng, lớn tiếng thống-mạ chàng kia là đứa vô-loại, rồi từ đấy cưỡng-bách Bội-Lan ở nhà, không cho về nhà chàng thiếu-niên nữa, hàng ngày nói ra nói vào, tỏ ý muốn ly-hôn, mà đối với chàng thiếu-niên một cách đạm-bạc hờn giận.

Nhưng Bội-Lan tự nghĩ, dẫu thế nào cũng phải chịu, vợ chồng hà phải mớ rau, mỗi lúc mà lìa, nên thưa với mẹ rằng:

— Thưa mẹ, dẫu sao ván đã đóng thuyền rồi, còn nói-năng gì nữa. Vả chăng con xem chàng ấy cũng là người thực-thà hiền-hậu, phải làm như thế chẳng qua là tội nghèo đấy thôi. Nay được số tiền trả nợ mọi nhà giàu cho chàng thế là yên. Còn con thời ở với chàng dẫu nước lã cơm rau, trâm gai quần vải, con cũng có thể bách-niên giai-lão cùng chàng.

Người mẹ thấy tình Bội-Lan quả-quyết như vậy, cũng nguôi giận mà nghe theo, vợ chồng Bội-Lan lại một nhà xum-họp trúc mai như cũ.

XV

Công ta đó là chồng ta đó

Nhà lương-gia họ Triệu kia, có người con gái tên là Bích-nương, người đất Kim-lăng, dung-mạo rất là xinh đẹp. Gặp năm loạn Hồng-Dương, nàng bị giặc bắt đem giam-cấm một nơi, ba ngày chẳng chịu ăn, cũng chẳng cùng với kẻ đồng-bạn nói chung một lời. Trong bọn đàn-bà bị giam-cấm ấy, hoặc có kẻ yên-ủi nàng rằng:

— Lũ chúng ta sở-dĩ còn trộm sống mà chửa vội chết, là định mưu tính sự hi-vọng về sau này, em chớ vội tự mình làm khổ mình, hãy nên thong-thả đợi ít lâu, để cầu có ngày thoát khỏi.

Bích-nương nghe lời có lý, lẳng-lặng gật đầu, từ đấy mới chịu ăn. Được ít lâu Bích-nương bị tuyển vào trong cung một kẻ tướng giặc để khâu mũ, châu ngọc thêu thùa, đường kim mũi chỉ rất là nghiêm-trang tinh-tế. Bích-nương chế chiếc mũ xong, nhân lúc đứng một mình, cầm chiếc mũ ngắm đi ngắm lại, rồi hốt-nhiên nói rằng:

— Kẻ tàn-ác bất-nhân kia, thực chẳng xứng-đáng đội chiếc mũ này!

Nói xong, nàng liền ném chiếc mũ xuống đất, rồi lấy chân giẫy dẫm lên trên. Chợt có kẻ cùng bạn khâu mũ trông thấy, chạy ngay đi mách tướng giặc. Tướng giặc cả phát-nộ, truyền-lệnh đem Bích-nương ra đánh để trị tội. Bích-nương bị đòn cơ-hồ đã ngất đi, nhưng tướng giặc vẫn chưa tha, lại truyền lệnh đem Bích-nương treo lên ngọn một cái cột cao, để đợi lệnh sẽ đem đốt cháy.

May bấy giờ trời đã gần tối, bọn quân-lính làm việc đều thương Bích-nương là yếu đuối xinh đẹp, liền hạ nàng xuống dưới chân cột, nhưng khi ấy nàng cũng bất-tỉnh nhân-sự rồi, sáng mai được lệnh là đem vùi mà thôi. Đến nửa đêm, trong quân giặc có một người lính cất lên cõng Bích-nương đem đi trốn, phải lội qua một cái sông, trèo qua mấy quả núi mới ra khỏi vòng quân mà đến một chỗ dân-cư thì trời đã tang-tảng sáng. Thâu ngày hôm sau, người gia-chủ thì yên-ủi hỏi cháo, người lính thì đi tìm thuốc-thang, đến chiều Bích-nương đã tỉnh, gượng ngồi dậy nói-năng được. Bích-nương khi tỉnh, trông quanh mình lấy làm ngạc-nhiên, chẳng hay mở mắt hay là chiêm

bao, kịp khi rõ truyện đầu đuôi, khôn xiết cảm tạ tấm lòng người lính. Người lính nói:

—Tôi thương nàng là khách thuyền-quyên, gặp cơn nguy-nạn, cho nên hết sức cứu nàng. Cha mẹ nàng là gì, quê quán nàng ở đâu, tôi sẽ xin đem nàng về đến tận nơi.

Bích-nương nghe nói, động lòng gạt nước mắt mà rằng:

— Nhà tôi ở đất Kim-lăng, nhưng Kim-lăng lại chính là nơi hang tổ của giặc. Ngày nay tôi chỉ có thể lẩn-lút một nơi, đợi khi nào giặc-giã yên mới có thể lần mò về được. Duy tôi là chất liễu-bồ yếu-ớt, phải có nơi nương cậy mới có thể toàn cái thân ở đời loạn này được. Còn chàng thì tính sao? Một ngày kia lại phải đi theo giặc chứ?

Người lính cười đáp rằng:

— Tôi bấy lâu theo giặc là sự bất-đắc-dĩ đấy thôi. Vả chăng nay tôi cũng không có thể lại theo giặc được nữa, vì tôi đã cứu nàng, đối với giặc tôi đã là kẻ thù, dẫu có quay lại theo, họ cũng giết mà thôi. Hiện nay đất Giang-nam đầy cả những giặc, không còn một tấc đất nào là nơi yên-tĩnh, muốn tìm nơi ẩn-náu để đợi lúc thái-bình, họa chăng chỉ có đất Giang-bắc mà thôi. Tôi cũng định kế lên Giang-bắc đây, nàng đã chẳng về Kim-lăng được, nếu bằng lòng cùng tôi lên Giang-bắc, tôi là một kẻ trượng-phu, xin mang cái trách-nhiệm bảo-hộ cho nàng.

Bích-nương nghe nói hợp lẽ, vả lại người lính cũng là kẻ có ơn với mình, chẳng phải ngại gì, mới quyết cùng người lính tránh lên Giang-bắc. Hai người bèn ăn mặc giả-dạng người thường, qua hết vòng quân ấy lại qua đến vòng quân khác, đường thủy đường bộ, đi ngày đi đêm mới lần mò lên được đến Giang-bắc.

Trong khi đi đường, Bích-nương có hỏi gia-thế người lính, thì ra người lính ấy nguyên cũng là con một ông quan võ ở đất Giang-tây. Tuy cha mẹ đều mất cả, nhưng chàng vẫn ở với anh giúp việc chăn ngựa cầy ruộng. Vì vậy chữ-nghĩa cũng không thông-hiểu gì mấy. Chàng cũng bị giặc bắt buổi đầu làm lính công-binh, sau thấy cưỡi ngựa tài mới tuyển làm lính kỵ-binh, chàng ở trong quân giặc đã hơn một năm cho đến phen này mới bỏ giặc mà chạy. Bích-nương nghe nói nghĩ bụng rằng chàng cũng là một kẻ hảo-nam-nhi, có cái gan cứu ta, thoát cho ta khỏi vòng vạn-tử, thôi thì người cũng ta đó, tức là chồng ta vậy. Nếu ta bỏ người ấy mà lấy người khác, thì ta chẳng những là con người vong-ân bội-nghĩa, mà lại là con người mất chữ trinh nữa. Chi bằng ta ngỏ lời trăm năm với chàng để cùng nhau trong khi hoạn-nạn là hơn. Bích-nương nghĩ vậy mới tỏ ý-nguyện mình cùng người lính. Người lính nghe nói lấy làm ngạc-nhiên mà rằng:

— Tôi xin thề có thanh-thiên bạch-nhật, nguyện lòng tôi chỉ biết có sự cứu nàng mà thôi. Còn sau này nàng muốn lấy ai là tùy ở như ý nàng, chứ nếu nay tôi lại lấy nàng thì ra trước kia tôi tham cái sắc của nàng tôi mới cứu nàng hay sao?

Bích-nương nói:

— Không phải lẽ thế. Ngày xưa bề-tôi nước Sở là Chung-Kiến cõng con gái vua Sở là Qui-Mễ đi chạy giặc Ngô, kịp khi trở về nước, vua Sở toan đem Qui Mễ gả cho người khác, Qui-Mễ xin rằng Chung-Kiến đã cõng mình thì không dám lấy người khác nữa. Thiếp tôi tuy hèn, cũng xin bắt-chước Qui-Mễ ngày xưa.

Người lính cười nói:

— Ngày xưa cũng có truyện ấy ư? Thì ra nàng có xem sách, tiếc thay cho

tôi chẳng được xem sách, thực đáng hổ với nàng. Nay nàng lại có lòng yêu ngỏ lời ấy, tôi xin cảm-tạ mà nghe theo. Tôi nay cũng là một trai chưa vợ.

Bích-nương đáp :

—Chàng nói quá lời. Ngày nay thiên-hạ đại-loạn, nghề văn sao bằng nghề vũ, nghề xem sách sao bằng nghề cưỡi ngựa cầm gươm.

Người lính nghe nói cả cười, rồi hai người cùng nhau trỏ sông thề núi kết làm nghĩa phu-phụ trong lúc đi đường.

Hai người ở Giang-bắc ít lâu, Bích-nương trông về đất Giang-nam lại động lòng cố quốc, mới khuyên người lính rằng :

— Quân giặc làm hại dân đã lắm, nghe đâu quân Tăng quân Tả cùng hội nhau sắp-sửa xuống đánh Kim-lăng, kẻ có chí lập công-danh chẳng ở lúc này thì ở lúc nào. Chàng là người Giang-nam, sao chẳng phất ngựa qua sông mà về thăm cố-quốc.

Người lính nghe lời Bích-nương, lấy làm cảm động, lại ra ứng mộ với quân Tả Tôn-Đường để đi tòng-chinh. Chàng vì trước kia đã ở trong quân giặc, am-hiểu tình-thế giặc, cho nên lập quân-công rất nhiều, chẳng bao lâu được chức quản-binh.

Cách hai năm, giặc Hồng-Dương tan, đất Kim-lăng lại được yên-tĩnh. Hai vợ chồng Bích-nương về làng nước và nơi chiến-trường cũ, cười trỏ mà nói với nhau rằng : chốn này là chốn nàng bị giam cấm đây — chốn này là chốn nàng khâu mũ cho giặc đây — chỗ này là chỗ giặc dựng cột để treo nàng đây,— nhất-nhất kể ra, ai nấy nghe đều vì kinh-dị cảm-động.

XVI

Đồn đây có gái kén chồng

Họ Mã huyện Thường-thục, đời đời nối đời làm quan, có người con gái tên là Giang-Hương. Người cha tinh-khéo về nghề vẽ, nên Giang-Hương kế-thừa cái phong-thói của cha, cũng nổi danh là tay nữ-họa-sĩ. Bức tranh của Giang-Hương ra đời, nét bút mặn-nồng, một đời đều cho là cực-phẩm. Những con nhà hào-phú, con nhà trâm-anh, cùng là những hàng danh-sĩ tranh nhau đến giạm hỏi. Giang-Hương đều chửa bằng lòng ai. Vì Giang-Hương cha mẹ đều mất sớm, mình là hàng chị, ở nhà coi-sóc đàn em, cho nên việc hôn-giá Giang-Hương được tự-chủ.

Nhưng cách kén chồng của Giang-Hương lại kén một cách nghiêm-khắc cao-xa và mới lạ, xưa nay chưa từng thấy có, là phàm người nào đến rắp-danh phải thân-hành đến chỗ họa-đường của Giang-Hương để nàng ra tiếp chuyện. Hoặc quan sang, hoặc giàu có, hoặc nghèo-khổ, hoặc tài-học, thuộc về cái thân-thế hiện-tại của người ấy thế nào, nàng đều gác đi không hỏi đến. Chỉ hỏi về cuộc tương-lai của người ấy muốn xử về cảnh-ngộ gì. Muốn làm hạng nhân-vật gì cho đủ đền bồi cái nguyện-vọng của ba-sinh, kể ra cho nàng hay, nàng sẽ phán-đoán chuẩn-định. Trong khoảng ngoài ba tháng, kể gần người xa, nàng tiếp chuyện có đến vài trăm người, mà quá nửa là những người ao-ước về giàu-sang lợi-lộc, nguyện-vọng về đường phu-quí phụ-vinh. Có một số người kể ra cái chí-nguyện lập công-danh, nàng có hỏi đường công-danh mà thuận-lợi đến tuyệt-phẩm thì thế nào, đại-khái đều trả lời rằng thi đỗ đến trạng-nguyên, làm quan đến tể-tướng, phong-tước đến vương-hầu, v.v..., nàng mỉm cười mà đáp rằng: «Ngài hiểu lầm, thế là đường ấm nọ chứ không phải là đường công-danh». Còn thời nàng đều để trong bụng chửa phán-đoán gì cả. Sau nàng có phán-đoán một mình mà than rằng:

— Chao ôi! Đã gọi là người đời, ít phần thoát khỏi cái mộng-tưởng của thế-tục. Ta nay cũng chẳng trách gì người đời, chỉ ước-ao lấy được người chồng chẳng tục để trả nợ ba-sinh, chẳng biết có được như nguyện không? Nếu tục thì khó kham vậy.

Từ đấy Giang-Hương đã nản lòng ra tiếp khách, chỉ hàng ngày ở trong gác riêng cất-nhắc việc vẽ để tiêu-khiển mà thôi.

Cuối cùng có một chàng họ Mao tên là Hồng-Đỉnh đưa danh-thiếp cầu tiếp-kiến, nàng bất-đắc-dĩ phải ra tiếp chuyện. Hồng-Đỉnh nói rằng:

— Tôi chỉ ước-nguyện cuộc tương-lai của tôi sao cho phu-phụ hòa, khiến cho gia-đạo thành, thì dẫu vợ ngồi cất rượu, chồng đứng chát vách như vợ chồng ông Tư-mã Tương-Như; hay chồng vào núi đọc sách, vợ cất ăn ngang mày như vợ chồng ông Lương Hồng; hay hoặc chồng đi cày vợ mang cơm như vợ chồng ông Khích-Khuyết chăng nữa, cũng có thể vui-vẻ được suốt đời. Đến như cái phú-quí ở đời, chẳng theo đuổi nó thì chớ, hễ theo đuổi nó thì nó càng xa mãi chẳng thôi. Tôi đã khám-phá ra được cái ảo-mộng trong cõi hồng-trần, cho nên tôi không dám theo đuổi nó. Nay tôi đã chót là kẻ thư-sinh, sống thì làm bạn với trăng thanh gió mát, mai sau chết sẽ có một vài bài văn hay hoặc một vài câu thơ gì đó truyền lại ở đời, ấy là cái chí-nguyện của tôi vậy.

Giang-Hương nghe Hồng-Đỉnh nói nghĩ bụng khen thầm: Người này tất không phải là người tục, nếu tục thì không có cái chí-nguyện ấy, chí-nguyện ấy mới thanh-cao, chỉ người tục là không biết đấy thôi. Ta quyết thưởng-thức cái chí-nguyện ấy.

Hồng-Đỉnh về nhà được ba hôm thì nhận được thư của Giang-Hương định ngày kết-hôn.

Quả-nhiên Hồng-Đỉnh là hạng người ẩn-quân-tử, nhất-sinh chẳng nhiễm thói phù-vân trong cuộc đời. Từ khi lấy được Giang-Hương làm vợ, liền dựng một cái tiểu-lâu ở bên bờ sông, vợ chồng hàng ngày cùng nhau ngâm thơ vẽ tranh, nhã-hứng rất cao.

Đến khi vợ chồng Giang-Hương tuổi đã nhiều, người tứ-phương đến nhờ vẽ tấp-nập không lúc nào vắng. Thậm-chí trong nhà phải nuôi ba bốn đứa thị-tì chuyên giữ việc mài mực để đề thơ và bỏ phấn pha thuốc vẽ. Tranh thì Giang-Hương vẽ, thơ thì Hồng-Đỉnh đề, nét vẽ câu thơ, đời khen là song-tuyệt, cho nên kẻ yêu chuộng càng nhiều, tiền nhuận-kim đưa lại không biết bao nhiêu mà kể, chẳng bao lâu nhà Hồng-Đỉnh đã thành ra một nhà tiểu-phú.

Lại năm ấy là cuối năm Ung-chính, vợ chồng Hồng-Đỉnh tuổi đã già, vua Ung-chính là người hiếu văn-học, quan địa-phương dâng sớ tiến Hồng-Đỉnh, kể rằng Hồng-Đỉnh là kẻ lão-thành, chữ tốt thơ hay, người vợ lại kiêm-tinh họa-học. Tức-khắc liền có chỉ triệu vợ chồng Hồng-Đỉnh lên kinh. Hồng-Đỉnh được đặc-cách vào viện Hàn-lâm, Giang-Hương thì vào cung giáo-huấn các phi-tần công-chúa học vẽ, vợ chồng Hồng-Đỉnh phải lấy cớ già yếu, xin được trọn vẹn cái chí sơn-lâm, từ-chối mãi mới được thôi.

Sau Hồng-Đỉnh có nói với Giang-Hương rằng:

— Ông Dương Tố ngày xưa có nói rằng: «Chỉ sợ cái phú-quí nó đến cưỡng-bách tôi, tôi không lòng nào mưu-toan sự phú-quí.» Lời ấy nay quả thế không sai. Nhưng phú-quí cưỡng-bách được kẻ tầm-thường, tưởng không cưỡng-bách được người quân-tử. Nay chiếu Hàn-lâm ta đã chẳng đi ứng-triệu, thì số tiền nhuận-bút mà nên tiểu-phú ấy, ta nên tan ra giúp đỡ chúng bạn họ

hàng, chứ lại còn làm kẻ canh giữ kho tiền hay sao? »

Giang-Hương cũng rất lấy làm phải. Sau hai vợ chồng đều hưởng-thọ đến tám chín mươi, con cháu thịnh nhiều, đời khen là thần-tiên trong lục-địa.

XVII

Phù-dung cô Phật, dương-liễu cửa Không

Đất Cô-tô có Trịnh Thượng-Bân là một nhà buôn bán lớn, có người con gái tên là Ngọc-Thư, mặt như hoa phù-dung, lưng tựa cành dương-liễu, mềm mại xinh-tươi, phong-lưu tuyệt-thế. Người trong làng xóm họ mạc đều gọi là Trịnh tiểu-thư. Ngọc-thư rất được người mẹ chiều-chuộng, phàm cái gì sở-thích là được như ý ngay. Nhưng khốn thay! Hồng-nhan mệnh bạc, trời xanh quen thói đánh ghen; giữa mùa viêm-hạ, bệnh dịch-lệ thịnh-hành, người lão-mẫu nhân-từ của Ngọc-thư chợt nhiễm bệnh dịch mà chết, ba thước gỗ đồng, nghìn thu giấc mộng. Ngọc-thư ngày đêm than-khóc, giọng đã hồ khan, lệ đã hồ cạn, mà người từ-mẫu kia đã vô-tình, chẳng đáp lại một lời. Từ đấy Ngọc-thư một mình trong chốn u-khuê, trông bóng lại thương thân, tự nghĩ cha là đấng trượng-phu, tính-tình cương-trực, có đâu được như mẹ ngày trước nhân-từ, muốn gì được nấy; sau này thân-thế chửa biết ra sao, thực cũng có phần lo-ngại. Mà hay đâu ông xanh kia quá độc, làm khổ Ngọc-thư nào phải những thế mà thôi.

Thượng Bân góa vợ chửa đầy một tháng, đã vội nghĩ ngay đến sự tục-huyền. Ngọc-thư bấy giờ tưởng cũng mừng rằng trong chốn khuê-môn, lại có người làm bạn. Mẹ kế tuy chẳng được như mẹ đẻ nhân-từ, nhưng cũng còn hơn không có bạn.

Chẳng bao lâu, Thượng-Bân chỉ tin ở người mối lái, cưới một ả họ Chu bên láng điềng về làm kế-thất. Ả Chu vốn là con nhà tầm-thường, tất hẳn không có cái phong-thái nhà đại-gia, điều đó chẳng phải hỏi cũng thừa rồi.

Từ ngày ả Chu về làm kế-thất Thượng-Bân, thường coi Ngọc-thư như con đòi đứa ở, phàm việc lao-động trong nhà, hết thảy đều giao-ủy cho Ngọc-thư, ả đã ra sức đầy đọa lại hết lòng cay-nghiệt, khi ăn nói lúc ra vào, Ngọc-thư hễ sơ ý một chút là liền ra tay roi vọt. Thương thay! Ngọc-thư là một chất thanh-xuân yếu-ớt, kham làm sao nổi những sự dập liễu vùi hoa ấy, cho nên chẳng bao lâu tấm thân như hoa như ngọc kia đã muôn phần tiều-tụy. Vậy mà người mẹ kế vẫn nay bó mai hét, chẳng đổi tâm đi chút nào. Nhưng ả cũng còn sợ cái oai-nghiêm của chồng, nên chửa dám vượt qua cái chức-phận mà ngược-đãi Ngọc-thư cho lắm. Cho nên Ngọc-thư trong khi đó nhờ có sức cha bênh-vực âm-ngầm cho chẳng phải là ít. Nhưng từ đây về sau, cái tình-trạng Ngọc-thư lại còn không nỡ kể hơn nữa.

. . .

Luồng gió thổi, bức màn bay, nén hương nghi-ngút, ngọn đèn hắt-hiu, trước linh-sàng cha, Ngọc-thư khóc than vật-vã. Ấy là Thượng-Bân mới bị bệnh mà chết rồi vậy.

Thượng-Bân đã chết rồi, ả Chu là một gái góa đương xuân, đầu còn xanh, tình còn thắm, mà phải buồng không một mình, lẻ-loi chiếc gối, năm canh bóng nguyệt, từng soi giấc cô-miên, mấy khắc canh gà, dễ khêu lòng sầu-cảm, cái cảnh-huống thê-lương nhường ấy, ả Chu kia kham mãi được sao? Nên dần-dà mới dẫn-khởi cái quan-niệm tìm ong dòn bướm, chẳng bao lâu mà tình-lang đã đến đầy nhà. Nhưng vì còn trường-ngại có Ngọc-thư, không tiện cho bọn tình-lang

công-nhiên xuất-nhập, mới tìm kế để gả chồng Ngọc-thư đi, ngõ-hầu mới trừ-khử được cái đinh trước mắt. Thế là Ngọc-thư lại bị ma dẫn lối quỉ đưa đường vào trong cái địa-ngục hắc-ám. Nếu Ngọc-thư không biết tìm then bát-nhã khóa quan-âm để mở lối ra, thì không bao giờ lại trông thấy cảnh thiên-nhật vậy.

Thích-ngộ có một chàng cùng làng họ Trương vừa mới góa vợ, ả Chu liền nhờ người mối đến nói sự loát-hợp với Ngọc-thư. Chàng kia vốn là con nhà nghèo, cũng đang muốn được người vợ kế, kịp được lời ấy, mừng rỡ chẳng cùng. Tức-khắc cử-hành lễ nạp-thái, rồi chẳng đầy nửa tháng đã xong lễ thành-hôn.

Ngọc-thư về làm dâu họ Trương, một lòng kính thờ cha mẹ chồng và chiều chồng, trong ý đã mừng rằng có lẽ từ đây sẽ được hưởng cái hạnh-phúc lứa đôi. Ngờ đâu người chồng là kẻ hạ-lưu, chỉ thích chơi về nghề chó săn gà chọi, thì lợn bẫy chim, ngày đêm đua đuổi, có khi đi đến hàng tháng chẳng về, chẳng nghĩ gì đến sự làm ăn, Ngọc-thư rất lấy làm buồn, thường khẩn-thiết xin cha mẹ chồng ngăn cấm đi cho. Lạ gì nhà tầm-thường xưa nay, vốn ưa thích những lề-thói tầm-thường, mà cho lề-thói đại-gia là quái-gở, cho nên cha mẹ chồng Ngọc-thư đã chẳng nghe Ngọc-thư thì chớ, lại cả mắng Ngọc-thư rằng: — Con ta từ thuở bé đến giờ, tính nó thích chơi như thế, cơ-hồ đã thành thói quen, nhưng cũng chẳng tổn-hại gì cho nhà ta, nên xưa nay ta cũng chẳng hề cấm nó. Mày là dâu mới, phải nên tuân theo lề-thói nhà ta, sao lại được bàn ra nói vào, can-thiệp đến việc của chồng mày. Hay là mày cậy là con nhà thế kia thế nọ mà mày khinh-miệt con ta đấy ư?

Ngọc-thư nghe nói, khôn xiết đau lòng, nhưng chỉ nuốt nước mắt khóc thầm mà thôi. Mỗi lúc vắng người, ngồi đứng một mình thì hai hàng châu lại lã-chã tuôn rơi, để phát-tiết cái phẫn-khí ở trong lòng. Dần dần cha mẹ chồng cho đến chồng đối với Ngọc-thư đã chẳng có lòng thương yêu, lại sinh lòng chán ghét, đi sớm về trưa mặc lòng, chẳng cho Ngọc-thư là người có quan-hệ với gia-đình họ Trương chút nào hết thảy. Ngọc-thư muôn phần phiền-não, không biết than-thở cùng ai, và cũng không biết lấy gì yên-ủi được. Hình-dung càng ngày càng tiều-tụy dần đi, nét buồn hơn cúc, mình gầy hơn mai, không còn có vẻ phù-dung dương-liễu như xưa nữa.

Sau Ngọc-thư tính cái thân-thế ở trong cõi đời không còn ngưỡng-vọng gì nữa, mới xin với nhà họ Trương cho xuất-gia đi tu. Nhà họ Trương đã không lấy làm tiếc lại vui lòng, vì bấy lâu vẫn cho Ngọc-thư hình như cái vật chướng-ngại của gia-đình họ Trương. Nhưng biết đâu gia-đình họ Trương chính là cái địa-ngục u-tối của Ngọc-thư, Ngọc-thư ra khỏi là may vậy.

Ấy lề-thói tiểu-gia với lề-thói đại-gia trái ngược nhau là thế; con gái gả chồng, con trai lấy vợ, há chẳng nên so-sánh cho kỹ thay!

Ngọc-thư từ khi xuất-gia, dầu tuy thí-phát, mặc tuy nâu-sồng, nhưng nhờ được giọt nước cành dương nên nét mặt phù-dung, dáng lưng dương-liễu lại hiện ra như cũ. Ôi! phép Phật há chẳng phải là phương thuốc yên-ủi cho người phiền não, mà cửa Không há chẳng phải là cái cõi hạnh-phúc cho người mệnh bạc đấy ru!

TÙNG-VĂN *dịch thuật*

VĂN-UYỂN

Khuê-phụ thán

(Mười bài thi liên-hoàn)

Mấy lâu nay, tôi có tiếp được nhiều bức thơ của các đăng văn-hào cùng các bạn nữ-lưu trong nước gửi đến hỏi tôi về mười bài thi liên-hoàn « Khuê-phụ thán » của ai làm. Tôi xin trả lời theo sau đây cho chư qui-vị rõ.

Nguyên mười bài thi ấy chính của ông thân tôi là Thượng tân-thị ngâm làm chơi, để tỏ lòng hoài-cảm. Khi ông thân tôi làm rồi, thì các bạn của ông thân tôi khuyên đăng báo. Cực chẳng đã ông thân tôi phải vâng lời, gửi đăng ở Nam-Phong Tạp-chí *năm trước. Song ông thân tôi không muốn lấy văn-tài mà khoe-khoang với thiên-hạ. Nên chỗ tác-giả đứng, mượn một tên người đàn-bà mà đề vào. Còn phía dưới thì đề tên tôi đứng sao-lục. Nay chư-qui-vị đã chất-vấn, thì tôi xin phép ông thân tôi mà cứ thật tỏ bày. Vậy từ nay về sau xin chư-qui vị biết cho mười bài thi ấy là của ông thân tôi làm, chớ không phải của người nào khác. Xin chớ ngộ-nhận không nên.*

Luôn dịp tôi xin đăng lại nguyên-văn mười bài thi ấy cho rõ-ràng. Kẻo lâu nay các báo đăng đi đăng lại, có chỗ sai-lầm. Và sau ông thân tôi có tục thêm mười bài nữa. Tôi cũng xin đăng vào đây cho chư-qui-vị duyệt lãm.

Bà PHAN SON-ĐẠI
Nữ-giáo-học ở Nam-kỳ

I

Chồng hỡi chồng ! con hỡi con !
Cùng nhau chia cách mấy năm tròn ;
Bên trời góc biển lơi chim cá,
Dạn gió dày sương tủi nước non ;
Mộng điệp khéo vì ai lẽo-đẽo,
Hồn quyên luống để thiếp thon-von ;
Ngày qua tháng lại trông đăm-đẳm,
Muôn dặm xa-xa mắt đã mòn.

II

Đã mòn con mắt ngóng phương âu,
Có thấy chồng con đâu ở đâu ?
Dẫu được non xinh cùng biển tốt,
Khó ngăn gió thảm với mưa sầu ;
Trách ai dắt nẻo không lừa-lọc,
Khiến thiếp ra thân chịu dãi-dầu ;
Bớ bớ xanh kia sao chẳng đoái,
Tấm lòng bứt-dứt trót canh thâu.

III

Canh thâu chưa ngủ hãy còn ngồi,
Gan ruột như dầu sục sục sôi ;
Nghĩa gá ấp-iu đành lở-đở,
Công cho bú-mớm chắc thôi rồi ;
Quyết gìn-giữ dạ tròn sau trước,
Biết cậy nhờ ai tỏ khúc nhôi ;
Non biển xiên xiên trời một góc,
Hỡi chồng ôi ! với hỡi con ôi !

IV

Con ôi ! ruột mẹ ngẩu như tương,
Bảy nổi ba chìm rất thảm-thương ;
Khô héo lá gan cây đảnh Ngự,
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương ;
Quê người đành gửi thân trăm tuổi,
Cuộc thế mong gì nợ bốn phương ;
Mẹ cũng trông mau rồi một kiếp,
Để cho vẹn-vẻ mối cương-thường.

V

Cương-thường gánh nặng cả hai vai,
Biết tỏ cùng ai ai hỡi ai !
Để bụng chín e tâm đứt ruột,
Hở môi thì sợ vách nghiêng tai ;

Trăng khuya nương bóng chênh-chênh một,
Kính bề soi hình tẻ-tẻ hai ;
Nhắm thử từ đây qua tới đó,
Đường đi non nước độ bao dai.

VI

Bao dai non nước chẳng hai cùng,
Xin gởi hồn ta đến ở chung ;
Hôm sớm cho tròn luôn một tiết,
Trước sau không thẹn với ba tùng ;
Quê nhà có kẻ lo săn-sóc,
Đất khách nương nhau khỏi lạ-lùng ;
Mảng tính chưa xong vừa thỉu-thỉu,
Trống lầu đâu đã đồ tung-tung.

VII

Đã đồ tung-tung tiếng trống thành,
Giật mình thức dậy mới tan canh ;
Sương sa lác-đác trên tầu lá,
Gió thổi lai-nhai giữa bức mành ;
Cảnh ấy tình này thôi hết muốn,
Trời kia đất nọ nỡ cho đành ;
Thương nhau chẳng đặng cùng nhau trọn,
Xin hẹn cùng nhau kiếp tái-sanh.

VIII

Kiếp tái sanh may có gặp không,
Kiếp này đành phụ với non sông;
Chiêm-bao lẩn-thẩn theo chân bướm,
Tin-tức bơ-vơ lác cánh hồng ;
Tính tới tính lui thân cá chậu,
Lo quanh lo quẩn phận chim lồng ;
Đã không chung hưởng thời thôi chớ,
Sao nỡ xa nhau chồng hỡi chồng ?

IX

Hỡi chồng ! có thấu nỗi này chăng ?
Sóng gió khi không dậy đất bằng ;
Non nước chia hai trời lộng-lộng,
Mẹ cha riêng một biển giăng-giăng ;
Mối sầu kia gỡ khoanh chưa hết,
Giọt thảm này tuôn bửng khó ngăn ;
Ngán bấy cuộc đời khôn gượng-gạo,
Canh chầy còn ở dưới cung trăng.

X

Ở dưới cung trăng luống nỉ-non,
Đắng-cay như ngậm trái bồ-hòn ;
Khói mây giọng quốc nghe hơi mỏi.
Sương tuyết mình ve nhắm đã mòn;
Làn mỗ làng xa canh cốc ! cốc !
Tiếng chuông chùa cũ giọng bon ! bon !
Nỗi riêng ai biết ta thường nhớ,
Chồng hỡi chồng ! Con hỡi con !

Tục Khuê-phụ thán

(Bộ-y tiền-vận)

I

Uả nầy chồng ! Uả nầy con !
Duyên nợ chi xui cuộc chẳng tròn;
Kẻ ở một mình đau chín khúc,
Người đi muôn dặm cách ngàn non ;
Ôm lòng biển cả trông mù-mịt,
Ngỏng cổ trời cao ngó vót-von ;
Chua xót nỗi niềm ai có thấu,
Xương mai ngày tháng luống hao mòn.

II

Hao mòn thân thiếp chỉn lo âu,
Sống thác quê người có biết đâu ;
Nước cũ dẫu còn khôn ngớt thảm,
Biển cừu chưa lấp dễ nguôi sầu ;
Lưới thưa mở đặng chăng thì mở,
Phận mỏng dầu may rủi mặc dầu ;
Lưỡng-lự ra vào trăng đã xế,
Đồng-hồ tích-tắc suốt đêm thâu.

III

Đêm thâu ta đứng lại ta ngồi,
Bẻo bọt trong lòng thể bụng sôi ;
Kim chích chín chiều đau khó chịu,
Tơ vò trăm mối gỡ không rồi ;
Nghĩ khi gối dựa kề bên cạnh,
Nhớ lúc tay bồng để xuống nôi ;
Chia rẽ bây giờ thành mấy ngả,
Trời làm chi tệ lắm, trời ôi !

IV

Trời ôi có phải thiếp bà tương,
Giọt lệ vì ai để nhớ thương ;
Bốn-chín tuổi dư gần bóng xế,
Hăm-hai năm lẻ vắng mùi hương ;
Biển dâu đổi cuộc xui nên thế,
Trâu ngựa đền nghi phải tính phương ;
Tin-tức xa xuôi thông chẳng tiện,
Vái van sức khỏe được như thường.

V

Khỏe được như thường gánh một vai,
Chữ tình xin chớ phụ lòng ai;
Trăng thề còn đó trơ-trơ mặt,
Sấm giận vì đâu chát-chát tai;
Lở-dở cái duyên mình bốn bảy,
Lênh-đênh chút phận bến mười hai;
Vì chi có phép thâu đường lại,
Non nước muôn trùng chẳng mấy dai.

VI

Chẳng mấy dai mà dạ chẳng cùng,
Gìn vàng giữ ngọc « tiết nhi chung »;
Trời mây gan ốc lo đền nghĩa,
Tấm mảng tình duyên phải vẹn tùng;
Sương nhễu giọt sầu tươm lá chuối,
Gió đưa hơi thảm phất cây lùng;
Bỗng đâu nghe đã canh năm trở,
Trống đánh tùng! tung! tủng tủng tung!

VII

Tủng tung! tung tủng! trống trên thành,
Giấc ngủ không dầy nửa trống canh;
Nệm thúy lạnh-lùng thương chiếc bóng,
Gương nga thấp-thoáng dọi bên mành;
Từ đâu chồng vợ chia nhau rứa,
Cho đó cha con cách bức đành;
Thôi thế cũng là trời khiến vậy,
Ta nguyền vào tử với ra sanh.

VIII

Ra sanh biết có gặp nhau không?
Hay lại như người cách-trở sông;
Non nước tin chờ thưa cánh nhạn,
Đá vàng chỉ quyết nhẹ lòng hồng;
Kêu hồn thục-đế chim quyên rũ,
Thanh phận hằng-nga bóng thỏ lồng;
Nghĩ nỗi mình đây thêm lắm nỗi,
Nỗi thương con với nỗi thương chồng.

IX

Thương chồng ai rõ bụng ta chăng?
Trên có trời cao dưới đất bằng;
Giữ dạ chẳng sờn cơn gió táp,
Xót lòng còn bận đám mây giăng;
Buộc dây « u-uất » bao nhiêu mối,
Mở hộc « sầu-tư » biết mấy ngăn;
Trước gác chắp tay thơ-thẩn bước,
Một mình bạn với một vành trăng.

X

Vành trăng tuy đã ngậm dầu non,
Còn thấy xa xa dạng mấy hòn;
Đỉnh Ngọc núi Kim hình vẫn tỏ,
Sông Hương, bến Ngự dấu chưa mòn;
Mỗ canh xóm Vạn đương hồi cốc!
Chuông sàm chùa Thiên lắt đắt bon;
Gặp-gỡ họa là khi ngủ mớ,
Uả này chồng! uả này con!

THƯỢNG-TÂN-THỊ (*Vĩnh-long*)

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

(Từ mồng 1 tháng 12 năm 1931 đến 31 tháng 1 năm 1932)

Mồng 1 tháng 12 năm 1931. — Hội-nghị Hội Vạn-quốc duyệt-y bản quyết-nghị cuối cùng về việc Mãn-châu.

— Ở *Londres* (Anh) bế-mạc cuộc Hội-nghị Bàn-tròn.

Mồng 2. — Hội-nghị Hội Vạn-quốc tổ-chức hội-đồng nghiên-cứu về việc Trung Nhật xung-đột.

— Ở Chúng-nghị-viện Anh có thảo-luận về việc Ấn độ.

— HUGENBERG được tái-cử làm lãnh-tụ đảng Quốc-gia Đức.

Mồng 3. — Theo lời tuyên-bố của Thứ-trưởng bộ Thương-vụ nước Anh (*Board of Trade*) thời xem ý Chính-phủ Anh không sẵn lòng thương-thuyết với các nước về thuế thương-chính.

— Ở nước *San-Salvador* (Trung-Mĩ) có cách-mệnh.

Mồng 4. — Thuộc-địa Tổng-trưởng Pháp PAUL REYNAUD đi kinh-lý Đông-dương xong, nay đã cưỡi tầu bay về tới *Paris*.

Mồng 5. — Nhân nước Nhật xin sửa đổi bản quyết-nghị của hội-nghị Hội Vạn-quốc về việc Trung-Nhật, Hội-nghị họp để xét lại.

— Nhân học-sinh biểu-tình, Cố Duy-Quân (WELLINGTON KOO) và Từ Triệu-Cơ (ALFRED SZE) xin từ chức, Tưởng Giới-Thạch không nhận.

— Nhân tiền *sterling* của Anh sụt giá, công-nghệ nước Đức thiệt mất hơn hai trăm triệu *marks*.

Mồng 6. — Phái HITLER (lãnh-tụ đảng quốc-gia xã-hội nước Đức) được thắng trong cuộc bầu-cử thị-tỉnh ở nhiều nơi.

— HUGENBERG lãnh-tụ đảng xã-hội Đức tuyên bố cho một tờ báo nước Ý rằng Đức không chịu trả bồi-thường cho Đồng-minh nữa và sẽ đòi quyền tự-do về quân-bị.

Mồng 7. — Hai nhà phi-hành Pháp GOULETTE và SALEL đi tầu bay từ *Istres* sang *Madagascar*, rồi lại từ *Madagascar* về trường bay *Le Bourget*, ngày nay tới nơi, cả thảy vừa đi vừa về 5 ngày, 9 giờ, 45 phút.

—Nhân Chính-phủ Đức xin họp một ban ủy-viên tư-vấn để xét về chương-trình *Young*, ban này hôm nay họp ở *Bâle*. Bầu đại-biểu nước Ý là BENEDUCCE làm chủ-tịch.

— Viện Dân-biểu mới nước Mĩ khai-mạc.

Mồng 8. — Thủ-tướng Đức BRÜNING thông-cáo cho quốc-dân biết Chính-phủ sẽ hết sức ngăn-ngừa những kẻ hành-động trái với hiến-pháp, dù phải dùng đến võ-lực cũng không từ. Có ý ám-chỉ đồ-đệ của HITLER cùng HUGENBERG.

— Ông DE MADARIAGA được bổ làm đại-sứ Tây-ban-nha ở *Paris*.

Mồng 9. — Nghị viện Tây-ban-nha (*Cortès*) hôm nay quyết-nghị cả toàn-thể bản Hiến-pháp mới của nước ấy.

Mồng 10. — Hội-nghị Hội Vạn-quốc đã đồng-thanh ưng-chuẩn bản quyết-nghị về việc Trung-Nhật, nghe bài diễn-thuyết của ông BRIAND, rồi bế-mạc.

— Ông ALCALA ZAMORA được bầu làm Tổng-thống nước Tây-ban-nha, được 362 phiếu trong tổng-số 410 phiếu.

— Phần thưởng *Nobel* về hòa-bình phát chung cho hai nhà trước-thuật nước Mĩ là ông MURRAY-BUTLER và cô JANE ADDAMS, hai người đều vắng mặt ở kinh-đô *Oslo* (nước *Suède*), vậy phần thưởng hôm nay giao cho Công-sứ nước Mĩ ở đấy.

Ngày 11. — Chúng-nghị-viện nước Anh hoãn đến ngày 2 *février*.

— Ông SMETANA được bầu làm tổng-thống nước *Lithuanie*.

— Vì duyên-cớ về nội-chính, Nội-các nước Nhật từ-chức.

Ngày 12. — Nhà chính-trị Anh NEVILLE CHAMBERLAIN diễn-thuyết ở *Birmingham*, nói rằng nước Anh nay đã bỏ hẳn cái thuyết tự-do mậu-dịch (*libre échange*) rồi.

— Thủ-tướng Ý MUSSOLINI tiếp ông GANDHI.

— Nội-các Tây-ban-nha đệ đơn xin từ-chức với Tổng-thống mới ZAMORA.

— Ông INUKAI, lãnh-tụ đảng *Seiyukai* (Chính-hữu-hội) nhận lập Nội-các mới nước Nhật.

Ngày 13. — Tổng-thống ZAMORA giao cho ông AZANA lập Nội-các mới nước Tây-ban-nha.

— Nội-các mới nước Nhật cấm xuất-cảng vàng.

— Có tin Tưởng Giới-Thạch quyết xin từ chức.

— Ở Thượng-hải học-sinh biểu-tình bài Nhật.

Ngày 14.— Bác-sĩ GUSTAVE LE BON là nhà vật-lý-học và xã-hội-học, chủ-nhiệm bộ « Khoa-học Triết-học Tùng-thư », tạ-thế.

— Tưởng Giới-Thạch định từ chức, lại thôi.

Ngày 15.— Nội-các Tây-ban-nha đã thành-lập.

— Tưởng Giới-Thạch từ chức thật. Lâm Sâm là trưởng viện Lập-pháp, lên thay làm chủ-tịch Chính-phủ Nam-kinh.

Ngày 16.— Ông HERRIOT lĩnh chức chủ-tịch ban chấp-hành đảng cấp-tiến xã-hội. Ông ALBERT MILHAUD, nguyên quốc-vụ thứ-trưởng, được cử làm tổng-thư-ký đảng.

Ngày 17.— Nghị-viện Tây-ban-nha quyết-nghị tín-nhiệm Nội-các AZANA.

Ngày 18.— Nghị-viện Pháp mấy bữa nay vẫn thảo-luận về vấn-đề thất-nghiệp. Các đảng phản-đối mấy lần công-kích Chính-phủ.

—Nhân học-sinh phiến-động ở Nam-kinh, tướng CHEN MING-CHON (Trần-Minh-Khu ?) bắt giải cả lên Bắc-bình và Tế-nam-phủ mới yên.

Ngày 19.— Nước Pháp cử tướng CLAUDEL để dự ban ủy-viên của Hội Vạn-quốc nghiên-cứu về việc Mãn-châu.

—Có tin Hội-nghị tài-binh định đến ngày 2 *Février* sẽ họp, do đại-biểu nước Anh HENDERSON làm chủ-tịch.

— Ở Úc-châu (*Australie*) có cuộc tổng-tuyển-cử, đảng lao-động (*travaillistes*) thất-bại to, ở Nghị-viện trước có 35 ghế, nay chỉ còn có 14.

— Cái nghị hoãn nợ (*moratoire*) của Giám-quốc Mĩ HOOVER đem ra thảo-luận ở viện Dân-biểu, được 317 phiếu ưng đối với 100 phiếu phản-đối, nhưng có thêm một khoản nói rõ về nợ chỉ có hoãn, chứ không bãi bỏ và không giảm bớt.

Ngày 20.— Viên thư-ký mới của đảng Pha-xi diễn-thuyết ở *Milan*, bày tỏ chương-trình cùng mưu-vọng của đảng ấy, lời-lẽ kịch-liệt lắm.

Ngày 21.— Ban ủy-viên xét chương-trình *Young* họp ở *Bâle*, bấy lâu vẫn chưa làm xong việc. Trước nghe lời trần-thuyết của đại-biểu Đức về tình-hình tài-chính quẫn-bách của nước ấy ; sau bàn định các kế-hoạch, nhưng các viên giám-định không được đồng-ý nhau. Vậy chưa thể liễu-kết công việc được.

— Ở *Syrie* (thuộc Pháp) có cuộc tuyển-cử, tại hai thành *Damas* và *Hama* xảy ra nhiều sự bạo-động.

Ngày 22.— Nguyên-lão-viện nước Mĩ duyệt-y cái dự-án hoãn nợ của Giám-quốc HOOVER.

— Chính-phủ Nam-kinh từ chức.

Ngày 23.— Ban ủy-viên tư-vấn về tài-chính họp ở *Bâle*, đã bàn việc xong, đệ-trình báo-cáo.

— Có lệnh thủ-tướng Đức giảm các khoản chi-phí về hành-chính và lương quan-lại.

— Thân-vương KANIN được cử làm tổng-trưởng bộ Tham-mưu nước Nhật.

Ngày 24.— Tổng-thư-ký-cục Hội Vạn-quốc gửi giấy chu-tri cho các Chính-phủ biết về các cách-thức sắp-đặt Hội-nghị tài-binh sau này.

— Đại-sứ Pháp, Anh, Mĩ ở *Tokyo* kháng-nghị với Chính-phủ Nhật về việc đánh *Kingtchéou*.

Ngày 25.— Chính-phủ Nam-kinh cử Trương Học-Lương tổ-chức việc chống giữ thành *Kingtchéou*.

Ngày 26.— Ở ban trung-ương chấp-hành của Chính-phủ Nam-kinh, tổng-trưởng bộ Tài-chính và bộ Ngoại-vụ bị công-kích dữ và tố-cáo là phản-quốc.

Ngày 27.— Nước Nhật phúc-đáp tờ thông-điệp của ba Chính-phủ Pháp, Anh và Mĩ, lấy cớ Chính-phủ Tàu thông-đồng với bọn thổ-phỉ và nghĩa-

dũng, nên mới phải phòng-bị ở miền *Kingtchéou*.

— Phùng Ngọc-Tường lại xuất-hiện, tuyên-bố nên đối với Nhật một cách cương-quyết hơn.

Ngày 28.— Ở Nam-kinh tổ-chức một Chính-phủ mới.

— Nhật vẫn cứ tiễu-trừ đảng quân lục lâm ở Mãn-châu.

— GANDHI đến *Bombay*, nhân xảy ra sự xung-đột.

Ngày 29.— Quân Nhật vẫn tiến ở Mãn-châu. Quân Tàu lùi về sau Sơn-hải-quan.

— Ở Nam-kinh lập một Chính-phủ liên-hiệp các đảng, có ba người chủ-trương là Tưởng Giới-Thạch, Hồ Hán-Dân và Uông Tinh-Vệ. Trần Hữu-Nhân vẫn giữ bộ Ngoại-vụ.

Ngày 30. — Đảng quốc-gia xã-hội (*Nazis*) biểu-tình phản-đối việc tái-bầu ông HINDENBURG làm tổng-thống Đức.

Ngày 31. — Tổng-thống HINDENBURG tuyên-cáo cho quốc-dân Đức bằng vô-tuyến-điện để nhân năm mới nói về thời-cục. HITLER, lãnh-tụ đảng quốc-gia xã-hội, cũng thông-cáo cho quốc-dân kể về chương-trình cùng sự tấn-tới của đảng mình.

— Quân Nhật thắng quân Tàu tiến đến cách 30 cây số thành *Kingtchéou*.

Ngày mồng 1 tháng giêng năm 1932. — Thái-tử nước *Ethiopie* tới *Marseille*.

— Ở *Finlande* có mở cuộc trưng-cầu dân-ý về vấn-đề nên hay không nên cấm rượu. Được 263.000 phiếu không ưng cấm, đối với 89.000 phiếu ưng.

Mồng 2. — Thái-tử nước *Ethiopie* đến *Paris*.

— Tổng-trưởng bộ Lục-quân Pháp MAGINOT đau nặng, phải đem vào bệnh-viện.

— Đại-tướng PAU, hội-trưởng Hội Hồng-thập-tự Pháp, tạ-thế.

— Ở *Londres*, mở một cuộc trần-liệt các kiệt-tác của mĩ-thuật Pháp.

— Ngoại-tướng Mĩ STIMSON tuyên-bố nước Mĩ có ý không muốn dự vào hội-đồng tài-binh.

— Người Nhật chiếm-cứ thành *Kingtchéou*.

Mồng 3.— Chính-phủ Anh ở Ấn-độ hạ-lệnh tống giam ông GANDHI và ông WALLABHAI PATEL, chủ-tịch Hội-nghị Quốc-gia Ấn-độ.

Mồng 4.— Hội-đồng trị-sự công-ti vận-hà SUEZ bầu ông GASTON DOUMERGUE là nguyên giám-quốc Pháp vào chân trị-sự.

— Phó-vương Ấn-độ hạ lệnh tuyên-bố ban chấp-hành của Hội-nghị Quốc-gia là trái phép và định luật-lệ trừng-trị rất nghiêm.

— Ở Phúc-châu (*Foutchéou*), Quảng-châu (*Canton*) và Cáp-nhĩ-tân (*Kharbine*), có xảy ra nhiều sự xung-đột đến lưu-huyết.

Mồng 5. — Những chủ nợ của các nhà băng Đức, sau khi điều-đình xong, ưng gia-hạn một năm cho các khoản nợ đọng (*crédits gelés*).

— Nước *Yougoslavie* lập Nội-các mới, tướng JIVKOVITCH làm tổng-lý, ông MARINKOVITCH vẫn giữ bộ ngoại-vụ như trước.

Mồng 6. — Tổng-trưởng Lục-quân MAGINOT bị bệnh mấy bữa nay, hôm nay tạ-thế. Nhân việc này Nội-các Pháp sẽ phải thay đổi lại.

— Người Nhật ở Mãn-châu bách tướng Trương Học-Lương phải lùi quân.

Mồng 7. — Nước Pháp làm lễ quốc-táng cho đại-tướng PAU ở điện *Invalides*.

— Thủ-tướng Đức BRÜNING và tổng-trưởng Cảnh-binh là tướng GROENER thương-thuyết với HITLER để khuyên

đừng nên phản-đối việc gia-hạn quyền Tổng-thống của thống-chế HINDENBURG.

— Chính-phủ Mĩ tỏ ý với Nhật không bằng lòng vì việc quân Nhật hành-động ở Mãn-châu.

— Chính-phủ Anh kháng-nghị về việc Nhật tịch-biên cả các tài-sản của đường xe-lửa Bắc-bình — Phụng-thiên.

Mồng 8. — Chính-phủ Pháp quyết-nghị làm quốc-táng cho ông ANDRÉ MAGINOT.

Mồng 9. — Thủ-tướng Đức thông-cáo cho Chính-phủ Anh biết rằng từ nay nước Đức không thể trả được các khoản bồi-thường cho Đồng-minh nữa.

— HITLER tiếp chuyện lâu với thủ-tướng Đức; HUGENBURG là lãnh-tụ đảng quốc-gia cũng xin tiếp-kiến thủ-tướng BRÜNING.

— Về việc Mãn-châu, thái-độ Anh đối với Nhật không cương quyết như Mĩ, cho lời tuyên-bố của Nhật rằng nước ấy vẫn tôn-trọng cái chính-sách khai-phóng môn-hộ, thế là đủ.

Mồng 10. — Lễ quốc-táng ông MAGINOT ở điện *Invalides*. Thủ-tướng LAVAL đọc diễn-thuyết kể công trạng của cố-tổng-trưởng bộ Lục-quân. Chức đại-tư-giáo VERDIER thân làm lễ độ-vong.

— HUGENBERG tiếp-kiến thủ-tướng Đức, kết-quả tỏ ý không ưng gia-hạn quyền tổng-thống của tướng HINDENBURG.

Ngày 11. — Sau lễ quốc-táng ở *Paris*, hôm nay làm lễ an-táng ông MAGINOT ở quê ông là xã *Revigny*. — Thủ-tướng LAVAL thương-thuyết với mấy tay lĩnh-tụ về việc thay đổi Nội-các.

— Nhà « Quốc-tế thanh-trái ngân-hàng » chỉ ưng gia-hạn ba tháng cho các khoản nợ của « Đức-quốc ngân-hàng » (*Reichsbank*).

— HITLER cùng HUGENBERG đều phản-đối việc gia-hạn quyền tổng-thống của tướng HINDENBURG. Vậy tháng 3 này hết hạn, lại phải ra ứng-cử nữa.

Ngày 12. — Các quan Nội-các Pháp xin giao lại các bộ cho thủ-tướng LAVAL để sửa đổi lại Nội-các. Ông LAVAL định mời ông HERRIOT lĩnh bộ Ngoại-vụ, ông không bằng lòng. Nội-các xin toàn-thể từ chức. Riêng về phần ông BRIAND thì vì già yếu xin vĩnh-viễn từ-chức. — Nghị-viện Pháp họp khóa đầu năm, bầu lại tòa trị-sự cũ.

Ngày 13. — Quan Giám-quốc DOUMER lại cử ông LAVAL lập Nội-các mới. Nội-các này lại chính là Nội-các trước sửa-đổi một đôi chút mà thôi. Chính ông LAVAL thủ-tướng kiêm bộ Ngoại-vụ thay ông BRIAND, ông TARDIEU lĩnh bộ Lục-quân thay ông MAGINOT; ông CATHALA trước làm thứ-trưởng, nay lĩnh tổng-trưởng bộ Nội-vụ thay ông LAVAL, ông FOULD cũng trước làm thứ-trưởng, nay lĩnh tổng-trưởng bộ Nông-vụ thay ông TARDIEU; còn hai chức thứ-trưởng ấy thì bãi. Thế là không có người nào mới cả.

— Ở *Pologne* gần đây có cái án xử tội các nghị-viên về phe phản-đối Chính-phủ, trong đó có nguyên thủ-tướng WITOS, án này hôm nay mới liễu-kết, tuyên án mười người phải tự một năm rưỡi đến ba năm tù. Về án này, dư-luận thế-giới có điều dị-nghị, cho là không công-bằng, vì ngờ cho kẻ cầm quyền kết-cấu nên để thù người cừu-địch của mình.

Ngày 14. — Nội-các LAVAL mới bắt đầu lĩnh chức. Sắp có cuộc chất-vấn ở Nghị-viện.

Ngày 15. — Tướng BOURGEOIS và nghị-viên ECCARD trình bày cho ban ngoại-vụ và ban quân-vụ Thượng-nghị-viện Pháp hiệp-đồng làm một, về quân-bị của nước Tô Nga và nước *Bulgarie*, bày tỏ nhiều điều bí-mật rất quan-hệ.

Ngày 16. — Ông BRIAND về nghỉ ở biệt-thự nhà quê tại *Cocherel*.

— Quân Pháp ở *Maroc* đánh lấy được đất *Tafilalet* là nơi tù-trưởng các rợ không phục-tòng nước Pháp vẫn cố-thủ tự bấy lâu nay.

— Chính-phủ Tàu định đến kỳ hội-nghị Hội Vạn-quốc ngày 25 *janvier* sẽ đề-khởi tới điều 16 trong hiệp-ước Hội Vạn-quốc để yêu-cầu Hội thực-lực can-thiệp đối với Nhật.

Ngày 17. — Ở *Berlin* có cuộc biểu-tình của học-sinh thuộc về đảng Quốc-gia xã-hội, HITLER diễn-thuyết nói về chủ-nghĩa chính-trị của mình.

Ngày 18. — Nghị-viện nước *Yougoslavie* bấy lâu đình-chỉ, nay lại khai-mạc. Nước ấy lại theo chính-sách lập-hiến như thường.

Ngày 19. — Nội-các LAVAL mới ra trình diện với Nghị-viện. Các đảng phản-đối đều cử đại-biểu để chất-vấn. Bắt đầu cuộc thảo-luận từ hôm nay.

— Mĩ tuyên-bố rằng vấn-đề nợ của các nước Âu-châu thì Âu-châu xử-trí lấy với nhau, Mĩ không phải can-thiệp đến.

Ngày 20. — Tướng BOURGEOIS và nghị-viên ECCARD trước đã trình bày ở các ban Thượng-nghị-viện, nay lại trình bày ở các ban Hạ-nghị-viện, nói về cái mưu nước Đức làm quân-bị ngầm, các khoản dự-toán về việc quân thường biến ẩn sang các mục khác.

Ngày 21. — Nhân các báo phao đồn rằng nước Hòa-lan ngầm chế binh khí để giúp cho Đức, Chính-phủ Hòa-lan bèn mời viên võ-quan của tòa sứ Pháp ở *La Haye* đến thăm xưởng chế-tạo *Siderius* ở *Kempen*.

Ngày 22. — Cuộc thảo-luận ở Nghị-viện Pháp về chánh-sách của Nội-các mới đã xong. Nội-các được 312 phiếu tín-nhiệm đối với 251 phiếu phản-đối.

— Nước Nhật gửi giấy bách Chính-phủ Tàu phải kịp trừ các cuộc vận-động bài Nhật ở trong nước.

Ngày 23. — Hai nhà phi-hành CODOS và ROBIDA đã tự Đông-dương về đến trường bay *Bourget*, đi cả thảy 76 giờ 25 phút.

Ngày 24. — SIR ERIC DRUMMOND, tổng-thư-ký Hội Vạn-quốc tuyên-bố sẽ xin từ-chức.

Ngày 25. — Hội-nghị Hội Vạn-quốc khai hội kỳ thứ 66. Buổi đầu tỏ lòng ái-mộ ông BRIAND vì có bệnh không đến dự Hội được. Buổi thứ nhì sẽ xét đến việc Trung-Nhật. SIR ERIC DRUMMOND định từ-chức, nhưng lại bị lưu lại đến xong việc hội-đồng tài-binh.

Ngày 26. — Hội-nghị Hội Vạn-quốc xét về việc Trung Nhật, cố định hạn-chế việc xung-đột ở Thượng-hải.

Ngày 27. — Nghị-viện Pháp thảo-luận về việc sửa đổi luật bầu-cử.

— Nội-các nước *Autriche* từ-chức, ông BURESCH được cử lập Nội-các khác.

— Theo lời kháng-nghị của Nhật, nước Tàu định giải-tán các hội bài Nhật.

Ngày 28. — Hội-nghị Hội Vạn-quốc duyệt lời tuyên-bố của ông PAUL BONCOUR thảo về việc Trung-Nhật. Hội Vạn-quốc lại tỏ ý bằng lòng cho nước *Irak* vào Hội.

— Quân Nhật chiếm nhà ga Thượng-hải và xóm *Chapei* (Hạp-bắc) ở cạnh đấy.

Ngày 29. — Nhân việc xảy ra ở Thượng-hải, nước Tàu kháng-nghị trước Hội Vạn-quốc, xin thi-hành hai điều thứ 10 và 15 trong hiệp ước Vạn-quốc.

— Các thầy dòng *Jésuites* bỏ nước *Espagne* đi. Chính-phủ truyền cho các trường học của dòng này lập ra vẫn cứ giữ.

Ngày 30. — Hội-nghị Hội Vạn-quốc định điều-tra về việc Thượng-hải, xin với các Chính-phủ có đại-biểu ở Thượng-hải truyền cho các chức ấy phải họp thành ban ủy-viên điều-tra và

trình bày cho Hội biết tường-tận về đầu-đuôi việc thế nào.

— Tướng Justo được bầu làm Giám-quốc nước *Argentine*.

Ngày 31. — Phái-bộ Pháp dự hội-nghị tài-binh hôm nay dời *Paris* đi *Genève*. Đầu phái-bộ là ông André Tardieu.

— Tình-hình ở Thượng-hải càng nghiêm-trọng. Chính-phủ Tàu thiên-đô ra *Lo-yang* (Lạc-dương).

Thời-cục nước Tàu. — Cuộc Trung Nhật xung-đột trước ở Mãn-châu nay lại lan đến Thượng-hải, có phần nghiêm-trọng hơn. Thượng-hải là một nơi trung-tâm-điểm trong cuộc quốc-tế của Liệt-cường, mà lại là một thị-trường lớn-lao phồn-thịnh chung của cả thế giới. Thế mà Nhật-bản dám công-nhiên xâm-phạm, mượn nơi tô-giới làm chỗ trú-binh để đánh vào quân Tàu.

Các yếu-nhân Trung-hoa thấy thời-cục nguy-bách đều tỏ ra ý đồng-tâm kháng Nhật.

Diêm Tích-Sơn, nguyên chủ-tịch chính-phủ Sơn-tây và Hồ Hán Dân nguyên viện-trưởng viện lập-pháp, hiện đương tĩnh-dưỡng tại Hương-cảng đều đến ngay Lạc-dương để giúp đỡ Chính-phủ Trung-ương.

Trần Tế Đường là Tư-lệnh quân Quảng-đông và Bạch Sùng-Hi là chủ-tịch chính-phủ Quảng-tây đều tuyên-bố rằng : Trần và Bạch cũng sẵn lòng giúp đỡ chính-phủ trong cơn khó-khăn này.

Trong bức điện gửi cho tất cả các tướng-lĩnh, Tưởng Giới-Thạch là cố-vấn của chính-phủ Trung-ương có nói : « Nước Trung-hoa càng bị khi-vũ bao nhiêu, nước Nhật-bản càng tỏ ra cái thái-độ khiêu-hấn bấy nhiêu. » Đoạn nói đến tình-hình Thượng-hải, Tưởng có nói : « Vận-mệnh nước Trung-hoa đương gặp cơn nguy-biến, phàm người nào có lòng yêu nước, cũng không thể nín nhịn chịu sự áp-bách của người Nhật-bản mãi được. Nay đã đến lúc tất cả các chính-phủ và tất cả các đạo binh Trung-hoa phải đứng dậy bênh-vực cho cái danh-dự của quốc-gia và sự sinh-tồn của dân-tộc Trung-hoa đó. Tha rằng người Trung-hoa sửa soạn chiến-đấu mà phải hi-sinh rất lớn, còn hơn là nhượng-bộ với người Nhật-bản, họ đã sai lời và phá-hoại cuộc thế-giới hòa-bình. Tôi đã từng nói: Tưởng Giới-Thạch này xin cùng các ngài cùng chung sự may rủi. Dù tôi đã lánh mình ra ngoài chính-giới rồi, nhưng bao giờ tôi cũng vẫn sẵn lòng lấy cái tư-cách một người thường-dân mà phấn-đấu. »

Tưởng Giới-Thạch đã từ Lạc-dương đi Trịnh-châu là chỗ gặp nhau của hai đường xe lửa Bắc-bình — Hán-khẩu và Lạc-dương — Lũng-hải. Tưởng có tuyên-bố rằng : Dù hiện nay không sung một công-chức gì, nhưng Tưởng cũng vẫn giúp đỡ Chính-phủ trong cuộc đề-kháng với sự khiêu-hấn của người Nhật-bản.

Tưởng Giới-Thạch hiện đương lần lượt đi tuần-duyệt những đội quân đóng ở dọc đường xe lửa Lũng-hải và dọc đường xe lửa Bắc-bình—Hán-khẩu.

Một buổi hội-nghị quân-sự sẽ họp tại Trịnh-châu, (ở tỉnh Hà-nam) do Tưởng Giới-Thạch chủ tọa, thân đến dự-nghị sẽ có Uông Tinh-Vệ là viện-trưởng viện Hành-chính và Ngô Bội-Phu nguyên Đốc-quân tỉnh Trực-lệ; Diêm Tích-Sơn và Trương Học-Lương sẽ cử đại-biểu đến dự-nghị.

Quân Nhật bắt đầu can-thiệp từ ngày 22 tháng giêng, mượn cớ bài-trừ hội kháng Nhật, giải-tán các đoàn bài Nhật, mang quân sang bảo-hộ kiều-dân Nhật ở Thượng-hải. Về mặt Mãn-châu quân Nhật đánh dẹp chưa xong mà đã đem quân xoay về Thượng-hải, cái cơ-mưu

của quân Nhật nghĩ rằng đánh rốc trong tám giờ đồng-hồ là tóm ngay được cả vùng Thượng-hải vào trong tay. Nào ngờ ròng-rã đã gần tháng nay đôi bên giáp-chiến với nhau mà cũng chưa làm gì xuề nhau. Bên quân Nhật thì khí-giới tinh-lương, quân-tướng cường-hoạnh, chỉ chực là nuốt sống quân Tàu. Quân Tàu tuy rằng khí-giới không bằng quân Nhật, song được cái sĩ-khí hăng-hái, tướng-lĩnh đều có cơ-mưu, chuyên giữ mặt thế-thủ mà làm cho quân Nhật phải đến mấy trận đại-bại. Kịch-liệt nhất là về mặt Ngô-tùng, Hạp-bắc, Giang-loan là mặt chính quân Tàu chống-cự với quân Nhật.

Khi có tin xảy ra việc xung-đột ở Thượng-hải, Vệ-thủ tư-lệnh là Thái Đình-Khải quân-trưởng đạo quân 19, phải ra ngay chỉ-huy quân lính để chống nhau với quân Nhật.

Muốn giúp sức thêm cho đạo quân 19 để chống nhau với quân Nhật ở Thượng-hải, Thái Đình-Khải lại tổ-chức thêm một đạo quân Nghĩa-dũng cứu-quốc, tự mình làm quân-trưởng mà cử Trương Viêm làm phó quân-trưởng.

Thái Đình-Khải điện đến Nam-kinh nói rằng sĩ-khí quân bản-bộ đều hăng-hái, đều tỏ ý xin đem máu rảy hòa với nước sông Hoàng-phố để giữ lấy đất nước.

Các nơi trong nước, từ sau khi quân Nhật đã sinh-sự ở Thượng-hải, đều gửi điện đến xin hết lòng ủng-hộ Chính-phủ trung-ương để chống nhau với quân Nhật. Tướng-lĩnh Quảng-châu phái đội hàng-không lên Thượng-hải, ba vạn quân Ha-nam đã lục-tục đến Nam-kinh. Một buổi hội-nghị khẩn-cấp họp ở Nam-kinh vừa rồi, các lĩnh-tụ đều tỏ ra cái thái-độ rất hăng-hái, không ra vẻ thờ-ơ như trước nữa. Không-khí trong chính-giới và quân-giới đã biến đổi hẳn, ai nấy đều tỏ lòng kiên-quyết kháng Nhật. Nói tóm lại, một trận tử-chiến của đạo quân 19 đêm hôm 29 tháng giêng đã cổ-lệ được cái tinh-thần hi-sinh kháng Nhật của cả nước vậy.

Mấy trận huyết-chiến ở Hạp-bắc từ 28-31 tháng giêng. — Đêm 28 tháng giêng, quân Nhật bỗng khai súng bắn quân Tàu. Quân Tàu là đạo thứ 19 do tướng Thái Đình-Khải chỉ-huy, liền truyền lệnh cho quân bắn lại. Thế là hai quân bắt đầu khai chiến ở Hạp-bắc. Trận-địa gồm có mấy đường; Thiện-thông, Hoành-tân, Bảo-son, Bảo-hưng và Hồng-giang. Đôi bên tử-thương rất nhiều, song quân Tàu có phần thắng thế.

Sáng 29 tiếng súng không lúc nào ngớt, cuộc chiến-tranh lại càng dữ-dội hơn trước. Quân Nhật dùng súng cối xay bắn riết vào đường Bảo-sơn, và tầu bay ném xuống hơn 100 quả « bom », những nhà cửa ở đường ấy bị cháy hầu hết, nhà « Thương-vụ ấn-quán » (*Commercial Press*) và nhiều nhà lớn khác cũng đều ra gio. Buổi trưa hôm ấy, quân Tàu có bắn được một chiếc tầu bay và bắt được ba cái xe « tăng » của Nhật. Khoảng 2 giờ chiều quân Nhật phải kéo lui, quân Tàu cướp lại được đường Tứ-xuyên và chiếm được bộ Hải-quân tư-lệnh của Nhật.

Lĩnh-sự Nhật đến nhà thị-sảnh Thượng-hải để thương-thuyết về việc đình-chiến. Vì có nhiều « bom » rơi xuống tô-giới, nên lĩnh-sự Anh và Mĩ cũng yêu-cầu hai nước Trung Nhật đình chiến, nhưng Nhật-bản còn đòi Tàu phải nhận ba khoản: 1°) Đất Hạp-bắc do quân Nhật trấn giữ; 2°) Quân-đội của Tàu phải rút hết ra khỏi đất Thượng-hải; 3°) Việc bưu-điện ở Thượng hải hoàn-toàn về tay người Nhật. Có được như thế thì mới bãi binh.

Về phần quân Tàu, Thái Đình-Khải cũng yêu-cầu 3 khoản: 1°) Đội lục-chiến của Nhật phải rút ngay ra ngoài tô-giới và chiến-hạm của Nhật phải hạn ngày dời khỏi đất Thượng-hải;

2°) Từ nay về sau, tầu chiến Nhật không được vào sông Hoàng-phố nữa; 3°) Chính-phủ Nhật phải trừng-phạt viên Tổng-lĩnh-sự ở Thượng-hải và xin lỗi với Chính-phủ Tàu. Nếu Nhật không thừa-nhận ba điều ấy thì họ cũng không đình-chiến.

Từ hôm hai bên xung-đột, đạo quân 19 phòng giữ Thượng-hải đã tỏ lòng hăng-hái chống với quân Nhật. Đạo quân ấy do Thái Đình-Khải và Đái-Kích chỉ-huy, lại có các tướng Tưởng Quảng-Nại, Hoàng Kỳ-Tường, Trương Phát-Khuê giúp sức chia đường phòng giữ.

Ba đoàn quân của Cố Chúc-Đồng và hơn ba vạn quân Nghĩa-dũng cũng đã tới Thượng-hải, đều thề xin hiệp lực với đạo quân thứ 19 để chống với quân Nhật.

Tôn Khoa phái đại-biểu là Trần Khánh-Vân đem mười vạn bạc đến khao quân. Vợ chồng Trần Minh-Khu thì tổ-chức một đội Hồng-thập-tự đặt tên là Ái-quốc-quân cứu-hộ-đội. Ngày 31, hai quân lại đánh nhau kịch-liệt, quân Tàu lại đại-thắng. Người ngoại-quốc ra quan-chiến đông lắm, có nhiều người phải vỗ tay khen. Dân thành-phố thấy quân Tưởng, Thái đắc-thắng, đều mừng rỡ khác thường, họ quyên nhau được hơn một triệu bạc để khao quân.

Người Nhật tính ra trong trận đánh nhau ban đêm 29 tháng giêng bị tổn-hại chỉ có 11 người chết, bị thương nặng 62 người, bị thương nhẹ 26 người. Nhưng nếu kể cả trận đánh buổi chiều thì số tổn-thiệt còn thêm lên nữa.

Quân Tàu trong trận đánh nhau ban đêm tổn-thiệt mất 200 người. Quân Tàu cướp được ba khẩu súng cối-xay.

Trận đánh ở Hạp-bắc và Ngô-tùng ngày 1 đến ngày 10 tháng hai. — Sang đầu tháng hai, quân Nhật lại bắn vào các hàng quân Tàu và đốt cháy rạp hát ở Tinh-vân-quán. Từ hôm 28 tháng giêng, đại-đội quân Nhật vẫn cố hết sức chiếm lấy Hạp-bắc mà chẳng ăn thua gì. Họ đem đại-đội đại-bác đến, súng-ống đều kiểu tối-tân, lại thêm máy bay như ong, cùng đại-bác chiến-hạm trợ-lực. Hai chiếc chiến-thuyền, một cái chở 80 chiếc máy bay, một cái chở 30 chiếc, thả neo ngoài khơi phía đông bờ bể Thượng-hải chừng 150 cây số.

Suốt ngày nghe tiếng súng, bom, tạc-đạn nổ tại Hạp-bắc, nhà thờ Nga và nhiều nhà lân-cận bị đốt cháy ra gio. Tuy đại-bác luôn luôn nổ mà Hạp-bắc vẫn không vào tay Nhật.

Chính sư-đoàn thứ 78 của Tàu chống giữ Hạp-bắc, làm cho Nhật tổn hại rất nhiều từ 28 tháng 1. Sau khi thiệt mất ngoại 1000 người, sư-đoàn này lại kéo về nghỉ, do sư-đoàn thứ 60 thay vào.

Ngô-tùng và các pháo-đài đặt ngay tại cửa sông Hoàng-phố. Chỗ ấy tức là cái cửa chắn không cho địch-quân vào được Thượng-hải vậy.

Suốt ngày 4 và ngày 5, đại-bác Nhật bắn vào Ngô-tùng không ngớt. Quân Tàu vẫn cố chết giữ các pháo-đài. Thủy-phi-cơ Nhật thả bay lên thì lại bị súng cối xay Tàu bắn đuổi.

Bắn ròng-rã 3 hôm, từ ngày 4 đến 6 Nhật mới kéo được bốn đội binh lên Ngô-tùng.

Hôm mồng 7 Nhật bị quân Tàu đánh một trận thiệt-hại rất lớn. Buổi trưa quân đội của đạo thứ 10 do Tưởng Giới-Thạch huấn-luyện dùng lưỡi lê xông vào chiếm lại các pháo-đài Ngô-tùng.

Thế là mồng 7 trên Ngô-tùng lại phấp-phới lá cờ Tàu.

Từ ngày ấy Nhật dùng thứ đại-bác nặng ngày đêm bắn phá Ngô-tùng. Nhưng trong các pháo-đài bị phá rồi không có quân Tàu đóng, mà súng đại-bác Tàu thì đặt dưới hầm, nên Nhật dù bắn giữ thế nào cũng vô-hiệu.

Quân Nhật tuy chiếm được một phần Hạp-bắc, nhưng bị quân Tàu đánh lại thiệt-hại cũng nhiều.

Điện *Rengo* của Nhật ngày 4 tháng 2 báo tin rằng Thủy-quân nguyên-soái Diêm-Trạch thống-lĩnh thủy-đoàn tại Thượng-hải, vì lầm-lỗi mấy việc đã bị Đông-kinh huyền-chức.

Theo bản thống-kê của Thủy-quân nguyên-soái Diêm-Trạch lúc bị huyền-chức và do thủy-quân nguyên-soái Giả-Thôn thay vào quản-lĩnh hạm đội Nhật ở Thượng-hải, thì số quân Nhật bị chết từ ngày xảy việc xung-đột ở Thượng-hải cho đến lúc ông thôi chức, tổng-cộng là 3500 người.

Đêm mồng 7, trời sa tuyết rất lớn, quân Nhật và quân Tàu huyết-chiến suốt đêm. Quân Tàu hết sức chống cự ở bên Trương-hoa, tiếng súng bắn liên-thanh đến sáng, hai bên đánh nhau bằng gươm giáo, người chết và bị thương lăn ra đầy đồng. Quân Nhật không tiến lên được.

Sáng sớm ngày 8, hơn nghìn quân Nhật do cầu Dương-gia ở phía bắc pháo-đài Ngô-tùng đi quanh đánh Ngô-tùng, cùng thời bảy chiếc quân-hạm ở Hoàng-phố bắn súng trái phá trợ chiến, tiếng nổ kinh động đến vài dặm. Quân Tàu cự chiến rất dữ-dội. Tám giờ sáng một đại-đội Nhật ở bến Trương-hoa lên bờ, đánh nhau với quân Tàu ở cầu Dương-gia, quân Nhật núng thế phải lui hơn dặm.

Trưa ngày 8, quân Nhật ở Hồng-khẩu, và Ba-tử-trường dùng trái phá đánh hậu-phương quân Tàu. Cùng lúc ấy hơn nghìn quân Nhật ở đường Bảo-hưng trong Hạp-bắc tiến đánh, quân Tàu ứng chiến trong hai giờ rồi bỏ lui ngay, quân Nhật liền xông vào trận-địa quân Tàu, không ngờ phục-binh Tàu đều xô ra, đạn bắn như mưa, quân Nhật không kịp lui, chết hơn 700 người. Đến 2 giờ chiều lại đánh nhau dữ-dội ở cầu Bát-tự.

Ngày 8 hai đường Hạp-bắc và Ngô-tùng đánh nhau cũng dữ-dội, dẫu trong cuộc Âu-chiến cũng ít có trận nào như thế. Quân Tàu ra sức chống đánh được đại thắng, giết được hai nghìn quân Nhật, hủy được một chiếc máy bay, bốn chiếc xe thiết-giáp và nhặt được vô-số chiến-phẩm. Trên đường Quân-công và đầu bến Uẩn-tảo, thây quân Nhật ngổn-ngang, đất bùn đều nhuận máu.

Đêm mồng 8, hai nghìn lục-quân Nhật và một đội lục-chiến hơn 400 người, giữ phía Nam bến Uẩn-tảo cùng quân Tàu đánh nhau suốt đêm.

Ngày mồng 9 quân Nhật lại tiến đánh, đội lục-chiến đi 75 chiếc xe hơi đến đánh bến Uẩn-tảo.

Sáng ngày 10, hơn nghìn quân Nhật đi một chiếc tầu nhỏ lại kèm dắt bảy cái thuyền, do Phố-giang ngầm sang đò bến Uẩn-tảo xung-phong đánh úp hậu-phương quân Tàu. Quân Tàu lập-tức giả cách chạy lui hơn mười dặm, một mặt ngầm sai công-binh quanh đường lấy lưới dây sắt vây của bến. Quân Nhật không biết trúng kế, cứ kéo thẳng vào, khi đã vào sâu quân phục Tàu đổ ra, bốn mặt vây bọc, quân Nhật sợ hãi xô đẩy nhau chạy, chực xuống tầu trốn, không ngờ cửa bến đã bị lưới vây, các thuyền đã bị chẹn bắt, cùng đường không lối chạy, thành ra đều bị chết cả.

Cùng sáng hôm ấy, quân Nhật lại khởi thế công đánh Hạp-bắc. Đi tiên-phong có một đoàn ô-tô thiết-giáp. Nhưng quân Tàu kháng-cự rất kịch-liệt. Buổi trưa quân Nhật không thấy động, nhưng buổi chiều lại hai lần phải quân đánh trường đua ngựa và bãi nhà binh ở Hạp-bắc. Cả hai lần đều bị quân Tàu đánh lui.

Mấy chiếc máy bay Nhật bay trên Hạp-bắc chực ném bom xuống thì gặp tầu bay Tàu của sư-đoàn thứ 78. Đôi bên dùng súng cối xay đánh nhau hồi

lâu. Nhật ra lệnh cho máy bay lui về đậu trên tầu chở phi-cơ ngoài biển.

Sau khi hai quân Trung Nhật đã đánh nhau ở Thượng-hải có nhiều nhà quân-sự nước Đức có đến chiến-trường xem xét. Một người có nói rằng: « Người ngoài thường bảo thế-lực quân Trung-hoa yếu-ớt, thực thì không phải, tôi thấy một người lính Tàu cùng vài người lính Nhật đánh nhau, kết-quả lính Nhật phải thua. Lại quân Tàu bắn dạn rất dè-dặt, không bắn hoài phát nào, quân Nhật thì không thế, cây quân-hỏa đầy đủ, cứ bắn tràn đi và không có chuẩn-đích. Quân Tàu rất giàu cái năng-lực tác-chiến, có thể phấn-đấu trong một thời-kỳ lâu. Khí-giới của quân Nhật rất tốt, chỉ thích-hợp vào các việc thị-uy hay hư-trương thanh-thế, còn đến đánh nhau thì thấy không có cái gì là giỏi lắm. Cách dùng súng trường và súng cối xay không bằng quân Tàu, cách ném lựu-đạn cũng không thuần-thục như quân Tàu. Quân Tàu coi ra bộ hăng-hái lắm, mỗi khi ở chiến-hào nhảy ra, reo to lên một tiếng, dù trước mặt đạn súng bắn đến như mưa, mà họ cứ nhảy xả vào, địch-quân phải bỏ chạy ngay, chúng tôi cũng phải lấy làm lạ, từ khi Âu-chiến đến giờ chưa thấy một quân đội nào đánh giỏi như thế. »

Tướng lĩnh đạo quân 19 là Tưởng Quang-Nại, Thái Đình-Khải, Đái Kính, thông-điện đi các nơi đại-ý nói rằng: « Nước Nhật đem hết sức bài lục không quân đánh nhau với quân ta, chết và bị thương rất nhiều. Quan-quân ta đều một lòng trung-dũng, cố chết không lui, mong đồng-bào trong ngoài một lòng phấn-khởi, giúp đỡ cho cả hai đường vật-chất, tinh-thần. »

Tiếp được lời điện ấy Trần Tế-Đường, tổng-tư-lệnh quân Quảng-đông đã trích giúp 500 vạn đồng, còn các nơi cũng ục-tục gửi tiền và khí-giới đến giúp.

Nhân mấy trận đánh nhau dữ dội, liệt-cường hết sức can-thiệp để điều-đình hai bên, yêu-cầu quân hai bên phải rút ra ngoài Thượng-hải. Nhật bèn gửi thơ cho Tàu, nói nếu ưng theo các điều-kiện thì Nhật mới chịu rút quân. Có hai điều quan-trọng như sau:

1°) Quân Tàu phải rút ngoài 20 cây số miền tây-bắc Hạp-bắc;

2°) Tàu phải triệt-hạ các pháo-đài Ngô-tùng và các chỗ thành-lũy.

Nếu Tàu chịu nhận hai khoản này thì quân Nhật sẽ rút khỏi miền ở vào giữa khoảng Ngô-tùng và Thượng-hải, nhưng vẫn chiếm giữ Hồng-khẩu, ngoài tô-giới Công-cộng, là nơi căn-cứ việc quân-sự Nhật. Các võ-tướng liệt-cường sẽ kiểm-soát việc quân Tàu rút. Quân Tàu rút xong rồi đôi bên mới bắt đầu điều-đình việc đặt một miền trung-lập ở Thượng-hải.

Các khoản trên đó Tàu không chịu, tướng Nhật bèn hạ tối-hậu-thư cho Thái Đình-Khải hạn đến lúc mặt trời lặn ngày 20 tháng 2 thì đạo quân thứ 19 phải thôi không sinh việc binh-đao nữa và sẽ phải rút ra cách tô-giới công-cộng 20 cây số; nếu không thì quân Nhật sẽ tự-do hành-động.

Tờ tối-hậu-thư này tức-khắc đệ trình Tổng trưởng Ngoại-giao-bộ.

Đại-biểu của Thái Đình-Khải tuyên-ngôn rằng bản thư phúc-đáp của Tàu, đã bác là thư tối-hậu Nhật đi chẳng nhân khoản nào cả. Quân Nhật lại khởi thế công.

Mấy trận đánh nhau ở Uần-tảo và Hạp-bắc, Ngô-tùng, Giang-loan từ ngày 11 đến 20.— Một đội quân Nhật hồi 6 giờ ngày 11 đến đánh phòng-tuyến của quân Tàu ở bến Uần-tảo, quân Tàu giả-cách thua, chờ đến khi quân Nhật đã vào sâu, lấy 100 người lên đánh lối sau, toàn quân giả-cách lui trở lại giáp đánh, quân Nhật trước sau bị bách, kết-quả thua to, một nửa chết đuối ở trong bến

một nửa bị giết, chỉ có ít người chạy thoát được mà thôi.

Sớm ngày 13 máy bay Nhật lượn ném bom xuống miếu Thái-dương, bị quân Tàu dùng phi-lôi ném rơi một chiếc. Quân Tàu giữ Ngô-tùng, hai giờ sáng hôm ấy nhân lúc quân Nhật mỏi-mệt, ở bến Uần-tảo và cửa Phố-giang đánh úp quân Nhật. Cùng thời đội tiện-y úp đánh nơi căn-cứ tả-dực đại-đội lục-quân Nhật, trong lúc không ngờ, quân Nhật vội-vàng ứng-chiến, chết và bị thương nhiều,

Từ 5 giờ đến 7 giờ, quân Nhật có viện-binh đến chia đường đánh lại, dùng thứ dạn khói mù bắn sang bến Uần-tảo, khói bay mù-mịt, hơn nghìn lục-quân Nhật nhờ có khói che, dùng cầu nổi ngầm sang đó có 700 người sang đến bến. Quân Tàu ở cầu Hữu-gia nghe tin, nhân lúc quân Nhật mới sang có một nửa, lập-tức đến đánh, đại-đội quân Tàu ở mặt sau cũng đến. Hai bên đánh nhau giáp lá-cà, dùng dõ đoản đâm chém nhau, hai bên lẫn lộn không phân bằn ra bên nào nữa, đánh nhau dữ-dội.

Đêm ngày 13, quân Nhật ở đường Hạp-ân và đường hội Thể-dục tiến đánh quân Tàu ở trường Vạn-quốc thể-dục. Quân Tàu phải lui, chừng 12 giờ có đại-đội viện-binh đến mới quay lại đánh, hai bên đánh nhau dữ-dội suốt đêm, đến hồi mười giờ sáng ngày 14, quân Tàu lấy lại được toàn-bộ nơi ấy, lập-tức chiếm-cứ bộ tư-lệnh quân Nhật, bao nhiêu nhân-viên trong đoàn-bộ và quan-quân hạ-cấp của Nhật đều bị giết hết. Quân Tàu lại bắt được khí-giới và địa-đồ chung về việc quân và bản kế-hoạch của quân Nhật. Quân Tàu cho trận ấy là một trận thắng-lợi rất lớn trong nửa tháng nay.

Thứ binh-khí của quân Tàu mới phát-minh hồi tháng trước gọi là « Phi-lôi » dùng để ném đánh máy bay, hôm 13 đã đem dùng thử ở Hạp-bắc, thấy phi-lôi vượt quá tầm súng bắn cao, sức phá-hoại rất mạnh, máy bay Nhật nghe tiếng phải lui ngay.

Vì đánh vào mặt Hạp-bắc mấy lần không được, nên quân Nhật đem toàn-lực tiến đánh một giải pháo-đài Ngô-tùng và bến Uần-tảo. Số hơn hai vạn quân ấy, sáng 14 chia 13.000 đến Uần-tảo hợp cùng với quân-đội sẵn có ở đó đánh quân Tàu; còn hơn một vạn thì chia đi các nơi một giải Hạp-bắc, thay cho đội lục-chiến của hải-quân.

Sáng ngày 14 hơn 10 chiếc máy bay Nhật ném hơn hai chục quả bom xuống Uần-tảo và Ngô-tùng, hai bên đánh nhau dữ-dội đến 10 giờ mới ngớt tiếng súng.

Ngày 15, Ngô-tùng vẫn ở tay quân Tàu, quân Nhật cố hết sức đánh nhưng không lấy được. Tại Hạp-bắc cũng vậy.

Phép đánh của Nhật đều dùng súng đại-bác bắn tràn dàng trước, bảo-vệ cho bộ-binh tiến theo sau.

Nhật tiến đánh Hạp-bắc, tiếng súng trái phá bắn suốt đêm 16 mãi đến sáng ngày 17 mới thôi. Ý quân Nhật là để dọa nạt, dương đông kích tây, làm rối trí quân Tàu, để được dem toàn-lực đánh Giang-loan và Ngô-tùng. Nhưng quân Tàu đánh lại cũng riết.

Sáng 17, tại Giang-loan hơn nghìn quân Nhật đến đánh, lúc đầu dùng súng trái phá kèm súng cối xay tiến đánh, Tàu cũng dùng súng cối xay bắn lại. Đánh nhau dữ-dội chừng nửa giờ, Nhật chưa tiến được chút nào, bèn thay đổi chiến-lược dùng lưỡi lê xung phong đánh giáp lá-cà, mong đạp phá đường trận. Trong một giờ đánh nhau bằng dõ đoản, im bằng không có tiếng súng nữa, chỉ nghe thấy tiếng reo hò và tiếng sang-đao lát-chát mà thôi. Đánh nhau giáp lá-cà đến hơn 7 giờ.

Sớm ngày 18, viên tham-mưu-trưởng quân Nhật là Điền-Đại đến yết-kiến Thái Đình-Khải, yêu-cầu quân Tàu phải

tự-động rút lui, nếu không thì sẽ đại-cử tiến đánh. Sải đáp : « Muốn quân tôi phải rút lui nơi đóng giữ, quyết không có lý ấy, nếu quân Nhật tiến vào xâm-phạm, tôi vì kế tự-vệ tất phải chống đánh chứ không chịu. Nếu nước Nhật tỉnh-ngộ rút bỏ hải-lục không quân đi thì mới mong hòa-bình được. »

Điều-đình không xong, tình-thế mỗi ngày một khó-khăn thêm, tuy chưa chính-thức tuyên-chiến mà xét ra thực là một cuộc binh-đao dữ-dội.

Ngày 20, quân hải lục Nhật tổng công-kích quân Tàu cả ba mặt Hạp-bắc, Giang-loan, Ngô-tùng, cùng thời bắn súng dữ-dội, nhất là ở Giang-loan. Quân Nhật dùng trái phá đi kèm, tiến đánh trường đua ngựa. Quân Tàu cho ở đó là đất phẳng không có chỗ hiểm có thể giữ được, liền lui về giữ vững trấn Giang-loan ; Nhật dùng trái-phá đường kính rộng 8 tấc Anh, và xe phá-lũy đánh dữ, lại dùng máy bay dò xét và làm hướng-đạo. Những quả nổ của Nhật đều dùng thứ thuốc cháy lâu, cho nên Giang-loan có nhiều nơi phát-hỏa, trường đua ngựa khói bay mù-mịt. Đến chiều quân Nhật vẫn họp cả ở đường Hoàng-hưng và đường Tường-ân. Hồi 6 giờ chiều một nửa bị quân Tàu đánh lui, quân Tàu chiếm được xưởng dệt lớn ở đường Bình-lương, bộ tư-lệnh Thực-Điền bị phát-hỏa, toán quân mới đến bị chết và bị thương rất nhiều.

Nói tóm lại quân Nhật từ ngày 28 bắt đầu đánh quân Tàu, đến nay đã hơn ba tuần lễ, đội lục-chiến của hải-quân bị thua trước, lại một sư-đoàn bị thua sau, vài chục chiếc tầu chiến, vài chục chiếc máy bay ra sức đánh mà vẫn chưa được, nay lại phái tướng Thực-Điền thống-suất sư-đoàn thứ 9 đến Thượng-hải dự-chiến. Sư-đoàn ấy là quân-đội rất tinh-nhuệ của quân Nhật.

Từ ngày quân Nhật đánh Thượng-hải chia làm ba kỳ : 1°) Đánh Hạp-bắc; 2°) Đánh Ngô-tùng ; 3°) Đánh Giang-loan. Lần đầu đánh Hạp-bắc, dùng đội lục-chiến của hải-quân, vì bị thua luôn, bèn đổi kế-hoạch dùng vài chục quân-hạm đánh pháo-đài Ngô-tùng ; còn đánh trên cạn, ngoài đội lục-chiến lại thêm có lục-quân, trên không dùng máy bay trợ chiến, kết-quả vẫn bị thua. Vì vậy nên tướng Diêm-Trạch phải từ-chức, tướng Giã-Thôn đến thay, lại đổi chiến-lược, dùng quân hạm chở lục-quân, đánh thẳng vào Giang-loan, để chẹn đứt đường liên-lạc của quân Tàu ở Tùng-Hồ, cùng thời lại chia đánh Ngô-tùng và Hạp-bắc để làm khiên-chế ; hải-quân và không-quân cùng thời trợ chiến, đường trận mỗi ngày một lan to ra, hiện đã bỏ đội lục-chiến hải-quan chuyên dùng lục-quân đánh nhau với quân Tàu.

Một viên quân-quan nước Mĩ có nói về cuộc chiến-tranh Trung Nhật ở Thượng-hải rằng : « Những chiến-hào của đạo quân 19 đào ở một giải Hạp-bắc, Giang-loan, Ngô-tùng rất là huyền-diệu. Không kể là dùng thứ lợi-khí gì, quyết khó đánh vào được. Đạn trái phá của quân Nhật, chỉ phá-hủy được nhà cửa của nhân-dân mà thôi. Đại-ước quân Tàu chỉ phí mất ba hào đào nên một cái chiến-hào, quân Nhật không dùng hết nghìn đồng đạn trái phá thì không đánh phá được. Đến như sức chiến-đấu của bộ-binh hai nước, thì một chỗ mà một người lính Tàu có thể giữ được, quân Nhật dẫu dùng 10 người đánh cũng còn e không đủ. Nếu quân-đội Trung-quốc quả đều một lòng một đức, bền giữ đến cùng không vì thường được mà kiêu, lỡ thua mà sợ, thì phần thắng-lợi cuối cùng tất thuộc về Trung-quốc vậy ».

Ngày 20 tướng lĩnh đạo quân 19 là tổng-chỉ-huy Tưởng Quang-Nại, quân-trưởng Thái Đình-Khải, Tùng-hồ cảnh

bị tư-lệnh Đái-Kích, sư-trưởng Thẩm Quang-Hán, Mao Duy-Thọ, Khu Thọ-Niên, phó sư-trưởng Lý Thịnh-Tôn, Trương Viêm, Đàm Khải-Tú, lữ-trưởng Lưu Chiếm-Hùng, Đặng Chí-Tài, Trương Lệ, Ông Huy-Đằng, Hoàng-Cố, có thông-điện đi các nơi nói rằng : « Người Nhật miệt-thị chính-phủ quốc-gia ta, dùng cái ngón hèn mạt chọc ghẹo bịa tin, làm trái lệ thường, riêng đưa cho bản-quân bản thông-điệp cuối cùng rất bậy. Bản-quân chỉ biết đem máu và sắt để đáp lại, quân-nhân báo nước, nát thân dử xương, là việc phải làm. Cái ngày cuộc đại-chiến bắt đầu, tức là lúc bản-quân chịu mệnh, nếu một tên lính, một viên đạn hãy còn thì quân Nhật quyết không làm trần được. Chỉ mong cả nước, trên Chính-phủ, dưới nhân-dân, ai nấy đều mang lòng tất chết, cho sự sống trộm yên tạm là điều sỉ-nhục lớn, đoàn-kết một lòng, trước ngã sau nối, thì sự hi-sinh của bản-quân không đến nỗi uổng, những chiến-sĩ phải phơi thây chầy máu tất được ngậm cười ở nơi suối vàng.»

Trận-thế ở Hạp-bắc và Giang-loan từ ngày 21 đến 29 Février. — Hải-quân không-quân Nhật ngày 21 ba lần tiến đánh Ngô-tùng và Giang-loan.

Đêm ngày 20 hai nghìn quân Nhật ở Hạp-bắc sau khi tiếp được lệnh tổng-công-kích, có hơn 600 người không chịu ra đánh, làm ồn-ào cả lên, trận-địa rối loạn, tổng-tư-lệnh Nhật liền hạ-lệnh vây toán lính ấy bóc lột hết khí-giới, sớm ngày 21 giải xuống tàu đem về nước. Trong quân-đội Nhật thường có lời tuyên-truyền phản-đối chiến-tranh, tổng-tư-lệnh Thực-Điền lấy làm lo ngại.

Một tờ báo chữ Nhật ở Hương-cảng có đăng một cái tin ở Thượng-hải nói rằng cuộc đánh nhau dữ-dội ở Giang-loan từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 2, số quân Nhật chết và bị thương rất nhiều. Trong số người tử-trận có thiếu-tá Cửu-Hạ và đại-úy Thượng-Giã. Trận đánh ngày 21 thiếu-tá Cửu-Hạ cùng cả quân bản-bộ và một đội quân do tướng Lâm chỉ-huy đều bị chết cả. Lại tối ngày hôm ấy có tin đại-úy Đại-cửu bảo cùng quân bộ-hạ cùng đều chết cả. Những quân-đội bị chết cả ấy không có cách nào thu lại những thi-thể được.

Ngày 24, hơn 10.000 quân Nhật khởi thế công ở Miếu-hành-trấn, có 30 chiếc xe phá-lũy và một đội đại-bác trợ-lực.

Quân Tàu đánh lui quân Nhật ở Hạp-bắc, tiến đóng ở Hồng-khẩu. Suốt đêm Nhật kéo đánh nhưng đều bị Tàu đánh lui. Đạn trái phá rơi tua-tủa xuống các phố Nhật, rơi vào một trường tiểu-học Nhật, một giáo-sư bị thiệt mạng và nhiều người bị thương.

Chính-phủ Nam-kinh điện khen Thái Bình-Khải và thăng Thái lên lĩnh chức tổng-tư-lệnh các đạo quân ở Thượng-hải

Ngày 25, ở Giang-loan và Miếu-hành đánh nhau suốt đêm, kết-quả quân Tàu được. Vì sau ngày 22 quân Nhật tổng-công-kích, quân Tàu đã biết kế-hoạch, nên họp trọng-binh ở khoảng Giang-loan và Miếu-hành, bày thành hình trận vòng cung, quân Nhật mấy lần xông phá không được, nửa buổi ngày 25 họp nhiều súng trái phá và súng cối xay, bắn vào trận-thế quân Tàu, hai giờ chiều lại có một sư-đoàn và một lữ-đoàn đến giúp, liền tổng-công-kích, từ hôm bắt đầu đánh nhau, có trận ấy là dữ-dội hơn cả, mãi đến 6 giờ chiều tiếng súng mới hơi ngớt.

Ngày 26 quân Nhật tổng-công-kích lại bị thất-bại, quân Tàu ứng-chiến thực là dũng-mạnh lạ-thường. Trấn Giang-loan thủy chung vẫn ở tay quân Tàu, quân Nhật lúc tiến lúc lui. Đang khi quân Nhật tiến đánh trấn Miếu-hành đều chiếm được một bộ-phận, nhưng rồi lại mất ngay, đến sáng ngày 27 thì chịu lui hẳn. Nhưng trận đánh hôm ấy quân Tàu dù được cái vinh-dự chiến-thắng mà cũng bị thiệt-hại

to, trấn Miếu-hành, Giang-loan và Đại-tường đều bị súng trái phá Nhật bắn phá, nhà cửa và các cơ-quan bị cháy hầu hết.

Từ hôm quân Nhật bắt đầu tổng-công-kích, nhà cửa nhân-dân ở các nơi phần nhiều bị cháy, thảm nhất là ở Giang-loan, lửa cháy từ đêm 20 mãi đến ngày 24 mới tắt, cả trấn ấy trước kia nhà cửa nhân-dân ở rất trù-mật, nay đã thành ra bãi đất đỏ, chẳng còn một cái cây một cái cỏ nào. Riêng trấn ấy những trẻ con đàn-bà các nhà làm ruộng bị chết vì súng đạn có hơn nghìn người.

Người ngoại quốc ở Thượng-hải nói rằng sau khi việc chiến-tranh ở Thượng-hải khởi lên, quân Nhật chết gần năm quân Tàu, nhưng những lương-dân Tàu bị chết lây thì nhiều gấp trăm gấp nghìn kiều-dân Nhật.

Quân Tàu vì trấn Giang-loan bị tàn-phá hết sạch, sau phải bỏ trấn ấy mà lui đi để liên-lạc với đường trận Miếu-hành.

Đêm 27 quân Nhật dùng thuyền chở hơn hai nghìn bộ-binh, canh khuya ngầm sang bến Lưu-hà chực lên lên cạn, quân Tàu phát giác đón đánh. Sáng ngày 28 đánh nhau dữ-dội đến 8 giờ.

Trong hai ngày 27 và 28 tiếng súng của đôi bên vẫn nổ vang trời ở vùng Hạp-bắc và Ngô-tùng.

Quân cứu-viện Nhật đã tới nơi, do đất tô-giới công-cộng mà lên bộ. Một chiếc tầu chở toán quân cứu-viện thứ nhất của Nhật đến nơi. Còn hai sư-đoàn Nhật sẽ tới Thượng-hải sau. Thế là binh-lực đôi bên ở Thượng-hải nay ngang nhau rồi. Mỗi bên có chừng 30.000 quân. Chưng kể về đại bác bộ thủy và máy bay thì Nhật mạnh hơn Tàu một cách rõ-ràng.

Lại có 25 chiếc máy bay Nhật kéo đến ném bom xuống Hàng-châu, ở cách phía tây-nam Thượng-hải 200 cây số, phá tan một trường bay.

Chính-phủ Tàu phản-kháng việc máy bay ném bom phá Hàng-châu.

Ngày 29, do viên đề-đốc hải-quân nước Anh đứng làm người điều-đình, các đại-biểu hai người Trung Nhật mở cuộc hội-nghị hòa-bình ở trên chiến-hạm *Kent* nước Anh, cuộc điều-đình còn chưa liễu-kết ra thế nào, thì quân hai bên lại đánh nhau kịch liệt.

Viên tư-lệnh Nhật là Bạch-Xuyên mang hai sư-đoàn 11 và 14 đến Thượng-hải, lập-tức đêm hôm ấy hạ lệnh tổng công-kích quân Tàu. Cũng ngày hôm ấy vào buổi chiều, 1,200 quân Nhật do tướng Thực-Điền thống-suất đến đánh Nghiêm-gia-trạch ở khoảng Giang-loan và Miếu-hàng. Lại một toán quân Nhật do hải-quân tư-lệnh là Thượng-Tùng chỉ huy, hai bên đánh nhau suốt ngày, quân Nhật chia ba mặt chực xông vào trận-địa quân Tàu mà không được.

Sáng hôm ấy ở Hạp-bắc cháy to, do quân Nhật dùng súng lớn bắn thứ đạn lửa nảy ra. Quân Tàu chống đánh hăng quá, quân Nhật trên thì ném bom xuống, dưới thì súng trái phá bắn ra, thế mà họ cứ xông vào đánh phá phòng-tuyến quân Nhật. Cả hai bên đều chết hại rất nhiều.

Từ sớm ngày 29 quân Nhật họp ở ga Thiên-thông-am dùng xe thiết-giáp làm tiền-khu và dùng trái phá và máy bay để trợ-chiến. Quân Tàu phục ở dưới chiến-hào bắn ra, sau vì người ít không chống nổi, máy bay Nhật lại cứ ném bom xuống chiến-hào, đến chiều phải rút ngắn phòng-tuyến lại. Đại-đội quân Tàu kéo đến, hạ-lệnh phản-công, quân Nhật chực xông đánh nhưng quân Tàu đội lựu-đạn ném tay và đội đại-đao tiến đánh, Nhật phải lui. Tàu lấy lại được cần Bát-tự.

Có tin rằng người Nhật ở Mãn-châu có họp hơn vạn quân quen việc chiến-trận ở Doanh-khẩu định ngày mang xuống Thượng-hải. Tổng-tư-lệnh Bản-Trang nói nếu không đủ dùng sẽ lại phải thêm một vạn nữa.

Mấy trận thua ở Thượng-hải thực là một việc sỉ-nhục cho đế-quốc Nhật-bản.

Từ trận ngày đánh Nguyên đến nay là 800 năm, quân Nhật bị thua lần này là lần đầu, tất phải dem toàn-lực để tranh lấy thể-diện.

Chính-phủ Nhật cử tướng Thực-Điền sang thay Diêm-Trạch cầm quân, không ngờ lại bị thua to, quyết thêm ba sư-đoàn nữa đến giúp và cử đại-tướng Lăng-Ngãi-Long là nguyên tự-lệnh quân Nhật ở Quảng-đông và hiện làm chức quân-sự tham-nghị sang thay Thực-Điền.

Nhân-sĩ ngoại-quốc và những người đã lão-luyện về chiến-tranh ở trong thời-kỳ Âu-chiến, đối với cái sức hăng-hái và đánh giỏi của đạo quân 19 đều khen ngợi lắm. Nói nếu quân Nhật dẫu dùng súng trái phá lớn, xe phá lũy và máy bay để đánh, thì quân Tàu cũng có thể đề-kháng được.

Đạo quân thứ 19 này tức là binh-lính của đạo binh thứ 4 trước kia (từ 1926 đến 1929) do Trương Phát-Khuê chỉ-huy ; sau vì có nhiều việc trắc-trở và lôi thôi sao đó, Trương mới giao đạo binh ấy lại cho Thái Đình-Khải, rồi về ở Quảng-tây (sau về Quảng-đông), Đạo binh này là một đạo binh luyện theo xích quân của Nga, đã nhiều kinh-nghiệm về chiến-tranh, nên đánh đâu thắng đấy. Ở Trung-quốc thường đã gọi là « Cương-quân » hay là « Thiết-quân ».

Bà Tống Khánh-Linh là vợ góa ông Tôn-Văn có tổ-chức một đội Hồng-thập-tự dem đi Ngô-tùng và có dem rất nhiều phẩm-vật đến nơi để giải-lao cho các tướng-sĩ giữa trận.

Không-quân của Tàu ngày nay cũng khá gọi là hùng-hậu, máy bay và nhân-tài đều họp cả ở Quảng-đông, mấy trận đánh nhau ở Thượng-hải vừa rồi người ngoại-quốc đã phải khen cái nghệ-thuật máy bay của quân Tàu. Nhưng hiện nay số máy bay còn ít, nên vừa rồi không-quân tổng-tư-lệnh là Trương Huệ-Trường định ra sức mở-mang, lại được Hoa-kiều ở các nơi đều hô-hào việc hàng-không cứu-quốc, tức như các Hoa-kiều ở Mĩ đã định góp một món tiền 250 vạn đồng để mua 50 chiếc máy bay chiến-đấu dem về nước để dùng đánh Nhật. Lại Nam-kinh hiện cũng có năm sáu mươi chiếc máy bay, nếu họp với các máy bay ở Quảng-đông thì cũng thừa đánh nhau được với Nhật vậy

Nhân-dân Trào-châu cũng đang mộ quyên lấy 10 vạn đồng mua máy bay của Mĩ để giúp nước.

Bộ không quân ở Quảng-đông có cho máy bay bay đi khắp các nơi rắc truyền đơn xuống nói rằng : « Đồng-bào ơi ! nói đến việc bổ-sung võ-lực, nhanh chóng mà có hiệu-quả không gì bằng mở-mang không-quân. Hiện nay nước Mĩ đã bỏ đạo lệnh cấm bán khí-giới cho nước ngoài rồi, anh em nên nhân dịp này, trù tiền đi mua máy bay giao cho chúng tôi, chúng tôi xin vui lòng đem sinh-mệnh dâng cho nước nhà, làm đội tiên-phong cho các anh em. »

. . .

Tóm lại mà nói, người Nhật làm sao lại ra sức đánh Thượng-hải ? Người Nhật chiếm được Mãn-châu, việc đánh dẹp còn chưa rồi, ngày 28 tháng 1 bỗng lại dem quân đến đánh Thượng hải, là vì cớ sao ? Thượng-hải là nơi có nhiều quyền-lợi của liệt-cường, người Nhật sao lại dám làm sự ngang ngược như thế, nhất là từ hôm 20 tháng hai, người Nhật sau khi đã hạ lệnh tổng công-kích, bị quân Tàu đánh thua to trong hai ngày 21 và 22, rồi đó lại dem thêm viện-binh đến, ở Thượng-hải đã có đến 5, 6 vạn người, đủ tỏ ra rằng quân Nhật định cùng quân Tàu quyết một trận sống mái. Về phương-diện ngoại-giao dẫu nói là cốt để bảo-hộ kiều-dân, đàn-áp việc bài Nhật và giục Chính-phủ Tàu phải theo làm như các điều-ước để giải-quyết các việc rắc-rối của hai nước Trung Nhật, nhưng đều không đủ làm cái lý-do khai-chiến, lẽ đâu Nhật-kiều ở Thượng-hải chỉ độ

hơn một vạn, mà phải dùng đến năm sáu vạn quân để bảo-hộ ?

Một tờ báo Tàu nói rằng : « Từ khi Dân-quốc lập-thành, người Nhật đối với nước Tàu đã lâu vẫn không coi là một quốc-gia có tổ-chức, xem cái thủ-đoạn ngoại-giao đối với Tàu mấy năm nay, chỉ lấy việc giao-thiệp riêng với Chính-phủ địa-phương làm phương-châm, gián-hoặc có khi giao-thiệp với Chính-phủ trung-ương, nhưng cùng thời lại sai lĩnh-sự ở các nơi liên-lạc với các nhà đương-cục địa-phương, vốn không bằng lòng chính-phủ trung-ương. Trong bài bố-cáo về việc phái quân sang Tàu, lại công-nhiên nói Chính-phủ trung-ương Tàu cầm đầu việc bài Nhật, thì cần phải đánh đổ chính-quyền trung-ương của Tàu đi, đó là một cái chứng-cớ rõ-ràng người Nhật không muốn cho Tàu có một chính-phủ trung-ương. Nhưng từ khi việc ngoại-hoạn đã sinh ra, việc nội-tranh liền tắt đi, bởi vậy mà cái chính-phủ trung-ương tan vỡ không hoàn-toàn, lại vì một cái đánh của người Nhật mà dần dần hoàn-chỉnh, sự đó người Nhật rất căm hờn. Người Nhật biết rõ chính-phủ trung-ương Tàu không có năng-lực, mà tài-chính chỉ toàn trông vào thương-phụ Thượng-hải làm cái nguồn thu vào, cho rằng muốn đánh đổ chính-phủ Trung-ương Tàu, tất phải chẹn đứt cái nguồn gốc ấy trước đã, nên người Nhật mới định đánh gấp lấy Thượng-hải ».

Song Thượng-hải là một nơi thị-trường công-cộng, việc động binh không phải dễ như các nơi khác đâu, nếu sinh sự động binh ở đó, thì có khi dao-động đến cả thế-giới chứ chẳng chơi. Nước Tàu đã vậy, Nhật-bản lại chẳng e nể liệt-cường hay sao, mà dám cả quyết dùng võ-lực xâm-phạm đến nơi trung-tâm-điểm giao-tế của liệt-quốc? Hay là người Nhật nghĩ rằng liệt-quốc như Anh, Pháp, Ý, Mĩ, từ sau khi cái thảm-họa hao của giết người trong cuộc Âu-chiến đến giờ, bồi-bổ nguyên-khí chưa được hoàn-phục, chửa rồi đâu mà can-thiệp, những vấn-đề tài-binh phi-chiến cũng bởi đó mà gây nên. Huống-hồ bên thì nước Đức hầm-hầm chỉ chực vỗ trắng nợ và báo thù, bên thì nước Nga lấm-lét chỉ chực truyền cộng-sản mà phá-hoại, yên-tĩnh thì chờ, nếu xảy có biến-cố thì ngòi lửa ấy lại bùng lên, tình-thế như thế thì liệt-cường chắc cũng không muốn gây hờn với người Nhật, để mặc họ muốn làm thế nào thì làm, miễn là không xâm-phạm đến quyền-lợi của mình thì thôi, liệt-cường cứ làm ngư-ông đứng chờ đó mà xem cuộc cò chai, rồi thế nào cũng được lợi. Hội Vạn-quốc có ra mà can-thiệp điều-đình cũng chẳng thực tâm gì, chẳng qua cũng chỉ bàn xuông tán hão mấy câu, làm ông khách đứng giữa mà giả vờ khuyên giải, rút lại chết sống chỉ chút cả về chú Chệc to đầu mà dại Thế thì người Nhật còn sợ gì ai nữa. Người Nhật chỉ còn e nước Mĩ, thì Nhật đã tuyên-bố ngay cái chính-sách «khai-phóng môn-hộ, quân-đẳng quyền-lợi», là có ý e kiêng nước Mĩ đó. Nhưng mới rồi ở Thẩm-dương quân tuần-cảnh Nhật có xúc-phạm đến lĩnh-sự Mĩ, mà Mĩ đối-phó cũng chỉ được mấy câu xin lỗi xuông. Bởi thế Nhật cũng chẳng coi Mĩ vào đâu, coi như một phú-ông cứ giữ chặt hà-bao chứ chẳng khi nào dám thò ra khỏi cửa. Sở-dĩ thế Nhật mới dám tung-hoành ở Thượng-hải, tuy Mĩ ra oai đem thủy-quân chiến-hạm diệu-võ ở Thái-bình-dương cũng mặc. Nào là các công-sứ Anh, Pháp, Mĩ, Ý ra điều-đình khuyên Trung Nhật đình chiến mà Nhật cũng chẳng nghe, cứ nhất-định bắt quân Tàu lùi ra khỏi hai mươi dặm trước, rồi Nhật mới rút quân. Hai bên Trung Nhật còn gằng nhau mãi chửa biết bao giờ đã giải hòa đình chiến, về đầu tháng ba tới đây, đã có mấy trận đại-chiến kịch-liệt rồi. (Kỳ sau sẽ tường thuật).

Theo như báo *Đông-kinh thời-sự* có nói rằng: «Về việc ngoại-giao, Nhật-bản đã định phương-châm phá-hoại trung-tâm-điểm thương-nghiệp của thế-giới là Thượng-hải; trước khi khởi sự, tưởng rằng quân Thượng-hải cũng như quân đông-bắc, không có tài chống-cự, thì Nhật lấy Thượng-hải như thò tay vào túi lấy tiền, chẳng lo chiến-họa lan đến tô-giới. Không ngờ mấy trận thua luôn, vì sự giao-tranh mà quân Nhật đem phi-cơ tạc-đạn làm hại lây đến công-cộng tô-giới. Ba công-sứ Anh, Mĩ, Pháp đóng ở Đông-kinh (nước Nhật) trước đã lấy lời cảnh-cáo Chính-phủ Nhật chớ nên động binh; sau Chính-phủ ba nước Anh, Pháp, Mĩ đã truyền lệnh cho các công-sứ đến thăm Ngoại giao bộ Tổng-trưởng nước Nhật là Phương-Trạch yêu-cầu ba điều: 1º) Xin Chính-phủ Nhật tự nay chớ phái thêm quân-đội đến Thượng-hải nữa; 2º) Giữa khoảng đất quân hai nước Trung Nhật xung-đột phải đặt ra một giải đất trung-lập, và ngay bây giờ, xin quân Nhật lui ra khỏi công-cộng tô-giới; 3º) Trung Nhật cùng phải triệt quân lui ra đến một nơi địa-điểm nhất-định.

Chính-phủ Nhật-bản đối với điều thứ nhất cùng điều thứ ba, không chịu thừa nhận. Còn điều thứ hai thì vì không nói rõ hạn chỗ chiến-đấu ở giải đất nào, và nơi nào là giải đất để trung-lập. Vậy nên không chịu thoái binh.

Công-sứ ba nước đều có ý bất-bình. Ngoại-giao Tổng-trưởng Nhật là Phương-Trạch nói xin nội trong ba ngày nữa sẽ chính-thức phúc-đáp. Phương-Trạch liền cùng hai bộ-trưởng hải-quân lục-quân thảo nghĩ tờ phúc-đáp có ba điều: 1º) Quân Nhật phải thêm đến Thượng-hải nữa hay không, phải trông vào tình-hình phương-diện Trung-quốc mà định; chỉ vì bảo-hộ quyền-lợi ở Thượng-hải, nên lúc cần kíp, phải tục phái thêm quân đến để tự-vệ; 2º) Nếu bảo sinh-mệnh tài-sản của kiều-dân Nhật ở Thượng-hải ủy thác cho nước thứ ba bảo-hộ, mà triệt quân đội Nhật về, thì xin ba nước điều-tra xem sau việc xung-đột ở Thượng-hải, tình-hình kiều-dân Nhật ra làm sao đã, rồi sẽ quyết định; 3º) Yêu-cầu Trung-quốc phải triệt quân trước, và giảm bớt những sự làm nguy-hiểm cả đôi bên.

Cùng ngày hôm ấy Đông-kinh tiếp được tờ đề-nghị của hai nước Anh Mĩ đối với Nhật, yêu-cầu đôi bên đều triệt các chiến-tướng về, đặt ra giải đất trung-lập. Về việc bảo-hộ công-cộng tô-giới, thì do những người chủ quyền ở giải đất trung-lập phải chịu trách-nhiệm. Vả lại phải chiếu theo «Phi-chiến điều-ước» đã định, cùng những điều-khoản đã đặt ra của hội Vạn-quốc. — Dưới tờ đề-nghị lại nói: Nay mai sẽ có một nước trung-lập thứ ba, hết sức yêu-cầu hai nước Trung Nhật phải giao-tiếp với nhau, giải-quyết cho xong vấn-đề chinh-chiến.

Nước Pháp, nước Ý, cũng đồng ý với nước Anh nước Mĩ kiệt-lực điều-đình. Đại-biểu Nhật thấy thái-độ các nước đối với Nhật đều có ý bất-mãn, bèn làm tờ phát-biểu ý-kiến chính-phủ Nhật rằng: «Nay mong quân Nhật thận-trọng, chớ nên sinh những sự chiến-tranh vô-ích. Là vì vấn-đề Mãn-châu, sự phải trái đã đồn khắp thế-giới rồi. Còn như Thượng-hải là đại-thương-trường của xứ Đông-phương, người Âu Mĩ tạp-cư rất nhiều, nếu xảy ra việc gì quan-hệ đến quốc-tế, thì rất là phức-tạp. Đất ấy không dễ động binh như đất Mãn-châu, phòng cứ binh-hỏa kéo dài, chắc rằng kiều-dân các nước không thể chịu được, sẽ phải kinh động đến cả thế-giới. Không khỏi lại xảy ra có việc rắc-rối can-thiệp đến nước thứ ba nữa. Như vậy chẳng hóa ra không may cho nước Nhật lắm dư.»

Tình-thế như thế thực là khó nghĩ cho nước Nhật. Chính-phủ Nhật phúc thư lại liệt-cường thì chỉ đổ lỗi cho Trung-quốc phá-hoại cuộc hòa-bình.

Tình-hình Mãn-châu. — Theo điện-tin Đông-kinh, Chính-phủ Nhật có tuyên-ngôn rằng: bốn tỉnh Cát-lâm, Hắc-long-giang, Phụng-thiên và Nhiệt-hà đã hoàn-toàn độc-lập, không có quan-hệ gì đến Chính-phủ Trung-hoa nữa, từ đây về sau, thuộc ở dưới quyền bảo-hộ nước Nhật, vân vân.

Hiện nay bộ Giáo-dục nước Nhật đã sửa đổi địa-đồ trong các sách giáo-khoa, Đông-tam-tỉnh đã đổi sắc khác rồi, họ không cho đất ấy là của Tàu nữa.

Hội « Mãn-châu tự-trị ủy-viên » phát xuất lời tuyên-ngôn, nói quốc-hiệu mới gọi là nước Mãn-châu, thủ-đô đựng ở Trường-xuân, khi chính-phủ mới thành-lập, sẽ cử một viên hành-chính-trưởng lâm-thời để đợi hiến-pháp ban-bố, về sau do nhân-dân tuyển cử vị nguyên-thủ chính thức, triều mới hiệu là Đại-đồng, cờ dùng sắc vàng, góc trên đính một miếng vải bốn sắc hồng, lam, trắng đen.

Chính-phủ Mãn-Mông đã công-nhiên tuyên-bố tại Trường-xuân kinh-đô mới. Chủ-tịch hành-chính là Phổ Nghi (tức là vua Tuyên-thống cũ) có mặt tại lễ long-trọng này.

Bộ Ngoại-giao Trung-hoa tuyên-bố rằng: « Chính-phủ Trung-hoa không công-nhận việc Đông-tam-tỉnh biệt-lập và việc tổ-chức cơ-quan hành-chính ở Đông tam tỉnh mà không có Chính-phủ ấy ưng-chuẩn.»

Mãn-châu tuy nay đã tuyên-bố độc-lập, Phổ-Nghi tự xưng là chấp-chính. Nhưng tình-thế hãy còn rối loạn lắm. Quân nghĩa-dũng ở các nơi vẫn nổi lên chống-cự, thông-điện đi đánh Mãn-châu, lời lẽ rất là hăng-hái. Tựu-trung có tám người nghĩa-sĩ ở đông-bắc là bọn Lão Bắc-Phong, Tiền Bạch-Long, Hùng Phi, Cảnh Kế-Chu, Hoàng Hiền-Thanh, Cáp Tam-Tỉnh, Triệu Phi-Bằng, Lưu Kiến-Công cùng nổi lên đem quân bản-bộ chống nhau với quân Nhật, làm cho quân Nhật phải nhiều trận thua liểng-xiểng. Trong tám người ấy, Lão Bắc-Phong nhiều tuổi hơn cả, nên được lên làm lãnh-tụ. Lão Bắc-Phong có mở cuộc hội-nghị quân-sự ở núi Hồng-loa, bảy người nghĩa-sĩ kia đều có phái đại-biểu đến dự. Khi đã quyết-định kế-hoạch xong, Lão Bắc-Phong cắn móng tay lấy máu hòa vào rượu mời các đại-biểu uống và phát-thệ rằng: « Chúng ta cùng lòng hợp sức chống nhau với quân Nhật để mong bảo-vệ lấy đất nước; đã đem thân hiến cho nước, thể dù khó khăn nguy-hiểm thế nào cũng không từ. Nếu ai đổi lòng chúng ta sẽ cùng coi là thù-địch ».

Ngoài ra lại còn Lý-Đỗ, Đinh-Siêu chia nhau chịu cả trách-nhiệm giữ Cáp-nhĩ-tân và Đông-thiết-lộ. Quân Lý ở Lão-hỏa-cầu cùng quân Nhật đánh nhau dữ-dội, quân Nhật bị thua to.

Các nhà đương-cục quân Nhật ở Thẩm-dương thấy quân Cát-lâm do tướng Đinh-Siêu đốc-suất, thanh-thế rất to, đã quyết đem bộ-chủ lực-quân Nhật ở Liêu-ninh họp cả ở Cáp-nhĩ-tân để dùng toàn-lực đối-phó với quân Cát-lâm.

Quân nghĩa-dũng ở Câu-bang-tử, núi Đả-hổ, Bắc-tập, có hơn vạn người, luôn mấy ngày đánh nhau với quân Nhật rất dữ-dội, đều theo lối du-kích. Quân nghĩa-dũng nhân lúc không-hư chia ba đường phản-công huyện-thành Cẩm-tây, chiếm được ưu-thế.

Quân Nhật và quân nghĩa-dũng đánh nhau kịch-liệt ở Đại-lăng-hà.

Quân nghĩa-dũng ở đường Đả-thông nhân lúc quân Nhật rút đi Cáp-nhĩ-tân, bèn kéo cả đến đánh úp ban đêm. Quân nghĩa-dũng chiếm được Hắc-sơn, Tân-lập-đồn, Bảo-tử.

Sớm ngày 22, hai toán quân nghĩa-dũng liên-lạc nhau do ở nơi Liêu-ninh vào Nhiệt-hà giáp-giới xông ra, chia đường đến đánh úp quân Nhật ở Hưng-thành, đánh luôn mấy trận đều được cả. Cùng thời quân nghĩa-dũng ở núi

Hồng-loa cũng kéo ra hưởng-ứng, cùng đánh giáp vào hai nơi Cao-kiều, Doanh-bàn, chẹn đường sau của quân Nhật.

Lại có tin ở Bắc-bình nói rằng quân nghĩa-dũng ở Hưng-thành đánh nhau dữ dội với quân Nhật suốt đêm ngày 23.

Quân nghĩa-dũng ở ngoài Sơn-hải-quan nghe tin đạo quân 19 đánh được quân Nhật luôn mấy trận, đều vui mừng mà tỏ lòng hăng-hái, dân-chúng dự vào càng đông, đã tăng đến 22 đạo, nhân-số gần nghìn vạn người, hiện đã do viên phó tổng chỉ-huy là Hùng Phi liên-lạc các đạo, sau khi đã bàn với nhau rất thỏa-thuận lập-tức cùng tiến đánh, khiến cho quân Nhật khó ứng-phó.

Quân-trưởng quân nghĩa-dũng đạo 22 là Phùng Á-Siêu có thông điện đi các nơi nói rằng nên mau mau tuyên-chiến với Nhật và xin tiếp giúp cho quân ấy, chớ nên ngồi nhìn 20 vạn kiện-nhi ở ngoài Sơn-hải-quan này phải tiêu-diệt một cách rất thảm.

Đoàn thanh-niên quyết-tử ở Thượng-hải lên Bắc-bình đã quyết liên-lạc với quân Nghĩa-dũng ở ngoài Sơn-hải-quan.

Chính-phủ Nam-kinh. — Trung-ương chính-vụ đã nghị-định cử Tống Tử-Văn làm tài-chính tổng-trưởng và phó chủ-tịch ban Hành-chính. Còn Cứu-quốc hội-nghị thì có Tưởng Giới-Thạch chủ-tịch, cùng Phùng Ngọc-Tường, Diêm Tích-Sơn, Trương Học-Lương, Lý Tôn-Nhân và Trần Minh-Khu.

Uông Tinh-Vệ được cử làm chủ-tịch viện hành-chính, Lâm Văn-Cai được cử làm tổng-trưởng bộ nội-vụ, và Tôn Khoa được cử làm chủ-tịch viện Lập-pháp.

Ủy-ban binh-vụ cử Tưởng Giới-Thạch đi trừng-trị chính-phủ Mãn-Mông; Dương Kính, tổng chỉ-huy Quảng-châu đi tiễu Cộng ở Giang-tây, còn Phùng Ngọc-Tường thì kháng cự với Nhật.

Mỗi tháng Tàu phải tiêu về việc quân ở Thượng-hải 70 vạn *dollars* Mễ-tây-cơ. Tống Tử-Văn định phát-hành một cái công-thái một ngàn triệu, riêng quyên tiền người Tàu làm ăn ở các nước ngoài. Bây giờ thì hãy hoãn việc trả lại các công-thái cũ và rút tiền lãi xuống.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 29 Février 1932)

— Hội Tế-sinh mới thành-lập. — *Mới đây các nhà từ-thiện có rủ nhau tổ-chức một hội tại Hà-nội, đặt tên là hội « Tế-sinh », mục-đích để cứu giúp cho những người nghèo-khổ già yếu tàn-tật cùng những trẻ con nhà nghèo và nhận nuôi những trẻ con vô-thừa-nhận. Ngày 24 tháng giêng năm 1932 Hội đã họp một kỳ đại-hội-đồng lần thứ nhất tại nhà Nhạc-hội phố Bờ-hồ Hà-nội, có hơn hai trăm người đến dự. Hội bàn định làm ngay một cái nhà Bảo-anh, ở khu đất ngót một nghìn thước vuông về phố Sinh-từ của Chính-phủ để cấp cho, và bầu một ban công-tác đã trông nom việc làm nhà Bảo-anh ấy.*

Ban công-tác có những vị này: Bà Bảo-ký, bà Phúc-thành-Sơn và bà Nguyễn-Ký; ông Vũ Phạm Chất, ông Đào Huân, ông Chu Xuân-Cồn và ông Luyện.

Hội lại bầu hội-đồng quản-trị năm 1932 có những vị này: Chánh-hội-trưởng, bà cụ Cả-Mọc; phó hội-trưởng: ông Trần Văn Lai; chánh thư-ký ông Cung Đình-Quý; phó thư-ký bà Hoàn Tâm-Đan; chánh thủ-quỹ bà Phạm Quỳnh; phó thủ-quỹ ông Lê Thành-Ý; cố-vấn bà Ấn Lủ, bà Lê Thành-Ý, và Nguyễn Văn-Đa, ông Phạm Huy-Lục, ông Nguyễn Lễ và ông Trịnh Bá-Bích.

Hội viên dự khuyết có những vị này: Bà Lê Dư, bà Quay và bà Léon Cerf;

ông Nguyễn Văn Thi, ông Nguyễn Văn-Chung và ông Nguyễn Văn-Ba.

Ban Kiểm-soát tài-chính có những ông này : Nguyễn Văn-Ân, Phạm Tá, Đỗ Đình-Quế, Ngô Thức-Bích, Louis Chức và Hoàng Đạo-Thúy.

Có điều nên chú-ý, là các nhà phần việc trong Hội phần nhiều là bậc phụ-nữ cả.

— 71 người ở Nghệ-an được ân-xá về dịp tết Nguyên-đán. — Nhân dịp tết Nguyên-đán, quan trên có ký giấy ân-xá cho 71 người bị bắt tình-nghi có liên-can vào hội kín ở Nghệ-an đã tha về cả.

— Tiền lạc quyên của các nơi giúp dân Nghệ Tĩnh trong tháng Janvier 1932. — Trong tháng giêng tây, các nơi gửi tiền giúp nạn-dân Nghệ Tĩnh như sau này :

Các nhà hằng-tâm ở Paksé (Bassac) tổ-chức mấy tối hát và chớp bóng (9 và 15-12-1932)	237$60
Hội-đồng cứu-tế ở Phan-rang tổ-chức hai tối hát. . . .	1.390,46
Các thân-hào hai tỉnh Bạc-liêu và Bà rịa lạc-quyên trong mấy ngày hội thể-thao. . .	115,00
Hội-đồng của ông giáo Huỳnh Ngọc-Phan ở Bình định tổ-chức hai tối hát.	508,15
Thành-phố Vientiane tổ-chức cuộc lạc-quyên. . .	50,00
Mấy sở lạc-quyên khác ở Vientiane.	500,00
Các nhân-viên sở Lục-lộ ở Blao Dalat) tổ-chức mấy tối hát.	148,89
Tiền quyên của ông Trương Văn-Luật ở Đông-lương (Qui-nhơn)	3,00
Mấy tối hát của bà Lejeune.	100,00
Tiền quyên của các nhân-viên tại tòa-sứ Nha-trang. .	35,00
Tiền quyên của hội Gia-tô liên-hữu ở Tourane . . .	80,00
Sở Bưu-điện.	67,44
Tiền quyên trong mấy ngày hội ở Sông cầu.	611,23
Ông Tạ Đình-Thăng buôn-bán ở Hà nội quyên. . .	500,00
Hội đấu-xảo nữ-công ở Huế.	500,00
Tiền hát của anh em vùng Cái-bè (Mỹ-tho	100,05
Các bà từ-thiện và các ông tòng-sự ở Nha-trang tổ-chức mấy tối hát.	432,84
Cuộc chiếu-bóng của hội Nam-kỳ Cứu-tế xã hội . .	70,00
Hội-đồng cứu-tế ở Bắc-kỳ gửi vào lần thứ mười-hai.	7.477,00
Tổng-cộng.	12.927$32

— Ông Nguyễn Mạnh-Tường diễn-thuyết tại Đại-Pháp. — Ông Nguyễn Mạnh-Tường, 22 tuổi, nguyên Học-sinh trường Đại-học Montpellier, hiện làm luật-sư tại tòa Thượng-thẩm ở thành ấy, mới rồi diễn-thuyết về lịch-sử ông Jules Boissière là một nhà trứ-thuật nhiều sách về Việt-Nam. Thính-giả đến nghe đông lắm, nhiều người khen rằng một người An-Nam nói hàng hai giờ đồng-hồ mà không phải trông vào giấy. Ông Tường là con trai ông Nguyễn Văn-Cát, phán-sự phủ Toàn-quyền.

Nghị-định sửa-đổi việc đặt thứ bội-tinh ngạch Học-chính bản-xứ. — Ngày mồng 4 Février 1932, quan Toàn-quyền ký một đạo nghị-định sửa-đổi lại điều thứ nhất nghị-định ngày 16 Mai 1906 đặt ra hạng bội-tinh ngạch Học-chính bản-xứ như sau này :

« Nay đặt tại Đông-dương thứ bội-tinh bạc và bội-tinh đồng để thưởng cho những thầy giáo (giáo-sư ngạch cao-đẳng-tiểu-học Pháp-Việt, nam-nữ giáo-học, nam nữ giáo-học thí-sai) trường công đã được lâu năm mà không có điều tiếng gì.

« Mỗi năm, cứ 100 viên giáo-chức thực-thụ, chỉ ban thưởng có một tấm bội-tinh-bạc, và cứ 150 viên giáo-chức thí-sai là một tấm bội-tinh đồng. »

— Sửa-đổi số hội-viên Hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ. — Ngày mồng 6 Janvier mới rồi, quan Giám-quốc Doumer

đã ký một đạo sắc-lệnh (décret) *cho số nghị-viên An-Nam được tăng lên ngang bằng số nghị-viên Tây ở Hội-đồng quản-hạt.*

Thế thì số nghị-viên ở Hội-đồng quản-hạt sau đây sẽ đổi lại như sau này:

Bên Tây: 10 nghị-viên thực-thụ và 5 nghị-viên dự-khuyết;

Bên Nam: 10 nghị-viên thực-thụ và 5 nghị-viên dự-khuyết.

Và phòng Thương-mại Nam-kỳ sẽ cử một đại-biểu Tây, một đại-biểu Nam. Phòng Canh-nông Nam-kỳ cũng cử một đại-biểu Tây, một đại-biểu Nam

Cứ bốn năm có một lần tuyển-cử lại.

Khi nào sắc lệnh này ban-hành ở Nam-kỳ thì hai phòng ấy phải cử ngay những đại-biểu mới để đi dự Hội-đồng quản-hạt.

— Phu-mộ ở Tân-đảo về. — *Độ gần tết ta, chuyến tầu* Lapérouse *chở một nghìn phu mộ làm ở bên* Nouméa *và bên đảo* Hébrides, *hết hạn trở về, đã tới bến Hải-phòng.*

— Mới lập thêm một đồn lính ở miền Darlac (xứ Mọi). — *Chính-phủ Trung-kỳ mới cho lập thêm một đồn lính ở miền* Darlac, *cách phía tây Ban-mê-thuật độ 60 cây số. Ngày mồng 8 février, quan Ba* Maillard *đã đem một toán lính 150 người lên đóng đồn ấy.*

— Giải tù chính-trị đi Sơn-la. — *Sáng ngày 12, tại nhà pha Hỏa-lò Hà-nội đã cho giải 50 người tù chính-trị-phạm lên đầy ở Sơn-la.*

— Lại khám-phá được hai chi-bộ hội kín. — *Một chi-bộ hội kín ở Vĩnh-yên, phủ Vĩnh-tường, làng Đồng-vệ, ngày 13 février sở mật-thám ở Hà-nội lên khám bắt được 34 người có chân trong hội kín, cùng một tập giấy-má, hai chục quả «bom» và những đao mác. Một chi-bộ hội kín nữa ở tỉnh Hà-tĩnh, làng Phúc-trạch, các nhà chuyên-trách đã khám bắt được năm người đầu đảng và các giấy-má đem về đồn Phúc-trạch xét hỏi.*

— Hội-đồng Chính-phủ. — *Ngày 13, hồi 9 giờ sáng ban Thường-trực của Hội-đồng chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền Hà-nội.*

— Số gạo xuất-cảng của nước ta. — *Kể từ đầu tháng giêng đến cuối tháng hai năm 1932, số gạo và tấm của nước ta xuất-cảng được là 65.690 tấn.*

— Khánh-thành trường Cao-đẳng luật-học ở Hà-nội. — *Hồi 4 giờ chiều 15 février, quan Toàn-quyền* Pasquier *cùng quan chánh Đốc-học Đông-dương* Thalamas *đã làm lễ khánh-thành trường Cao-đẳng luật-học ở Hà-nội. Trường này đay đến tốt-nghiệp luật-khoa cử-nhân. Có đông các quan chức đến dự lễ là: Quan* Pagès *tổng thư-ký Đông-dương, quan Thống-tướng* Billotte, *quan Tổng-trưởng pháp-chánh* Habert, *quan chánh tòa* Morché, *quan Biện-lý* Guiselin, *quan Tổng-đốc* Hoàng Trọng-Phu, *quan chánh Y-viện* Leroy des Barres, *quan đốc trường Viễn-đông* Cœdès *ông* Boudet *chánh Trung-ương Thư-viện, các giáo-viên trường Đại-học, quan Đốc-lý* Guillemain, *ông* Perroud *và ông* Phạm Quỳnh, *phó nghị-trưởng Đại-Hội-nghị, vân-vân.*

— Lễ khánh-thành con đường Phú-riềng — Bu-na (Nam-kỳ). — *Ngày 17, quan Thống-đốc* Eutrope *cùng quan chánh lục-lộ, quan chủ tỉnh Biên-hòa* Marty, *ông Hội-đồng quản-hạt* Trần Văn-Khá *đã làm lễ khánh-thành con đường mới từ Phú-riềng đi Bu-na nối theo con đường số 13.*

— Số tù tại nhà pha Hỏa-lò Hà-nội. — *Hiện nay số tù còn giam tại nhà pha Hỏa-lò tổng-cộng là 1.056 người. Trong số ấy có 4 người bị án xử-tử, 60 người bị án khổ-sai chung-thân, 97 người bị khổ-sai có hạn, 17 người bị án tội đồ và 93 người bị án cấm-cố.*

— Số tù trong nhà lao Vinh. — *Độ cuối tháng hai tây này số tù còn giam tại trong lao là 950 người, trong số đó có tới 85 người tù chính-trị vừa bị án*

tử-hình vừa khổ-sai chung-thân và hơn 100 tù chính trị đàn bà.

— Lập « Tế-bần dạ-lữ-viện » ở Hà-nội.— *Ngày 17 Février, có hơn hai trăm phụ-nữ đến họp hội-đồng tại Hội-quán hội Hợp-thiện Hà-nội, có bà Thống-sứ* THOLANCE *cùng lệnh-ái, bà Đốc-lý* GUILLEMAIN *và bà chánh sở cứu-tế xã-hội* LEURET *đến chứng kiến. Ông* ĐỖ ĐÌNH-ĐẮC *hội-trưởng hội Hợp-thiện đề-xướng ra việc lập viện « Tế-bần » có đọc bài chúc-văn, trình bày các công-việc đã định, xin hội-đồng giúp tài giúp sức, để lập một « Tế-bần dạ-lữ-viện » ở trên khu đất rộng 3000 thước vuông ở con đường số 211 gần nhà thương làm phúc* Sœur Antoine, *mục-đích để giúp cho những người nghèo khổ lấy chỗ đó làm nơi trú chân nương tựa, cho khỏi phải vạ-vật những nơi đầu đường xó chợ.*

Hội-đồng quản-trị có những bà : THOLANCE, GUILLEMAIN, LEURET, ĐẶNG ĐỨC-CƯỜNG, CHẾ QUANG-ÂN *và* HƯNG-KÝ.

Hội-đồng trị-sự có những bà : LÊ TRUNG-NGỌC *chánh hội-trưởng ;* ĐỖ ĐÌNH-THUẬT, VŨ HUY-QUANG, *phó hội-trưởng ;* NGUYỄN VĂN-CĂN *thủ-quĩ,* HÒA-TƯỜNG *phó thủ-quĩ ;* DUPRÉ *thư-ký ;* VẠN-TƯỜNG, PHỦ LIÊN, NGỌC-THÀNH, BÙI HUY-TÍN, ĐỨC THỊNH, ĐÀO HUỐNG MAI, LÉON CERF, THUẬN-TÍN, CỰ-LAI, ĐỖ ĐÌNH-ĐẮC, GIỤ-LONG, TUÂN-LONG, LÊ-KỲ, CỬ-GIÁO *và* TÂN-KÝ *làm hội-viên.*

Hội Tế bần cũng như Hội Tế-sinh, các chức-sự là bậc phụ-nữ cả

Việc giảm lương chính các viên-chức tòng-sự các công-sở.— *Theo bản lai-cảo của phủ Toàn-quyền, việc giảm lương các viên chức định như sau này :*

« Sự quẫn-bách về tài-chính của toàn-thế-giới, mấy tháng vừa qua, lại càng tệ hơn nữa. Phủ Toàn-quyền phải trù-liệu cách giảm lương chung tất cả các viên-chức tòng-sự Nhà nước.

« Ngày 18 Février 1932, quan phó Toàn-quyền có triệu-tập các ông hội-trưởng các hội ái-hữu, các viên-chức Pháp có mặt ở Hà-nội, lên phủ Toàn-quyền thương-nghị về việc ấy.

« Sau khi tỏ bày các phương-pháp mà quan Toàn-quyền đã thi-hành từ khi ở bên Pháp sang, để cho khỏi sự thiếu-thốn, như việc tăng giờ làm ở các công-sở, việc thôi không tuyển người mới vào làm nữa, việc đình-hoãn các công-việc công-tác không thiết-dụng, việc đem mọi khoản chi-tiêu vào việc công-tác sang sổ công-thải chịu, việc bãi khoản phụ-cấp từng miền, việc giảm lương các người làm có giấy hợp-đồng, quan phó Toàn-quyền có nói rõ rằng cái số tiết-kiệm do các phương-pháp ấy cũng không đủ bù vào mọi khoản thiếu trong sổ thu, vì vậy nên cần phải giảm chung tất cả lương bổng của các viên-chức.

« Việc giảm lương ấy là việc rất phải, vì từ năm 1914 đến năm 1931, phần nhiều các viên-chức được lương rất cao, mà hiện nay vật-thực đã không đắt-đỏ nữa, gia-chi-dĩ dân bản-xứ đóng thuế thì càng ngày càng nghèo, vậy cứ viên-chức nào lương-bổng từ 56.000 phật-lăng trở xuống thì giảm 10 %. Còn lương bổng từ số ấy trở lên, thì giảm 12 %.

« Muốn cho công-bằng thì sự giảm lương ấy thi-hành đối với cả các viên-chức bên văn và bên võ nữa.

« Các bản dự-định về việc ấy sẽ tờ trình về bên Bộ để xét định.

« Tính ra việc giảm lương các viên-chức Âu-Tây như thế sẽ làm cho các công-quĩ Đông-dương đỡ tốn được bốn triệu bạc.

« Còn các viên-chức bản-xứ sau này sẽ cũng giảm lương cả, cũng theo như cách giảm lương các viên-chức Âu-Tây niên-bổng từ 56.000 phật-lăng trở xuống, tức là cũng giảm 10 % vậy.»

— Giải tù ở Sài-gòn đi Côn-đảo.— *Mới đây 42 người tù bị tội đồ và khổ-sai đã đều bị giải từ khám lớn Sài-gòn xuống tàu* Doumer *để chở đi Côn-đảo.*

— Hội-đồng thành-phố Hà-nội.— *Ngày thứ năm 25 Février hồi chín giờ tối, hội-đồng thành-phố đã họp kỳ*

thường-lệ tại tòa Đốc-lý Hà-nội, do quan Đốc-lý GUILLEMAIN *chủ-tọa.*

— Công-việc của ban Cứu-tế ở Sài-gòn.— *Vì kinh-tế khủng-hoảng, những người làm việc các sở công hoặc sở tư nhiều người không có việc làm mà phải thất-nghiệp.*

Ban « Ủy-viên Cứu-tế » ở Sài-gòn đã giúp được 2.800 người An-Nam thất-nghiệp cả thảy hết một số bạc là 16.000 đồng.

Tùy theo hạng người, cứ mỗi người trong 15 ngày được lĩnh từ 3 § 50 đến 10 đồng tùy hạng.

Những người đã được lĩnh tiền trợ-cấp cả thảy 276 người vào hạng đốc-công; 461 người thợ hồ, thợ mây, v. v.; 288 người bồi, bếp, v. v.; 166 người sốp-phơ; 266 người cu-li. Sau ban Ủy-viên lại phát tiền cho 159 người già-cả tàn-tật nữa.

Những người vừa tây trắng, vừa tây đen có tới 220 người đã lĩnh tiền trợ-cấp: những người chưa vợ mỗi tháng lĩnh 40 đồng; những người có vợ mỗi tháng lĩnh 60 đồng. Cả thảy đã cấp tới 9.000 đồng.

Kể trong mấy tháng Novembre, Décembre, Janvier và Février, ban Ủy-viên Cứu-tế đã phát ra tổng-cộng đến 25.000 đồng: 16.000 đồng cấp cho người An-Nam và 9.000 đồng cấp cho người Tây; lại trong dịp gần tết, ban Ủy-viên cấp tiền cho tới 800 người An-Nam, cứ mỗi người được lĩnh ba đồng hoặc bốn đồng.

— Thuế đinh và thuế điền về năm 1932.— *Thuế đinh thuế điền năm 1932, số ngoại-phụ bách-phân thu vào công-quĩ các tỉnh đã ấn định như sau này:*

Thuế đinh: Tất cả các tỉnh trong Bắc-kỳ: Những làng tự chịu lấy phí-tổn về trường học như thể lệ trong nghị-định ngày 2 và 27 Décembre 1926 thì phải chịu 10 phần trăm, những làng khác phải chịu 15 phần trăm.

Thuế điền-thổ của người bản-xứ, và người Âu-châu ngoại-quốc: Tất cả các tỉnh trong Bắc-kỳ, những làng tự chịu lấy phí-tổn về trường học, phải chịu 10 phần trăm; những làng khác phải chịu 15 phần trăm.

Thuế nóc nhà: Lao-kay 11 phần trăm; Phú-thọ 25 phần trăm; dân Xá 6 phần trăm; dân Mán và Mèo 10 phần trăm; Tuyên-quang 10 phần trăm; Hà-giang những làng tự chịu lấy phí-tổn về trường học phải chịu 9 phần trăm; những làng khác phải chịu 25 phần trăm. Lai-châu 25 phần trăm.

— Đồng bạc mới. — *Bạc mới phát-hành từ đầu năm tây, thế mà nhiều người chưa rõ vì cớ gì Nhà-nước lại thu bạc cũ lại. Có người đồn làm rằng Nhà-nước có lợi mới làm thế. Thậm-chí có kẻ cứ khư-khư chôn cất lấy bạc hoa-viên 27 gr. cũ, nghĩ rằng dại gì đổi lấy bạc mới vì bạc hoa-viên cũ những 27 gr. bạc mà bạc mới chỉ có 20 gr. chất bạc mà thôi. Nghĩ thế làm to, nghĩ thế mà làm như thế thời phải chịu bao nhiêu nỗi thiệt-thòi, hối lại thời hạn đổi bạc đã qua rồi, nhiều người vì suy sai nghĩ lầm đã không biết tự-nhận lỗi mình lại giao oán cho Chính-phủ.*

Đồng bạc nặng 27 gr. hay là 20 gr. thời chất bạc vẫn kém giá 10 phật-lăng. Đồng bạc Đông-Pháp có thể đổi lấy vàng hay hàng-hóa đáng giá 10 phật-lăng, là nhờ Ngân-hàng lưu-trữ được đủ số vàng để bảo-đảm số bạc đồng hay bạc giấy lưu-chuyển trong nước. Như thế thì đủ hiểu rằng đồng bạc cũ hay mới chẳng qua là để lưu-thông cho tiện việc buôn-bán. Vậy cốt sao cho đồng bạc được tiện-dụng và trao đổi dễ-dàng là hơn.

Đồng bạc cũ hay mới đã không ngang giá cùng 10 phật-lăng, thời giữ bạc cũ lại đã không lợi mà có hại. Số là lấy một đồng bạc mới mà mua bán thì giá được những 10 phật-lăng, muốn đổi lấy chất bạc thì được những 40 gr.; còn bạc cũ không tiêu dùng nữa, một đồng chỉ được 27 gr. chất bạc thôi.

Trước kia giá bạc Đông-Pháp thất-thường, bạc đồng đem ra các nước ngoài nhiều. Từ khi Chính-phủ không

quản thiết-thời sửa đổi đồng bạc lại để giá bạc được nhất-định, bạc hoa-viên 27 gr. trước đưa ra lại đem vào nhiều lắm, vì lấy chất bạc mà tính thời đồng bạc 27 gr. chỉ đáng giá 6 phật-lăng mà đem vào trong nước thời giá lên đến 10 phật-lăng. Ngăn cấm sao cũng không xiết. Vậy cho nên bạc cũ phải thu về để phát-hành bạc mới.

Thay bạc mới lấy bạc cũ, Chính-phủ không có lợi gì, chỉ ích cho dân. Phát-hành bạc mới là cốt để đồng bạc Đông-Pháp được vững giá và để dân được tiêu dùng một thứ tiền có giá-trị, giá được nhất-định để buôn-bán với những xứ ở Á-đông và ở trên thị-trường thế-giới. Trước kia giá bạc khi cao khi hạ, việc xuất-nhập-cảng nhiều nỗi khó-khăn. Từ nay Nhà-nước đã sửa đổi đồng bạc Đông-Pháp lại giá nhất-định thời khỏi những sự phiền-nhiễu ấy, và kinh-tế cũng vì đấy mà có thể mỗi ngày phát-đạt thêm lên. (Trích ở báo Trung-Bắc)

Giới-thiệu sách mới

Công-việc nhà băng (Opérations de Banque). — *Soạn-giả là ông Dương Tự-Nguyên, comptable à la Hongkong et Shanghai Banking Corporation, Hải-phòng. Sách có những mục này : Đại ý về nghề nhà băng, cách tổ-chức và cách cai-quản của nhà băng ; những công-việc quan-trọng của nhà băng ; cách tính lãi, cách khấu lãi các thương-phiếu, cách lập sổ lưu-trữ hàng ngày của nhà băng.*

Vậy giới-thiệu sách này cho : các nhà buôn-bán và các nhà kỹ-nghệ cần phải giao-thiệp với các nhà băng ; các chủ ruộng, các chủ đất và các tư-gia thường có tiền bạc gửi ở các nhà băng ; các học trò trẻ tuổi có hi-vọng sau này sẽ vào làm việc ở các nhà băng ; các nhà kế-toán và nhất-thiết các nhà có việc quan-hệ với các nhà băng.

Bán tại nhà in Lê Văn-Tân, số 130-163, phố hàng Bông, Hà nội, giá 1$50.

Mạnh-tử quốc-văn giải-thích (quyển thượng). — Của ông Tú Đông-Châu Nguyễn Hữu-Tiến và ông Tú Tùng-Vân Nguyễn Đôn-Phục dịch-thuật. Dịch-giả rất là dụng-công lột lấy tinh-thần trong chữ nho ra mà truyền sang chữ quốc-ngữ. Xem ra đã đủ nghĩa rõ ý, lại gọn lời dễ nghe. Dưới chỗ dịch-nghĩa lại trích những lời chú-thích của các tiên-nho mà dẫn-giải rõ-ràng. Mỗi tiết lại đặt cả nguyên-văn chữ nho và dịch-âm chữ nho của tiết ấy ra, để tiện cho độc-giả đối-chiếu, mà nhận xét lấy mặt chữ nho âm chữ nho, và giúp cho các nhà muốn nghiên-cứu lấy tinh thần chữ nho, thì sẵn có văn quốc-ngữ đó, đem ý-tứ mà suy ra, cũng có ích cho người học chữ nho được nhiều vậy. Thật là quyển sách có giá-trị, có phần bảo-tồn được nền cựu-học, lại giúp công giảng-cứu cho các nhà tân-học nữa.

Sách này đã đăng bản chí *Nam-Phong* trong mấy năm trước đây, nay đem in ra thành sách, có sửa-soạn lại kỹ-càng, khổ sách 0m14×0,23, giấy tốt chữ đẹp, giấy 512 trang, bán tại nhà báo *Trung-Bắc* N° 3 phố hàng Gai Hà-nội và các cửa hàng sách, giá 3 $ 00.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Đã xuất-bản :

1. — Văn-minh-luận — 4 hào
2. — Ba tháng ở Paris — 4 hào
3. — Văn-học nước Pháp : — 4 hào
4. — L'idéal du Sage — 4 hào
5. — Chính-trị nước Pháp.
   Quyển thứ I — 4 hào
   Quyển thứ II — 5 hào
6. — Khảo về tiểu-thuyết — 4 hào
7. — Lịch-sử thế-giới — 4 hào
8. — Le Paysan Tonkinois — 4 hào
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE — 4 hào
10. — Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai). — 5 hào

Mới xuất-bản :

11. La Poésie annamite. — 4 hào

Sắp xuất-bản :

12. — Tục-ngữ ca-dao.